

NHIỀU TÁC GIẢ

TRUYỆN NGẮN

KINH DỊ!

Người dịch: Đài Lan



TRUYỆN NGẮN KINH DỊ

Nhiều tác giả

Dịch giả: Đài Lan

Nguồn: Vnthuquan.vn

Biên tập: V.C

Tạo bìa & Ebook: inno14

CÁI GIÁ CỦA 120.000 ĐÔ-LA?

Tác giả: Donald Honig

Bốn người hợp tác với nhau trong phi vụ nguy hiểm phức tạp kia tạo thành một nhóm khá tạp nham. Nhưng mỗi người đều mang lại một chuyên môn nào đó, mỗi người đều biết nghề mình rất giỏi... và biết rõ giá trị của mình (trên phiếu lương có hơn 120.000 đô-la). Nên với tính kín đáo nghề nghiệp, mỗi người đều đã gạt ra mọi bất bình, mọi hiểm khích và cương quyết sốt sắng làm phần việc của mình.

Phi vụ do Mac Knight nghĩ ra. Hắn đã bỏ ra hàng tuần để quan sát theo dõi rồi lên kế hoạch. Sau đó hắn đã bỏ thêm nhiều tuần nữa để chọn người; rồi thêm một thời gian để cho mọi người diễn tập lại vai trò của mình, hắn đòi hỏi sự hoàn hảo y như một nhà đạo diễn thật sự.

Người gần với Mac Knight nhất, về ngoại hình và tính khí, là Thiếu tướng. Đây là một người trung niên, đẹp người, quý phái, với gương mặt có bộ ria rậm trông rất uyên bác; người ta gọi ông là “Thiếu tướng” bởi vì ông đã ở trong hải quân một thời gian khi chiến tranh thế giới thứ nhất.

Rồi có Nobby Henderson, công nhân cảng về hưu, có sức khỏe phi thường. Cái cổ to tướng thò ra khỏi cổ áo len trông y như thân cây. Hắn ít khi nói, nhường cho người khác (đặc biệt là Mac Knight) thay mặt hắn suy nghĩ và nói chuyện.

Thành viên thứ tư là Al Bronson, sát nhân chuyên nghiệp, khó tính và dễ giận; hắn tham gia phi vụ này chỉ vì Mac Knight hết lòng khâm phục tài năng của hắn; và hắn đã nhận lời tham gia, chỉ vì hắn kính trọng và ganh tị các sáng kiến của Mac Knight.

Nhờ dáng vẻ quý phái dễ gây lòng tin, Thiếu tướng nhận được nhiệm vụ lợi dụng vài tuần lễ trước khi ra tay để làm thân với nhân viên văn phòng nơi sẽ xảy ra vụ cướp; hẳn chỉ cần lấy cớ là muốn hoàn tất vài công chuyện. Nên sáng hôm đó, mọi người thấy hẳn vào văn phòng là chuyện bình thường. Trong khi thu hút sự chú ý của nhân viên trong đó bằng cách tán dóc, hẳn theo dõi chân cầu thang ngay cổng, nơi xe bọc thép mới đậu. Hẳn thấy người hộ tống mang tiền vào.

— Tiền lương của chúng tôi đến kìa - Một nhân viên nói - Chúng tôi buộc phải mời ông đi ra.

Thiếu tướng mỉm cười thông cảm.

— Không nên làm người khác thêm thuồng, đúng không? - Hẳn nói.

Thiếu tướng nán lại thêm một hồi, bước từ từ ra cửa. Hẳn nghe tiếng người hộ tống tiến tới trong tiền sảnh; có lẽ Mac Knight và Al Bronson đang theo sát phía sau họ, súng giấu trong túi. Thiếu tướng xoay sở để ra cùng lúc khi nhóm người hộ tống đi vào. Một người phụ nữ bước tới để khóa cửa, nhưng Thiếu tướng la cà thêm một hồi, giữ cửa mở, trong khi hai đồng bọn đang bước trong tiền sảnh. Khi đó tất cả lao vào văn phòng, tay cầm súng, làm việc như một cỗ máy nhanh, bôi trơn tốt và hữu hiệu. Bọn chúng chiếm đoạt tiền, trong khi Thiếu tướng trói các nạn nhân sưng sốt lại với nhau. Rồi bọn chúng lấy luôn các bao tiền quỹ, phóng nhanh ra xe. Nobby đang ngồi bên tay lái, máy xe nổ sẵn.

Sau đó bọn chúng thực hiện phần hai trong kế hoạch của Mac Knight. Vài tuần trước, sau khi đi tiền trạm kỹ cả vùng, Mac Knight đã chọn chỗ ẩn náu là khách sạn Rừng Thông của bà Wheeler, trên vùng đồi New Hampshire. Khách sạn luôn đóng cửa sau ngày 15 tháng mười, bà Wheeler dụi dằm đã nói với kẻ điều tra lịch sự và ngọt ngào. Nhưng Mac Knight thuyết phục bà tiếp tục mở khách sạn thêm hai tuần nữa, để đón hẳn cùng ba

người bạn nghỉ phép cùng lúc, và cũng đang tìm một chỗ tiện nghi và yên tĩnh.

Bà Wheeler nhận lời. Bà hứa rằng sẽ không có khách trọ nào khác. Khách sạn sẽ không có ai ngoài chính bà và ba người con trai của bà: Edgar, Homer và Blue. Mac Knight đã yêu cầu được gặp ba người này và đã xem xét kỹ để đánh giá. Cả ba đều trầm tính, gần như ít nói; và xét theo bề ngoài, thì không đặc biệt thông minh gì. Mac Knight hài lòng trở về thành phố, báo tin với đồng bọn. Chỉ có Thiếu tướng tán thành. Nhưng cũng chỉ có Al Bronson chống đối. Tiến hành biểu quyết: hai từ “thuận” của Mac Knight và Thiếu tướng, cùng với cái hát vai của Nobby đã thắng được tiếng cầu nhàu phản đối của Al Bronson.

Vậy là sau khi chạy xe suốt đêm, cả bọn đang đi trên con đường dài ngoằn ngoèo đến khách sạn nằm trên mạn đồi. Trên ba cây số hành trình cuối cùng, bọn chúng không gặp ai đi ngược đường lại, thậm chí không thấy một ngôi nhà nào.

— Hoàn hảo quá - Mac Knight vừa nói vừa nhìn quang cảnh chạy dài trước mắt - Đúng là hoàn hảo.

— Hoàn hảo đối với chim cú mèo, hay cho sóc? - Al Bronson nói.

Quang cảnh khiến cho kẻ thành thị này đau khổ. Hắn đang khoanh tay, ngồi yên, nhìn chăm chăm trước mặt, với thái độ đã chán chường. Mũ phớt vành rộng, cà vạt lụa trắng, sơ-mi đen thêu chữ đầu tên hắn là hoàn toàn không phù hợp với khung cảnh đồng quê.

— Bronson ơi, đừng cầu nhàu nữa - Mac Knight nói nhẹ nhàng - Không khí miền quê sẽ rất có lợi cho sức khỏe anh. Anh chờ nếm thử bánh táo nướng của bà Wheeler.

Ngồi sau xe, Thiếu tướng cười khúc khích. Nobby im lặng. Nobby có thái độ giống Bronson đối với đồng quê, nhưng phát âm không phải điểm mạnh của hắn, hắn thích giữ lại trong

mình các ý kiến phê bình. Thật ra, đúng hơn là sự dè dặt, bởi vì hẳn không hiểu cây cối và thiên nhiên.

— Tôi xin nhắc lại, - Mac Knight nói - rằng mục đích chuyến đi này là trốn về thôn quê dưỡng sức suốt hai tuần. Chúng ta giả làm bốn doanh nhân từ New York xuống đi tìm chỗ nghỉ ngơi. Ta không được phép để cho lũ nông dân kia nghi ngờ gì về ta.

— Làm sao mà người ta tin tên kia là doanh nhân New York nổi? - Bronson vừa hỏi vừa dùng ngón cái chỉ Nobby.

— Cần thận lời nói đó. - Nobby găm gù rồi cúi ra phía trước đặt hai bàn tay to lên ghế.

— Đó là chuyện của tôi - Mac Knight nói - Nobby đâu ngu gì, Nobby biết cách cư xử mà, đúng không Nobby? Thật ra mà nói, Bronson ơi, chính anh mới làm tôi lo. Anh có thái độ hay đa nghi, bọn người đó sẽ không thích đâu. Họ yêu đất đai, yêu con người, và cách tốt nhất để lấy lòng họ là bắt chước họ. Cách thức hay nhất để lấy lòng những người giản dị là phản ánh lại hình ảnh của chính họ. Tôi nói có đúng không Thiếu tướng?

— Nói rất hay. - Thiếu tướng nói.

— Tôi vẫn cứ để súng dưới gối khi ngủ. - Bronson nói.

Bà Wheeler cùng ba con trai có mặt để đón bọn chúng khi chiếc xe lăn bánh trên lối đi và đậu trước khách sạn. Bronson càu nhàu khi thấy Homer Wheeler lấy hành lý ra khỏi xe - bởi vì có một va-li chứa 120.000 đô-la.

— Chúng tôi rất hân hạnh được đón tiếp các ông - Bà Wheeler đứng trên thềm cửa nói - Khách sạn Rừng Thông xin chào mừng quý khách.

Thiếu tướng bước tới, cởi nón ra khỏi một cái đầu hồng gàn như rụng hết tóc, rồi cúi chào.

— Thưa bà, chính chúng tôi mới là hân hạnh.

Mặt bà hồng lên vì thích thú. Trong khi bà tiến tới để đón Nobby, Thiếu tướng nháy mắt tinh ranh với Mac Knight, khiến

mặt Thiếu tướng nhăn lại. Nobby áp úng nói hần rất vui được đến đây, còn Bronson lăm bầm khẽ một điều gì đó.

Rồi nhân viên tiếp tân (một phụ nữ khá nhỏ, tóc trắng như bông gòn, và gương mặt sáng lên vì một nụ cười trẻ trung) đưa bọn chúng lên phòng. Mac Knight ở cùng phòng với Nobby, còn Thiếu tướng ở với Bronson. Ngay khi bà Wheeler đi rồi, bọn chúng vội vàng tập hợp trong phòng Mac Knight.

— Anh có tiền chứ? - Bronson nói.

— Dĩ nhiên. - Mac Knight trả lời.

— Vậy anh không chia tiền bây giờ sao?

— Để làm gì?

— Để làm gì à? - Bronson lặp lại - Bởi vì tiền là của chúng ta.

— Bronson thân mến à, nguyên nhân thứ nhất tại sao ta đến đây, là vì ta muốn bảo đảm an toàn - Mac Knight nói - Tôi nghĩ cách tốt nhất để làm được như thế, là để y nguyên tiền như vậy. Chia tiền ngay bây giờ là khuyến khích một người nào đó bỏ đi sớm hơn, và điều này có thể gây nguy hiểm cho tất cả chúng ta.

— Tôi không đồng ý. - Bronson nói.

— Ta biểu quyết vấn đề này nhé? - Mac Knight hỏi với thái độ tự tin và uy tín của một kẻ biết rằng mình đang được nền dân chủ ủng hộ.

— Thôi bỏ đi - Bronson bực bội nói - Nhưng anh hãy nhớ kỹ điều này, Mac Knight à: anh đừng hòng toan làm người muốn ra đi sớm nhất.

Thế là cái va-li quý giá vẫn nằm lại trong phòng của Mac Knight.

Tối hôm sau, Mac Knight và Thiếu tướng đi dạo trong vùng lân cận. Thời tiết mát, trời điểm đầy sao. Dưới chân, lá thu kêu sột soạt.

— Tôi vẫn cứ lo về Bronson. - Thiếu tướng nói.

Thiếu tướng có dáng vẻ rất quý tộc với áo vét bằng vải tweed và mũ phớt.

— Anh đừng lo - Mac Knight nói - Nó chẳng có ai đâu.

— Ô! Tôi không lo chuyện đó - mặc người khác có thể dễ dàng đánh lừa thằng khỉ đó nếu muốn. Tôi lo là nó không chịu nổi vùng này, rồi bị căng thẳng làm một chuyện không hay nào đó. Bọn nhà quê không ngây thơ như ta tưởng đâu. Có thể bà già dễ tin, nhưng tôi không chắc về mấy thằng con trai của bà. Trông tụi nó đa nghi, lạnh lùng...

— Bản chất tụi nó như thế.

— Bây giờ thì cũng có vẻ quen và thân thiện hơn một chút rồi. Tụi nó kinh doanh khách sạn mà... - Thiếu tướng nói.

— Tôi nghĩ rằng chỉ đơn thuần là tụi nó không ưa ta, chứ không phải nghi ngờ ta đâu. Dù gì, ta đâu phải là khách bình thường. Ta không thể làm khác hơn, nhưng ta không hề chơi thể thao, ta không cởi mở, ta không đi ngựa, không đi dạo, các việc như thế... Anh sẽ nghĩ sao về khách trọ cứ suốt ngày ru rú ngồi nhìn nhau trong phòng?

— Thật đáng tiếc rằng ta không hợp tính nhau - Thiếu tướng thở dài - Lẽ ra ta có thể có kỳ nghỉ rất vui.

— Nhưng anh nói đúng về Bronson - Mac Knight nói - Ta mới ở đây có hai ngày, vậy mà tôi có cảm giác nó có ý làm một điều gì đó không hay. Số tiền rất lớn, Thiếu tướng à. - Mac Knight kết luận và hy vọng đã đưa một gợi ý tinh tế.

Bản năng Thiếu tướng rất nhạy cảm về vấn đề này và nắm bắt ngay điều mà Mac Knight muốn hàm ý. Thiếu tướng suy nghĩ kỹ vấn đề, muốn biết chắc.

— Phải - Thiếu tướng nói khi cả hai bước ra khỏi một khóm thông để tìm con đường mòn dẫn về khách sạn - sẽ thật là tai hại nếu một ai đó phạm sai lầm ngay bây giờ, trong khi có thể tránh không làm. Có phải anh gợi ý ta nên chia phần cho một người bạn rắc rối như nó?

— Đâu có - Mac Knight nói, không thêm bận tâm về lời nói vòng vo của Thiếu tướng - Tôi vẫn giữ ý là nên theo kế hoạch

ban đầu. Nếu ta chia tiền cho Bronson, nó sẽ đi New York ngay, tiêu xài hết số tiền đó và sẽ bị tóm. Rồi nó sẽ khai và... Thiếu tướng ơi, phần tiếp theo, thì câu chuyện ai cũng biết và tôi không cần nói nhiều...

— Tôi thà chết, chứ không trở vào tù.

— Tôi hoàn toàn thông cảm với anh!

— Tôi thà chết là nói thật đấy. Tôi có giữ một viên thuốc gây tử vong ba phút sau khi uống vào. Và tôi thà nuốt viên thuốc này, chứ không trở vào nhà đá.

— Mong sao anh sẽ không phải vận dụng đến cách thức này, Thiếu tướng à.

— Tôi có cho Henderson xem viên thuốc. Cách duy nhất làm sợ một kẻ có năng lực giới hạn như thế, là cho người đó xem một cái gì đó mạnh mẽ ; tôi muốn làm cho nó tin vào tầm quan trọng của vụ này, và bắt buộc phải kín miệng. Và tôi phải thừa nhận rằng nó rất sợ.

— Tôi không lo về Nobby - Mac Knight nói - Chính Bronson là người tôi không tin lắm.

Sáng hôm sau, trong khi đang cạo râu, Mac Knight nghe tiếng gõ cửa. Bà Wheeler bước vào. Bà đứng trước cửa, tay chấp trước tạp dề.

— Thưa ông Mac Knight, ông đã sẵn sàng xuống ăn sáng cùng ông Henderson chưa ạ? - Bà hỏi.

— Khoảng năm phút nữa, chị à - Mac Knight nói - Chị đã đánh thức ông Bronson và Thiếu tướng chưa?

— Ô! Hai ông đã tự thức dậy rồi, rất sớm. Hai ông muốn đi sẵn.

Mac Knight ngưng động tác cài áp sơ mi, như thể đang làm mẫu để chụp hình.

— Đi sẵn? - Mac Knight hỏi khẽ như một người trả lời không tự tin một câu hỏi khó nhưng cố giữ giọng vừa phải.

— Đúng. Gần khu đất thuộc khách sạn, có rất nhiều thỏ chạy nhảy, và Homer đã xung phong đưa hai ông ra đó.

— Nhưng hai ông đâu có súng. - Mac Knight nói.

— Khách sạn cung cấp súng. - Bà trả lời.

Mac Knight suy nghĩ. Xa xa hẳn nghe tiếng súng nổ.

— Tối hôm qua, không ông nào nói với tôi về chuyện này. - Mac Knight nói và tự hỏi không biết Thiếu tướng có ý muốn nói đến điều đó trong cuộc hội thoại tinh tế của hai người hay không.

— Chính Thiếu tướng nảy ra ý đi săn - Bà Wheeler nói - Hai ông xuống lúc năm giờ rưỡi.

— Thôi, cũng hay. Giải trí một tí cũng tốt thôi.

Sau khi ăn sáng xong, Mac Knight ra trước cửa hút điếu thuốc. Mac Knight đánh cược vào Thiếu tướng. Mac Knight không biết gì về Bronson, nhưng biết Thiếu tướng rất giỏi cầm súng cây. Những tiếng nổ, thỉnh thoảng nghe xa xa như tiếng trời gầm, đột nhiên ngưng. Một bầu im lặng kỳ lạ, gần như sờ thấy được, ập xuống khu rừng.

Khoảng nửa tiếng sau, Homer Wheeler chạy đến trước khách sạn, mắt lồi ra, như một người vừa mới gặp ma quỷ.

— Thưa ông Mac Knight - Anh dừng trước thềm cửa nói - chỗ kia, gần cái ao, bị tai nạn.

— Tai nạn gì? - Mac Knight hỏi bằng giọng khàn khàn như thể đã hỏi câu này lần thứ mười.

Mac Knight vút điếu thuốc, chạy xuống bậc thềm.

— Thì, sáng nay ông Bronson và Thiếu tướng đi săn vài con thỏ rồi...

— Biết rồi. Ai bị trúng?

Homer dừng một hồi, mắt mở to, thở mạnh.

— Ông Bronson. - Homer nói.

Bronson nằm bên ao, mặt úp xuống bùn. Gần đó, Thiếu tướng ngồi trên khối đá, cây súng dựng giữa đầu gối và chỉ cầm một tay như cây gậy quyền. Thiếu tướng nhìn mọi người đến: Mac Knight, Nobby, ba anh em Wheeler: Homer, Edgar và Blue đứng quanh xác chết. Mac Knight và Nobby đi đến chỗ Thiếu tướng.

— Chúng tôi đang săn - Thiếu tướng thân nhiên nói - Bronson đòi đi hướng khác. Bronson đi hướng ao, còn tôi hướng kia. Tôi thấy một cái gì đó động đậy và tôi bắn. Khi không thấy ai trả lời tiếng gọi, tôi trở lại và thấy Bronson. Trên đường về khách sạn, tôi thấy anh bạn kia và nhờ anh ấy chạy về khách sạn.

Mac Knight nhìn Bronson. Cái chết này gây ra vấn đề khá tế nhị. Ba anh em đang trơ trơ nhìn; họ đang chờ. Mac Knight bước đến họ.

— Tôi rất tiếc. - Mac Knight nói.

— Vâng thưa ông, chúng tôi cũng vậy. - Homer nói.

— Việc này sẽ có ảnh hưởng xấu đến danh tiếng khách sạn. - Edgar nói.

— À! Thế hả? - Mac Knight hỏi - Đúng vậy. Chắc chắn rồi - Mac Knight nói thêm bằng một giọng cứng rắn hơn - Ảnh hưởng rất xấu. Chuyện như thế sẽ đuổi khách đi, chắc chắn rồi. Nguy hại đến khách sạn.

— Nhưng biết làm sao bây giờ. - Homer nói.

— Thì, cũng có cách chứ - Mac Knight nói - Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm. Dĩ nhiên là Thiếu tướng không biết, nhưng lẽ ra không nên cho phép Bronson lao vào chuyến săn như thế này. Bronson rất dễ bị kích động, rất vụng về. Bronson không biết gì về săn bắn. Nếu biết Bronson đi săn, thì tôi đã cản rồi. Tôi nhất định không muốn khách sạn bị tiếng xấu vì chuyện này.

Ba anh em cảm lạnh nhìn hần như bồi thắm đoàn nhìn. Gió mát nhẹ nhàng vuốt ve cây thông, với tiếng thở dài u sầu, và làm nhẵn mặt ao đang bắt đầu óng ánh dưới nắng ban mai.

— Tôi nghĩ, - Mac Knight nói tiếp - có thể không cần báo cho ai hay đâu. Tất nhiên là không ai ngoài chúng tôi và bạn bè ở New York của anh Bronson. Anh ấy không có gia đình, không có người thân gì có thể đến đây gây chuyện. Hay các anh để cho chúng tôi mang anh Bronson về New York và tổ chức mai táng kín đáo? Tai nạn sấn có thể xảy ra bất cứ đâu mà. Các anh hiểu ý tôi chứ?

— Hiểu. - Homer nói.

— Các anh có cho rằng ý kiến như vậy là hợp lý không?

— Tôi nghĩ thế. - Homer nói.

Homer nhìn hai người kia, hai anh em kia sẽ không cãi lại lời Homer. Homer là anh cả. Rồi đến Edgar. Còn cậu em út, Blue, thì vô cùng nhút nhát - hoặc có thể chậm phát triển. Rất ít khi nghe cậu em thốt ra tiếng nào. Homer quay lại nhìn Mac Knight.

— Chúng tôi cho rằng các ông làm được như thế thì rất hay, thưa ông Mac Knight.

— Tốt - Mac Knight nói - Bây giờ ta hãy về báo tin cho mẹ các anh.

Hai tiếng đồng hồ sau, thi thể của Al Bronson nằm trên ghế sau xe, được phủ tấm drap do bà Wheeler tử tế cho mượn. (Trong hành lý mà ba tên mang theo cho “chuyến đi New York” có cái va-li đựng tiền. Bọn chúng để lại phần lớn các hành lý còn lại để trấn an gia đình Wheeler rằng sẽ quay về).

Nét mặt bình tâm, ba người bạn có tang chen nhau ngồi ghế trước xe.

— Không biết gần đây có tìm được chỗ tốt không, các anh nhỉ? - Mac Knight hỏi.

— Chắc là ở đây không thiếu đâu - Thiếu tướng nói và nhìn các bụi cây nhiều màu chạy dài trước mặt - Trớ trêu quá nhỉ?

— Sao? - Mac Knight hỏi.

— Bronson sẽ yên nghỉ tại đây, ở một nơi mà nó rất ghét.

— Hiếm khi người ta được lựa chọn nơi kim tĩnh của mình - Mac Knight dăm chiêu nói - Nhưng tôi nghĩ anh bạn Bronson của ta sẽ an nghỉ nơi vùng đồi và thung lũng này tốt hơn là nếu ta chôn anh ở Times Square chẳng hạn.

— Nói rất hay Mac Knight ơi. - Thiếu tướng tuyên bố.

Bọn chúng rẽ vào một con đường đất và chạy theo đó suốt vài cây số. Vùng đồng quê hoàn toàn vắng vẻ. Thậm chí không có dấu lốp xe trên con đường. Bọn chúng đến giữa một khu đặc biệt nhiều cây. Mac Knight dừng xe, bọn chúng bước xuống.

— Ở đây cũng hay - Mac Knight vừa nói vừa xem xét chỗ rừng yên tĩnh và tối tăm, nơi các thân cây như tụ hợp lại để chống đỡ mùa đông sắp đến - Ta hãy vớt Bronson đâu đó trong đây, khi xuân về, nó sẽ hầu như không còn gì. Thậm chí có nhiều khả năng không tìm thấy nó trong mấy năm. Đây không phải là nơi người đi dạo thường lui tới.

— Và chỗ này rất thích hợp với tính cách của nó. - Thiếu tướng nhận xét và nhìn bóng tối.

Mac Knight ra lệnh cho Nobby; cựu công nhân khuân vác cảng bước đến xe, mở cánh cửa sau, nhắc thi hài bọc drap bất động. Samish đặt thi hài trên vai, hấn đi theo hai tên kia qua đám bụi gai rậm. Bọn chúng cứ bị vướng mắc ở mỗi bước đi, gây những tiếng rắc rắc đột ngột khiến khu rừng bí ẩn thêm, bầu im lặng nặng nề hơn. Khi đến một chỗ đặc biệt rậm và khó đi hơn, Mac Knight dừng chân. Nobby thả gánh nặng và xác Bronson ngã sụp xuống đất: tấm drap bị mắc vào gai để lộ cái mặt trắng bệch, mắt còn mở to.

— Sao không nhẹ tay hơn. - Mac Knight nói.

Rồi bọn chúng bỏ đi, để mặc Bronson ngấm nhìn đỉnh cây qua lỗ hở những cành gai. Chẳng bao lâu đỉnh cây sẽ phủ đầy tuyết. Bọn chúng trở lên xe, ra đi. Để cho “chuyến đi New York” có vẻ thật hơn, bọn chúng ngủ hai đêm ở một khách sạn nhỏ ven đường, cách khách sạn Rừng Thông khoảng một trăm cây số về hướng bắc. Tuân thủ đúng quy luật của giới anh chị, cả Mac Knight lẫn Thiếu tướng đều không đề cập gì đến cái chết của Al Bronson. Đây thuộc loại việc không nói ra. Mac Knight tế nhị giữ im lặng suốt hai ngày, phòng trường hợp Thiếu tướng muốn tâm sự một chút. Nhưng dường như cả hai đều chờ người kia nói. Lại có những thao tác tinh tế; cuộc nói chuyện - khi có nói - từ từ đi đến gần, thận trọng đi vòng qua, rồi đi xa khỏi chủ đề mà cả hai đang quan tâm nhất.

Tuy nhiên cái chết của Bronson có được đề cập đến, nhưng từ một nguồn hết sức bất ngờ. Chuyện xảy ra trong buổi tối thứ nhì ở khách sạn ven đường. Cả ba đang ngồi trong phòng, nghe tiếng mưa phùn lách tách vào kính cửa sổ, thì Nobby lên tiếng.

— Bây giờ Bronson chết rồi, thì mỗi đứa có nhiều tiền hơn một chút, đúng không?

Mac Knight và Thiếu tướng ngạc nhiên về tính toán của Nobby hơn là về âm thanh tiếng nói của hắn.

— Ừ... đúng rồi, Nobby à - Mac Knight nói - Không thể nói khác. Dĩ nhiên là thật đáng tiếc cho anh bạn quá cố của ta, nhưng mà...

— Tôi tin chắc anh Bronson muốn phần anh ấy thuộc về ta hơn là cho người khác - Thiếu tướng đồng ý nói - Anh Bronson không thích nguy hiểm.

— Tôi chỉ muốn hỏi, vậy thôi. - Nobby nói rồi trở lại thái độ bình thường - tức là im lặng, hơi cay đắng và dăm chiêu, chứ không hề hiềm khích.

Nobby giữ im lặng, không phải vì hắn không có gì để nói, mà vì - và điều này đặc biệt khi hắn ở cùng Mac Knight và Thiếu

tướng - hẳn biết rõ hẳn không có khả năng ăn nói thông minh. Lời tuyên bố mà hẳn vừa mới thốt ra về cách chia tiền mới đã lẫn quẩn trong đầu hẳn từ lúc lần đầu tiên thấy xác của Bronson. Trong thái độ im lặng mà hẳn tự áp đặt cho mình, hẳn đã liên tục so sánh những kiểu chia cho bốn, rồi chia cho ba, của con số một trăm hai chục ngàn khổng lồ. Hẳn biết rằng ít phần hơn nghĩa là nhiều tiền hơn. Nhưng hẳn muốn được nghe xác nhận. Hẳn cũng biết nhiều thứ về bản tính con người, đặc biệt là bản tính những con người hẳn thường giao lưu. Hẳn đã lẫn lộn quá nhiều, nên hẳn biết tự mình nhìn và quan sát. Hẳn đã cảm nhận sự thù địch giữa hai bạn hẳn với bạn làm ăn quá cố. Có thể Bronson đã chết vì tai nạn, hoặc có thể vì một sự bất đồng quan điểm cần giải quyết, hoặc bởi vì ít phần hơn nghĩa là nhiều tiền hơn.

Bọn chúng quay về khách sạn sáng hôm sau, cam đoan với gia đình Wheeler rằng danh tiếng khách sạn đã được giữ gìn. Bà Wheeler tỏ ra vui mừng và mang ơn.

— Bốn mẹ con tôi sẽ không bao giờ quên những gì quý ông đã làm. - Bà nói.

Ba người con trai câm lặng đứng xếp hàng phía sau bà cùng gật đầu.

Để chứng tỏ bà rất cảm kích hành động của khách, bà Wheeler làm bánh táo chiên mang lên tận phòng, dọn trên một cái bàn bố trí đặc biệt cho khách.

— Cám ơn chị nhiều lắm. - Mac Knight nói khi bà để đĩa bánh nóng hổi trên bàn.

— Tôi sẽ mang trà lên ngay. - Bà Wheeler nói.

Rồi bà bước ra.

— Không khí rất gia đình. - Thiếu tướng vừa nói vừa nhìn bánh chiên.

Nobby cúi tới, tự lấy cho hẳn một đĩa đầy rồi bắt đầu ăn.

— Các bạn biết không, - Thiếu tướng nói bằng một giọng mơ mộng - khi hết thời, tôi rất muốn nghỉ hưu ở vùng này. Mà thời điểm đó cũng sắp đến rồi.

— Thiếu tướng mà nghỉ hưu à? - Mac Knight trêu - Một người đa tài như anh mà hưu sao?

— Đâu có gì là bất hợp lý - Thiếu tướng nói - Tôi có thể ở lại đây như một người...

Nhưng Thiếu tướng không bao giờ nói hết câu được bởi vì Nobby, ngồi cạnh Thiếu tướng đột nhiên lắc lư trên ghế, va vào bàn đứng dậy. Mặt Nobby nhăn lên, như đang đau quần quại. Nobby lùi ra tường phòng, dùng bàn tay to tướng cào ngực, như muốn chui vào trong để lấy cái đau ra. Mắt hấn như to lên gấp đôi, rồi hấn nhìn chằm chằm Thiếu tướng đang quan sát hấn.

— Mà... - Nobby nấc lên - mà đã cho cái viên thuốc bắn thủ kia... vào đĩa tao... Mà đã giết Bronson... bây giờ đến tao.

Tiếp tục thốt ra những tiếng khàn khàn không hiểu được, Nobby lao đến Thiếu tướng, dùng hai bàn tay to tóm cổ rồi làm Thiếu tướng ngã khỏi ghế. Cả hai lăn xuống đất; Nobby nằm trên; mạch máu ở cái cổ khỏe mạnh của hấn đang phồng lên.

Mac Knight cũng đứng dậy, tựa lưng vào tường. Mac Knight đứng yên và căng thẳng nhìn cuộc đấu bất cân bằng bằng sự mê hoặc gớm ghiếc của một kẻ hiếu kỳ đang chứng kiến một cuộc xử tử. Thiếu tướng thốt ra một tiếng kêu cứu yếu ớt. Nhưng Mac Knight chỉ có thể nghĩ đến cái va-li đầy tiền trong tủ... nghĩ đến kiểu chia mới thành một phần . Một suy nghĩ kỳ quặc đột ngột xuyên qua trí óc hỗn loạn nhưng còn lý trí của Mac Knight: dù sao Thiếu tướng vừa mới nói đến chuyện nghỉ hưu mà, phải không? Thiếu tướng sắp bị bóp cổ chết; còn Nobby, nhờ thuốc độc chết người đang lưu thông trong máu (lần này Thiếu tướng đã chơi khôn quá, Mac Knight tự nhủ), còn Nobby thì chỉ sống hơn Thiếu tướng được một hai phút mà thôi.

Rồi tất cả chấm dứt. Xong. Thiếu tướng nằm ngửa, mặt quay đi như không muốn nhìn một cảnh tượng gớm ghiếc. Nobby đang quỳ, đầu ngã ra phía trước, hàm dưới thòng xuống, hỗn hển, sức sống đang chạy ra khỏi người hắn y như chảy ra khỏi vòi nước mở. Cuối cùng Nobby rùng mình, ngã sụp sang một bên.

Mac Knight không động đậy. Hắn nhìn. Dường như không thể có chuyện này được. Nỗi khiếp sợ làm đổi màu mắt hắn. Rồi hình ảnh đồng tiền làm hắn choáng váng. Hắn bắt đầu thấy mừng rỡ.

Mac Knight ra khỏi phòng, lặng lẽ đi ra khỏi khách sạn. Buổi tối mát lạnh, gió thổi rì rào vào cây. Hắn bước đi một hồi; đầu óc cố xua đi những suy nghĩ đang quay cuồng như một đội quân ma. Làm gì với mấy cái xác? Làm thế nào đi khỏi chỗ này mà vẫn giữ thể diện? Vấn đề không nan giải lắm, nhưng phải suy nghĩ kỹ.

Lúc đó, Mac Knight nghe tiếng động phía sau lưng. Tiếng chân bước làm lá khô kêu sột soạt. Dưới ánh sao, hắn nhìn thấy bà Wheeler. Bà già đội khăn choàng trắng đang đi tìm hắn.

— Thưa ông Mac Knight - Bà nói với giọng đau buồn - Ông có biết rằng trong phòng ông có hai người chết không?

Mac Knight xem phá lên cười. Tưởng như hắn đã phá hủy một cái gì đó trong cuộc đời trong sạch lâu nay của bà Wheeler, như thể hắn đã vi phạm một điều gì đó mà bà sẽ buộc phải báo cho Ủy ban y tế xã.

— Chắc là hai người chưa chết đâu - Mac Knight nói - Họ chỉ bệnh thôi. Ngày mai tôi sẽ mang họ đi.

— Ô! Không phải đâu, ông Mac Knight à. Họ chết hẳn rồi.

— Thôi được. Có lẽ chị nói đúng. Tính khí họ nóng quá, tôi không cản nổi. Có lẽ vùng quê này xui xẻo quá.

— Ông không ăn bánh táo chiên, phải không? - Bà hỏi.

— Bánh táo chiên?

— Dường như ông Henderson và Thiếu tướng đã ăn phần bánh chiên của mình.

— Tôi không hiểu, chị Wheeler à. - Mac Knight nói và bắt đầu cảm thấy khó chịu.

— Nếu ông ăn bánh chiên, như lẽ ra ông phải ăn, thì giờ này ông đã nằm với hai người kia rồi.

— Ý chị muốn nói... rằng chị đã bỏ một cái gì đó trong bánh à? - Mac Knight hỏi.

Cùng lúc hẳn đang phát âm ra những lời lẽ khó tin này, thì hẳn cũng nhận ra sự thật. Chị đã làm chuyện đó, Mac Knight nghĩ bụng và đứng sững lại như một người đi dạo đụng phải con rắn trong bóng tối.

— Ông Mac Knight à, - Bà Wheeler nói bằng một giọng khác hẳn nhưng vẫn dịu dàng - chúng tôi đã biết các ông là ai. Ở đây, chúng tôi có đọc báo. Các ông đến và các ông đã đặt một nỗi căm dỗ to lớn trước mặt chúng tôi. Làm chúng tôi muốn điên lên. Bao nhiêu là tiền!

— Chị đã biết về chuyện tiền à? - Mac Knight hỏi.

— Chúng tôi biết hết.

— Và chính một người con trai chị đã giết Bronson?

— Homer. Homer bắn giỏi nhất vùng này. Chúng tôi khỏi phải lo giấu cái xác. Tôi tin chắc các ông đã lo liệu rất tốt. Hiện, mấy thằng con trai tôi đang mang ông Henderson và Thiếu tướng (một người rất dễ thương) đi, sẽ cho xuống cái giếng cũ.

Khi đó Mac Knight thấy bà cầm trong tay một khẩu súng nhỏ xíu và bà đang mỉm cười.

— Chị Wheeler à, không nên vội vã - Mac Knight nói - Chị có tưởng tượng tiền sẽ làm gì đối với chị và các con trai chị không? Chị có biết rằng tiền là sức mạnh làm hư hỏng mọi thứ, rằng tiền làm thay đổi lòng người? - Mac Knight tuyệt vọng tiếp tục nói - Chị đã thấy rằng tiền đã gieo những gì nơi các bạn đồng hành của tôi xịch lại, dè dặt, nghi ngờ, bạo lực... Tôi thấy chị và

các con trai chị đang có cuộc sống hạnh phúc và tiện nghi tại đây. Bộ chị muốn cuộc sống chị bị hỏng đi bởi đồng tiền kia, tiền chỉ mang lại đau khổ, ganh tị, cãi vã và bất hạnh thôi sao?

Bà Wheeler vẫn mỉm cười tử tế, như thể bà đang nhìn một thằng ngốc chơi đùa.

— Vậy chị sẽ giết tôi. - Mac Knight nói.

— Đúng! - Bà Wheeler trả lời.

Bà làm đúng như thế.

Sau đó bà cất khẩu súng còn bốc khói vào túi tạp dề, vòng ra sau nhà, đi vào khu vườn, tìm mấy thằng con trai bên cái giếng.

— Các con đi khiêng ông Mac Knight đi, ông ấy đang nằm ngoài vườn - Bà nói - Mẹ sẽ đi lấy tiền trên kia. Các con đã vút hai ông kia chưa?

— Dạ rồi mẹ à. - Homer trả lời.

— Tốt. Bây giờ... ủa, thằng Blue đâu rồi? - Bà hỏi.

— Em nó bị tai nạn rồi mẹ ơi. - Edgar nói.

— Em Blue bị té xuống giếng. - Homer nói.

Bà Wheeler nhìn từng gương mặt thản nhiên, tro tro. Bà nhớ đến những lời nói cuối cùng của Mac Knight và chỉ biết kêu lên: Trời ơi! Ôi! Trời!

ÔNG ANH HỌ WALTER THÂN MÈN!

Tác giả: Nora và Lee Caplan

*H*ai vợ chồng nhận được tấm bưu thiếp vào đầu tháng tám. Chỉ viết vài hàng, hỏi thăm sức khỏe, nói về mùa hè đặc biệt oi nóng này và hy vọng sẽ sớm gặp lại nhau. Nhưng bưu thiếp được ký tên “Dì Margaret”. Mà cả Tom lẫn Helen đều không có dì Margaret nào cả. Không có địa chỉ. Chỉ có dấu bưu điện ghi Baltimore.

— Phải trả lại cho anh đưa thư. - Tom nói.

Nhưng Helen lại quên. Rồi vài tuần sau, Helen tìm thấy bưu thiếp trên bàn viết. Khi đó Helen nghĩ rằng trả trễ quá thì sẽ vô lý. Rồi vì một lý do mà chính mình cũng không hiểu, Helen cất tấm bưu thiếp.

Hết mùa hè và bọn trẻ tựu trường. Một hôm, khi Helen có hẹn ra thành phố với Tom để cùng ăn trưa, thì tấm bưu thiếp thứ nhì lại đến. Helen quyết định mang nó theo cùng để cho Tom xem. Và khi hai vợ chồng đã gọi xong thức ăn, thì Helen đưa tấm bưu thiếp và nói bâng quơ.

— Dì Margaret bị bệnh.

Tom liếc qua tấm bưu thiếp rồi đọc lớn tiếng:

“Cám ơn nhiều về bó hoa cúc sao. Các cháu thật dễ thương quá, vẫn nhớ rằng dì thích nhất là hoa cúc sao”.

Nụ cười của Helen tươi không kém gì nụ cười Tom.

— Em biết chắc anh sẽ thích lời khen này.

— Chắc chắn bà ấy nhầm người.

— Anh có thấy lạ rằng bà ấy không bao giờ chịu ghi địa chỉ không? - Helen đăm chiêu hỏi - Hay bà ấy nghĩ rằng không cần.

Tom xếp cặp kính, đút vào túi áo vét.

— Có lẽ tên Tom Warford đó vừa mới đến Silver Spring. Anh cứ tưởng trong danh bạ chỉ có mình anh tên vậy. Em cứ bỏ bưu thiếp này trở vào thùng thư. Để bưu điện tự xoay sở lấy.

Nhưng Helen không làm thế. Helen cảm thấy hối tiếc khi phải bỏ mấy tấm bưu thiếp, mặc dù không hiểu tại sao. Helen thích tuồng chữ rõ ràng với chữ cái vẽ rất đẹp. Helen cho hai tấm bưu thiếp vào ngăn kéo trên cùng của bàn viết.

Tom và Helen vừa mới đặt mua thêm vài củ hoa uất kim cương và cây thông để trồng ngoài vườn, thì nhận được tấm bưu thiếp thứ ba. Hôm đó là thứ Bảy, cuối tháng Chín. Khi thấy Tom bước vào, Helen tắt máy hút bụi trong phòng khách. Tom có vẻ mặt lạ lùng.

— Anh không biết phải làm gì với cái này - Tom nói và đưa bưu thiếp cho vợ - Em đọc đi.

Nội dung bắt đầu như thường lệ:

Các cháu yêu quý. Hy vọng sức khỏe các cháu vẫn tốt. Hiện dì vẫn khỏe, đội ơn trời. Cho Dì hôn Tim và Nancy. Nhưng có lẽ hai cháu bé không nhớ bà dì này. Nhất định phải sắp xếp gặp nhau sớm. Mến, Dì Margaret.

Điều này quá bất ngờ đến nỗi thoạt đầu Helen không nói nên lời. Đôi mắt Tom có vẻ rất sậm khi Helen nhìn anh.

Một hồi sau, Tim chạy ào vào. Thằng bé hét:

— Con muốn ba hoặc mẹ đuổi dùm con bọn con gái kia đi chỗ khác! Tụi nó giẫm lên đồ con, Nancy làm ngã hũ keo rồi. Nó còn...

Giọng của Tom vang lên dứt khoát.

— Ba đã bảo con rằng thêm cửa không phải là chỗ để con xây cất. Con xuống tầng hầm đi hoặc lên phòng Mike.

Khi quay mặt sang Helen, Tom thấy cô ngồi thẳng lưng trên mép divan, nhìn chằm chằm tấm bưu thiếp để trên bàn nhỏ.

Tấm bưu thiếp này gây buồn nôn cho Helen, vậy mà cô không rời mắt khỏi nó nổi.

Tom ngồi xuống cạnh vợ và bắt đầu nói, nhưng không tự tin lắm.

— Rất có thể tay Tom Warford kia cũng có hai đứa con cùng tên với hai đứa con mình.

— Anh thừa biết rằng không thể có chuyện đó nổi.

Tom dùng tay vuốt cái cằm có râu bắt đầu mọc.

— Đúng, chuyện này rất khó.

— Em không hiểu gì cả - Helen nói tiếp - Trừ phi đây là cách để nói với gia đình ta rằng... nhưng anh có kiếm nhiều tiền lắm đâu mà người ta toan bắt cóc...

— À! Không có đâu em yêu! Vô lý! Có thể có hàng ngàn lý do, nhưng không phải chuyện đó. - Tom nói thêm dụi dàng hơn rồi quàng tay qua vai vợ.

Helen cố mỉm cười.

— Có thể anh sẽ nghĩ em khùng rồi, nhưng em bắt đầu tưởng tượng được ra bà ấy. Một bà già rất dễ thương dễ mến, hơi gầy yếu... Anh tưởng tượng được không? - Helen nói tiếp rồi nhìn bức tường trước mặt. Theo anh, bà ấy muốn gì vậy?

Tom nhún vai.

— Làm sao em biết cái bà dì Margaret ấy có tồn tại thật hay không? Rất có thể là trò đùa của một thằng ranh con nào đó. Hay một tên khùng. Trừ phi là chuyện quảng cáo. (Tom có vẻ bực bội khi thấy vợ không nói gì về các giả thiết của anh). Làm sao mà biết được: bọn quảng cáo dám làm mọi thứ để lảng xê một vụ làm ăn nào đó. Kể cả một việc vô lý như thế này.

Helen lại quay sang chồng.

— Anh không định báo cảnh sát chứ?

Tom phá lên cười.

— Bộ em nghĩ có thể đến đồn cảnh sát với một tấm bưu thiếp ký tên dì Margaret à? Cảnh sát sẽ trả lời chúng mình bị điên.

Khi đó Helen thản nhiên chỉnh:

— Không phải một, mà là ba tấm bưu thiếp. Em không gửi trả lại mấy tấm trước.

Rồi Helen đi lấy mấy tấm bưu thiếp trong bàn viết, đặt bên cạnh tâm mới nhận.

Tom không quan tâm đến.

— Được rồi. Ta có ba tấm bưu thiếp. Nhưng chúng có gì đặc biệt đâu. Không có lời đe dọa nào. Không có gì cả. Dù sao cho đến nay thì như thế... - Tom thận trọng vội nói thêm - Nhưng em muốn cảnh sát làm gì? Rắc bột tìm dấu vân tay à? Em yêu ơi, - Tom đứng dậy - không nên tưởng tượng những chuyện rùng rợn nữa. Suy nghĩ lo âu chẳng ích lợi gì. Mà có lẽ đây là tấm bưu thiếp cuối cùng mà ta nhận được thôi. (Tom dùng mũi giày đẩy nhẹ chân Helen). Hay em gọi con về ăn đi?

Rồi Tom vào nhà tắm, Helen nghe tiếng anh lục tủ tìm dao cạo, rồi mở vòi nước nóng.

Ít lâu sau, Tom trở ra tiền sảnh, một nửa mặt còn phủ lớp xà phòng dày.

— Nghĩ lại, sao ta không dự kiến một cái gì đó thật vui? Em hiểu ý anh không?

Đột nhiên, tình huống hóa ra như một tấn bi hài kịch màn ảnh nhỏ đối với Helen. Helen phá lên cười.

— Ý kiến đầu tiên của anh hay hơn. Em thà quên đi.

Nhưng nỗi lo âu nhanh chóng trở lại. Riết rồi mỗi buổi sáng Helen sợ ra mở thùng thư. Những tấm bưu thiếp đầu tiên không được gửi đến đều đặn. Giữa tấm thứ nhất và tấm thứ nhì, sáu tuần lễ trôi qua. Rồi sau đó là khoảng cách một tháng. Giả sử còn một tấm sẽ được gửi đến, thì nó có thể đến bất cứ lúc nào. Tuy nhiên tháng Mười trôi qua nhường chỗ cho tháng Mười một mà không có chuyện gì xảy ra. À có một chuyện may mắn chứ. Tom thành công một hợp đồng bảo hiểm rất lớn, và để ăn mừng, cả nhà đi xem hát.

Vào một ngày cuối tháng mười một, Nancy đi học về, bước vào nhà gọi mẹ:

— Mẹ thử đoán xem con có gì nào... tấm bưu thiếp của cái bà tự xưng là Dì Margaret của mẹ.

Nancy bước vào nhà bếp, đầu trần, tóc tai bù xù.

Helen đang chuẩn bị bữa ăn tối.

— Con cởi áo bành tô, đi rửa tay đi.

Nancy hươu tấm bưu thiếp trước mặt mẹ.

— Mẹ không muốn đọc sao?

— Con cứ để đó - Helen xẵng giọng nói - Không phải việc của con. Nào, con ra khỏi bếp đi.

Cô bé vẫn không chịu thua và tiếp tục nói thêm:

— Nhưng con đã nghe ba mẹ nói... nói rằng bà ấy có nói về con và Tim mà. Bà ấy không gửi gì cho sinh nhật con cả. Nhưng nếu là bà dì, thì bà ấy phải...

Helen đóng rầm cửa tủ lạnh lại.

— Thôi đi, Nancy. Con biết mấy giờ rồi không, con chưa ngồi vào bàn ăn nữa. (Helen cúi xuống, mạnh tay cởi áo bành tô Nancy) Con học lớp sáu rồi, mà không biết cài áo choàng hoàng nữa! Cái ruban thứ nhì đâu rồi? Nếu hai giây nữa mà con chưa sẵn sàng ngồi vào bàn thì... - Helen nói không để cho con gái kịp trả lời.

Khi cô bé đã đi học trở lại, Helen ngồi xuống đọc tấm bưu thiếp, nét mặt thản nhiên.

“Dì rất vui khi biết các cháu đã nghe theo lời khuyên của dì về cây thông. Dì ước gì Walter cũng biết kính quý dì y như các cháu. Walter lại bỏ dì thui thủi một mình, chỉ có mỗi Hattie làm bạn. Dì hôn hai cháu bé”.

Và câu kết như mọi khi: “Mến, Dì Margaret”.

Tối hôm đó, Helen nói chuyện với Tom.

— Nhưng em chắc chắn không có ai đến xem nhà ta..

— Làm sao em để ý thấy được...

Helen nói lớn giọng hơn.

— Chắc là bà ta điên. Viết thư cho người mà bà ta không hề quen biết gì. Vậy mà lại rơi nhằm gia đình mình! Không hiểu bà ta có mục đích gì nhỉ?

— Khẽ kìa, em ơi. Con chưa ngủ đâu.

Khi đó Helen nhớ lại những gì Nancy đã nói lúc trưa và hạ giọng.

— Em biết anh sẽ nói lại gì. Rằng em không nên lo sợ. Rằng em chỉ việc quên đi chuyện này mà thôi, kể cả nếu như có kẻ đang theo dõi rình rập ta.

Tom lắc đầu.

— Em nghĩ sai rồi. Anh rất lo cho mẹ con em.

Và để thuyết phục vợ cũng như thuyết phục chính mình, Tom nói thêm:

— Anh nghĩ đến hai chuyện. Cả hai đều có thể sớm xảy ra. Thứ nhất, bà ấy phải nhận thức về tác dụng mấy tấm bưu thiếp đối với ta và biết rằng ta rất có thể đi thưa cảnh sát nếu bà ấy tiếp tục làm trò này. Vậy là bà ấy sẽ thôi không viết cho ta nữa.

— Còn thứ nhì?

Tom chỉ trả lời:

— Có thể bà ấy có lý do để chọn ta.

— Nhưng bà ấy có thể có lý do chính đáng nào?

Helen bực mình khó chịu khi thấy Tom cứ đùa với mấy que diêm. Helen sẽ cảm thấy yên tâm hơn nếu được nghe một câu trả lời rõ ràng. Tom chỉ nói:

— Anh không biết. Bây giờ thì chưa biết.

Tom vút que diêm xuống bàn, thọc hai tay vào túi áo, quay ra cửa sổ. Ngoài trời đang lạnh. Băng đá làm nặng trĩu cành cây thông, đèn đường vẽ vòng sáng hình trái xoan ngay bên chân cây trên bãi cỏ. Tom đột nhiên có cảm giác rằng những thứ xung quanh không còn phải là của nhà anh nữa.

Có lẽ Helen vừa mới hỏi một điều gì đó bởi vì giọng cô chuyển sang ngữ điệu văn hỏi.

— Anh trả lời đi. Anh nghĩ Walter là ai?

— Em không biết, thì làm sao anh biết được.

Thật lạ lùng rằng Tom đã quên mất đoạn này trong tấm bưu thiếp. Hóa ra Tom chỉ quan tâm đến những gì thật sự liên quan đến cả nhà. Nhưng Tom cảm thấy mệt mỏi quá, không thể suy nghĩ thêm nữa. Anh bật truyền hình, quên không đổi kênh mặc dù chương trình đang bắt thuộc những loại mà anh cho là dở ẹc và không bao giờ xem. Ánh mắt Helen theo dõi hình ảnh, nhưng không thấy gì, cũng y như Tom.

Mười ngày sau, họ lại nhận thêm một tấm bưu thiếp nữa. Dì Margaret nói về một cuộc hẹn gặp với luật sư vào thứ Tư tuần sau để, theo như dì nói, có một món quà bất ngờ nhỏ cho hai cháu (tức Tom và Helen).

Sáng hôm sau, Helen vừa mới tự rót một tách cà phê đen thứ nhì và đang bắt đầu chơi trò ô chữ trong báo, thì có tiếng gõ cửa. Helen nhớ ngay đến tiệm giặt ủi sắp giao hàng và không thềm chải đầu khi ra mở cửa. Nhưng khách là một người không quen biết. Một người đàn ông khá cao lớn, tóc thái dương muối tiêu, trạc tứ tuần, mặc bộ com lê xám tro kiểu Ý trang nhã may rất khéo và đeo cà vạt lụa đen. Mọi thứ trên người anh như được thực hiện đúng ni đúng tác, kể cả khuôn mặt đều đặn rậm nắng.

— Có lẽ cô là Helen? Tôi là Walter đây.

Helen nhìn nhưng không tài nào nhận ra anh.

— Xin lỗi, nhưng tôi không...

— Walter... cháu của Dì Margaret.

Rồi anh chìa tay cho Helen.

Khi đó Helen có cảm giác như cả cuộc sống quanh mình đọng lại và cô đột nhiên bị hóa thành tượng đá. Rồi Helen hoàn hồn lại.

— A! Phải rồi, mời anh vào.

Rồi Helen đứng sang một bên cửa.

Ngay lập tức, Helen giận anh vì anh đến sớm như thế. Phòng khách bừa bộn. Giấy rải đầy trên divan. Áo mưa của Tom vút trên ghế bành, đôi ủng dính đất bùn của Tom để trong một góc. Nhưng Helen quyết định không xin lỗi.

— Tôi đang chuẩn bị uống tách cà phê - Helen nói - Anh có muốn...

Walter cảm ơn và từ chối, anh chọn cái ghế chất ít đồ đạc nhất, kéo nhẹ hai ống quần lên để giữ nguyên li quần, rồi ngồi xuống, hoàn toàn tự nhiên.

Mặc dù không còn muốn uống, Helen vẫn cương quyết đi xuống bếp, rồi trở ra với một tách cà phê nguội. Helen ngồi xuống ghế bành đối diện Walter.

— Tôi mới từ nhà anh chị Randolph về, tôi đi săn cả kỳ nghỉ cuối tuần này - Walter bắt đầu nói bằng một giọng thoải mái - Trước khi về, tôi quyết định dừng qua đây. Nhà cô rất... tiện nghi - Walter đánh giá trong khi ánh mắt nhìn khắp phòng với thái độ hơi khinh thường - Xét những gì tôi thấy...

Helen mỉm cười lạnh lùng, không trả lời. Rõ ràng hẳn xếp loại Helen và Tom vào giai cấp trung lưu, hoặc có thể thấp hơn nữa.

Thì ra đây là Walter...

— Hai đứa nhỏ thế nào... Tim và Nancy?

— Tốt. Đang đi học.

Hẳn bữa môi để chúng tỏ hối tiếc.

— Tôi rất muốn gặp hai cháu. Thế nào Dì Margaret cũng sẽ hỏi về hai đứa bé.

Đến giai đoạn nói chuyện này, lẽ ra Helen phải hỏi thẳng xem thật ra hẳn đến đây làm gì. Nhưng không hiểu tại sao, thái độ của hẳn khiến Helen bực mình khó chịu và trong trạng thái phòng vệ. Ít nhất trong lúc này, Helen thà tiếp tục đóng vai trò mà hẳn đã gán cho cô. Vai trò của một người bà con nghèo khó.

Hẳn tiếp tục:

— Tom khỏe không?

— Khỏe.

— Vẫn giữ được chỗ làm tốt ở Công ty Bảo hiểm chứ?

Chi tiết này cũng không thay đổi nổi tâm trạng của Helen. Trái lại, Walter càng lúc càng làm cho Helen thấy bực mình hơn. Vì đôi mắt xanh lạnh lùng của hắn, cái kiểu hắn giữ đầu không chạm vào lưng ghế. Helen chỉ trả lời:

— Công việc anh ấy rất tốt vào thời điểm này trong năm.

— Tom có hay gặp Bill Mayfield không? Tay này cũng làm trong công ty bảo hiểm đó. Giám đốc hay chủ tịch hội đồng quản trị gì đó, tôi cũng không nhớ nữa. Bill là bạn tôi. Chúng tôi từng đi học chung với nhau. Lâu rồi tôi không gặp Bill.

— Anh Tom chỉ là tư vấn môi giới bảo hiểm thôi, có lẽ hai người không quen nhau đâu.

Helen uống hết phần cà phê còn lại. Hắn lấy hộp thuốc ra đưa cho cô. Nhưng Helen lắc đầu. Hắn chọn một điếu, rồi cất hộp trở vào áo vét. Động tác rất điệu nghệ. Trong khi tìm lấy bật quẹt lửa, hắn nói:

— Tôi quên mất, cô có cái gì để tôi chuyển cho dì Margaret không? Đột nhiên cô không thường xuyên viết thư cho dì lắm, - Hắn mỉm cười nói thêm - mà cũng không thường ghé thăm. Tôi không hề trách gì cô đâu. Không có gì chán chường bằng người già. Dĩ nhiên địa vị tôi tệ hơn cô nhiều. Bà ấy cứ trút hết mọi thứ lên đầu tôi.

Lúc đó Helen không kiềm nổi và bộc phát thốt ra:

— Trong tấm bưu thiếp mới nhất, có điều khiến tôi ngạc nhiên. Dì nói đến chuyện đi gặp luật sư. (Helen cảm thấy ngay thái độ của kẻ đối thoại sượng đi). Anh Tom và tôi cứ tự hỏi... Nhưng chắc không có gì quan trọng. Thế nào dì Margaret cũng sẽ giải thích rõ hơn.

Hắn nhìn chằm chằm bàn tay đang cầm điếu thuốc.

— Dì viết chuyện này cho cô khi nào?

— Bưu thiếp của dì đến hôm thứ Bảy. Có lẽ dì bỏ bưu điện hôm trước.

Hắn suy nghĩ.

— Điều này đáng lưu ý - Cuối cùng hắn nói - Từ trước đến giờ dì luôn giao thư từ gửi cho cô cho tôi đi gửi. Cô có thể cho tôi xem được không?

Helen đi lấy tám bưu thiếp mới nhất đã nhận được. Helen nhìn con tem.

— Đúng rồi, hôm 26 tây. Vậy là thứ Sáu.

Helen đưa tám bưu thiếp, hắn chăm chú đọc, rồi trả lại. Hắn đưa điều thuốc lên môi, đánh cái bật quẹt lửa. Nhưng quẹt lửa không chịu cháy, sau nhiều lần thử.

— Để tôi đi lấy diêm cho anh. - Helen đề nghị.

Hắn có động tác từ chối bực bội, rồi dập điều thuốc vào gạt tàn.

— Thôi, thôi. Không muốn phiền cô. Ở địa vị cô, - Hắn xẵng giọng nói - tôi sẽ không chú ý đến những gì dì Margaret viết. Dì già đi rất nhiều từ một năm nay. Và mặc dù không thích dùng từ này, nhưng tôi phải nói rằng càng lúc dì càng suy lão.

— Anh nói gì lạ vậy - Helen thích nói trái ý hắn - Tôi hoàn toàn không thấy như thế. Tôi cho rằng dì vẫn còn rất minh mẫn.

Helen vẫn không hiểu nổi tại sao cô cảm thấy mình có quyền nói về những chuyện thật ra hoàn toàn không liên quan gì đến mình, hơi giống như đây là vấn đề trung thành với người đàn bà không quen biết kia.

Hắn nhìn cô và ánh mắt hắn lộ rõ hắn đánh giá đúng mức cái váy và áo len xanh lục, đôi giày xẹp cũ mềm, kiểu tóc tầm thường của cô. Và bằng giọng điệu quen thuộc khó chịu, hắn thừa nhận:

— Có thái độ như vậy là quyền của cô thôi... hơn nữa điều này lại có thể có lợi cho cô. Nhưng cô không lo sợ rằng ý đồ của cô

hơi quá lộ liễu sao? Sau bao nhiêu năm, mà cô đi nổi lại quan hệ với dì Margaret, khi tuổi dì cao như thế...

— Đó là chuyện của chúng tôi. - Helen trả lời với một thái độ tự tin mà chính cô cũng ngạc nhiên.

Hắn bước ra cửa.

— Tôi về đây - Hắn vừa nói vừa búng đi một sợi chỉ trắng mắc trên áo vét - Tôi có thể nhắn gì cho dì Margaret thay cô không?

Hắn thách thức cô cho đến cùng. Khi hắn mở cửa, Helen trả lời:

— Nhờ anh cứ nói rằng chúng tôi rất thương yêu dì và rất mong được gặp lại dì.

— Được rồi. - Hắn nói.

Rồi hắn bỏ đi.

Helen đi nhắc ống nghe điện thoại, gọi cho Tom.

— Walter vừa mới ra khỏi nhà - Helen báo thẳng thừng cho chồng - Anh có biết...

Nhưng trong văn phòng của Tom có tiếng đánh máy chữ và anh nghe không rõ.

— Ai?

Helen lập lại lớn hơn.

— Anh Walter ấy... Anh nhớ không. Cháu của dì Margaret.

— Hắn muốn gì?

— Em cũng không biết.

— Em yêu ơi, em gọi lại sau đi. Anh sắp đi gặp khách hàng. Anh sẽ về văn phòng khoảng ba giờ. Không. Để lát nữa.. Anh phải đi Arlington ngay.

— Thôi - Helen nói - Để tối nay em kể cho anh.

Helen rất thất vọng vì phải chờ Tom về. Helen cố gắng làm tiếp những việc trong ngày. Khi cô vẫn còn đang ủi đồ, thì hai đứa trẻ đi học về. Tim làm rách cái áo vét mới, còn Nancy thì không làm được bài kiểm tra chính tả. Helen cố giữ bình tĩnh chờ Tom về giải quyết mọi việc. Nhưng không may, đúng lúc

Helen chuẩn bị cho khay thịt vào lò, thì Tom gọi điện thoại báo là sẽ không về ăn tối. Một lần nữa, Helen thầm cảm ơn máy truyền hình. Tối nay bọn trẻ sẽ có thể xem truyền hình cho đến giờ đi ngủ.

Cuối cùng đến mười một giờ Tom mới về. Nét mặt mệt mỏi và giọng khàn khàn.

— Anh sắp bệnh rồi - Helen tuyên bố và đặt tay lên trán chồng - Anh uống thuốc cảm và đi ngủ ngay đi. (Đây không phải là lúc nói với Tom về Walter). Sáng mai em sẽ gọi điện thoại đến công ty để báo anh không đi làm được. Như vậy anh sẽ tha hồ mà ngủ nướng.

Tom không phản đối và Helen kết luận rằng anh bệnh thật sự rồi.

Ngày hôm sau, Helen mang bữa ăn sáng đến giường cho anh. Và khi Helen ở lại trong phòng để dọn dẹp, Tom nói:

— Em chưa nói cho anh Walter đến làm gì hôm qua.

Helen ngồi xuống giường cạnh chồng. Khi Helen kể xong những gì xảy ra với Walter, Tom giận dữ tức chần ra, cần nhằn:

— Anh thấy em hành động rất ngu xuẩn, tự nhiên đi kể lại cho hấn những gì bà già kia viết cho ta. Đặc biệt là em không moi được thông tin gì từ tay đó. Sao em không hỏi thẳng hấn xem bà ấy định làm gì? - Cuối cùng Tom bình tĩnh lại và lấy thêm cái gối kê sau lưng.

— Em biết, - Helen nói khẽ - rằng anh sẽ không hiểu. Mà chính em cũng không biết tại sao em đã hành động như thế. Em cảm thấy em phải chống lại hấn và... (Helen dùng tay xoa tấm drap như để cho bớt nhằn) Điều lạ lùng nhất là em cảm giác như có nghĩa vụ đối với bà ấy... đối với dì Margaret. Như thể dì mong đợi một điều gì đó từ em.

Sau một hồi im lặng, Tom nói tiếp:

— Theo anh hiểu, thì tên cháu kia đã tỏ ra hơi thân thiện quá. Dù gì, - Tom thở dài - em đã bỏ lỡ cơ hội ngàn vàng để tìm hiểu

xem chuyện này nghĩa là sao.

Sáng hôm đó, trong mớ thư từ nhận được, hai vợ chồng tìm thấy một phong bì có tuồng chữ dì Margaret. Trong cơn nóng đọc thư, Helen không thấy rằng một phần thư chứa trong phong bì rơi xuống sàn nhà. Thư đề ngày thứ hai.

“Helen thân, Tom thân,

Lúc đầu, tôi định giao cho luật sư gửi cái đính kèm trong thư này cho anh chị. Nhưng tôi thích tự mình gửi lấy, bởi vì tôi thật sự cảm thấy mến anh chị.

Có lẽ anh chị đã lấy làm ngạc nhiên khi nhận được một loạt bưu thiếp từ một người xa lạ. Tôi chọn đại tên anh chị trong danh bạ. Tôi thích tên Tom, vì một người tổ tiên của tôi bên ngoại cũng mang họ Warford. Sau khi điều tra kín đáo, tôi hài lòng thấy anh chị thuộc loại gia đình mà tôi thích.

Tôi xin cam đoan rằng tôi không hề có ý định quấy rối anh chị, và mặc dù đây là một hành động tuyệt vọng từ phía tôi, nhưng có lý do chính đáng. Nói ngắn gọn, tôi dùng anh chị để làm gương cho người cháu của tôi. Tôi tự trách mình có trách nhiệm về sự thiếu bản lĩnh của nó. Dù gì, sau khi nhận ra rằng nó yếu đuối và tôi không có khả năng sửa nổi khuyết điểm này của nó, tôi đã nghĩ ra những người bà con - dù hoang tưởng - như anh chị sẽ là tấm gương tốt cho cháu tôi.

Trong khi tôi buồn rầu vì phải dùng cách thức này, thì kết quả cuối cùng đã vượt quá sự mong đợi của tôi, đối với tôi cũng như đối với Walter. Rất gần đây, tôi đã giảm phần thừa kế của nó trong di chúc. Nhưng bây giờ tôi đã quyết định có những thay đổi mới có lợi cho Walter, để nó lại trở thành người thừa kế chính của tôi như trước đây.

Như thế, mặc dù không hay biết, nhưng anh chị đã đóng góp một phần quan trọng trong cuộc đời của chính tôi và cháu tôi. Walter đã nói rất nhiều về lần ghé thăm anh chị mới đây và đã

chúng tỏ anh chị đã gây ấn tượng đối với nó như thế nào. Từ đó, dường như Walter đã tốt lên hẳn.

Trong thư này, tôi xin gửi anh chị một tờ ngân phiếu để tỏ lòng biết ơn. Số tiền này không thể hiện nỗi lòng biết ơn và xin lỗi vì đã gây ra cho anh chị nỗi lo âu không đáng.

Tôi xin dừng bút tại đây. Hattie, con mèo già cứng, đang đòi đi chơi để hóng gió. Tôi chúc anh chị và hai cháu bé một đêm Giáng Sinh hạnh phúc và năm mới tốt đẹp. Mến, Dì Margaret”.

Helen lượm tờ ngân phiếu lên. Trên đó ghi năm ngàn đô-la và ký tên Margaret Dawes Comstock. Helen đã nghi đọc lại thư và phát hiện phần tái bút phía sau.

“Tôi nhất định phải kể cho anh chị nghe một trong những cử chỉ chăm lo ân cần mà Walter dành cho tôi. Cháu Walter đi Philadelphie bằng chuyến tàu 10 giờ, và do tôi sẽ ở nhà một mình đến sáng mai, Walter đã đích thân đóng mọi cửa sổ lại. Walter dễ thương lắm, cháu lại đích thân kiểm tra lò sưởi chạy hơi trung tâm trước khi ra đi”.

Cuối cùng Helen đưa thư và ngân phiếu cho Tom, nói rằng hy vọng anh sẽ không bực mình thêm về những tin mới này.

— Trời! - Tom chứng hứng thốt lên - Anh từng nghe nhiều câu chuyện kỳ quặc, nhưng chuyện này là điên rồ nhất. Dì Margaret thật là có cá tính.

Helen lắc đầu.

— Không phải, - Helen xúc động nói - em không nghĩ là thế. Mà tự dì cũng trình bày rõ... Em rất cảm động khi thấy dì có mong muốn làm cho người cháu trở nên tốt hơn và đền bù với ta vì đã gây phiền phức cho ta.

Tom càu nhàu:

— Nhưng kiểu làm như vậy, dù sao cũng kỳ cục quá.

— Nhưng ta sẽ không giữ số tiền này - Helen cương quyết nói - Walter sẽ quá hài lòng vì tưởng hẳn nghĩ đúng khi cho rằng ta

tham tiền. Em sẽ viết ngay cho dì Margaret, và dù anh có chịu hay không, em sẽ gửi trả tờ ngân phiếu này lại cho dì.

Helen ngạc nhiên thấy Tom đồng tình với cô.

— Giải quyết xong chuyện này càng sớm càng tốt. Nhưng em sẽ làm thế nào? Em đâu có địa chỉ.

— Có chứ. Trên phong bì có ghi.

Tom nằm lại xuống giường. Lúc Helen sắp ra khỏi phòng, Tom mỉm cười nói.

— Em hãy viết với dì rằng điều làm ta kinh ngạc nhất là nghe tin tự Walter đi coi lò sưởi. Anh dám chắc hẳn không biết lò sưởi hơi và máy giặt khác nhau như thế nào.

Helen cười.

— Em sẽ viết.

Sáng thứ Tư, chuông đồng hồ báo thức không reng và chính Tim đi lay gọi ba mẹ dậy.

— Tám giờ rưỡi rồi!

Tom nháy phốc ra khỏi giường.

— Chết! Anh phải có mặt ở Wheaton đúng chín giờ rưỡi! Không kịp uống ly cà phê. Thôi anh sẽ dừng ở quán khi làm việc xong với khách hàng. Anh đi nhé! - Tom nói và hôn Helen vội vã.

Sau khi Tom đi rồi, Helen quyết định giặt đồ trước. Nên đến gần mười giờ Helen mới hâm bữa ăn sáng và mở báo ra đọc. Helen đọc dòng tít này ở mục tin buồn:

“Margaret Dawes Comstock, 75 tuổi, quả phụ của người sáng lập công ty Bay Chemicals.

Baltimore, thứ Hai 30 tháng 11. Sáng nay, một gia nhân đã phát hiện bà Margaret Dawes Comstock bị chết ngạt tại nhà, có lẽ do nôi hai lò sưởi trung tâm bị hư.

Bà là quả phụ của Andrew Comstock, người sáng lập công ty Bay Chemicals.

Bà là ân nhân hào phóng của nhiều tổ chức từ thiện thành phố ta. Bà rất yêu thích chăm sóc vườn hoa. Công viên nhà bà được mở cửa cho công chúng vào tự do vào nhiều dịp trong năm.

Thân nhân bà chỉ còn có một người cháu là Walter Dawes Carew”.

Helen đi lấy bức thư của dì Margaret, tìm đọc ngay gửi. Rồi Helen đọc lại tái bút. Sau đó Helen xếp tờ giấy lại, máy móc đút vào túi áo. Trong tình trạng sửng sốt, Helen quay lại nhà bếp, dọn dẹp, lau chùi, cố gỡ đến miếng bánh khô nhỏ nhất bị dính trên bàn ăn. Không phải là tai nạn, Helen tự lập lại với chính mình. Chính hẳn... Helen cho nước vào đầy bồn rửa, mò mẫm tìm miếng mút rửa chén, không nhận ra rằng nước rửa nóng bỏng. Helen không cảm gì nữa cả. Có lẽ thư mình đến hôm nay. Nếu hẳn đọc... hẳn sẽ thấy mình có đề cập đến cái nồi hơi...

Helen nhắc ống nghe điện thoại, gọi Tom.

— Rất tiếc - Cô thư ký trả lời - Anh Warford chưa đến sở...

— Xin chị nhắc anh hãy gọi về nhà ngay. - Helen nài nỉ.

Rồi Helen gác máy xuống. Giả sử cảnh sát không hề nghi Walter... Mà tại sao cảnh sát lại phải nghi Walter?... Helen nhìn chăm chăm con số ghi trên nhãn vàng ngay phía trên mặt điện thoại. Số gọi khẩn cấp. Nhưng có lẽ nên nói chuyện với Tom trước. Tom sẽ biết cách nói chuyện với cảnh sát tốt hơn.

Đúng lúc đó Helen nhớ ra đồng hồ giặt. Có lẽ máy đã giặt xong rồi. Helen xuống tầng hầm, cho đồ giặt vào máy sấy. Rồi Helen leo lên cầu thang lại. Nhưng nửa đường, Helen ngẩng đầu lên. Ở bậc thềm cuối cùng, có một đôi giày... đôi giày thanh lịch quen thuộc với cô.

— À! Cô đây rồi - Walter nói - Tôi cứ sợ cô không có ở nhà.

Hắn đứng ngay khung cửa dẫn vào bếp, vẫn thoải mái tự nhiên, lần này mặc comlê đen. Mặc dù không có cử chỉ đe dọa gì, nhưng rõ ràng hẳn không muốn cho Helen trở lên. Helen

bước xuống vài bậc, nhưng có lẽ hẳn biết rằng tầng hầm này không có lối ra nào khác ngoài cầu thang này.

— Tôi mang đến cho cô tin rất buồn - Hấn nói tiếp - Dì Margaret tội nghiệp đã chết tối hôm kia.

Helen bám chặt vào lan can để vịn.

— Tôi biết. Tôi đọc báo sáng nay.

Hấn có vẻ không ngạc nhiên gì.

— Tôi định tránh cho cô cú sốc đó.

Helen hầu như không nghe nổi giọng mình đáp lại:

— Vì vậy mà anh đến à?

Hấn mỉm cười lấy một tờ giấy ở túi trong áo vét, đưa cho Helen. Trong cầu thang nửa sáng nửa tối, Helen hoàn toàn nhận ra tờ ngân phiếu mà cô đã gửi trả hôm qua.

— Không hẳn thế. Tôi muốn cô giữ lại tờ ngân phiếu này. Dì Margaret muốn thế mà.

Helen không thể trả lời. Cô thấy hấn nhướng mày lên.

— Tôi đề nghị với cô một cuộc giao kèo - Hấn thông thả nói tiếp - Vì lý do tình cảm dễ hiểu, tôi muốn xin toàn bộ thư từ mà dì Margaret đã gửi cho cô, đặc biệt là bức thư cuối cùng. (Hấn tỳ cùi chỏ vào khung cửa) Bây giờ thì tôi đã hiểu rằng cô không có bà con với dì Margaret, nên không có cơ gì mà cô từ chối mong ước của tôi. Đơn giản thôi. Cô giữ lại tờ ngân phiếu và cô trả lại cho tôi thư của dì Margaret.

— Không được. - Helen đột ngột nói.

Và ngay lập tức, Helen hiểu ra rằng câu trả lời này càng khiến cô bị nguy hiểm hơn.

Hấn đứng thẳng lại.

— Thú thật, tôi không hiểu cô. Cô muốn gì với tôi? Rằng dì Margaret đã chết như thế nào à? Tôi không quan tâm đến tờ ngân phiếu này. Tôi biết nó sẽ có ích hơn cho cô. Đừng nói rằng nguyên tắc của cô không cho phép cô nhận lấy nó nhé. - Hấn xảo quyệt nói thêm.

Lời nhận xét cuối cùng này cho thấy sự khác nhau giữa hai người. Giữa giá trị của hần và của Helen. Helen đột ngột hiểu ra hần nhu nhược đến mức nào - và đó chính là mối lo của dì Margaret. Helen đột nhiên cảm thấy mình mạnh hơn.

— Walter, anh thật ngu ngốc quá. - Helen nói bằng một giọng cương quyết.

Và lần đầu tiên Helen hiểu ra rằng mình đang làm chủ tình hình.

Hần máy móc sửa lại chỗ thắt cà vạt, rồi tiến một bước về phía Helen.

— Anh là một thằng ngốc - Helen quả quyết lặp lại - Khi giết dì Margaret, anh đã thực hiện một tội ác vô lý - Helen nhấn mạnh không để hần kịp phản đối - Hôm nay dì Margaret định đến gặp luật sư để sửa lại bức di chúc để cho anh hưởng toàn bộ gia tài. Bây giờ thì anh sẽ không nhận được xu nào.

— Cô nói láo. - Hần nói với giọng khàn khàn.

— Có lẽ anh chưa gặp ông luật sư đó.

Thái độ tự tin của Helen khiến hần do dự.

— Thư dì Margaret nói thế sao?

Tận dụng lợi thế, Helen thản nhiên bước lên về phía hần.

— Đó chỉ là một phần thư dì thôi. Dì còn nói rằng người dì mến nhất trên thế gian này là anh và dì mong sao cho anh trở thành một người đàn ông chân chính. Dì viết rằng anh đang thay đổi tính nết, và dì rất lấy làm vui mừng. Anh đã tự tay đi coi cái nồi hơi lò sưởi trung tâm mà? Anh đã làm thế nào nhỉ? - Helen mỉm cười buồn bã nói thêm - Tôi tin chắc cảnh sát cũng tự đặt câu hỏi này. (Helen thấy hần càng ngạc nhiên hơn) Anh đã đánh giá thấp tất cả mọi người, ngoại trừ chính mình. Anh thừa biết người ta có thể cho theo dõi anh. Còn một điều mà có lẽ anh không nghĩ đến... (Helen chỉ còn cách hần một khoảng rất ngắn) Chẳng lẽ anh định hại tôi để lấy lại bức thư? Anh quên mất anh Tom. Anh Tom cũng biết hết chuyện.. (Bây giờ Helen

thương hại nhìn hẳn) Anh Walter, anh không hiểu rằng anh đã thua rồi sao?

Thậm chí hẳn không thử cản Helen khi cô đi ngang qua trước mặt hẳn. Mắt Helen không rời mắt hẳn.

— Việc hay nhất mà anh còn có thể làm, - Helen nói - là tự mình gọi điện thoại cho cảnh sát để cho cảnh sát biết hiện anh đang ở đâu.

Một cái gì đó trong thái độ của Helen khiến Walter như bị tê liệt. Cách đi đứng, giọng nói quả quyết. Trông Helen giống như dì Margaret.

— Tôi không thể. - Hẳn nói khẽ.

Khi đó Helen nhắc ống nghe, quay số. Nhưng trước khi người đầu dây trả lời, Helen lại quay sang hẳn nữa.

— Ông anh họ Walter thân mến à, - Helen nói dịu dàng - bao giờ anh mới trở thành người nổi tiếng?

MỘT THI THỂ KHÔNG NGUYÊN VẬN

Tác giả: Douglas Farr

Năm phút đó đủ để thay đổi cuộc đời của Norman Roth. Thật ra, việc này chỉ kéo dài có một giây. Giây phút duy nhất khi hắn bắt gặp cô vợ tại cái nơi bất bình thường kia, cái giây phút đó ập xuống hắn thật khủng khiếp. Chỉ cần có một giây. Trước đó, Norman Roth là một người hạnh phúc, hiền lành, không có kẻ thù, không hận ghét ai... Trong một giây, hắn biến thành kẻ bạo tàn điên khùng chỉ còn một mục đích duy nhất là trả thù. Hắn đã có thể thực hiện tội ác trong giây phút đó. Nhưng sát nhân không thỏa mãn nổi hắn. Sát nhân vẫn chưa đủ.

Trước năm phút định mệnh ấy, hắn chỉ cách nhà có bốn mươi lăm cây số. Nhưng hôm đó, hắn đã chạy một mạch từ Chicago về và hắn mệt lả. Sidney, vợ hắn, đang chờ hắn - thật ra phải bốn năm ngày nữa hắn mới về như đã hẹn với nàng - nhưng chắc nàng vẫn chờ hắn. Hắn về sớm sẽ là một bất ngờ thích thú đối với nàng. Đã quá mười giờ khuya và hắn muốn về tới nhà trước khi nàng ngủ.

Trong khi đó, chính hắn đang chống chọi với sự buồn ngủ. Hắn luôn sợ bị ngủ gục khi đang lái xe trong một chuyến đi xa và bị tông vào cột hay chạy xuống hố. Hắn không muốn bị như thế. Hắn có quá nhiều lý do để sống.

Dừng nghỉ một chút và uống một tách cà phê, đó mới chính là điều hắn cần.

Nhưng không hiểu tại sao, cái địa điểm nơi người ta thường dừng uống tách cà phê lại không xuất hiện. Rốt cuộc, hắn đành

phải chọn một quán cao cấp hơn. Trong bãi đậu xe đã có khoảng hai chục chiếc, nhưng hắn vẫn tìm ra một chỗ đậu.

Tiếng nhạc đập vào tai hắn khi hắn xuống xe, một thứ nhạc quá ồn ào theo ý hắn. Nhưng hắn nghĩ rằng nhạc sẽ giúp hắn tỉnh táo lại, rồi hắn nhận ra rằng bên trong quán cũng không sáng hơn bên ngoài bao nhiêu. Đó là loại quán thường gặp bên đường, kha khá hơn loại tồi tàn. Có ban nhạc bốn nhạc sĩ; trước dàn nhạc có chừa khoảng trống và vài cặp đang nhảy ở đó. Quầy bar có vẻ đỡ đông người nhất, nên hắn đến đó ngồi.

— Một tách cà phê. - Hắn nói với người đứng quầy.

— Cà phê ở dưới bếp. - Tay đứng quầy trả lời.

Norman Roth không tỏ ra hung hăng, mà chỉ hơi cương quyết hơn. Hơn nữa, hắn ăn mặc đàng hoàng, trông như một quý ông quan trọng:

— Anh có thể cho mang lên đây không?

Gã đàn ông cầu nhàu bỏ đi, nói vài tiếng với cô hầu bàn. Norman Roth bắt đầu quen với bóng tối hơn. Nhưng hắn không quan tâm đến chỗ này. Hắn nhắm mắt lại để nghỉ mệt. Dễ chịu quá. Nếu hắn không quá thèm muốn được trở về nhà, bên cạnh Sidney, thì hắn đã vào xe nằm ngủ một giấc. Nhưng sáng kiến uống cà phê hay hơn.

Cuối cùng cà phê cũng đến, lôi hắn ra khỏi trạng thái uể oải. Một tách to, không có đĩa, đầy cà phê đen nóng hổi. Hắn đặt tờ một đô-la trên quầy bar, với cung cách chỉ rõ hắn không muốn được thối tiền lại. Hắn uống gần hết tách và chuẩn bị đi tiếp, thì hắn nhìn thấy họ. Từ khoảnh khắc đầu tiên ấy, hắn không hề ảo tưởng gì. Hắn hiểu chính xác, trọn vẹn ý nghĩa của điều hắn nhìn thấy.

Hai người ngồi chung trong một phòng ngăn riêng bên bờ tường xa nhất. Có lẽ nhờ những cặp đang nhảy qua lại trước mặt, mà hắn đã không để ý hai người sớm hơn. Tommy Baron và Sidney.

Tommy Baron chỉ là thằng nhóc con. Cao lớn, đẹp trai, đầy nam tính, nhưng dù sao chỉ là một thằng nhóc. Nhỏ hơn Sidney ít nhất năm tuổi. Tommy Baron tinh khôn, có nhiều bằng đại học và vừa mới thực hiện xong kỳ nghĩa vụ quân sự. Tommy có tài bán hàng bẩm sinh và Roth đã thuê nó vì nhận ra rằng Tommy có tài. Và Tommy đã chứng tỏ khả năng mình. Trong vòng ba năm, chỉ một mình, Tommy đã làm cho Roth và công ty có được địa vị cao. Cách đây hai tháng, Roth đã cho Tommy là bạn hùn vốn với mình. Và chàng trai, mặc dù rất xứng đáng với việc này, đã gần như khóc khi cảm ơn. Thế mà bây giờ nó lại ngồi trong một góc ngăn riêng kia đối diện với Sidney.

Nàng Sidney của Norman Roth. Nàng Sidney xinh đẹp. Không đẹp theo nghĩa cổ điển. Cặp môi hơi đầy đặn quá, mặt hơi dài quá. Nhưng nàng rất đẹp. Sắc sảo. Sidney ba mươi hai tuổi, nhưng không hề thay đổi từ ngày cưới. Mắt đen long lanh. Mái tóc đen búi lên, hoặc cột đuôi gà, lộ rõ khuôn mặt. Kiểu cột tóc luôn thay đổi, nhưng hết sức đài các. Mọi người, dù đàn ông hay đàn bà, luôn để ý nhìn nàng. Có lẽ Tommy Baron đã để ý nhìn nàng. Bây giờ nó đang nhìn nàng. Nó và nàng đang nhìn nhau, không hay biết gì về những người xung quanh, không hay biết gì về một gã đàn ông thấp nhỏ, khá vạm vỡ, đang đứng bên quầy bar với một tách cà phê đang uống dở. Trên bàn, giữa hai người, có hai ly whisky đầy, nhưng bị đẩy sang một bên, như đã bị lãng quên, vì không quan trọng. Hai tay Sidney để giữa bàn, tay của Baron bao trùm trên tay nàng. Tối hôm đó, Sidney cột tóc đuôi gà. Dưới ánh đèn yếu ớt, làn da nàng màu ngà sáng. Nàng mặc một chiếc áo đầm đen, áo mà Norman chưa hề thấy nàng mặc, để lộ bờ vai và tấm lưng phẳng đẹp.

Nàng đang nói chuyện. Hay đúng hơn là Tommy, tay có khiêu bán hàng bẩm sinh, đang nói. Những câu đáp lại của Sidney chỉ là một nụ cười im lặng, hay một cái lắc đầu khiến cái đuôi gà lắc lư. Nụ cười của nàng thật gợi cảm - miệng hé mở, khiêu khích.

Còn cái lắc đầu của nàng chỉ giả vờ nói không thôi. Thật ra, nàng nói được. Được. Ồ! Được, được, được... Norman Roth thấy rõ mà. Dĩ nhiên Tommy Baron đang gần nàng cũng có thể thấy rõ điều này.

Tommy ngoắt cô hầu bàn; nó rút tay vào túi, đặt vài tờ bạc xuống bàn. Cô hầu bàn có vẻ ngạc nhiên khi thấy hai ly vẫn còn đầy. Tommy Baron phá lên cười, nâng ly, uống hết bằng hai ngụm. Sidney chỉ nhìn, vẻ mặt thích thú. Nàng không động đến ly mình. Rồi Tommy cầm lấy cánh tay nàng và hai người chuẩn ra đi.

Norman Roth cúi đầu xuống thật thấp, đưa bàn tay trái lên che mặt. Nhưng hắn không cần phải lo. Tommy và Sidney không thể nào để ý thấy hắn. Hai người đang cười và nhìn vào mắt nhau.

Norman Roth chờ cả hai đi. Hắn không còn trẻ, dáng người vạm vỡ, vậy mà hắn di chuyển rất nhanh. Có cửa sổ ở mặt tiền, từ đó hắn quan sát được hai người. Hắn thấy hai người lên chiếc xe xanh trắng mui trần của Baron. Hắn thấy chiếc xe de, quay, rồi de nữa. Cứ mỗi lần như thế, lớp xe làm bắn sỏi lên. Cuối cùng xe ra khỏi bãi đậu, rẽ trái, đi về hướng mà Roth vừa mới đến, tức đi xa khỏi thành phố. Roth chạy ra cửa, leo lên xe, rồi khéo điều khiển tay lái, ra khỏi bãi đậu xe nhanh hơn xe mui trần. Hắn cũng rẽ trái, đi xa khỏi nhà nhanh như lúc hắn mong về đến nhà. Hắn chạy nhanh, chạy hết tốc độ. Và dù thế cũng phải mất nhiều phút mới tìm thấy được đèn xe Tommy Baron. Hắn chạy đến gần, kiểm tra bảng số xe, rồi chạy chậm lại, nhưng không để mất đèn đỏ xe Baron.

Hắn biết hai người đi đâu, nhưng hắn theo. Hắn muốn biết chắc chắn tuyệt đối. Rồi sau đó, hai người sẽ phải trả giá. Giá cao nhất. Lòng căm thù trong hắn đã nảy nở. Nhưng là một thứ căm thù lạnh lùng, có suy nghĩ, sẽ khiến hắn ra tay không vội vã và không sai lầm.

Hắn chạy theo chiếc xe mui trần suốt ba chục cây số, rồi xe chạy chậm lại, đúng như hắn dự đoán. Đèn đỏ phía sau nhấp nháy để báo hiệu xe sắp rẽ phải. Điều này cũng đúng như hắn dự đoán. Hắn chạy chậm lại, nhưng không chuẩn bị rẽ. Hắn không cần theo để biết đích đến của hai người. Mà kế hoạch của hắn cũng chưa hoàn chỉnh. Xe mui trần rẽ rất sát. Rõ ràng Tommy Baron không quen với khúc queo. Chỉ một mình Sidney biết. Xe mui trần chạy chậm chưa đủ. Baron nôn nóng quá. Xe mui trần lắc lư rất nguy hiểm, nhưng đây là chiếc xe vừa đắt tiền vừa nặng nề, nên không lật.

Roth chậm rãi vượt qua chỗ rẽ, nhìn hai đèn đỏ xe Baron biến mất về hướng phải trong đám mây bụi sỏi. Một khúc rẽ, một hàng cây, và xe đã biến mất. Roth biết xe đi đâu và đang ở bao xa. Hai người đến nhà chòi - nhà chòi săn của hắn - nơi đó cả hai sẽ hoàn toàn được kín đáo.

Và mặc dù đã biết rồi, nhưng nay sự thật ấy như đập vào hắn. Hắn buộc phải chạy chậm lại. Hắn đậu xe bên đường, thắng gấp để dừng. Hắn nhảy xuống đường, trong bóng tối, hoàn toàn cô độc, hắn bị nôn mửa.

Bốn ngày sau hắn mới về nhà. Đó là những ngày mà lẽ ra hắn phải ở Chicago.

Nhưng hắn ở lại thành phố mình. Hắn vào một khách sạn rẻ tiền với tên giả, ăn uống ở các nhà hàng nhỏ kỳ quặc và dơ dáy, cẩn thận tránh những nơi hắn có thể chạm mặt với người quen.

Hắn dành phần lớn thời gian để suy nghĩ. Hắn vào cả ngày ở thư viện thành phố, đọc các sách về y khoa. Xưa kia, hắn từng muốn làm bác sĩ, và có học một năm khoa y. Hắn ghi chép rất nhiều trong khi đọc sách. Sau bốn ngày, kế hoạch hắn đã hoàn chỉnh.

Thời gian trôi qua không hề làm nguôi lòng hận thù trong hắn. Nhưng bây giờ mà nhìn hắn, không ai có thể đoán được rằng đó là kẻ bị giày vò. Hắn không còn nôn mửa nữa. Thậm chí

hắn còn mỉm cười được. Hắn biết rõ rằng hắn mỉm cười được, bởi vì hắn đã luyện tập kỹ. Hắn đã tập cách che giấu hoàn toàn xúc cảm. Hắn lại giống như Norman Roth - một người tử tế, làm ăn phát đạt, mãn nguyện, hạnh phúc.

Và chính với bộ mặt đó, hắn trở về nhà, về với Sidney. Khi nàng giang tay về phía hắn hắn bước đến và hai vợ chồng hôn nhau. Nụ hôn của hắn trìu mến một cách bình thường. Hắn kể về chuyến đi Chicago rất thuyết phục.

Sidney cư xử đúng y như hắn dự đoán. Đối với nàng, đó chỉ là việc ngoại tình với bạn hùn vốn của chồng. Nàng không hề có ý bỏ Norman. Bởi vì Tommy Baron, nhỏ hơn nàng năm tuổi và sợ ảnh hưởng việc làm ăn, không hề rủ nàng trốn đi cùng. Có thể sau này Sidney sẽ yêu cầu Tommy làm việc này, nhưng hiện chính Baron là người điều khiển mọi chuyện. Một tay có khiếu rao hàng bẩm sinh, một anh chàng dẻo mồm dẻo miệng, có nhân cách quyến rũ. Quyến rũ đến nỗi vì mê nó, Sidney chấp nhận chịu đựng chồng thêm một thời gian.

Thế là cả vợ lẫn chồng diễn kịch với nhau. Nhưng chỉ có người chồng là biết có đến hai người cùng diễn kịch với nhau.

Norman Roth cứ để cho mọi thứ trôi qua như thế suốt gần hai tuần. Rồi một hôm hắn mời Tommy Baron vào văn phòng và bắt chuyện đúng như đã dự kiến.

— Tommy ơi, mùa săn sóc và thổ đã mở rồi. Kỳ nghỉ cuối tuần này, anh có muốn lên nhà chòi cùng tôi để bắn vài con không?

Chàng trai trẻ cũng diễn kịch không kém gì hắn. Nhưng anh chàng đóng kịch do không biết:

— Cả đời em chưa bao giờ đi săn, thưa ngài Roth.

Nó luôn gọi bạn hùn vốn là ngài Roth. Nó rất khôn. Nó tỏ ra khiêm nhường đúng độ.

— Vậy thì phải tập thôi, Tommy à. Theo tôi biết, thì anh không có tật xấu nào. Mà bất cứ người đàn ông nào cũng phải có

ít nhất một cái tật nào đó.

Rồi cả hai cười thầm về nghĩa kép của lời nói này.

— Em có tật uống rượu là đủ rồi. - Baron nói.

— Thôi đi cậu, thì ở nhà chòi ta cũng có thể uống rượu vậy.

Roth tỏ ra vui vẻ, khoan dung, bông bột. Nhưng hẳn đang thầm lặng cân nhắc đối thủ. Dĩ nhiên là Baron không hề muốn có hẳn ở cùng trong nhà chòi. Còn nếu Roth lên nhà chòi sẵn, thì Baron sẽ được tự do với bà Roth ở nhà.

— Sếp ơi, hay để kỳ khác đi? - Baron cứng đầu hỏi.

Roth ra vẻ phật ý:

— Có lẽ tôi và anh không đủ thân thiết với nhau, về mặt giao dịch xã giao - Hẳn nói khẽ dường như với chính mình - Chắc là tuổi cách xa nhiều quá.

— Không phải thế đâu...

— Không sao đâu, Tommy à. Anh biết không, Sidney cũng không thích sẵn. Vợ tôi có tấm lòng quá mềm yếu. Tôi thường đi với Max Terrel. Nhưng anh cũng biết là ông ấy vừa mới bị một cơn nhồi máu cơ tim. Từ đó đến giờ tôi chưa đi sẵn lại. Tôi rất ghét đi một mình. Nhưng nếu tôi muốn đi, thì có lẽ...

Không thể nào làm ngơ trước vẻ mặt tội nghiệp và giọng nói thất vọng của hẳn. Mà Tommy Baron lại mang ơn hẳn:

— Ngài Roth này...

— Không sao đâu Tommy. Tôi thông cảm mà...

— Để em nói cho sếp nghe em sẽ làm như thế nào. Em sẽ sẵn thủ. Nhưng sếp đừng giận nếu thay vì bắn thỏ em lại bắn trúng sếp nhe.

Roth nở một nụ cười hạnh phúc. Lời nói của Baron không hề hàm chứa lời đe dọa ẩn ý nào cả. Roth biết rõ Baron không có cái chất của kẻ sát nhân. Bởi vì chính hẳn, Norman Roth, biết rõ những tính cần có để sát nhân.

Thế là kỳ nghỉ cuối tuần tiếp theo đó - tối thứ Sáu - cả hai cùng đi đến nhà chòi sẵn. Họ đi trong xe của Roth, và Roth cầm

tay lái. Hắn mỉm cười khi thấy Baron giả vờ không nhận ra đường đến nhà chòi, rồi khi đến đó, thấy Baron giả vờ phát hiện mọi thứ như mới thấy lần đầu.

Roth dẫn khách đi xem nhà:

— Đây là một nơi rất dễ chịu, Tommy à. Không có gì là cơ cực. Hai phòng, nhà bếp, phòng khách và phòng ngủ. Tất nhiên là cả nhà vệ sinh. Chúng tôi có giếng riêng. Lò sưởi, với củi dự trữ và cái rìu, nếu anh thích tập thể dục...

Baron bình tĩnh đón nhận hai từ rìu và tập thể dục.

— Quanh nơi này vừa có rừng sâu, vừa có cánh đồng thông thoáng - Roth nói tiếp - Rất nhiều chỗ trú cho thú săn. Và đôi khi cũng có cá trong hồ dưới chân đồi.

Hai người tháo hành lý ra. Khi đã xong, Tommy Baron tuyên bố mình mệt và muốn đi ngủ. Do khách thú nhận có tật uống rượu, Roth nài nỉ khách uống một chút. Sáng mai không có lý do gì phải dậy sớm. Roth ra tủ lạnh, mang ra ít đá rồi mở một chai Old Crow. Không phải mất nhiều thời gian để thuyết phục Baron.

Khách uống rượu rất cứng. Chủ nhà đã dự kiến trước việc này, nên tỏ ra kiên nhẫn. Còn chính chủ nhà thì uống dè dặt, nhưng xoay xở sao cho khách cũng tưởng hắn đang uống cầm khách. Khi hết được nửa chai, Baron tỏ ý muốn dừng, nhưng Roth nhất định không cho.

Đến gần mười hai giờ khuya, thì Baron suy sụp:

— Sếp ơi, em đi ngủ đây. - Tommy Baron áp úng.

Thay vì trả lời, Roth rót thêm một ly mới cho khách. Baron hầu như không còn cầm nổi ly nữa, nhưng ngoan ngoãn uống. Mắt anh chàng đờ đẫn và không tập trung được nữa. Anh chàng định đứng dậy để tìm cái giường, nhưng chân không thực hiện nổi việc này và anh ta ngã ngửa ra. Roth đứng bên cạnh, rất nôn nóng vì biết sắp đến hồi kết thúc.

Rồi đoạn kết xảy ra, khá bất ngờ. Đầu của Baron đột ngột ngã mạnh ra sau, rồi sang một bên. Ly rơi khỏi tay anh và vỡ tan, trong khi whisky và đá rải đầy đất.

Nhưng Roth muốn biết chắc chắn. Hắn kéo cái thân bất động lên bằng hai cánh tay, đỡ cho đứng thẳng: “Baron ơi!” hắn hét vào mặt Tommy Baron. Không thấy trả lời, hắn thả tấm thân kia, té xuống chỗ thủy tinh vỡ. Rồi Roth ra tay nhanh. Hắn đi lấy cái rìu trên đồng cũi, gần lửa; dao mổ đã nằm sẵn trong túi hắn. Dùng hai vật cắt đó, hắn thực hiện vụ phẫu thuật. Lượng whisky đã uống vừa giúp hắn can đảm lên vừa làm giảm đau. Hắn tự chặt ngón tay út bàn tay trái.

Hắn đeo nhẫn ở chính ngón tay này. Hắn bỏ ngón tay, nhẫn và những gì còn lại xuống đất, rồi vừa loay hoay khép và băng vết thương, hắn vừa để máu chảy nhiều vào Baron và cái rìu. Điều này không hề gây phiền hà gì cho Baron. Anh chàng đã bắt đầu ngáy khò khò.

Sau đó, hắn không còn gì nhiều phải làm. Hắn in dấu vân tay của Baron lên cái rìu. Hắn ra ngoài lấy cái cốc, cũng cho dấu tay Tommy Baron lên đó cùng với ít máu, rồi mang công cụ trở ra ngoài.

Hắn rời nhà chòi lúc hơn một giờ. Hắn biết rằng Sam Rogers sẽ đến gõ cửa. Hắn đã hẹn với Sam từ lâu. Sam sẽ mang chó săn đến cho hắn. Sam sẽ đến trước khi Baron tỉnh dậy và sẽ làm nhân chứng cần thiết. Sam sẽ ngăn không cho Tommy Baron - giả sử như đầu óc Baron có khả năng hoạt động lại vào sáng mai - loại khử chúng cớ.

Trong khi chờ, Roth có nhiều thời gian. Hắn bỏ xe đậu trước nhà, đi bộ. Hắn lần theo một con đường quen thuộc. Đến rạng sáng hắn đi đường tắt qua cánh đồng, ra được một con đường lớn khác. Và đến giờ ăn sáng, hắn đã cầm vé trong tay, leo lên xe ca đi về hướng Tây. Đến mười hai giờ trưa, hắn đã ở một thành phố khác. Hắn xuống xe ca, nhận phòng ở một khách sạn rẻ

tiền, và tại đó, hắn ngã sụp xuống vì đau đớn và mệt mỏi. Hắn ngủ thiếp đi.

Hắn háo hức đọc báo. Toàn bộ câu chuyện nằm trên đó. Đúng loại chuyện mà báo chí ưa thích.

Sam Rogers đã hoàn thành công việc rất tốt. Sam đã thấy cửa nhà chòi sẵn mở và mọi thứ y như lúc Roth bỏ đi, kể cả Tommy Baron vẫn còn ngủ. Sam không đụng đến gì và đã gọi ngay cảnh sát.

Các thanh tra tài giỏi đã tái tạo lại tình huống. Ngón tay bị chặt có thể được nhận dạng vừa nhờ chiếc nhẫn vừa nhờ dấu vân tay. Rõ ràng rìu là vũ khí gây án mạng. Dĩ nhiên điều khiến cảnh sát thắc mắc là xem xác biến đi đâu. Có hai khả năng - hồ hoặc rừng. Sẽ phải mất rất nhiều thời gian để kiểm chứng và có thể sẽ không bao giờ ra được kết quả. Vậy cảnh sát không tin chắc rằng có án mạng xảy ra.

Nhưng khi đó, cảnh sát bắt đầu tìm động cơ, đặt câu hỏi, tiếp nhận thông tin. Và bức chân dung của Tommy Baron bắt đầu thành hình. Một chàng trai trẻ đầy tham vọng, được chủ thuê tôn lên thành bạn, nhận vào gia đình, mời làm bạn hùn vốn. Và Tommy Baron đã tỏ lòng biết ơn bằng cách trở thành tình nhân của vợ ông chủ. Cuối cùng anh chàng uống rượu say và cãi nhau với ông chủ thuê tại nhà chòi hoặc có khi anh chàng đã lên kế hoạch thủ tiêu ông chủ mình - mặc dù không thể chứng minh người vợ có liên quan đến vụ này. Tommy Baron bị bắt giữ vì tội sát nhân.

Norman Roth mỉm cười khi đọc tất cả những thứ này. Hắn cố tưởng tượng xem Baron nghĩ gì. Dĩ nhiên là nó đã quên hết rồi. Nhưng thế nào nó cũng thắc mắc. Chuyện gì đã xảy ra với sếp? Sếp đã thật sự chết chưa? Chẳng lẽ nó đã thật sự giết chết sếp? Những câu hỏi này sẽ nhận được trả lời. Nhưng Tommy Baron sẽ không thích mấy câu trả lời. Tất nhiên là Sidney cũng nhận được phần tiếng tăm trên báo chí. Lúc đầu thì nàng phủ nhận

mối quan hệ lãng mạn với Baron. Nhưng rồi nàng đổi ý, nàng thừa nhận mối tình với Baron, bắt đầu nói những chuyện không hay về chồng mình và tuyên bố nàng tuyệt đối tin chắc rằng Tommy Baron không giết chồng nàng.

Norman Roth không kiềm được tiếng cười. Tội nghiệp Sidney! Nàng tin chắc rằng Tommy không phải là kẻ sát nhân. Nhưng nếu vậy, thì chuyện gì đã xảy ra ở nhà chòi? Và bây giờ điều gì sẽ xảy ra với Tommy?

Norman Roth mua hết những báo tìm được. Hắn bỏ hàng giờ để đọc báo. Khi làm vậy, hắn bắt đầu sống cuộc đời mới. Phần kế hoạch này đã được chuẩn bị rất kỹ. Hắn không hề làm bất cứ điều gì có thể làm người ta nghĩ hắn có ý định biến mất. Hắn không đụng đến tài khoản ngân hàng. Hắn không bán bất cứ cái gì có thể gây chú ý. Nhưng hắn đã luôn giữ hai ngàn đô-la bằng tiền mặt trong két sắt ở ngân hàng. Sidney không hề biết. Ngân hàng cũng không biết. Bây giờ hắn đang giữ số tiền này. Khoản này sẽ giúp hắn cầm cự khoảng thời gian cần thiết - nếu hắn thật trọng. Vậy hắn không cần làm việc, không cần làm bất cứ gì buộc phải chứng minh tên tuổi. Hắn ghi danh ở khách sạn là Norman Jones. Một vụ mất tích hoàn hảo.

Tất nhiên là bàn tay hắn gây rắc rối. Hắn không dám đi gặp bác sĩ. Hắn biết điều này nguy hiểm như thế nào. Nhiễm trùng nặng có thể làm hắn chết hoặc buộc hắn đi tìm sự cứu giúp của y tế và điều này có thể làm hắn bị lộ mặt. Nhưng không có vụ nhiễm trùng nặng nào cả. Nhờ có chút đỉnh vốn kiến thức y tế và các loại thuốc mua không cần toa bác sĩ, hắn chiến đấu và chiến thắng, vết thương bắt đầu lành từ từ.

Mà không phải là không đau đớn. Có lúc hắn đau nhức khủng khiếp. Vụ chặt bỏ ngón tay thật vụng về, không khéo và gây những tổn hại không cần thiết. Nhưng hắn sẵn lòng chịu đựng nỗi đau đớn này, gần như với sự hài lòng. Bởi vì hắn biết rằng nỗi đau mà hắn gây ra to lớn hơn nỗi đau mà hắn phải chịu.

Trong khi đó, Tommy Baron bị kết tội giết người và ngày xử được ấn định. Norman Roth nóng ruột vì sự chậm chạp của bánh xe công lý, và cảm thấy bức mình. Tommy Baron ngưng không còn lên trang nhất báo chí nữa. Nhưng Norman Roth tự an ủi khi biết rằng cả Tommy Baron lẫn Sidney đều không hạnh phúc gì.

Hắn được thông tin đầy đủ khi thời điểm xét xử đến gần. Báo chí bắt đầu quan tâm đến vụ án trở lại. Những bài báo hắn đọc cho hắn biết rằng không có yếu tố nào bị thay đổi. Theo quan điểm của Bộ Tư pháp, vụ án mạng có thể dễ dàng được chứng minh mặc dù thiếu vắng thi thể đầy đủ. Mà nếu đã có án mạng, thì ai khác ngoài Tommy Baron có thể thực hiện tội ác?

Ngày đầu tiên phiên xét xử, Norman Roth quay về thành phố. Hắn đi kín đáo bằng xe ca, và vào một trong những khách sạn tồi tàn mà hắn đã quen ở. Nhưng khách sạn này lại nằm đối diện với tòa án nơi diễn ra vụ xét xử.

Tất nhiên là hắn không đích thân dự phiên xử. Hắn rất muốn làm như thế và định làm thế. Ngoại hình hắn đã thay đổi nhiều - kết quả sự đau đớn và cô đơn - và rất ít khả năng ai đó nhận ra hắn, nhưng hắn không chịu mạo hiểm vô ích sau bao nhiêu mạo hiểm đã trải qua.

Sáng hôm xét xử đầu tiên, hắn ngồi bên cửa sổ ở lầu ba nhìn Tommy Baron bị cảnh sát dẫn độ từ nhà tù đến tòa án. Nhà tù lại nằm phía bên kia đường. Từ cửa sổ hắn nhìn được cảnh tượng rất rõ bằng cặp ống nhòm rẻ tiền. Hắn chăm chú ghi nhận mọi chi tiết.

Tommy Baron băng qua đường giữa hai cảnh sát mặc thường phục. Nó bị cột vào một viên cảnh sát bằng còng số tám. Đám đông nhỏ khoảng một trăm người hiếu kỳ đã tụ tập lại để xem bị cáo đi qua. Roth cho rằng đó là tình huống lý tưởng.

Chỉ đến ngày xử thứ ba hắn mới đủ sức chuyển sang giai đoạn thứ ba của kế hoạch. Báo chí thảo luận nhiều về phiên xử,

nên đám đông càng ngày càng tăng, gồm chủ yếu những người có thói quen lui tới các tòa án, vài cô thư ký đánh máy ham cảm giác mạnh làm việc trong khu phố lân cận, và có lẽ một số người tình cờ đi ngang qua.

Thế là vào ngày thứ ba, Roth trà trộn vào đám đông. Hắn kín đáo chen vào những hàng đầu. Đám đông tụ tập rất ồn ào. Mọi người bàn tán về vụ án, nhưng không thật sự quan tâm đến người bị liên can. Đối với mọi người, chàng trai kia chỉ là một con thú nhốt trong chuồng. Nhưng đám đông yên lặng ngay khi Tommy Baron và cảnh sát hộ tống xuất hiện. Bầu im lặng như chết ập đến.

Roth quan sát bạn hùn vốn cũ đang đến. Tommy bước đi giữa hai người cảnh sát mặc thường phục. Tom không nhìn đám đông mà nhìn thẳng trước mặt. “Nó sợ, Roth tự nhủ. Mình chưa bao giờ thấy một người tỏ ra khiếp sợ đến thế. Nó không còn vênh mặt như trước kia. Nó đã trải qua đau khổ, nhưng đó mới là bước khởi đầu thôi”.

Ba người tiến đến gần rồi bước nhanh qua trước mặt hắn; tay áo của một người cảnh sát chạm vào áo bành tô của Norman Roth. Roth chọn đúng lúc đó để nói. Hắn không nói to, nhưng nói rõ bằng giọng bình thường.

— Chúc may mắn Tommy nhé.

Tù nhân giật mình quay đầu lại, nhìn qua vai, ráo riết nhìn đám người, hy vọng tìm thấy chủ nhân của giọng nói quen thuộc kia. Roth đưa tay lên - đúng cái bàn tay bị thương chỉ còn bốn ngón - hắn vẫy tay và hài lòng thấy Tommy Baron tái mặt và đột ngột cố lôi hai người cảnh sát dẫn độ ra phía sau để xem hình ảnh vừa mới thấy có thật hay không, nhưng hoài công. Và hắn thích thú nghe tiếng kêu ơ ơ của Tommy trong khi hai cảnh sát cố ngăn việc mà họ tưởng là toan chạy trốn. Tiếp theo đó là một cảnh tượng lộn xộn không tả nổi. Tiếng la hét của người xem hoảng sợ át mất tiếng phản đối tuyệt vọng của Baron. Và

lợi dụng sự náo động này, Norman Roth thản nhiên bỏ đi, hòa mình vào đám đông, và biến mất trước khi có người hiểu ra những gì Tommy Baron đang cố giải thích. Không bị ai can thiệp, Norman Roth về khách sạn, đi thang máy lên lầu ba, về phòng. Và chỉ khi đó, kín đáo và cô độc trong phòng, hắn thoải mái biểu lộ cảm xúc. Hắn phá lên cười, nhưng cười không thành tiếng, với nỗi khoái cảm tuyệt đỉnh.

Báo chí nói về vụ này trong ấn bản mười hai giờ trưa. Người bị xử về tội giết người cho rằng mình đã nhận ra kẻ được cho là nạn nhân trong đám đông đang đứng trước tòa án. Lời bình luận rất khác nhau: một số cân nhắc khả năng kỳ lạ rằng Norman Roth vẫn có thể còn sống, một số khác mỉa mai cho rằng bị cáo đang thử một trò mới để gieo nghi ngờ trong đầu óc các vị bồi thẩm. Khi sẽ bị hỏi cung, chắc chắn Tommy Baron sẽ cố làm bồi thẩm đoàn tin rằng anh đã nhìn thấy kẻ được cho là chết đang còn sống.

Báo ra buổi tối cũng triển khai chủ đề y như vậy. Một viên cảnh sát lưu ý rằng điều rất lạ là chỉ có mình Tommy Baron được nhìn thấy kẻ mà Tommy mô tả giống như Norman Roth. Và cũng rất lạ rằng kẻ đó lại biến mất khi cảnh sát tiến hành tìm kiếm.

Ăn náu an toàn trong phòng khách sạn, Roth đang rất vui vẻ. Nhưng hắn cũng biết rằng hắn phải hết sức thận trọng. Tối hôm đó hắn ở lại trong phòng, nhịn ăn tối, thà tự nuôi no nê bằng ý nghĩ về nỗi cực hình của Tommy Baron khi anh đang suy nghĩ dần vật. Tối nay khi ăn tối, hắn nghĩ bụng, Tommy Baron, cũng như Sidney, khó mà hưởng được sự bình tâm.

Sáng hôm sau, hắn vẫn không ra khỏi phòng. Hắn ngồi ở cửa sổ, tay cầm ống nhòm, canh Baron đến tòa. Dù sao, hắn không hề có ý định lập lại màn kịch ngày hôm qua, hơn nữa hắn đề phòng một cái bẫy, một sự dàn xếp nào đó của cảnh sát phòng trường hợp Tommy Baron đã nói thật.

Norman Roth ở lại trong phòng. Hắn để ý thấy một đám đông hơn đã tụ tập trên bậc thềm tòa án. Và chắc chắn có cảnh sát chìm trà trộn trong đám đông này. Hắn cười khi nhìn họ từ trên cao xuống, như một vị Chúa thần biết chắc trước rằng nỗ lực của họ sẽ hoài công.

Đúng giờ thường lệ, Baron và cận vệ bước ra khỏi tù, băng qua đường. Roth nhìn thấy bàn hùn vốn cũ của hắn rất rõ qua ông nhòm. Hôm nay anh chàng không nhìn thẳng trước mặt nữa. Tommy nhìn xung quanh, nhìn mọi hướng. Roth nghĩ hắn thấy được một tia hy vọng điên rồ trên gương mặt chàng trai. Dĩ nhiên là hy vọng hão huyền. Không có gì xảy ra. Norman Roth không có ở đó. Chỉ là ảo tưởng, ảo giác, niềm hy vọng cuối cùng của một người sắp chết. Baron cùng hai cận vệ leo lên các bậc thềm vào tòa án, biến mất vào bên trong.

Chiều hôm đó Roth lén lút xuống mua tờ báo. Hình Tommy Baron hiện trên trang đầu và dưới hình là lời kêu cứu của bị cáo: “Tôi van ông, ông hãy trở về, thưa ông Roth. Xin ông hãy báo tin rằng ông còn sống. Tôi van xin ông...”

Bồi thẩm đoàn đã lui về phòng để quyết định về vụ Tommy Baron. Lần đầu tiên sau suốt nhiều tháng, Norman Roth trở về nhà mình.

Hắn đã tiến hành theo dõi nhà tù hoàng hôn. Hắn biết Sidney ở trong đó, nhưng hắn muốn biết chắc rằng nàng chỉ có một mình và không ai khác ngoài hắn theo dõi hiện trường. Cuối cùng hắn kết luận rằng không có ai cả. Dường như không có ai đủ trí tưởng tượng để dự đoán Norman Roth sẽ làm gì, giả sử như còn sống. Hắn đứng sát vào tường, để Sidney không thể thấy hắn, nếu lỡ nàng muốn nhìn trước khi mở cửa. Và hắn sẵn sàng bỏ chạy nếu sự việc xấu đi. Nhưng hắn không gặp trở ngại gì. Sidney gần như ra mở cửa ngay, và trước khi nàng kịp hiểu ra người gõ cửa là ai, thì hắn đã đột nhập vào nhà.

Khi nhận ra hắn, nàng định hét lên, nhưng đưa tay lên miệng để át tiếng la.

— Sidney à, ngạc nhiên khi thấy anh sao? - Hắn nói bằng giọng tử tế.

Nàng gật đầu, và như sắp ngất xỉu, tựa vào tường, nhìn hắn chăm chăm bằng cặp mắt to.

— Sidney à, bộ em không vui khi thấy chồng em bị mất tích từ lâu, hóa ra không chết sao? Em có muốn hai ta vào phòng khách ngồi không? - Hắn nói và không chờ câu đáp - Anh muốn nói chuyện với em, nhưng anh không có nhiều thời gian.

Tuân thủ động tác của chồng, Sidney đi trước hắn. Hắn để ý nàng đã gầy đi và không được chải chuốt như trước. Nàng vẫn cột tóc ra phía sau, nhưng tóc bù xù và không bóng mượt nữa. Áo choàng mặc trong nhà của nàng bị nhàu, nhăn nheo, như thể nàng đã mặc để ngủ.

— Sidney, ngồi xuống đi...

Nàng bước ra divan, ngồi đối diện hắn. Nàng nhìn hắn trong khi hắn khám xét gương mặt nàng: gương mặt xưa kia màu ngà nhạt, nay đã trở nên vàng vàng, còn cặp môi thì tái mét. Chỉ còn đôi mắt là mang tia sáng của sự sống. Tia sáng rất nồng cháy.

— Vậy đúng là Tommy đã nhìn thấy anh trước tòa án. - Nàng nói.

— Tất nhiên là đúng. Anh muốn nó thấy anh. Anh muốn trấn an nó, cho nó biết rằng nó không thật sự giết anh.

Linh cảm mách bảo cho nàng đoán ra sự thật:

— Nhưng anh không muốn cảnh sát phát hiện ra anh.

— Đúng.

— Anh đã làm cho Tommy bị bắt vì một lời cáo buộc giết người không có thật và bây giờ anh muốn hành hạ Tommy bằng cách để anh ấy biết rằng anh vẫn còn sống.

— Em hiểu tình hình rất chính xác.

— Tại sao anh đến đây?

- Để cho em cũng được bình tâm, Sidney yêu à.
- Nhưng anh vẫn không có ý định đi gặp cảnh sát?
- Dĩ nhiên là không.

Hắn từ từ tháo chiếc găng tay trái ra. Sidney theo dõi cử chỉ hắn, như bị mê hoặc. Nhưng miệng nàng nhăn đi và nàng nhắm mắt sau khi nhìn thấy bàn tay bị thương của hắn.

— Anh đã bỏ ra rất nhiều công sức để dàn dựng tất cả chuyện này. - Cuối cùng nàng nói.

— Rất nhiều.

Nàng quan sát mặt hắn suốt một hồi.

— Em rất muốn biết để làm gì? - nàng nói.

— Bởi vì anh căm thù cả hai. Anh có nghĩ đến chuyện giết cả hai. Nhưng hai người không xứng đáng nhận một cái chết dễ dàng. Việc gán cho hai người số phận mà các người đáng nhận cũng xứng đáng với nỗi khổ cực của anh.

— Tại sao anh căm thù chúng tôi?

— Tại sao ư?

— Em không hiểu tại sao anh căm thù em, Norman à. Em không hiểu tại sao việc em ngoại tình tác động anh đến thế. Bởi vì anh chưa bao giờ thật sự yêu em.

— Em nghe này, - Hắn giận dữ nói - nếu em định làm anh đổi ý...

— Không, em không hề nghĩ rằng anh sẽ đổi ý. Nhưng tất cả đều rất khộp. Tất cả những gì anh đã làm rất dễ hiểu. Anh đã cưới em, vì em là loại phụ nữ mà anh có thể hãnh diện. Chứ không phải vì tình yêu, Norman à. Mà vì kiêu ngạo. Và mối quan hệ của em với Tommy đã làm tổn thương lòng kiêu ngạo của anh. Nhưng bây giờ lòng kiêu ngạo của anh lại được thỏa mãn. Anh trả thù. Anh tưởng anh là Chúa trời và anh thích thú nhìn Tommy và em quần quạy, la hét. Có thể Tommy và em đã sai, nhưng em không nghĩ Tommy và em đáng bị như thế này...

Hắn đứng dậy khỏi ghế bành, ngắt lời nàng:

— Nếu em cầu xin sự thương hại...

Nàng cũng đứng dậy, miệng mĩa mai.

— Thương hại! Sự thương hại từ một kẻ đã tự làm mình bị thương, đã dám đổ máu của chính mình để có máu. Không, em sẽ không bò lê, nếu đó là điều mà anh mong.

Hắn quay lưng lại nàng, vừa đeo găng lại vừa bước ra cửa, rồi đứng yên trước cánh cửa.

— Chắc là bây giờ, - Hắn nói - em sẽ đi gặp cảnh sát, thử thuyết phục họ rằng em đã nhìn thấy anh tại đây, vẫn còn sống, trong nhà này.

Sidney không đi theo hắn ra cửa.

— Em sẽ không phí thời gian thử thuyết phục bất cứ ai. Kế hoạch của anh đã diễn ra quá tốt.

Hắn tức giận bước ra. Cách nhà tám trăm mét, hắn tìm được taxi, đi đến cách khách sạn vài khu nhà. Hắn không vui. Cuộc gặp không thỏa mãn được hắn. Đã không xảy ra như hắn dự kiến.

Nhưng hắn cảm thấy vui hơn một chút khi nghe những người bán báo rao: “Số đặc biệt! Baron có tội! Số đặc biệt đây...”

Suốt giai đoạn kết án Tommy Baron, hắn theo dõi Sidney thật sát. Suốt những lần chống án hợp pháp, lần lượt thất bại. Suốt lần đệ đơn xin khoan hồng lên Thống đốc bang, cũng bị bác. Và suốt thời gian chờ thi hành án.

Và nhờ vậy hắn biết nàng đi đến nhà chòi hôm trước ngày Tommy sẽ chết.

Khi đó hắn hiểu ra rằng sự thỏa mãn trọn vẹn mà hắn khát khao chỉ có thể đạt được bằng một cách duy nhất. Hắn phải ở cạnh Sidney lúc Tommy Baron sẽ chết.

Giờ - tất cả các báo đều đã thông báo giờ hành án - được ấn định vào lúc mười một giờ khuya. Norman núp trong rừng suốt ngày để theo dõi nhà chòi. Xe của Sidney đậu trước nhà. Sidney chỉ bước ra ngoài một lần, để lấy một cái gói trong xe. Rồi nàng

trở vào nhà và không ra nữa. Hắn nghe tiếng radio. Có lẽ nàng đang nghe bản tin tức.

Hắn chờ màn đêm xuống, rồi sau đó chờ thêm khá lâu nữa. Rồi hắn tiến lại gần sát nhà. Sidney mặc quần và áo pun đen, tóc xõa. Hắn nghe tiếng radio rất rõ. Tên Tommy Baron được nhắc đến nhiều lần. Rồi hắn quan sát vợ một hồi qua cửa sổ. Nàng đang căng thẳng hút thuốc.

Đến mười một giờ kém mười lăm, hắn gõ cửa. Vì Sidney đang ở cô độc trong rừng, hắn tưởng sẽ phải dùng vũ lực để bắt nàng mở cửa. Hắn còn nghĩ sẽ đập kính cửa sổ để vào. Nhưng nàng mở cửa ra ngay sau khi hắn gõ.

— Norman, em chờ anh. - Nàng nói.

Hắn lại bực mình vì bị bất ngờ như thế.

— Để anh vào. - Hắn nói bằng một giọng khó chịu.

Sidney tháo cửa lưới chống muỗi, rồi hắn bước vào. Nàng đứng cạnh hắn, ngược mắt lên nhìn hắn và môi nở một nụ cười khinh bỉ khiến hắn khó chịu.

— Anh thấy em hiểu rõ anh đến mức nào không. Em biết anh sẽ theo em và em biết anh sẽ muốn sống những giờ phút trọng đại kia bên em. Chính vì vậy mà em đã đến đây. Em nghĩ chỗ này là khung cảnh thích hợp cho anh. Và em không muốn anh bị thiếu thốn gì.

Hắn quay lưng lại với nàng, xem xét bên trong nhà. Dĩ nhiên là nhà không còn bữa bộn và máu me từ lâu. Bây giờ nhìn nhà biết là có sự hiện diện của một người phụ nữ. Nhưng Sidney không được chải chuốt như trước. Quần áo bày đầy trên ghế và dưới đất. Chăn giường chưa xếp lại. Chén đĩa dơ để đầy trong bồn rửa, trên bàn có một chai chỉ còn một nửa và một ly còn ít whisky.

— Em uống rượu. - Hắn bắt đầu nói.

— Phải công nhận rượu giúp ích rất nhiều.

— Ta có thể uống chung - Hấn nói - Ta có thể nâng ly mừng sự biến mất của một người đàn ông từng được em yêu thương.

Hấn lấy một ly sạch trong tủ, tự rót một ly whisky. Rồi hấn ngồi xuống, ra hiệu Sidney đến ngồi cùng. Nàng ngồi trong ghế bành đối diện hấn.

— Chưa thấy quyết định giảm án cho Tommy hả? - Hấn hỏi.

— Em không mong chờ gì. - Nàng nói.

Hai người im lặng nhìn nhau. Radio phát tiếng nhạc, nhạc nhẹ, êm dịu, dễ nghe, dễ chịu. Hấn ngạc nhiên nhận thấy mình đang lắng nghe.

— Anh nghĩ, - Hấn nói sau một hồi - rằng khi Tommy chết rồi, sau vài ngày nữa, anh có thể xuất hiện ở một nơi nào đó, cho biết tên tuổi. Anh đang suy nghĩ về câu chuyện mà có thể nói. Anh nghĩ anh sẽ bịa ra được một câu chuyện nào đó nghe thuyết phục. Anh và Tommy uống rượu say và đánh nhau đổ máu, anh kịp thoát để cứu mạng. Anh đi khỏi nhà, bị mất trí nhớ suốt một thời gian. Rồi anh tỉnh lại, trí nhớ hồi phục. Anh kinh hoàng biết tin Tommy bị xử vì tội giết anh. Em nghĩ sao?

— Có lẽ người ta sẽ tin anh.

— Em yêu, em hiểu không, anh muốn ngăn em, với tư cách là vợ góa, hưởng thụ số tiền mà anh để lại...

Nét mặt Sidney thật khó hiểu. Roth muốn đứng dậy đánh nàng, làm cho nàng la và khóc. Nhưng hấn không làm thế. Hấn làm tổn thương nàng, chắc chắn rồi. Ất nàng bị tổn thương. Trái tim nàng đâu làm bằng đá. Cho dù nàng không muốn để lộ, nhưng nàng đã bị tổn thương.

—... Thậm chí, Sidney thân yêu ơi, ta có thể tiếp tục cuộc sống chung đã bị gián đoạn. Anh có thể tha thứ cho em, nhận em lại. Mà em cũng đâu có sự lựa chọn nào khác. Ai cũng biết chuyện ngoại tình của em. Anh có thể ly dị mà không chu cấp tiền nuôi em. Em sẽ được lựa chọn: ở lại với anh hoặc bị tống ra đường.

— Cuộc sống chung mới của ta có hạnh phúc không?

— Nó sẽ rất đẹp. - Hấn mỉm cười nói.

Radio thông báo đúng mười một giờ.

— Mừng sức khỏe. - Norman Roth nâng ly nói.

Sidney không nói gì, nhưng rùng mình toàn thân khi đài báo giờ, rồi nâng ly, uống cạn. Norman cũng nốc hết rượu.

— Mừng Tommy Baron!

Bản tin kéo dài mười lăm phút. Tin mới nhận được đọc vào lúc cuối cùng. Tommy Baron đã ngồi vào ghế điện nhà tù bang. Bác sĩ nhà tù đã chính thức tuyên bố rằng anh đã chết.

— Xong, - Norman nói - người tình của em không còn nữa. Không còn gì làm rào cản giữa hai ta nữa. Ngày nay mệt quá. Hay ta đi ngủ nhé?

Tất nhiên là hấn chọc ghẹo nàng, thật ra hấn mệt đừ. Hết xí quách. Không, không còn cảm xúc.

Rồi Sidney đột nhiên mỉm cười với hấn và hấn tự hỏi để làm gì.

— Anh Norman à, em không nghĩ anh có thể đi đến giường nổi. - Nàng nói hấn.

— Em nói gì vậy?

— Trong whisky mà anh đã uống, có một thứ thuốc gây tê liệt.

Hấn lại cảnh giác, ý thức rõ về một mối nguy hiểm. Bởi vì hấn bị một cảm giác rất lạ khắp bán thân trên và chân. Não hấn ra lệnh chân phải di chuyển, nhưng chân không chịu tuân thủ. Nhưng dù gì, hấn chưa thấy sợ.

— Em cũng uống whisky này mà. - Hấn nói.

Nàng lắc đầu:

— Ly em đã có rượu khi anh vào. Anh nhớ chưa? Chỉ có mình anh uống trong chai này.

Rồi hấn nhìn nàng, nàng chứng minh lời nói mình bằng cách đứng dậy khỏi ghế, bước đến lò sưởi, bên lò sưởi có để cái rìu.

Nàng nhẹ nhàng nhắc vũ khí lên, quay lại quan sát hắn. Trán Norman toát mồ hôi.

— Anh có nhận thức rằng anh đã chính thức chết rồi không?
- Nàng nói với một nụ cười nham hiểm - Nếu em dùng cái rìu này chặt anh ra thành từng khúc, rồi thật cẩn thận tống khứ mấy khúc đó, sẽ không ai biết gì cả. Mà nếu ngày nào đó, có ai phát hiện một cái gì đó... có thể là một ngón tay... thì tất nhiên thủ phạm sẽ là Tommy.

Nàng tiến đến gần hắn. Hắn còn sống, ý thức rõ tất cả. Hắn chỉ có thể nhìn nàng chuẩn bị làm cái việc mà nàng sắp làm.

— Anh yêu, - Nàng nói - chính anh nghĩ ra chuyện này mà.

AI SẼ GIẾT LISA?

Tác giả: C. B. Gilford

*T*ết tốc độ lái chiếc xe đua dọc theo gờ đá, tưởng như cô đang bị cái chết rượt theo sát gót. Mùa nghỉ đã kết thúc, vùng này hoang vắng và rất ít xe qua lại trên đường. Nếu ngược lại thì sẽ thật tai họa bởi vì cô lái xe không vững, không để ý gì đến tốc độ và khúc cua.

Cô chạy xe suốt buổi chiều dưới ánh nắng thu yếu ớt, cho đến đêm xuống. Không phải bóng tối, mà chính nỗi mệt mỏi tột độ buộc cô phải dừng tại một trong những quán trọ hiếm hoi vẫn còn mở.

Cô bước vào mà không thèm nhìn tên quán. Một ông lão ngồi phía sau bàn thông báo rằng vẫn còn phòng. Cô lưỡng lự một hồi trước khi ký vào sổ ghi danh, rồi ghi đại cái tên đầu tiên nảy ra trong đầu: “Louise Thompson”.

Người ta đưa cô lên phòng, rồi khi nhân viên khách sạn lui ra, cô nằm xuống giường. Nhưng cô không nằm trên đó lâu. Cô đã hy vọng rằng sự yên tĩnh gần như hoàn hảo sẽ giúp cô bình tâm lại, nhưng trái lại cô đang bị cảm giác căng thẳng gia tăng. Cô đi xuống và hỏi xem có dọn ăn tối không.

Nhân viên chỉ cho cô phòng ăn. Trong gian phòng này, có thể chứa năm chục người, nhưng chỉ có một cặp vợ chồng già và một người phụ nữ đơn độc như cô. Không khí không được ấm cúng lắm, nhưng cô vẫn ngồi xuống và xem thực đơn.

Trong khi chờ người ta mang thức ăn, cô hút nửa chục điếu thuốc. Mưa bắt đầu rơi, cô nghe được những hạt mưa to bị gió thổi đi đập vào kính cửa sổ. Tiếng động này làm cô hoảng hốt lên, như thể mưa gió đang cấu xé tường khách sạn để bắt lấy cô. Cô rùng mình, nhớ lại thời xưa cô thích đi dưới mưa như thế

nào. Bây giờ mọi thứ đều có vẻ hiềm khích với cô, mưa gió cũng như tất cả những thứ còn lại.

Cô nhìn thấy người đàn ông ngay khi anh bước vào phòng ăn. Chỉ một ánh nhìn là đủ để cô thấy rõ anh.

Đó là một người đàn ông tầm vóc trung bình, có lẽ khoảng ba mươi tuổi, khá điển trai. Cô nhìn lại anh suốt một hồi, nín thở, nhận thức rõ cô liễu lĩnh như thế nào khi nhìn anh chằm chằm như thế, nhưng lại không thể nào dời ánh nhìn đi chỗ khác. Nhưng cô cảm nhận được rằng làm như thế cô để lộ nỗi sợ hãi đột ngột bản năng mà anh gây cho cô.

Ông nhân viên già cố hướng dẫn khách mới đến đến một bàn trống, nhưng người đàn ông gạt ông già ra, bước thẳng đến cô. Anh có vẻ thắc mắc.

— Ta có quen nhau không nhỉ? - Anh hỏi.

Đây là một cách bắt chuyện kín đáo. Cô lắc đầu.

— Tôi nghĩ là không. - Cô nói bằng một giọng run rẩy.

Nhưng anh không bỏ đi. Anh đứng trước mặt cô, vẫn thắc mắc nhìn cô.

Tại sao anh ta làm mình sợ? Cô tự hỏi. Anh không có vẻ tự tin, vậy anh ta không phải là kẻ mình nghi. Một người đàn ông nhìn mình thì có gì lạ đâu? Mình xinh đẹp, vì vậy mà anh ta để ý mình. Đáng lẽ mình phải quen chuyện này rồi chứ... nhưng đó không thể là cách giải thích. Có một cái gì đó quen thuộc nơi người đàn ông này... mình không quen anh ta, vậy mà...

— Tôi chắc chắn là từng thấy cô rồi - Anh vẫn nói - Có thể chỉ là trên tờ bìa của một tạp chí.

— Có thể.

— Nhưng cô chưa bao giờ gặp tôi, đúng không?

— Chưa.

— Vậy thì tại sao cô nhìn tôi như thế?

— Như thế nào?

— Khi bước vào đây, tôi nhìn xem có ai tôi quen ở đây không. Cô biết không, tôi phải đi xa nhiều, và tôi thường trọ ở khách sạn này. Nhưng tôi không quen ai. Tôi nhìn thấy một cô gái lạ, rất đẹp, nhìn tôi chăm chăm, rõ ràng là khiếp sợ. Có thể tôi đã thấy hình cô đâu đó rồi, nhưng cô, thì cô không quen tôi. Vậy mà cô lại sợ tôi. Tại sao?

— Tôi tưởng anh đến giết tôi. - Cô gái nói rồi ngạc nhiên vì đã nói thật mà không lưỡng lự.

— Nhưng để làm gì? Cô chưa bao giờ gặp tôi trước đây mà?

— Tôi tưởng Dion Cantwell phái anh đến giết tôi.

Tưởng như anh sắp cười, nhưng có lẽ anh hiểu ra rằng không nên làm thế.

— Vậy thì cô làm rồi, tôi chưa bao giờ nghe nói đến tay Dion Cantwell đó hết.

Hai người ăn cơm tối chung và cô gái bắt đầu nói chuyện thoải mái hơn. Cô được biết anh tên là Robert Narron. Cô cho anh biết tên thật của cô, nghĩa là tên thật làm người mẫu của cô: Lisa Troy. Rồi cô kể cho anh nghe về Dion Cantwell.

“Dion Cantwell quen tôi qua một hãng người mẫu. Có hôm chàng đến gặp tôi để xin vẽ chân dung tôi”.

Người mẫu chúng tôi thường nhận được những lời mời như thế và tôi trả lời rằng tôi không rành để làm loại công việc này.

— Này - Chàng nài nỉ - tôi rất muốn vẽ khuôn mặt cô. Gương mặt đẹp nhất mà tôi từng thấy.

Dion là một chàng trai cao lớn, trẻ trung và đẹp trai. Thoạt nhìn, có thể nghĩ chàng là người mẫu hơn là họa sĩ, nếu như chàng không có đôi mắt nồng cháy và mãnh liệt mà các nghệ sĩ thường có.

Thế là tôi làm mẫu cho một bức chân dung. Nhất là vào dịp nghỉ cuối tuần, khi tôi không làm việc cho các xưởng chụp hình. Lúc đầu Dion thực hiện những phác họa dưới một chục

góc độ khác nhau. Tất cả đều đạt, chàng nói thế, nhưng chàng muốn bức đẹp nhất. Đôi khi, để vẽ cho thật giống, chàng bỏ hàng giờ để nhìn gương mặt tôi mà không hề động cây viết chì. Khi cuối cùng chàng tiến hành làm chân dung, thì tôi bắt đầu nghi chàng đã ngã lòng yêu tôi. Nhưng chàng không tỏ tình. Thái độ chàng cho thấy sùng bái nhiều hơn là yêu thương. Khi kết thúc bức chân dung - và chàng đã không hề tỏ ra vội vàng để vẽ xong - chàng mời tôi đến nhà chàng để làm quen với gia đình chàng.

— Để làm gì anh Dion? - Tôi hỏi chàng.

Chàng phân vân. Tôi không nghĩ chàng rụt rè đối với phụ nữ, nhưng đối với tôi thì chàng lại như thế.

— Gia đình không tán thành nghề họa sĩ của tôi - Cuối cùng chàng trả lời tôi - nên tôi muốn cho gia đình xem bức chân dung này và người đã làm mẫu. Để gia đình thấy rằng tôi đã bắt được thành công cái nét, cái ý mà tôi muốn vẽ. Chính tôi cũng không giải thích được rõ và tôi không biết tôi diễn đạt nét đó trong bức chân dung này có tốt hay không.

Tôi đòi chàng phải giải thích rõ. Tôi tuyên bố tôi sẽ không đi gặp gia đình khi mà chàng chưa chịu nói ý nghĩ chàng về cái nét mà chàng khó vẽ. Cuối cùng chàng tiết lộ suy nghĩ cho tôi.

— Đó là một dạng đặc biệt của sắc đẹp - Chàng nói - Có một cái gì đó trong cái đẹp này và ngoài cái đẹp đó. Tôi không thể nói cái đó tốt hay xấu, nhưng nó có đó, thế thôi. Gọi nó thế nào đây? Một sức mạnh tàn phá...

Lúc đó tôi thấy buồn cười và tôi phá lên cười:

— Thế tôi sẽ tàn phá cái gì đây?

— Tôi không biết - Chàng trả lời - Nhưng cô đừng cười. Tôi thấy được điều này vì tôi là họa sĩ. Có hàng triệu người ngắm cô trên hình hay trên bìa tạp chí mà không có cảm giác này. Chính cô, cô cũng không nhận thức được khi cô soi gương. Chỉ có tôi, vì tôi có cái tài thiên nhãn của giới họa sĩ...

Tôi tiếp tục trêu chàng, nhưng nhận lời đi gặp gia đình chàng. Bởi vì tôi rất thích Dion.

Khi thấy ngôi nhà, tôi mới biết rằng Dion thuộc giới giàu có. Đó là một tòa nhà bằng đá khối, xung quanh có một công viên rộng mênh mông. Có gia nhân, đồ gỗ quý giá và bộ sưu tập nghệ thuật.

Trước tiên Dion giới thiệu bà Cantwell, mẹ chàng, góa chồng. Bà là một phụ nữ nhỏ bé yếu ớt, luôn mặc đồ đen và chỉ sống vì hai người con trai. Người con cả, lớn hơn Dion, tên là Mark.

Mark khoảng tứ tuần, không đẹp trai bằng Dion, và ngoài ra còn bị tật. Anh Mark có một chân bị liệt và phải đi gậy. Trong khi Dion nhạy cảm và hay mơ mộng, thì Mark nghiêm túc và hữu hiệu. Theo điều khoản của người cha, thì Mark kiểm soát toàn bộ gia tài.

Tôi thường quay lại nhà Cantwell sau lần đến đầu tiên đấy. Dion thực hiện nhiều bức chân dung của tôi ở đó. Mark và bà Cantwell dường như chịu đựng việc Dion là họa sĩ. Rõ ràng, hai người này không thấy cái nét mà Dion cho vào tranh.

Mark lại phải lòng tôi. Khác hẳn với tình yêu hay sự sùng bái của Dion. Mà là một mối tình lý trí, giống như chính Mark. Anh Mark xoay xở để nói chuyện riêng với tôi. Anh lưu ý với tôi rằng giữa hai anh em, chỉ có mình anh là giàu có. Và anh ngỏ lời xin cưới tôi.

Anh năn nỉ tôi không trả lời ngay. Anh bảo tôi có thể suy nghĩ. Thế là tôi suy nghĩ. Anh Mark sẽ cho tôi cuộc sống mà bất kỳ một cô gái nào cũng mơ ước. Và tôi sẽ không phải hy sinh gì cả, bởi vì tôi rất thương anh Mark. Tôi không hề ngại chuyện anh bị tật. Thậm chí có thể tôi đã yêu anh Mark bằng một mối tình thật sự. Thế là tôi trả lời anh rằng tôi đồng ý lấy anh.

Tôi quên không lường trước phản ứng của Dion khi nghe tin đám cưới sắp tới của chúng tôi. Lẽ ra chàng có thể gây chuyện

trước mặt mẹ hay anh của chàng. Nhưng không. Những gì chàng muốn nói, chàng chỉ nói riêng với tôi.

— Cô không thể làm thế đối với tôi! Cô đã biết tình cảm tôi dành cho cô.

— Không biết. - Tôi thành thật trả lời.

— Tôi yêu em.

— Nhưng anh yêu tôi với tư cách là người mẫu, anh Dion à! Anh yêu nét mặt, làn da tôi. Nhưng anh không yêu tôi như người phụ nữ muốn được yêu. Anh Mark có một tình yêu như thế đối với tôi, vì vậy mà tôi sẽ lấy anh Mark.

— Cô chỉ muốn tiền của anh Mark, cô chỉ quan tâm đến tiền mà thôi.

— Không có!

— Sẽ có chuyện đó, Lisa à. Cô thuộc về tôi. Có muốn hiểu sao tùy cô. Cô sẽ không thoát khỏi tôi.

— Anh làm gì được? - Tôi hỏi.

Chàng nhìn tôi say đắm và nói:

— Tôi sẽ làm bất cứ điều gì...”

— Vậy cô nghĩ rằng Dion vì ghen mà sẽ giết cô. Thậm chí cô từng nghĩ anh ấy thuê tôi làm việc này.

Hai người đi bên nhau, trong đêm khuya, giữa con đường và biển. Trời vẫn mưa, nhưng nhỏ hơn. Robert cầm cùi chỏ Lisa trong khi cả hai bước trên cát ướt và sỏi.

— Phải, vì vậy mà tôi bỏ trốn.

— Tôi đoán cô tin tất cả những gì Dion kể với cô về cái tài tàn phá có trong cô?

— Lúc đó tôi không tin, nhưng bây giờ thì tin!

— Vậy thì cô đừng nghĩ đến nữa. Dion tự cho anh ấy có linh cảm, nhưng chẳng lẽ anh ấy tiên đoán được tương lai. Và tôi có cảm giác anh ấy không đủ sức giết ai đâu.

Hai người quay lui trở về khách sạn. Bây giờ hai người nói chuyện rất ít. Bàn tay Robert Narron trên cánh tay nàng thật là dễ chịu. Những giọt mưa nhỏ rơi trúng mặt cô cũng dễ chịu và trấn an cô. Cô rất mừng vì đã quen người đàn ông này, rất mừng vì đã nói chuyện với anh.

Trước khi vào khách sạn, hai người dừng lại.

— Cô sẽ ở lại đây bao lâu? - Anh hỏi.

— Tôi không biết - Cô trả lời - Tôi cứ chạy xe mà không có đích, tôi dừng đại tại đây.

Nét mặt Robert Narron, không thấy rõ trong bóng tối, biểu lộ nét buồn và hối tiếc. Anh ấy tử tế quá, cô nghĩ.

— Tôi không biết có còn gặp lại cô hay không - Anh nói tiếp. Tôi đang về nhà sau một chuyến công tác. Sáng mai tôi phải ra đi rất sớm.

— Tôi rất buồn nếu không được gặp anh nữa - Cô nói - Nhưng tôi sẽ ở lại đây. Biết đâu? Tôi không biết đi đâu. Chỗ này cũng như chỗ khác thôi. Yên tĩnh, dễ chịu..

— Tôi không qua đây thường lắm. Các chuyến đi của tôi không đều đặn. Có thể sẽ mất hàng tuần, hàng tháng...

Hai người không còn gì để nói với nhau nữa, nhưng không ai muốn vào khách sạn. Khi ngược mắt lên, cô thấy nét mặt anh căng thẳng, nghiêm trang. Cô đặc biệt thích đôi mắt anh. Nhân hậu và triu mến, giống như mắt Dion. Nhưng anh thật sự mạnh mẽ và đầu óc thực tế giống như Mark.

— Có lẽ tôi sẽ ở lại đây một thời gian. - Cô quyết định.

— Cô nghĩ Dion muốn giết cô nữa, đúng không?

— Không. Nhưng còn những người khác...

— Sao? Những người khác nào?

Cô nắm chặt tay anh.

— Anh Robert à, để lần khác. - Cô nói.

Không đầy một tuần sau, anh trở lại khách sạn, vào một ngày Chủ nhật. Cô đang ở trong phòng, thì nhân viên khách sạn gọi điện thoại báo có một người tên Robert Narron xin lên gặp cô. Cô mặc đồ nhanh, sửa soạn sơ trước gương nhưng không chú ý đến vết quầng dưới mắt, vì nóng lòng muốn được gặp lại Robert.

Nhưng anh thì để ý thấy ngay. Anh cầm lấy hai tay cô rồi mắng.

— Cô lại lo nghĩ nữa rồi.

— Tôi đã có thời gian để suy nghĩ. - Cô giải thích.

— Cô nghĩ về gì?

— Về tính thiếu năng lực của Dion. Chàng sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện thuê một người nào đó để đi tìm tôi. Nhưng anh Mark thì ngược lại. Anh Mark có đầu thực tế, anh Mark rất đáng sợ.

— Mark? Mark Cantwell hả? Tại sao anh ấy lại làm cô lo sợ?

Hai người đi ra ngoài để tận hưởng buổi chiều thu đẹp trời, rồi cô kể cho Robert nghe về Mark Cantwell.

“Bây giờ tôi tin chắc là chưa hề thật sự yêu anh Mark. Tôi chỉ có tình bạn đối với anh ấy, vậy thôi. Tôi biết rằng sống cùng anh Mark sẽ thật dễ chịu, bởi vì anh ấy sẽ rất tử tế với tôi. Và tôi lấy một người giàu có để sống xa hoa, tiện nghi và an toàn.

Nhưng anh Mark và tôi hiểu ra rằng Dion sẽ cản trở. Dù sao chàng là em trai anh Mark và không thể làm như không có chàng.

— Sẽ không thể nào sống trong ngôi nhà này, với Dion lẩn quẩn quanh ta. Tôi biết nó sẽ ghen như thế nào. Ta sẽ đi chỗ khác. Ta có điều kiện để đi ở bất cứ nơi nào... ở châu Âu... ở đâu cô thích. Lisa à, cô chọn nơi nào?

— Không, anh Mark - Tôi trả lời - Tôi không muốn bỏ Dion.

Anh Mark nổi giận. Mặt anh đỏ lên và trông như xấu đi. Tôi tưởng anh ấy sẽ đánh tôi.

— Như thế nghĩa là sao? - Anh Mark hỏi - Cô yêu Dion à?

— Không. - Tôi thành thật trả lời.

— Vậy thì cô có tình cảm như thế nào với Dion?

Làm thế nào để giải thích cho anh Mark? Biết trả lời anh ra sao? Rằng tôi sợ Dion? Rằng tôi không lường được Dion dám làm gì? Rằng tôi chỉ muốn xoa dịu Dion?

— Dion là họa sĩ - Tôi nói - Tôi là người mẫu cho Dion.

Mark khinh bỉ cười khẩy:

— Nghĩa là sao?

— Dion giải thích với tôi rằng một người họa sĩ chỉ có thể gặp được một người mẫu duy nhất trong cả cuộc đời. Nên người họa sĩ sẽ dành cả cuộc đời để nghiên cứu người mẫu đã gặp được. Đối với Dion, tôi chính là người mẫu đó.

— Lisa à, cô lấy tôi vì tôi có tiền, nhưng cô lại yêu em trai tôi và cô muốn có cả hai anh em chúng tôi vì những gì mà mỗi người có thể mang lại cho cô. Bộ cô tưởng tôi sẽ chấp nhận một kiểu sắp đặt như thế sao? Bị một người đàn ông khác nghiên cứu, nhìn soi mói vợ mình suốt thời gian, cho dù người đàn ông có em trai tôi đi nữa? Và tôi biết rõ rằng chuyện vẽ chân dung chỉ là một cái cớ để em trai tôi được ở bên cô?

Anh Mark không đánh tôi. Nhưng anh cà nhắc rút lui vào cuối phòng để nén cơn giận. Khi nói chuyện lại, anh Mark đã bình tâm hơn.

— Lisa à, cô ích kỷ quá. Có lẽ không phải lỗi tại cô. Nhưng cô sẽ không điều khiển gia đình Cantwell này theo cách của cô đâu. Cô sẽ phải lựa chọn giữa tôi và Dion.

— Thế, nếu tôi chọn Dion thì sao? - Tôi hỏi.

— Đừng nói thế - Anh Mark hét lên - Tôi khiếp sợ chính mình về những gì tôi có thể làm...”

— Và bây giờ, - Robert ngắt lời - cô tin chắc chính Mark chứ không phải Dion muốn giết cô à?

— Mark dám giết tôi lắm.

Gió biển mang mùi rong tảo đến. Lisa cầm tay Robert, nắm thật chặt. Cô quá hạnh phúc vì anh đã quay lại.

— Lisa, - Anh nói - cô mắc phải chứng hoang tưởng bị truy hại.

— Xin anh, anh đừng nói đùa, cho dù anh có muốn trấn an tôi.

— Xin lỗi. - Robert vội nói.

Hai người quay về khách sạn, ngồi uống nước trước khi đi ăn tối. Cuối phòng có lò sưởi. Sau khi ăn xong, cả hai ra ngồi trước đó.

— Có lẽ tôi nghĩ về chuyện này nhiều quá - Lisa nói tiếp - Có lẽ là trí tưởng tượng. Tôi ở đây một mình, không có gì khác để làm ngoài việc suy nghĩ. Mỗi tối, tôi ra ngồi cạnh lửa lò sưởi, rồi suy nghĩ... Ban ngày, tôi đi dạo trên bãi biển, và như thế, tôi lại suy nghĩ...

— Cô định đi không?

Ánh lửa nhảy nhót trên gương mặt anh, để lộ mối quan tâm của anh đối với câu trả lời đang mong đợi.

— Tôi không thể ở mãi đây - Cô thở dài - Tôi không thuộc tuýt phụ nữ có thể ở một mình lâu.

— Cô không sinh ra để sống một mình.

Anh lại cầm tay cô. Cô để cho anh cầm, đó chính là điều mà cô mong anh làm.

— Chắc là ngày mai anh lại đi? - Cô hỏi Robert.

— Tôi rất muốn ở lại, Lisa à, nhưng tôi không thể làm khác. Tôi đã phải đến đây kỳ nghỉ cuối tuần, tôi không có công chuyện nào làm cứ để đến đây cả. Ngày mai là thứ hai và tôi phải đi làm lại. Tám ngày nữa, cô còn ở đây không?

— Anh Robert ơi, khi không có anh ở đây thì tôi sợ lắm.

— Nhưng Lisa yêu ơi, cô không hiểu rằng đó chỉ là những chuyện tưởng tượng không có thật sao? Cả Mark lẫn Dion đều không thể nào có ý giết hại cô đâu. Tôi tin chắc, đó là quan điểm đàn ông. Không có ai muốn giết cô đâu, cô quá xinh đẹp. Người ta có thể căm ghét cô, hoặc ghen, nhưng không một người đàn ông nào sẽ nghĩ đến chuyện dùng vũ lực với cô. Cô tin tôi chứ? Cô phải tin tôi, bởi vì đó là sự thật.

— Không một người đàn ông nào hả anh Robert?

— Không.

— Vậy thì có thể là một người phụ nữ... bà Cantwell chẳng hạn...

— Em yêu, anh xin em, đừng nói nhảm nữa!

— Anh Robert, đây là lần thứ nhì anh nói “yêu”..

— Tôi xin lỗi...

— Không, em rất thích nghe anh nói thế.

Anh mỉm cười. Vì hạnh phúc, Lisa nghĩ bụng.

— Em hãy hứa với anh là đừng suy nghĩ lung tung về bà Cantwell - Robert nói - Chủ nhật anh sẽ trở lại. Rồi em sẽ kể cho anh nghe về bà này.

— Anh muốn em ở lại đây chờ anh à?

— Đó mong ước của đời anh. - Robert khẳng định.

Ngày Chủ nhật sau rất nóng nực và hai người mang một giỏ đồ ăn ra bãi biển picnic. Chỉ có mình hai người, thật dễ chịu. Lisa bắt đầu kể về bà Cantwell.

“Em không có cảm giác gì đặc biệt về bà Cantwell khi gặp bà lần đầu tiên, nhưng em đoán biết ngay rằng bà ấy không ưa em. Như em đã nói, bà ấy nhỏ bé và khá lớn tuổi, luôn mặc đồ đen, có lẽ do tình trạng góa bụa.

Nhưng bà cũng nghĩ đến người sống. Mặc dù không tán thành tất cả những gì con làm, nhưng bà hết mực yêu thương

hai người con trai. Em tin chắc nguyên nhân hai người còn độc thân - anh Mark bốn chục tuổi rồi - phần lớn do lòng yêu thương mẹ nhiều.

Vậy sự hiềm khích của bà đối với em là điều hết sức dễ hiểu. Bởi vì, theo kiểu riêng của mình, Dion rất yêu em. Tuy nhiên, nếu tình thế không tiến triển hơn, thì em không nghĩ bà Cantwell có thể làm gì hay nói gì chống lại em.

Nhưng anh Mark là đứa con cưng của bà và khi anh Mark phải lòng em và đòi cưới em, thì sự ác cảm của người đàn bà đó đối với em biến thành lòng căm thù. Bà ấy chưa bao giờ chịu nổi việc ngồi nói chuyện riêng với em; vậy mà có một ngày bà đến thăm em. Để nói chuyện, bà bảo thế.

— Cô Troy à, cả hai con trai tôi đều yêu cô. - Bà bắt đầu nói.
Em không thể chối sự việc này.

— Mà tôi có cảm giác cô không yêu đứa nào cả.

— Sai - Em trả lời - Cháu yêu cả hai.

— Không thể có chuyện đó được... Thật là lỗi bịch!

— Đâu có - Em giải thích với bà - Bởi vì hai con trai của bác đều rất khác nhau. Mỗi anh đều có những đức tính mà cháu khâm phục. Vì vậy...

— Phải, tôi biết quan điểm của cô về tình yêu (Bà ấy ngắt lời. Gương mặt tinh tế và uy nghi của bà đã mất đi sự bình thản thường ngày, bây giờ nét mặt bà để lộ lòng căm thù) Cô yêu Dion một cách lãng mạn, bởi vì Dion là họa sĩ, sùng bái gương mặt xinh đẹp của cô và luôn đòi vẽ cô. Cô yêu Mark vì Mark hết mực tử tế... và giàu có! Thật ra cả hai đều thu hút cô nhưng cô không yêu đứa nào cả.

Em và bà ấy nhìn nhau suốt một hồi lâu, không nói gì.

— Thưa bà Cantwell, bà khuyên tôi phải làm gì? - Cuối cùng em nói.

— Chuyện rất dễ bởi vì cô không yêu đứa con trai nào của tôi cả. Mark quản lý tài chánh gia đình, nhưng tôi có tiền riêng và

tôi có thể có lời đề nghị rất hấp dẫn cho cô nếu cô chịu biến mất.

— Chắc là bà muốn mua chuộc tôi?

— Đúng.

— Nhưng giả như tôi có chấp nhận đi nữa, bà cũng sẽ không bao giờ đạt được mục đích. Nếu tôi đi, Mark và Dion sẽ cố đi tìm tôi.

— Cũng có thể, và cả hai sẽ đau khổ một thời gian. Nhưng chắc chắn sẽ không đau khổ bằng để tình thế hiện tại kéo dài mãi.

— Thưa bà Cantwell, chấp nhận lời đề nghị của bà, thì sẽ đồng nghĩa với việc công nhận tôi định lấy con bà vì tiền. Mà điều này không đúng!

Bà Cantwell đứng dậy, mắt sáng rực vì căm thù.

— Nếu cô không chịu, - Bà cảnh cáo em - tôi sẽ phải vận dụng đến những cách thức khác để khử cô. Tôi già cả rồi. Hai đứa con trai là tất cả đối với tôi. Tôi sẽ không lùi bước bất cứ điều gì, tôi không sợ mạo hiểm. Tôi sẽ không do dự giết chết cô”.

— Bà ấy thật sự nói thế à? - Robert thốt lên - Bà ấy thật sự dùng những từ này à?

— Bà đã dùng những lời lẽ đó - Lisa khẳng định - Có thể Dion nói đúng khi chàng bảo em thu hút sự tàn phá.

Hai người ngồi cạnh nhau trên một tấm chăn trải trên cát. Mặt trời đang xa dần về hướng tây, cơn gió mát nhẹ bắt đầu thổi từ biển vào. Có thể vì cái lạnh đột ngột ấy, hai người ôm nhau.

Cô áp sát người vào anh, hôn anh để không cho anh trả lời.

— Em sợ lắm, anh yêu ơi, em vẫn còn sợ.

Sau một hồi anh nói tiếp:

— Nhưng em đã làm cái việc mà bà Cantwell muốn rồi mà. Giả sử tất cả những người gia đình Cantwell đã đe dọa em thật. Vậy thì bây giờ mọi thứ đã khác hẳn rồi: em đã bỏ đi. Chính bà Cantwell cũng phải hài lòng, còn hai người con trai bà thì không

còn ganh ghét nhau nữa bởi vì em không thuộc ai cả. Bây giờ chỉ có một điều có thể thúc đẩy họ ra tay, là một sự trả thù điên khùng. Mà anh không nghĩ họ lại đến nỗi đó đâu! Em yêu, em quá đẹp, nên người ta có thể phạm tội ác vì em để đạt được một cái gì đó. Nhưng gia đình Cantwell sẽ được gì khi ám hại em? Khi mà em không quay về chỗ họ, thì không có gì nguy hiểm cả. Em hiểu chứ?

— Hiểu, anh yêu ơi, em hiểu.

Cô lại đặt môi lên môi anh. Trời sạm lại và những ngọn sóng biển cuối cùng vỡ tới tan ra dưới chân hai người.

— Em sẽ không bao giờ trở về với họ nhé? - Một hồi sau Robert năn nỉ.

— Không. Anh sẽ buồn, phải không anh Robert?

— Anh muốn em, Lisa à. Muốn em chỉ là của một mình anh.

— Em là của anh.

Hai người nán lại trên bãi biển vắng vẻ cho đến khi mặt trời lặn hẳn mới trở về khách sạn. Hai người cùng ăn tối bên đồng lửa, vui mừng được ấm cúng và sung sướng bên nhau.

— Hay ta lên kế hoạch đi? - Lisa nói.

— Đúng, ta hãy lên kế hoạch.

— Anh Robert, em không muốn ở lại đây thêm nữa. Em sẽ giữ một kỷ niệm tuyệt đẹp về nơi này, bởi vì đó là nơi em đã gặp anh, nhưng em phải đi.

Anh chau mày:

— Nhưng Lisa ơi, phải chờ thêm vài ngày nữa.

— Tại sao?

— Anh phải sắp xếp công việc, em cũng biết rằng anh làm việc mà...

Cô giận hờn một chút, rồi chịu thua:

—... Em hiểu là em không được đòi hỏi nhiều quá. Bao giờ anh trở lại?

— Bây giờ là Chủ nhật. Thứ Tư đi, hoặc trễ nhất là thứ Năm.

— Được rồi, anh yêu. Em sẽ chờ đến đó.

Ngày thứ Ba, Lisa kích động vì chờ đợi. Cô đã đi dạo ban ngày để chắc chắn tối sẽ buồn ngủ. Cô đã đi lại trên những con đường từng đi với Robert, nhớ lại mỗi khoảnh khắc trong những lần gặp ngắn ngủi của hai người. Buổi tối cô ngồi bên đống lửa, mơ đến gương mặt của Robert. Cô hạnh phúc bất chấp sự trống trải mà Robert để lại trong cô khi ra đi. Lần đầu tiên trong đời, cô yêu say đắm. Ngày mai, cô tự nhủ nhiều lần, ngày mai chàng sẽ đến...

Tối thứ Ba Lisa về phòng rất trễ. Cô thay đồ từ từ, chìm đắm trong mơ màng. Nét mặt cô không còn lo âu nữa. Cô mừng rỡ khi thấy cô đẹp như thế, bởi vì chính nhờ sắc đẹp của cô mà Robert yêu cô. Rồi cô tắt đèn để cô ngủ.

Nhưng cô vẫn chưa ngủ khi có tiếng gõ cửa. Một tiếng gõ khẽ. Robert! Cô nghĩ bụng. Cô bật đèn, chạy ra mở cửa.

Không phải Robert. Mà là người phụ nữ cô chưa bao giờ gặp.

Cô cũng không kịp nhìn kỹ, xem tuổi tác thế nào, xem người này có xinh đẹp hay không. Người phụ nữ bước nhanh vào phòng, đóng cửa lại. Rồi bằng động tác nhanh, người phụ nữ rút súng lục ra.

— Tôi không đến đây để tranh luận hay để van xin - Người phụ nữ tuyên bố - Tôi biết nhìn thẳng vào sự việc. Bây giờ khi thấy mặt cô, cô Troy à, tôi hiểu tại sao chuyện đó đã xảy ra. Nhưng có thể cô không biết tôi là ai?

— Tôi không biết. - Lisa thừa nhận.

— Tôi là bà Robert Narron. - Người phụ nữ trả lời.

Rồi người phụ nữ ấn cò súng và một tia lửa màu cam bắn ra khỏi nòng súng.

NẠN NHÂN LÝ TƯỞNG

Tác giả: Jay Folb

Từ ba ngày nay, khi thức dậy mỗi buổi sáng trong căn hộ nhỏ một phòng ở New York, Helen Samish mở đôi mắt màu nhạt nhìn kho báu của mình. Đó là một kho báu quý giá vừa được thám hiểm. Kho báu chỉ là một tủ sách gồm sáu trăm năm chục quyển sách, mà trong giây phút điên rồ cô đã mua hôm thứ Bảy trước ở phòng bán đấu giá.

Đó là một hành động hoàn toàn không suy nghĩ, ít nhất từ một cô gái chỉ có đồng lương thư ký đánh máy để sống. Nhưng Helen chưa hề có được lý trí khi đụng đến sách. Cô sưu tầm sách, nhưng không phải với tấm lòng thành kính của người yêu sách, mà với lòng hăng say và ngấu ngiến của một độc giả thâm căn cô đế. Nơi Helen, thú vui đọc sách vượt trội hơn mọi thú khác.

Ngày thứ ba sau sự việc đó, cô rời khỏi nhà với một quyển sách - Precious bane - kẹp dưới tay. Cô trù mến mang quyển sách đi cùng suốt cả ngày, khi trời đã tối cô vội về nhà với ý định sẽ đọc sách trong khi ăn tối dưới quán.

Cô vừa mới uống hết tách cà phê, thì nhận thấy có người ngồi đối diện mình, rồi các ngón tay cô quíu chặt lại ngay trên quyển sách. Cô biết rằng kẻ đối diện đã không ngừng nhìn chăm chăm vào cô từ nãy giờ, và cô có cảm giác người đó sắp bắt chuyện với cô. Cô cương quyết làm ngơ, lật sang trang rồi giả vờ tập trung đọc.

— Đó là quyển sách gối đầu giường của tôi! - Sau một hồi người đó nói.

Cô ngẩng đầu lên nhanh và thấy một gương mặt trẻ gầy có cặp mắt nâu nghiêm trang và cái miệng hơi mỉm cười.

— Bà ấy viết tuyệt quá, phải không? Tôi nói Mary Webb ấy.

Trái tim Helen đập mạnh lên, nhưng không phải theo nhịp câu văn của Mary Webb. Về các chàng trai, Helen chỉ biết các nhân vật chính tóc vàng bước đi mạnh dạn trên bãi biển trong tiểu thuyết cô hay đọc. Còn những chàng trai thật, những chàng mỉm cười ẩn ý với phụ nữ, những chàng cười lớn tiếng ngoài đường, thì hoàn toàn xa lạ đối với cô.

— Tôi không có ý làm phiền cô - Anh chàng nói tiếp - Cô cũng biết tâm trạng như thế nào khi ta thấy một người đang đọc một quyển sách ưa thích của ta. Cô thích sách mà, phải không?

— Tôi thích sách không à? Đương nhiên rồi. - Helen nói.

— Tôi cũng vậy! Trên đời này, không có gì làm tôi thích hơn. Chắc là cô thấy lạ lắm?

— Không, hoàn toàn không. (Cô tăng hắng) Tôi cứ đọc sách suốt. Tôi tin rằng tất cả những gì tồn tại trên đời này đều nằm trong sách, tất cả những gì từng xảy ra trong mỗi một người chúng ta..

— Rất đúng. Vậy tôi thấy cô hiểu những gì tôi nói. Đó là chính xác những gì tôi cảm thấy. Nhưng truyền đạt cảm giác của ta là một việc rất khó.

Anh chàng nói chuyện với lòng say mê trẻ trung phản ánh lại trên nét mặt của Helen.

Hai người tiếp tục nói chuyện. Nói về Mary Webb và nói về Charles Dickens. Nói về Hemingway và Milton, về Shakespeare và Faulkner. Từng nhà văn một, hai người phát hiện những tác giả mà cả hai mến mộ. Sau hai giờ trò chuyện và uống cà phê, anh chàng nói:

— Tôi tên Bill. Bill Mallory.

— Còn tôi là Helen. - Đến lượt cô nói rồi nhìn xuống.

— Đó là một trong các tên mà tôi thích. Cô có biết bài thơ: Phải chăng đó là gương mặt đã hạ thủy ngàn con thuyền, và

thieu cháy các tháp không mái ở Ilion? Hỡi nàng Helen, hãy làm cho ta trở nên bất tử cùng với...

Sắc đỏ lan tỏa trên gương mặt Helen khiến anh ngưng không đọc nữa. Các chàng trai không có kiểu nói chuyện như thế, không nói chuyện với cô như thế. Đột nhiên ý nghĩ rằng anh chàng đang đùa giỡn với cô ập xuống như gáo nước lạnh. Cô đứng dậy, lấy quyển sách và túi xách lên.

— Khoan đã. - Bill nói và níu cánh tay cô - Nếu cô chưa có kế hoạch gì...

— Rất tiếc là tôi đã có...

— Hay cô thay đổi kế hoạch đi?

— Xin lỗi...

— Tôi xin cô.

Anh chàng nắm chặt cánh tay cô; sự đụng chạm này khiến cô rùng mình vì một cảm xúc khác thường.

— Cô không thể biến mất đi như thế. Ta có thể đi xem phim, đi dạo...

Helen nhìn thẳng vào mặt anh. Ánh mắt vẫn nghiêm trang, nhưng cái miệng đẹp có biểu lộ khó hiểu.

— Đồng ý. - Helen nói và không nhận ra giọng chính mình.

Hai người đi dạo ngoài đường phố suốt một tiếng. Cô gái giãy giụa với những cảm xúc rối bời, giằng co giữ nổi hoài nghi bản năng mà cô cảm giác đối với chàng trai và thú vui khi được đi bên anh chàng. Cuối cùng hai đi đến căn hộ của cô, nơi cô nhẹ nhõm thấy anh chuyển hướng quan tâm khỏi bản thân cô sang những quyển sách chất đầy kệ.

— Tuyệt quá - Anh kêu lên và háo hức thọc tay giữa các quyển sách - Chắc cô có ít nhất một ngàn cuốn...

— Hơn một ngàn. Tôi vừa mới mua sáu trăm năm chục quyển ở phòng bán đấu giá. Chính vì vậy mà anh thấy căn hộ tôi rất bừa bộn.

Anh nhìn xung quanh, mỉm cười. Sách để khắp nơi, thành đống dọc theo tường, cột lại bằng dây. Có những thùng tràn đầy sách. Sách để trên mọi kệ tủ. Anh chàng hăng hái đi từ góc này sang góc kia, mở bìa sách ra, lật nhanh các trang sách.

— Phải mất rất nhiều công sức để phân loại, sắp xếp cả đống này! Tôi có thể giúp cô một tay...

— Trễ rồi.

— Tối mai nếu cô muốn. Trừ phi cô bận.

—Ồ! Không đâu. - Helen nhanh miệng nói.

— Vậy là thỏa thuận rồi nhé. - Anh mỉm cười nói.

Sau khi Bill Mallory đi rồi, Helen tựa lưng vào cửa, thở gấp, chưa dám tin hẳn vào phép lạ vừa mới bước vào đời cô.

Tối hôm sau, anh chàng trở lại, hăng hái giúp cô phân loại sắp xếp tủ sách mới. Tối thứ ba, anh chàng đặt đôi môi mĩa mai của mình lên môi cô gái khi chúc cô ngủ ngon. Khi anh trở lại buổi tối tiếp theo, Helen nhận thấy cô quan tâm ít hơn đến công việc mà quan tâm nhiều hơn những gì Bill Mallory làm. Cô say đắm quan sát nét nghiêm trang cực độ trên gương mặt trẻ của anh, đường miệng mĩa mai, động tác các ngón tay nhanh nhẹn lật trang sách. Cô không ngờ tình cảm mình có thể phát triển như thế, nhưng bây giờ, trong cuộc sống của cô, có một cái gì đó quan trọng hơn cả thú vui đọc sách.

Ngày hôm sau, Helen nhìn bầu trời nhiều mây bằng một con mắt bình tâm. Cô đứng trước các kệ sách, đọc lướt các dòng tựa, tìm một quyển cho ngày hôm nay...

Cuối cùng cô chọn quyển Ulysse dày của Joyce. Quyển này nằm kẹp chặt trên kệ cuối cùng; đúng lúc cô lấy sách ra, một cái gì đó rơi xuống đất.

Helen tò mò lượm lên và thấy đó là một phong bì, có ghi địa chỉ đầy đủ với một con tem đã đóng dấu bưu điện. Phong bì đã bị mở và bức thư vẫn còn nằm bên trong.

Thư gửi William Mallory II Bleeker Street, New York City. Địa chỉ của người gửi là Jenny Isler, 320 West 10th Street, New York.

Khi mắt Helen đùng phải tên cô gái, cổ họng cô thắt lại vì ghen tuông. Helen lấy bức thư ra rồi mắt cô nhòa lệ.

Anh yêu,

Em gọi điện thoại cho anh suốt cả ngày, nhưng dường như anh không bao giờ có ở nhà. Mẹ em tưởng em bị điên, và em đã buộc phải lừa mẹ rằng em gọi điện thoại hỏi giờ hoặc hỏi dự báo thời tiết. Em tin chắc anh sẽ thích mẹ em. Anh phải sớm làm quen với mẹ. Nhưng em đặc biệt muốn nói với anh rằng em cần gặp anh rất gấp để nói chuyện về mọi thứ. Chắc anh còn nhớ chuyện em nói anh về kẻ anh biết, và em đã gặp kẻ đó hôm thứ Sáu. Em tự xưng là bà Carter. Anh Bill ơi, chỉ mới có hai tháng thôi và chưa thấy rõ, sẽ không ai đoán được gì nếu ta làm đám cưới ngay, bởi vì có rất nhiều em bé sanh sớm. Em biết anh không thích hấp tấp, nhưng em không thấy cách nào khác. Và em xin anh đừng bắt em đi gặp một bà cụ nào đó nữa, bởi vì em rất sợ có chuyện xảy ra với em. Thời thơ ấu em bị thấp khớp nặng, và chuyện này có thể nguy hiểm. Nếu chúng mình cưới nhau, em sẽ giữ được chỗ làm, và em sẽ đến ở căn hộ anh cho đến khi chúng mình tìm được chỗ ở rộng hơn. Em xin anh, anh hãy gọi cho em để chúng mình có thể bàn về chuyện này sau giờ làm việc.

Em yêu anh.

Jenny.

Cú sốc do bức thư gây ra khiến những giọt lệ nóng bỏng tràn ra khỏi mắt Helen.

Nhưng làm thế nào bức thư lại rơi vào quyển sách này được? Hay Bill bỏ quên? Không, Bill không hề mang quyển sách này đến đây. Ngoài ra, Helen nhớ chắc rằng cả hai chưa hề ghi tựa

Ulysse vào sổ trong khi phân loại sách. Ở phòng bán, người ta không hề cho Helen biết tên chủ nhân. Hay sách lại chính là của

Bill Mallory? Bill biết rõ mấy quyển sách này. Không có quyển nào mà anh chưa đọc!

Helen say đắm ước rằng không có mối liên quan gì giữa bức thư và mấy quyển sách. Lỗi lầm đối với một người phụ nữ khác có thể tha thứ được. Một sự lừa dối có chủ mưu - mà chính cô là nạn nhân - là không thể nghĩ đến được!

Đành phải xếp Jenny Isler vào số người có thật và tìm xem tình trạng của cô ấy có đúng sự thật hay không.

Đài thông tin cấp cho Helen số điện thoại của một phụ nữ tên là Hermine Isler sống ở địa chỉ y như trên phong bì. Helen gọi đến: giọng nữ trả lời.

— Có phải chị Jenny Isler ở đầu dây không ạ? - Helen hỏi bằng một giọng yếu dần.

— Không phải. Tôi là người giúp việc. Ai gọi ạ?

— Tôi muốn xin được nói chuyện với chị Jenny Isler...

— Cô Isler đã chết. - Gia nhân trả lời.

Helen kêu khẽ lên khi nghe câu trả lời bất ngờ này. Cô nhìn ống nghe điện thoại mà không dám tin. Rồi cô từ từ bình tâm lại:

— Tôi không biết. Tôi là bạn của Jenny.

— Cô Isler chết cách đây hai tuần - Gia nhân nói bằng một giọng xúc động y như Helen - Tất cả các báo chí đều nói đến. Cô nhà bị giết.

— Bị giết? Ôi! Chúa ơi!

— Cô có muốn gặp bà Isler không ạ?

— Không, không cần. - Helen nói rồi bỏ ống nghe xuống như bị phỏng tay.

Jenny Isler bị giết! Một vụ tai nạn - chắc chắn là một vụ tai nạn! Khả năng khác quá khủng khiếp để Helen dám nghĩ đến. Nếu Jenny Isler bị giết, thì bức thư trong quyển sách là một chứng cứ rõ ràng chống lại...

Helen cảm thấy nền nhà lắc lư. Logic dẫn đến những kết luận mà Helen không muốn nghe. Logic giải thích được chuyện đột nhiên trong đời cô xuất hiện khía cạnh lãng mạn. Logic cho cô biết rằng Bill Mallory đã đến với cô vì những lý do không phải như cô đã hy vọng.

Không! Helen lắc đầu thật mạnh. Đây không phải là vụ giết người!

Nhưng khi ở văn phòng, vào buổi chiều, Helen bị những ý nghĩ kinh khủng tấn công. Đến ba giờ chiều, không chế ngự nội tâm rồi ben lên, Helen gọi điện thoại đến một tòa soạn báo để hỏi thông tin.

— Jenny Isler hả? - Một giọng trung niên nói qua điện thoại - Có chứ, chúng tôi có đăng bài tường thuật hôm thứ Năm. Một cô gái trẻ bị bóp cổ tại Central Park...

Bill Mallory đến lúc tám giờ rưỡi. Nụ hôn của anh lên má Helen hơi vội, nên anh không biết được rằng môi cô lạnh ngắt. Rồi anh bước thẳng đến kệ sách và Helen nhận ra rằng anh không tiến hành xem xét sách như một người yêu thích sách say mê, mà đang thật sự lục soát tìm kiếm.

Helen đặt quyển Ulysse với bức thư bên trong trên bàn viết gần tường. Rồi cô bước đến gần anh từ phía sau và nói:

— Jenny Isler là ai?

Helen thấy lưng anh thẳng ra.

— Ai?

— Jenny Isler. Cô gái viết cho anh bức thư.

Anh quay lại, cái miệng cười mỉa chuyển sang nụ cười nhẹ nhõm.

— Vậy cô đã tìm thấy bức thư đó rồi. May quá. Cô trả lại cho tôi Helen nhé?

— Anh không hề nói cho tôi biết...

— Tha lỗi cho tôi đi Helen yêu. (Anh chàng mỉm cười rồi cầm tay cô) Tôi biết cô nghĩ gì. Rằng tôi là một tên vô lại bậc nhất. Có

lẽ cô đã biết rằng những quyển sách này của tôi...

— Biết.

— Tôi không hề có ý định dối cô. Tôi đã buộc phải bán sách đi cách đây hai tuần, khi trả căn hộ lại. Nên tôi sắp xếp giao cho phòng bán lo việc này.

— Và anh làm quen với tôi để lấy lại lá thư à?

— Cô nghĩ thế sao? - Anh hỏi rồi hất cái đầu đẹp trai ra sau - Cô ngốc quá. Tất nhiên là không phải rồi. Tôi biết cô mua sách của tôi. Nhưng tôi để ý cô bởi vì tôi biết tôi sẽ yêu một cô gái thích sách của tôi. Helen, cô yêu được điều này không?

Anh lôi Helen về phía anh, nhưng khi thấy nụ cười không tự tin của anh Helen sượng người lại và chống cự.

— Cô ấy chết rồi, - Helen nói - Jenny Isler đã chết. Bị giết.

— Ô! Tôi biết. Nói thật, tôi cũng thấy phiền phức khi nghe tin này. Tôi biết cảnh sát có thể hiểu lầm ý nghĩa bức thư kia. Thậm chí tôi không biết rằng thư nằm trong một quyển sách cho đến khi bán tủ sách đi. Chỉ sau này tôi mới biết...

Giọng Helen cao thét lên:

— Rồi anh nhất định tìm cho ra. Anh phải tìm cho ra bằng bất cứ giá nào.

— Helen!

Helen đẩy anh chàng ra.

— Sao anh không nói với cảnh sát rằng anh quen với cô ấy? Sao anh không đi gặp cảnh sát?

— Sao? Để bị liên lụy đến một vụ như thế à, không được! (anh phá lên cười nhưng hơi gượng) Dù gì, cảnh sát đã bắt được kẻ sát nhân rồi. Một tên ăn mày nào đó.

— Thật hả Bill?

— Kìa, chẳng lẽ cô nghĩ rằng...

Helen vùng ra khỏi vòng tay anh.

— Anh đi đi! Tôi không muốn gặp anh nữa.

Anh chàng nhăn mặt.

— Thôi được, nếu cô nghĩ vậy. Tôi chỉ muốn lấy lại lá thư..

— Không được! - Helen thách thức nói - Anh đã dối tôi, anh đã làm cho tôi tin anh là một con người khác. Tôi sẽ không trả lại anh bức thư...

Mặt Bill sậm lại:

— Helen yêu này! Cô đừng giở trò đó với tôi. Cô trả lại cho tôi bức thư rồi coi như huê. Cô biết không, tôi có thể tự lật trang mọi cuốn sách để tìm!

— Nếu anh làm thế, tôi sẽ la lên - Helen nói bằng một giọng như sắp lên cơn thần kinh - Tôi sẽ hét lên!

— Cô đừng ngốc thế!

Bill cười khẩy bước về hướng tủ sách. Toàn bộ oán giận và đau đớn chứa trong lòng Helen nổ tung ra thành một tiếng hét cao the thé. Anh chàng quay lại Helen với ánh mắt hốt hoảng, nhưng cô tiếp tục la. Anh tiến một bước về hướng cô, cô lùi đến bàn viết, tựa vào tường: Trước khi Helen kịp la tiếp, mấy ngón tay dài của Bill đã chụp lấy cô, xé quần áo cô, chụp kín miệng cô. Helen thò tay ra sau lưng, lých quỳnh tìm một vũ khí để tự vệ; cô chụp được quyển

Ulysse , dùng quyển sách này đánh anh cho đến khi gáy sách bắt đầu rách. Nhưng tay Bill Mallory như có chất thép, loại thép siết chặt cổ Helen như cái mỏ cặp. Quyển sách rơi xuống sàn nhà. Sau khi giãy giụa thêm một hồi, Helen Samish trút hơi thở cuối cùng.

Bill Mallory nhìn cô gái chết, lắng nghe im lặng ập xuống phòng. Nhưng im lặng sẽ không thể kéo dài lâu được: tiếng hét đã thu hút người ra hành lang tòa nhà. Bill bước ra cửa, xuống cầu thang trước khi đám đông kịp phát hiện cái gì đã gây tiếng hét rồi làm tắt tiếng hét đó.

Đại diện của Hội Từ Thiện là ông Weedy. Ông là người đàn ông to cao, mắt tròn, di chuyển bằng những bước nhẹ nhàng và kính cẩn trong phòng của cô gái chết.

Ông quay ra nhìn anh trung úy cảnh sát đi cùng ông rồi nói với giọng buồn rầu đúng điệu.

— Cô gái tội nghiệp đó chết lúc nào?

— Cách đây khoảng hai tuần, ông Weedy à, và cơ may đã chẳng giúp. Chúng tôi tìm ra kẻ sát nhân.

— À! - Ông Weedy kêu khi nhìn gỗ bị đập vỡ trên cửa vào - Có phải kẻ sát nhân đã làm chuyện này không?

— Chúng tôi không biết - Trung úy cảnh sát trả lời - Chuyện xảy ra hai ngày sau vụ giết người. Có kẻ đã bẻ khóa đột nhập vào căn hộ, nhưng đã bỏ chạy trước khi kịp thành công. Từ đó chúng tôi cho canh giữ hiện trường.

— À! - Ông Weedy lại kêu với giọng tự tin - Kẻ sát nhân luôn trở lại hiện trường...

— Có thể, - Anh cảnh sát mỉm cười nói - trừ phi là một kẻ thích lấy kỷ vật. Những vụ như thế này thu hút loại người đó một cách lạ lùng. Kẻ đó không lấy gì trong căn hộ, nhưng chúng tôi không tóm được hắn.

— Kinh khủng thật. Thế cô gái không có gia đình à?

— Theo chúng tôi biết, thì không có. Tất cả những gì cô ấy có trên đời đều nằm ở đây... và dĩ nhiên là có sách. (Trung úy bước đến gần kệ, xem xét sách) Cô ấy có những quyển sách tuyệt vời: hãy cho tôi biết bạn đọc gì, tôi sẽ nói bạn biết bạn là ai...

— Đúng - Ông Weedy tăng hăng rồi nói - Vây, có lẽ ta có thể bắt đầu làm việc rồi. Hội Từ Thiện rất biết ơn anh về món quà hào phóng này, anh trung úy à.

— Ông Weedy à, Hội Từ Thiện là nơi xứng đáng nhất. Sách có vẻ còn tốt cả, ngoại trừ quyển này bị rách bìa ra khỏi gáy.

Anh trung úy cúi xuống lượm một quyển sách dày trong đống chất bừa bộn dưới sàn nhà.

— Bị rách bìa à? - Ông Weedy nói.

— Chưa bao giờ có thời gian đọc. Không phải là không muốn đọc...

- Vậy thì anh lấy đi....
- Tôi thấy hơi ngại... Những quyển sách này bây giờ đã thuộc Hội Từ Thiện, thưa ông Weedy.
- Thôi đi, anh đừng ngại mà... Hơn nữa sách đã bị rách. Anh cứ lấy đi.
- Cảm ơn - Trung úy nói - Tôi sẽ rất thích khi đọc.
- Rồi anh trung úy cảnh sát kẹp quyển Ulysse vào nách.

24 CHÚ CHIM HẾT

Tác giả: Clark Howard

Curson đứng bất động ở đầu giường, nhìn thi hài lão Haffer. Cuối cùng, cũng xong, hẳn nghỉ. Sau ba mươi một năm, cũng kết thúc.

Ba mươi một năm, có thể lâu thế không? Nửa đời người, sống ở Haffer Hall. Nửa đời người làm mọi cho cái lão khó tính cục cằn kia. Rồi, lão ấy, ở cái tuổi tám mươi một đáng ghét, nhăn nheo, khô héo, đang ngủ giấc ngủ cuối cùng.

Curson chỉ cần quay nhẹ đầu để nhìn thấy hình hắn trong cái gương to treo trên bàn viết lão già. Hắn, James Curson, mới mười lăm tuổi khi xuống đây từ bắc Ái Nhĩ Lan để nhận việc tại nhà lão bạo chúa đáng ghét kia. Có thật là hắn từng là cậu bé Jamie Curson má hồng, mắt to lanh lợi không? Ngày nay, khi nhìn gương mặt mình, hắn không còn thấy đôi mắt to, không còn nhiệt huyết, không còn gì của tuổi thanh xuân; hắn chỉ thấy một cái mặt đỏ đỏ, bị mưa gió mài mòn, hai mí mắt xệ xuống, ánh mắt lơ lơ khúm núm.

Lão già ơi, ông đã chẳng làm được gì nhiều cho tôi, hẳn nghỉ khi quay trở lại nhìn giường người chết. Thật ra là chẳng làm được gì. Bây giờ tôi có bộ mặt khó coi y như ông, tính khí rầu rĩ và hay cãi nhảm y như ông. Tôi còn lâu mới trở thành con người mà ông ngoại tôi muốn khi hấp hối trên giường và gửi tôi đến với ông. Ông ngoại chỉ nhớ về ông như là đại tá Haffer tài giỏi, mà ông ngoại được hân hạnh phục dưới quyền trong cuộc chiến tranh ở châu Âu. Cũng may là ông ngoại không còn sống để nhìn thấy con người mà tôi đã trở thành. Hãy nhìn tôi đi: Đơn độc, không vợ con, không tiền bạc. Và bây giờ tôi cũng không biết phải đi đâu nữa.

Curson ứa nước mắt. Tại sao tôi ở lại đây? Tôi là người tự do mà, muốn đi đâu thì đi? Đúng, tôi là người tự do. Nhưng lúc đầu thì tôi không như thế. Lúc đầu, tôi chỉ là thằng Jamie, một thằng nhóc. Tôi lớn lên, nhưng đối với Haffer tôi vẫn là một thằng nhóc, vì tính độc đoán cứng rắn của lão. Nhà Haffer đã trở thành nhà tù của tôi: chủ nhà là người cai ngục của tôi.

Lau nước mắt, hấn bước trở ra cửa dẫn ra sân trong - cái cửa hấn mới bước vào. Hấn đang băng qua cái sân này để đi cho chim hét ăn, thì nghe tiếng lão già gọi hấn.

— Cur...! - Giọng lão khàn khàn hỗn hển.

Cur... là cái tên độc nhất mà lão từng gọi hấn từ ngày hấn đến nhà Haffer khi còn là thằng bé Jamie.

— Thì ra mày là cháu ngoại của lão Vincent Moriarty hả? - Lúc đó chủ nhà đến gần hấn và nói (thời đó ông chủ năm chục tuổi và khỏe mạnh) - Trông mày cũng y như một thằng lính nhếch nhác! Mày tên là Curson hả? Được! Trông mày y hệt con chó lai: ta sẽ rút ngắn tên mày và gọi mày là Cur (Con chó lai). Thôi... Cur, phía sau nhà có mấy con ngựa. Bắt đầu, mày sẽ là người coi chuồng ngựa và mày sẽ ngủ với gia súc, đúng địa vị của mày. Cút ngay!

Như thế là mọi chuyện đã bắt đầu từ ngày hôm đó “Cur”. Và không bao giờ khác đi. Cả khi sắp chết, khi lão già ngạt thở vì máu quá đặc chảy từ mạch máu vỡ trong ngực, vẫn là “Cur”. Hấn buồn bã lắc đầu suy nghĩ. Trong những giây phút cuối đời lão, khi nhìn thấy hấn băng qua sân, khi hấn là người sống cuối cùng mà lão sẽ gặp, ít nhất lần này lão có thể gọi hấn là Jamie, hay James, hay thậm chí Curson. Một cái tên khác ngoài Cur.

Ba mươi mốt năm: một con chó lai, hấn cay đắng nghĩ khi đứng trước cửa nhìn mặt trời mọc long lanh trên bãi cỏ phủ sương ở hướng đông. Những khoảng thoáng chạy dọc xuống khu rừng xung quanh nhà; Curson nhớ ra rằng lũ chim hét đang chờ bữa ăn sáng. Ý nghĩ này khiến hấn đỡ tủi hơn một tí.

Về chuyện này, ít nhất hẳn đã qua mặt được ông chủ. Từ mấy năm nay, Curson lấy trong nhà lúa mì, lúa mạch đen để cho chim hét ăn. Hiện hẳn có ba nắm để trong túi giấy. Hẳn gọi việc trích lấy này là “hình phạt” đối với lão già độc tài giết chim chỉ để vui chơi.

Curson thở dài quay lại giường lần nữa để nhìn lần cuối cùng Sir Malcom Haffer quá cố. Thì ra, cũng thích. Bí danh “Cur” sẽ không bao giờ được nói ra nữa, bởi vì trong nhà không ai dám gọi hẳn như thế. Các gia nhân khác đều sợ hẳn: mà họ cũng không phải tiếp xúc với hẳn. Tất cả đều làm việc ở khu nhà phụ, trong khi hẳn phụ trách nhà chính, và họ ít khi có dịp vào nhà ông chủ, nếu không phải để chôm vặt một cái gì đó dưới bếp. Nên hẳn ít có dịp tiếp xúc với các gia nhân khác. Có một số làm việc ở đó mười năm nay rồi, vậy mà hẳn cũng không biết tên. À, mà giờ hẳn nghĩ đến, hẳn không có một người bạn nào cả, ở đây hay chỗ khác. Ít nhất là không có bạn thuộc giống người. Hẳn chỉ có bạn là hai chục chú chim hét.

Đó cũng là lỗi tại ông, đồ lão già quý! Hẳn lại nghĩ khi nhìn xác lão già. Con giận lạnh lòng đột nhiên chiếm lấy hẳn và hẳn như sắp tắt và gương mặt bất động kia. Nhưng mắt lão Haffer vẫn còn mở và đang nhìn hẳn: khi đụng phải ánh nhìn đó, bàn tay hẳn dừng ở nửa chừng. Hẳn vẫn còn thấy một tia uy quyền từng quản lý hẳn bấy lâu nay. Nỗi sợ không cho hẳn tắt xác chết này, nhưng nó bắt đầu cho phép Curson nhìn mặt căm thù và nguyên rủa.

Đúng lúc sắp ra, hẳn nhìn thấy chiếc nhẫn. Một chiếc nhẫn vàng, một chiếc nhẫn mặt đá khắc huy hiệu trung đoàn cũ của Haffer. Ở giữa, hình cầu tượng trưng cho Đế quốc Anh, nơi mặt trời không bao giờ lặn được biểu thị bằng một viên hồng ngọc to màu đỏ máu.

— Đẹp há, thằng nhóc? - Có hôm Haffer hỏi hẳn, cách đây hai chục năm - Một viên ba chục cara tuyệt đẹp. Không một vết. Nó

trị giá hai lần trọng lượng nó bằng kim cương. Tao lấy viên đá này trên mũ quần của một tên vua Maharadja sau khi đâm kiếm vào cổ họng hắn. Đó là hồi thời cái lũ sùng bái voi gây rắc rối với Nữ Hoàng, bên Ấn Độ ấy. Ôi! Một chiến dịch lừng lẫy! Nhưng mày đâu biết gì về thời đó, thằng nhóc ơi! Chỉ có người Anh mới biết thế nào là vinh quang, còn mày là dân Ái Nhĩ Lan mà, đúng không nhóc? Đúng, mày là một tên Ái Nhĩ Lan! Thôi, mày trở về chuồng ngựa đi Cur!

Curson nhìn chiếc nhẫn. Mắt hắn gằn lại. Ba chục cara. Hoàn hảo. Không một vết. Một ngàn bảng mỗi cara. Ba chục ngàn bảng!

Ít lâu sau khi Haffer kể cho hắn nghe về nguồn gốc viên đá, Curson đã theo ông chủ đi Luân Đôn mua sắm. Hắn ngồi chờ trong phòng khách của một tiệm kim hoàn lớn, trong khi Haffer nói chuyện trong phòng riêng của chủ tiệm. Cửa vẫn để hé mở và Curson đã nghe được cuộc hội thoại.

— Tôi muốn làm một bản sao chiếc nhẫn này với viên đá giả - Haffer yêu cầu - Tôi muốn đeo nhẫn khi cưới ngựa hay đi săn. Tôi sợ làm trầy đá khi chơi những trò mạnh bạo này.

— Được thôi, thưa ông - Chủ tiệm kim hoàn trả lời - Tôi có thể làm nhẫn mạ vàng, còn viên đá bằng corindon tổng hợp với giá khoảng một trăm bảng.

— Đồng ý. - Haffer đã kết luận.

Nhiều lần, trong suốt những năm tiếp theo đó, Curson đã thấy hai chiếc nhẫn đặt bên nhau trong cái hộp ở ngăn kéo đầu tiên của bàn viết ông chủ. Một hôm, khi hắn mang đôi ủng Haffer về sau khi đánh xi xong, hắn thấy ông chủ chuẩn bị đi chơi ngựa và tháo nhẫn đang đeo đặt vào ngăn bên phải trong hộp, rồi lấy nhẫn thứ nhì trong ngăn trái xỏ vào ngón tay. Curson nhớ lại cuộc hội thoại mà hắn nghe được về chuyện rui Roth làm trầy viên đá khi chơi những trò mạnh bạo, và đã rút ra

kết luận rằng nhẫn giả cất trong ngăn trái, còn nhẫn thật bên phải. Tại sao hắn vẫn còn ghi nhớ điểm này trong ký ức?

Bởi vì, theo hắn biết, thì không ai khác ngoài hắn biết về chiếc nhẫn thứ hai, tất nhiên là ngoại trừ ông chủ tiệm kim hoàn, nhưng bây giờ ông ấy đã chết từ lâu rồi. Chắc chắn các gia nhân khác không biết: họ làm gì dám bước vào phòng làm việc của Sir Malcom. Hay một người bạn nào đó của lão? Rất ít khả năng. Lão già quý quýet kia không bao giờ đi kể rằng lão đeo đồ giả, kể cả vì lý do an toàn.

Thế là Curson quyết định rằng có lẽ không ai biết về chiếc nhẫn thứ nhì. Và chưa ai hay biết về cái chết của ông chủ, không ai ngờ rằng hiện, hắn, Curson, đang ở trong phòng của Haffer. Còn sớm quá; đám gia nhân đang loay hoay làm việc ở nhà sau. Không ai thấy hắn lấy hạt cho chim hét ăn, rồi đi dọc theo bãi cỏ hướng đông để vào rừng.

“Đúng - Hắn nghĩ bụng nhanh và càn hăng máu - Đúng. Bồi thường cho ba mươi một năm làm việc trung thành như một con chó lai: Cur! Mà lương cũng không tồi lắm: gần một cara hồng ngọc không vết cho mỗi năm khổ cực thối tha!”

Hắn đột nhiên nổi cơn bạo dạn: hắn chụp lấy bàn tay phải người chết, chụp lấy chiếc nhẫn trên ngón tay đã cứng. Hắn nhìn chiếc nhẫn dưới mọi góc độ, ngạc nhiên vì sắc đẹp vẫn mới mẻ của nhẫn. Viên đá đỏ như máu, với những đường kim quyền vào nhau tạo thành hình ngôi sao trên đỉnh. Một kỳ quan, Curson nghĩ...

Nhưng rồi bị dẫn vật hoài nghi: lẽ không phải là viên đá thật? Đồ ngu, hắn tự chửi, có thể mày đang há hốc ngắm một mảnh ve chai!

Hắn lao đến bàn viết của Haffer, lấy hộp da, mở nắp ra. Hắn mỉm cười khi thấy chiếc nhẫn kia nằm ở ngăn trái, chỗ của nhẫn giả... Tất nhiên, tất nhiên, hắn tự mắng, đây chỉ là bằng chứng rằng suy luận đầu tiên của hắn đúng. Không có lý do gì

lão già không chịu đeo viên hồng ngọc thật để đi ngủ: không sợ bị trầy khi ngủ.

Curson mỉm cười hơi gượng khi nhìn chiếc nhẫn trong tay, rồi cẩn thận cho trở vào túi. Hắn lấy chiếc nhẫn thứ nhì trong hộp, cất hộp trở vào ngăn kéo. Hắn trở ra giường, kiểm nỗi sợ đang chạy dọc theo xương sống khi nghĩ đến động tác mà hắn sắp làm. Hắn xỏ thật nhanh chiếc nhẫn giả vào ngón tay người chết.

“Xong! Hắn vừa nghĩ vừa chà tay vào áo vét như để khử cảm giác chạm với cái bàn tay lạnh ngắt. Xong, ta đã giải quyết xong nợ nần với nhau, Sir Malcom Haffer à. Sau bấy nhiêu năm mắc dịch, cuối cùng ta đã giải quyết xong với nhau!”

Hắn nhét tay vào túi, hắn sờ kho báu của hắn, rồi vội vàng trở ra sân.

Hắn cố bước đi thật lâu dọc theo mặt trước nhà và cố thật sát tường, rồi rẽ vào một con đường mòn đi xéo qua bãi cỏ về hướng rừng. Hắn chỉ thật sự cảm thấy thoải mái sau khi vượt qua đám bụi mọc ở rìa rừng bao qua bãi cỏ của đất nhà. Khi đó hắn bắt đầu thở và các ngón tay đang run rẩy chuyển sang vuốt ve nhẹ nhàng cái gia tài mà hắn đang nắm chặt. Mình sẽ trở về Bắc Ái Nhĩ Lan, hắn vui vẻ nghĩ - dĩ nhiên là sau khi đã đến một chủ tiệm nữ trang kín đáo nào đó ở Luân Đôn. Rồi trở về quê, và cho đến hết đời ta, ta sẽ được biết dưới tên Squire Curson...

Hắn cười lớn tiếng, và âm thanh giọng hắn tạo phong cách kịch nghệ cho khu rừng cô độc già cỗi đầy rêu, mà qua từng năm một cuối cùng hắn đã biết rõ từng ngõ ngách. Chính rừng là nơi hắn vào để trốn tránh quy tắc sống khắt khe ở nhà Haffer, là nơi hắn tìm những khoảnh khắc nghỉ ngơi cần thiết để lấy lại sức, để chịu sự hèn nhát ngày càng nặng nề của chính mình, chịu việc hắn không thể làm gì khác ngoài phục vụ lão Haffer đáng ghét. Và chính là nơi hắn đã làm quen với lũ chim hét.

Lúc đầu chỉ có một chú chim hét, một chú chim có bộ lông vũ bóng lưỡng, mỏ hồng, mắt tròn xoe sắc, màu lông đen thui như bầu trời vào một đêm không trăng không sao. Curson đã đâm vào rừng sâu, ngồi xuống khúc cây để ăn bánh quy và hộp thịt bò mà hắn trộm được ở nhà bếp. Chú chim đã đậu gần đó, đứng nhìn hắn ăn. Curson giả bộ như không thấy nó và tiếp tục ăn. Chú chim nhanh chóng nhảy tới. Khi đó Curson bẻ vụn bánh quy, ném về hướng chim hét. Nó bay đi mất lên cây cao trước khi bánh quy kịp chạm đất. Curson càu nhàu ăn tiếp.

Nhưng một hồi sau, hắn ngược mắt lên thấy chú chim hét đã quay lại và đang mổ bánh vụn. Khi nó ăn sạch rồi, Curson bẻ một mẩu bánh khác ném cho nó. Chim hét lại bay mất, hoảng sợ động tác đột ngột của người đàn ông: nhưng ít lâu sau nó trở lại và ăn tiếp. Lần này Curson thận trọng không làm động tác nào có thể làm chim lo sợ, mà bình tĩnh tiếp tục ăn.

Khi ăn xong, hắn đứng dậy. Chim bay đi. Curson bước đến chỗ nó đậu, bỏ những mảnh bánh vụn còn lại xuống đất. Khi đi trở ra bãi cỏ, hắn nhìn lại qua vai: đúng như hắn dự kiến, chim hét đã trở lại lần ba để ăn hết bữa tiệc.

Curson vào rừng ăn nhiều lần, và đều được chú chim hét đó đến thăm. Suốt một thời gian, chú chim liét cứ nhất định bay mất mỗi khi Curson đưa cánh tay lên để ném bánh vụn, nhưng về sau, khi Curson tập tránh các động tác đột ngột, nó chỉ bỏ ra xa - rồi cuối cùng không bỏ đi nữa: ân nhân của nó không còn làm nó sợ nữa.

Một hôm khi đứng dưới bếp, Curson nảy ra ý lấy hạt mang cho chim ăn. Hắn lấy một nắm lúa mạch, cho vào túi áo, rồi một hồi sau, khi đến rừng, hắn dọn sạch một khoảng đất, rải hạt lên chỗ đất đó. Trước khi hắn kịp đi hết nửa đường đến thân cây quen thuộc, chú chim đã có mặt ăn ngon lành. Và trước khi Curson kịp ăn hết bữa ăn của hắn, thì chú chim hét khác - cũng bộ lông đen tuyền và mỏ hồng - đã tham gia bữa tiệc.

Ngày hôm sau, những chú chim khác đến thêm, và về sau những chú khác nữa. Và bây giờ, trong chùng mực đêm được bắt chấp chúng nhảy nhẩy liên tục, Curson đếm được hai mươi bốn chú chim. Giữa lũ chim và người đàn ông không còn mối dè dặt nghi ngờ nào nữa: lũ chim hét hoang dã này bu quanh chân hắn y như bồ câu nhà. Curson cho chúng ăn mỗi ngày, luôn chú ý chỉ thực hiện những động tác chậm, nhẹ nhàng, không bao giờ đột ngột.

Bây giờ hắn đang đi vào rừng, đến chỗ khúc cây chặt quen thuộc: hắn ngưng cười, sợ lũ chim hét hoảng sợ khi nghe tiếng động bất thường này. Mà cũng chưa ai nghe hắn cười từ khi hắn đến nhà Haffer vào cái ngày xa xưa kia, hắn nghĩ bụng. Những chuyện này là quá khứ rồi, hắn vui sướng nghĩ bụng. Bây giờ ta là Squire Curson, và sẽ không còn ngày đen tối đối với ta nữa. Sẽ chỉ có whisky Ái Nhĩ Lan, đàn bà Ái Nhĩ Lan, những bài hát Ái Nhĩ Lan... cái vật nhỏ bé dễ thương này...

Hắn lấy nhẫn từ trong túi ra, chà viên đá lên áo cho bóng lên. Nó đẹp quá, sáng quá, hắn ngắm nhìn. Nó sáng chói như ba chục ngàn bảng. Nó sáng chói như một cái nhà ở Bắc Ái Nhĩ Lan. Nó sáng chói như một vì sao cô độc được một thằng bé tên Jamie thường mơ đến. Nó sáng, sáng, sáng!

Curson đến khúc cây, ngồi xuống đó. Hắn đưa nhẫn ra ánh sáng, dưới nhiều góc độ, nghiên cứu ánh phản chiếu và long lanh thần kỳ trên các mặt đá. Ôi! cái vật không hơn đầu ngón cái hắn đúng là một kỳ quan. Vật đó có phép lạ thần kỳ biến Cur thành một vị hoàng đế!

Curson cảm giác có một sự di chuyển gần hắn: hắn nhìn một vòng. Dưới đất, cách hắn vài bước, có ba chú chim hét đang theo dõi hắn. Hắn mỉm cười, bỏ chiếc nhẫn xuống thân cây bên cạnh. Hắn lấy trong túi áo cái bao giấy chứa hạt lúa, lúa mạch đen. Hắn cho một ít vào lòng bàn tay, chìa tay ra: lũ chim đậu

lên tay hẳn rồi tiến hành mổ. Mổ chúng chích chích nhẹ gây khó chịu lên tận cổ tay.

— À! Tụi bây đói quá há! - Curson khẽ nhận xét.

Nhiều chú chim khác đậu gần đó, rồi tiến lại gần hơn theo bước nhảy nhẩy ngẩn giật giật. Curson thọc tay kia vào bao giấy rải thêm hạt cho những chú chim mới đến. Những chú chim khác bay lượn đến và chẳng bao lâu dưới chân Curson có cả một đội quân chim hét nhảy vào nhau đến gần chỗ thức ăn. Curson rải thêm một nắm hạt nữa rồi theo thói quen chơi trò đếm chúng.

— Mười ba, mười bốn, mười lăm... Không, tao đã điểm mà rồi mà... Xem nào... Mười lăm, mười sáu... Thêm bốn thành hai chục... Hai mươi một... Hai chú nữa, thành hai mươi ba... Ờ ờ?

Có một lần hẳn chắc chắn đã đếm được đủ hai chục. Đường như hôm nay thiếu một chú. Hẳn nhìn khắp xung quanh để tìm chú chim bị thiếu, rồi liếc nhìn bên trái và bên phải thân cây. À! Tên vắng mặt kia rồi! Nó đang nhảy xa ra đầu thân cây. Đen thui, mỏ hồng và thái độ láo lếu. Và trong cái mỏ đó, có chiếc nhẫn hồng ngọc.

Mắt Curson mở to ra. Miệng hẳn há ra. Trong chốc lát, đầu gối hẳn run lên. Rồi do phản xạ bản năng, không hề có suy nghĩ, hẳn có động tác nguy hại. Hẳn nhào như một thằng khùng đến chú chim đang bỏ đi, vấp ngã. Tên trộm nhỏ đen và hai mươi ba bạn đồng hành bay đi trong tiếng vỗ cánh phập phập.

— Không! - Curson kêu khẽ.

Hẳn ngồi dậy. Cẩn thận, hẳn tự cảnh cáo. Bây giờ phải nhẹ nhàng. Chúng sẽ trở lại. Mình phải bước tới thật chậm. Trong bao giấy có ít hạt: mình có thể mời chúng...

Curson đứng dậy thật nhẹ nhàng nhìn phía trên và xung quanh. Trên một cành cây to, cách đầu hẳn khoảng sáu bảy mét, hẳn nhìn thấy tất cả bọn chúng đậu thành một hàng một và đang quan sát hẳn. Hẳn mỉm cười với chúng, như thể chúng

có thể nhảy cảm với nụ cười hần, hần lấy bao hạt ra. Hần từ từ rải nhiều hạt xuống đất, mắt vẫn nhìn lũ chim, xem xét từng chú một, đếm, tìm...

Rồi hần thấy chiếc nhẫn. Chú chim đậu cuối hàng đang giữ chiếc nhẫn. Vàng kim, sáng chói, óng ánh màu đỏ máu: tên vô lại đó đang kẹp chắc trong mỏ. Và hai chục chú chim tiếp tục nhìn hần với thái độ bình tĩnh và hầu như đe dọa.

— Lại đây đi, mấy chú chim bé nhỏ của ta - Curson rên rỉ khẽ và cứ rải đại hạt lúa - Chim dễ thương... Xuống đây, chim bé bỏng ơi... Ô! Hạt ngon quá.

Chú chim hét đầu tiên trong hàng bay đi. Chú chim thứ nhì cũng theo. Rồi chú thứ ba. Curson nhìn thấy chúng bay cao lên đỉnh cây, về hướng bầu trời...

— Đứng... Ôi! đứng... - Hần van xin.

Chú chim thứ tư, thứ năm, thứ sáu bay đi mất.

— Đứng đi mà... Chim dễ thương ơi... Chim ơi, xuống đây...

Chú chim hét thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười... từng chú chim hét một theo một đội hình gần như đúng quy chế, chúng bay đi tìm bầu trời tự do. Từng chú một, cho đến khi chỉ còn vài chú ở lại.

— Đứng! - Curson tức giận hét lên - Đồ mất dạy! Đồ đểu!

Hần cầm một khúc cây to, ném về hướng cành cây đúng lúc con áp cuối cất cánh. Khúc cây bay qua gần chú chim cuối cùng, chỉ hụt nó một mét. Chú chim không động đậy, không thụt lùi, không vỗ cánh: nó đứng trơ trơ tại chỗ. Tia hy vọng nảy ra trong lòng Curson.

— Đứng đứng... Xin lỗi nhé... Làm ơn xuống đây đi, chim ngoan ơi.

Chú chim hét cuối cùng lạnh lùng nhìn Curson một lúc. Rồi vẫn ngậm chặt nhẫn trong mỏ, nó yêu kiều bay đi theo mấy chú chim kia.

Cursor không nói được tiếng nào. Mặt hắn xám xịt như tro. Hắn vẫn nhìn lũ chim được gió mang đi, càng lúc càng không thấy nữa do khoảng xa và độ cao. Hắn vẫn nhìn bầu trời thật lâu sau khi lũ chim đã biến mất hẳn.

Vài ngày sau, tất cả gia nhân được tập hợp vào phòng làm việc lớn ở Haffer Hall để nghe bức di chúc của ông chủ già.

“ ... Cho người gia nhân trung thành, người bảo vệ nhà tôi, James Curson, - Công chứng viên đọc tiếp - nhớ ơn tấm lòng trung thành bất di bất dịch của anh đối với tôi trong suốt nhiều năm, bất chấp tính khí ngày càng tệ đi và lời chửi mắng của tôi, tôi xin để lại vật sở hữu trần tục mà tôi quý nhất tức là chiếc nhẫn vàng khắc huy hiệu đội quân của tôi và cần hồng ngọc”.

Curson bước đến gần bàn, nơi công chứng viên và người thi hành bức di chúc đang ngồi, tiếp nhận bản trích lục chính thức của bức di chúc cũng như hộp da chứa chiếc nhẫn giả.

Khi kết thúc buổi lễ, hắn leo lên phòng xếp hành lý. Có chuyến xe Cantwell buổi sáng đi Luân Đôn: hắn không muốn lỡ chuyến này. Hy vọng duy nhất còn lại đối với hắn là chiếc nhẫn không trị giá thấp hơn một trăm bảng.

CẦU THỦY TINH

Tác giả: Robert Arthur

Cúng tôi đang nói về những vụ sát nhân không giải thích được, bá tước de Hirsch, trung úy Olivier Baynes, thuộc cảnh sát liên bang, và tôi. Thực ra chỉ mình de Hirsch nói còn Baynes và tôi chỉ được phép nghe thôi. Qua một loạt suy luận xuất sắc, tay người Hungary có các mũi hình mỗ đại bàng này lý giải nửa chục vụ án khét tiếng nhất vẫn còn nằm trong hồ sơ cảnh sát với chú thích “dở dang”.

De Hirsch có khi rất đáng ghét. Anh ta vô cùng tự tin, Tất đề cao trí thông minh của chính mình, và không giấu diếm gì việc này. Tôi luôn muốn hỏi anh ta xem tại sao một người đàn ông đa tài như anh lại đi giày cần sửa chữa và mặc quần áo cần được khâu vá. Dĩ nhiên là tôi không bao giờ hỏi thế.

Olivier Baynes bắt đầu bực mình. Baynes thấp người, vạm vỡ, nước da đỏ gay. Anh ta nói chuyện chậm chạp và không có đặc điểm gì nổi bật. Nhưng anh ta là một cảnh sát giỏi - một trong những người giỏi nhất.

Anh ta uống hết ly - đang là tháng tám và chiều hôm đó trời rất nóng - rồi vừa đưa tay lấy một lon bia mới vừa nhìn về hướng tôi.

- Sao anh không thử nhờ anh bạn của ta đây giải quyết vụ bí ẩn “cô tống tiền tóc vàng” của ta? - Baynes vừa nói vừa che giấu sự mỉa mai trong câu hỏi này bằng một bộ mặt thản nhiên.

De Hirsch ngưng nói. Hai con mắt đen sáng lên, mũi phập phồng.

- Vụ bí ẩn “cô tống tiền tóc vàng” à? - Bá tước de Hirsch hỏi bằng giọng điệu nhẹ nhàng lịch sự.

Baynes mở lon bia, bọt tràn ra đầy tay áo.

- Cô nàng tên là Marianne Montrose. Ngày 13 tháng hai vừa qua, giữa ba và bốn giờ chiều, cô ấy đã bước qua hai mươi ba bậc thềm phủ đầy tuyết dẫn lên một ngôi nhà xây trên đỉnh đồi, cách đây khoảng năm chục cây số. Cô ấy không bao giờ trở ra nữa.

Baynes rót bia vào ly, húp sột sột bọt bia tràn ra.

- Ít lâu sau, - Baynes nói tiếp - chúng tôi lục soát cả ngôi nhà. Không thấy dấu vết gì. Không manh mối nào cho biết cô ấy rời nhà bằng cách nào. Ngoài ra, chủ nhà, là người duy nhất sống trong nhà, lại bị bệnh tim: mọi nỗ lực nhỏ đều có thể gây tử vong. Dấu chân cô ấy được in trên lớp tuyết phủ bậc thềm cầu thang và dẫn vào nhà. Người ta đã nhìn thấy cô ấy vào, nhưng cô ấy lại không có trong nhà. Cô ấy đã vào để không bao giờ trở ra nữa. Anh hãy thử cho chúng tôi biết chuyện gì xảy ra.

De Hirsch nhìn chăm chăm Baynes.

- Anh cứ trình bày mọi sự việc cho tôi nghe, - de Hirsch nói - rồi tôi sẽ nói cho anh biết.

Anh ta đã không nói: "Tôi sẽ thử nghĩ".

- Để tôi lấy hồ sơ - Tôi bực mình nói - Cuối cùng ta sẽ biết được sự thật. Và tôi sẽ viết được bài báo mới.

Baynes nhâm nhi ly bia, không nói gì, dường như đang ngủ gật. De Hirsch tự rót thêm một ly rượu đầy. Tôi bước lại tủ, lấy hồ sơ Marianne Montrose ra. Hồ sơ khá đầy đủ. Tôi viết bài tường thuật các vụ án có thật cho những tờ tạp chí được ưa thích, và tôi lưu giữ các ghi chép chi tiết về mọi vụ án mà tôi viết. Tôi đã viết vụ này với dấu chấm hỏi lớn: "Chuyện gì đã xảy ra với nàng Marianne Montrose xinh đẹp?"

- Anh muốn bắt đầu từ đâu? - Tôi hỏi - Đây là lời khai của cậu Danny Gresham. Cậu ấy là người cuối cùng nói chuyện với Marianne trước khi cô ấy vào nhà, rồi bốc hơi mất.

De Hirsch đẩy tờ giấy đánh máy ra.

- Đọc cho tôi nghe đi. - De Hirsch nhã nhặn nói.

Lỗ mũi của Olivier Baynes phát ra một tiếng động có thể tưởng là tiếng cười. Tôi trừng mắt nhìn Baynes rồi bắt đầu đọc.

Ngày 3 tháng Hai. Theo lời khai của Danny Gresham, 19 tuổi.

Tôi đang ở văn phòng tòa báo Weekly Sentinel, đang đọc các bản in thử. Lúc ấy ba giờ rưỡi. Nhiệt độ bên ngoài khoảng 12 hay 13 độ dưới không. Trời đẹp và khô ráo. Tôi đang nghĩ đến việc gọi điện thoại cho bạn gái, là Dolly Hansome, để rủ cô ấy đi trượt tuyết. Tuyết rất đẹp, với lớp vỏ băng đá phủ trên một lớp bột mịn như cát. Đúng lúc đó có một chiếc xe mui trần sang trọng đến đậu bên lề đường.

Một người phụ nữ ngồi tay lái. Cô ấy trông giống Dolly Hansome, nhưng cao lớn hơn, phụ nữ hơn. Cô ấy có mái tóc vàng dài và xoăn, đội mũ đỏ và mặc bộ đồ trượt tuyết cũng màu đỏ. Cô ấy bước xuống xe, đứng một hồi nhìn về hướng thung lũng rồi đi về hướng ngọn đồi. Nhà ông Hyllier, nhà văn viết truyện trinh thám, xây trên ngọn đồi ấy. Ông Hyllier đặt tên ngôi nhà là l'Eyrie, nghĩa là tổ. Tên này rất phù hợp, vì nhà như treo trên đỉnh đồi.

Thoạt nhìn, địa điểm có vẻ không thích hợp cho một người đàn ông cô độc bị bệnh tim. Vào mùa hè, còn một con đường ngoằn ngoèo đầy khúc queo dẫn đến sân hiên phía sau nhà, nhưng đến mùa đông, dịch vụ công chánh chỉ dọn tuyết con đường đến chân cầu thang.

Điều này có nghĩa rằng ông Hillyer không bao giờ ra khỏi nhà sau những trận tuyết rơi to đầu tiên, và ông cũng không cần. Vào mùa thu, ông mua về mười hai ngàn lít dầu fuel và một kho dự trữ đồ hộp, thế là ông đã sẵn sàng đối phó. Hằng ngày, bà Hoff lên đó dọn dẹp và nấu ăn. Bà ấy không sợ hai mươi bốn bậc thềm, Sam, em chồng bà ấy cũng vậy. Chính Sam có nhiệm vụ dọn tuyết cầu thang và sân hiên hướng bắc.

Ông Hillyer thích cô lập. Ông không tìm cách giao thiệp với đồng loại. Ông là người cao, thanh mảnh, có gương mặt dài cay

dăng, ăn nói rất xẵng, ông đã viết mười hai quyển tiểu thuyết trinh thám và giữ nhiều bài báo nói về công lao của chính ông. Ông đặc biệt rất tự hào về những bài báo hâm mộ cách lên tình tiết ly kỳ rất tài tình của ông.

Tuy nhiên, ông đã không viết sách từ năm năm nay. Tôi nghĩ ông nản lòng vì sách ông chưa bao giờ thật sự bán chạy.

Vâng, tôi nói trở lại về người phụ nữ đây.

Cô ấy nhìn ngôi nhà, rơi quay đi và bước vào văn phòng. Tôi chạy ra để đón cô ấy. Cô ấy mỉm cười chào tôi. Giọng cô ấy trầm và khàn. Cô ấy hỏi tôi có phải là tổng biên tập không. Tôi trả lời tôi là phó. Rồi cô ấy xin phép dùng điện thoại. Tôi trả lời là được và đưa máy cho cô ấy. Cô ấy xin số của Mark Hillyer. Tôi buộc phải nghe những gì cô ấy nói thôi. Dĩ nhiên là tôi nhớ những gì cô ấy đã nói. Cô ấy đã nói bằng một giọng rất khác:

“A-lô, anh Mark à? Em Marianne đây. Em gọi điện thoại từ dưới làng. Em hy vọng anh đang chờ em. Mười phút nữa em sẽ có mặt trên đó”.

Cô ấy gác máy rồi nói bằng một giọng gợi cảm.

- Mark Hillyer không thích tôi - Cô ấy nói - Anh ấy là một người cực kỳ thông minh. Anh sẽ giết tôi nếu có thể làm được mà không bị trừng phạt. Nhưng đây là một câu chuyện khác. Dù sao, nếu một tiếng nữa không thấy tôi về, thì anh sẽ báo cảnh sát nhé? Tôi sẽ ghé qua văn phòng anh để cho anh biết rằng mọi việc ổn.

Cô ấy ban cho tôi một nụ cười và dĩ nhiên tôi trả lời cô ấy là cô có thể tin tôi, tôi sẽ gọi công an đi tìm cô ngay. Tôi cảm thấy kích động; chuyện ấy giống y như một cảnh trích từ một tiểu thuyết trinh thám của ông Hillyer. Dĩ nhiên tôi có cảm giác cô ấy không nói nghiêm túc. Nhưng tôi vẫn cứ lao ra cửa sổ để nhìn cô ấy ra đi.

Cô ấy nổ máy rồi một phút sau, tôi nhìn thấy xe của cô ấy rẽ vào con đường ngoằn ngoèo dẫn đến biệt thự l'Eyrie của ông

Hillyer. Phía dưới, trên đoạn dốc, có một đám trẻ con đang vui đùa với thanh trượt, xe trượt và mấy cái khay bằng nhôm. Trẻ con chơi vui lắm. Tôi có ý định gọi Dolly đến để chơi... Nhưng tôi không còn ham muốn như trước nữa. Sau một khúc quẹo cuối cùng, tôi nhìn thấy chiếc xe mui trần đỗ ngay dưới chân cầu thang - xe quét tuyết chỉ dọn đến đó thôi. Cô gái đậu xe, rồi tiến hành leo các bậc thềm. Tôi thấy cô ấy đến trước cửa nhà. Cánh cửa mở ra. Cô ấy vào, rồi cánh cửa khép lại phía sau cô ấy.

Suốt buổi chiều còn lại, tôi vừa làm việc vừa theo dõi nhà ông Hillyer. Đêm xuống. Cô ấy không trở ra.

Hết lời khai của Danny Gresham.

Tôi ngược mắt nhìn de Hirsch. Anh ta ngả lưng trên ghế, đầu tựa vào lưng ghế và như mãi mê ngắm trần nhà.

- Lời mở đầu khá thú vị đối với một vụ sát nhân - de Hirsch vừa nói vừa tự cao nhìn tôi - Tạm thời, tôi chỉ có thể đưa ra những kết luận hoàn toàn không chính xác. Xin anh đọc tiếp đi.

Tôi đọc:

Ngày 14 tháng Hai. Lời khai của cảnh sát Harvey Redman.

Hôm qua, lúc khoảng năm giờ rưỡi chiều, cậu Danny Gresham đã chạy ào vào văn phòng tôi. Cậu ấy tuyên bố rằng một phụ nữ trẻ đẹp đã đi gặp ông Hillyer và rất có thể đang bị nguy hiểm. Thoạt đầu, tôi tưởng cậu ấy tưởng tượng ra chuyện, nhưng cậu trình bày sự việc và tôi quyết định đi xem xét kỹ hơn. Khi viết tiểu thuyết trinh thám tài tình như thế, thì có lẽ người ta dễ dàng chuyển từ lý thuyết sang thực hành.

Tôi lấy vài cái đèn pin, rồi ra đi bằng chiếc xe cũ của tôi. Chúng tôi đến nhà Hillyer vào khoảng sáu giờ. Thật vậy, chiếc xe mui trần của cô Montrose vẫn đậu bên đường. Rồi Danny chỉ cho tôi dấu chân phụ nữ trên các bậc thềm phủ tuyết.

Dấu chân đang đi lên bậc thềm.

Không có dấu chân nào đi xuống.

Vậy ta có cơ để khẳng định rằng cô ấy vẫn còn đó.

Chúng tôi leo lên, thận trọng không đi gần các dấu chân, rồi gõ cửa. Ông Hillyer, nét mặt ngạc nhiên, mời chúng tôi vào nhà. Tôi kể lại cho ông ấy nghe những gì người phụ nữ trẻ đã nói với cậu Danny rồi hỏi cô Montrose đang ở đâu. Ông Hillyer phá lên cười.

- E rằng cô Montrose đã lừa các anh - Ông nói - Cô ấy rời nhà tôi khi trời mới tối, cách đây khoảng một tiếng.

- Thưa ông Hillyer, - Tôi nói - có dấu chân dẫn vào nhà ông. Không có dấu chân đi ra. Ngoài ra, xe vẫn còn đó.

- Lạ quá! - Ông Hillyer nói nhưng có vẻ như đang cười.

- Tôi cũng nghĩ vậy - Tôi trả lời - Chính vì vậy mà tôi muốn hỏi ông xem người phụ nữ đó đang ở đâu.

- Làm sao tôi biết được! - Ông đáp và nhìn thẳng vào mắt tôi - Anh cảnh sát ời, tôi sẽ nói thật với anh: người phụ nữ đó tổng tiền tôi. Hôm nay cô ấy đến nhận, một khoản cồng là một ngàn đô-la mà cô ấy trích của tôi. Tôi nộp tiền cho cô ấy. Sau đó cô ấy ra đi. Tôi chỉ biết bấy nhiêu thôi. Tôi muốn anh lục soát căn nhà này thật kỹ để xem có manh mối nào về sự hiện diện của cô ấy, hay về một hành động mà tôi đã thực hiện đối với cô ấy. Tôi yêu cầu làm sáng tỏ vụ này.

Danny và tôi đã lục soát ngôi nhà. Ông Hillyer ngồi bên đống lửa trong phòng làm việc hút ông điếu chờ chúng tôi.

Ngôi nhà không khó thám hiểm. Nhà chỉ gồm sáu phòng, tất cả đều cùng một tầng. Không có tầng hầm, không có tầng mái. Máy sưởi trung tâm nằm trong một phòng nhỏ. Nền nhà bằng xi măng. Tường nhà hai lớp cách ly bằng một vách có sưởi.

Cô gái không có trong nhà. Thậm chí không có gì cho phép khẳng định rằng cô ấy từng bước chân vào đây. Không có dấu vết đánh nhau chông cựa, không có vết máu nào.

Danny và tôi bước ra khỏi nhà. Xung quanh nhà, lớp tuyết trắng tinh còn nguyên vẹn. Sân hiên bắc được dọn sạch bằng

xêng, nhưng gió đã thổi một lớp tuyết mịn, trên đó không thấy dấu vết nào.

Danny đã thử lớp vỏ, nó vỡ ra ngay. Không ai có thể bước trên lớp tuyết này mà không để lại dấu vết. Và nếu thử làm, thì ông Hillyer đã bị cơn đau tim rồi.

Chúng tôi xem xét nhà xe, lục soát xe, đặc biệt là cốp xe, mà không thấy dấu vết gì của người phụ nữ trẻ. Dường như cô Montrose đã ra đi thật.

- Các anh đã tin rằng tôi không giấu cô ấy chưa? Vậy thì tôi rất vui - Hillyer cười khúc khích - Bất chấp câu chuyện mà cô ấy đã kể cho cậu Danny, bất chấp dấu chân đi vào nhà mà không đi ra, bất chấp chiếc xe của cô ấy đậu ở dưới, rõ ràng tôi không thể nào giết chết và giấu xác cô ấy - dĩ nhiên là trừ phi tôi có một cây cầu thủy tinh để chở cô ấy phía trên tuyết.

- Tôi không hiểu ý anh!

- Kìa anh cảnh sát ơi, anh cũng đọc các truyện trinh thám cổ điển mà. Một trong những truyện danh tiếng nhất kể về một người đàn ông bị giết bằng con dao găm bằng thủy tinh. Kẻ sát nhân vút vũ khí vào một cái bình nước. Dao găm đã nằm trong đó một cách tàng hình và không ai tìm thấy được. Có thể tôi đã giết cô Montrose rồi mang xác cô ấy đi bằng một cây cầu thủy tinh tàng hình. Một giả thiết khác: có đĩa bay đến sát mặt đất rồi bắt cô ấy đi: không ai thấy cũng không ai biết. Mà càng nghĩ, tôi càng cho rằng đó giải đáp thật sự.

- Tôi thấy ông không nghiêm túc lắm, ông Hillyer à - Tôi nói - Riêng tôi không nghĩ như ông, và tôi sẽ kêu gọi đến cảnh sát liên bang.

Và tôi đã làm đúng như vậy. Để họ tìm xem cô gái kia biến đi đâu. Hiện tôi còn rất nhiều việc khác phải làm.

Hết lời khai của cảnh sát Harvey Redman.

Cổ họng tôi bị khô. Tôi ngưng đọc và rót bia. De Hirsch mở mắt ra.

- Đây đủ một cách xuất sắc - De Hirsch tử tế nói - Anh là điều tra viên rất giỏi, nhưng anh thiếu đầu óc tưởng tượng. Tôi đoán chính anh đã tiếp tục vụ này, phải không trung úy? - De Hirsch quay sang Baynes nói.

- Đúng, - Baynes lầm bầm - nhưng trước đó các cảnh sát viên Reynolds và Rivkin đã đáp yêu cầu anh cảnh sát Redman. Họ đã tiến hành lục soát lại. Kết quả cũng như thế. Khi đó, người ta giao vụ này cho tôi. Tôi thừa hưởng tất cả những khó khăn. Ngày hôm sau tôi ra quân ngay. Nhưng hỏi cung Hillyer cũng y như hỏi chú mèo xem nó đã làm gì chú chim hoàng yến. Ông ấy nói về vụ này dưới góc độ tổng tiền và tuyên bố rằng ông ấy đã phạm một sai lầm cách đây rất nhiều năm. Cô Montrose biết chuyện. Từ đó, ông ấy nộp cho cô ấy một niên kim là một ngàn đô-la. Mỗi năm, khi đi qua vùng này, cô ấy lại báo ông Hillyer biết trước một hai ngày, và Hillyer chuẩn bị tiền mặt cho cô ấy.

Tôi đã liên hệ với New York. Đúng là cô ấy thuộc một băng tổng tiền. Vậy có lẽ câu chuyện này là thật. Tôi cũng đã liên hệ với ngân hàng địa phương. Đúng là người ta đã chuyển cho ông Hillyer một ngàn đô-la, ba ngày trước đó. Tôi đã khám xét vùng xung quanh nhà và nhận thấy những gì anh cảnh sát Redman và các thanh tra khác nói là. Một lớp tuyết cứng, nhưng không đủ chắc để chịu trọng lượng của một người. Cả thanh trượt tuyết cũng để lại dấu vết. Cầu tuột thì có thể là không.

Nhưng rất tiếc, trong nhà không có gì trông giống cầu tuột, thanh trượt hay xe con để trượt. Sáng hôm đó bà Hoff đã làm tổng vệ sinh. Bà xuống cả nhà xe để lấy đồ. Thế nào bà cũng phải nhìn thấy một vật to lớn như cái cầu tuột. Bà thề thốt rằng bà chưa bao giờ nghe thấy một câu chuyện điên rồ như thế. Ngoài ra. Hillyer không thể đặt giao một cầu tuột qua điện

thoại: nếu có người ta phải giao trước đó hai ba tuần, nhưng người ta chỉ giao có thức ăn và thư từ. Tôi đã kiểm tra việc này.

Biết nghĩ ra cách nào khác bây giờ? Cô gái phải biến đi một chỗ nào đó chứ! Tôi cho bốn viên cảnh sát trượt tuyết chạy khắp vùng xung quanh. Họ đã lục soát một vùng bán kính bốn trăm mét, không bỏ sót vài khe vực và hố; không tìm thấy dấu vết gì. Rồi tuyết lại rơi và tôi phải cho ngừng cuộc tìm kiếm.

Hillyer mừng rỡ. Ông ta vui sướng trả lời phỏng vấn và cho nhà báo chụp hình. Ông ký tặng sách cho các nhà báo. Tự nhiên ông như trẻ lại mười tuổi; ông vui chơi như một đứa trẻ con.

Ông nêu ra một đồng giả thiết hoang đường về vụ bí ẩn, nêu một ông Charles Fort nào đó từng viết một quyển sách về những vụ mất tích bí ẩn. Ông nói về sự phân rã tự phát, về không gian cong, về vụ bắt bớ những con người xanh lục nhỏ bé đến từ đĩa bay. Ông chưa bao giờ chơi đùa vui như thế.

Cuối cùng chúng tôi đành phải xếp hồ sơ vụ này vào loại không giải quyết được. Tất cả những gì biết được, chúng tôi đã biết ngay từ đầu: một người phụ nữ trẻ đã leo lên các bậc thang để bước vào nhà rồi biến mất. Chỉ cần chờ các sự kiện tiếp diễn. Rồi đến tháng sáu...

Olivier Baynes ngưng một chút để uống hết ly bia.

De Hirsch gật gù cái đầu.

- Rồi vào tháng sáu, người ta tìm thấy cái xác. - De Hirsch nói.

Baynes nhìn de Hirsch hơi ngạc nhiên.

- Đúng - Baynes nói - Đến tháng sáu, nàng Marianne trở thành một loại bí ẩn khác. Anh hiểu chứ?

Nhưng de Hirsch đưa tay lên.

- Cứ để anh Bob đọc cho chúng tôi nghe chuyện này - De Hirsch gợi ý - Tôi tin chắc anh ấy đã viết lại rất hay và đầy kịch tính. Đôi khi tôi rất thích đọc văn anh ấy.

Tôi đọc:

Ngày 3 tháng Sáu. Theo lời khai của Willy Johnson, 11 tuổi, và Ferdie Pulver, 10 tuổi.

Hai thằng bé đứng bên một bờ ao xanh thắm rộng không đầy chín mét.

Hai thằng bé đang ở trong một chỗ trũng dài và sâu với những vách gần như thẳng đứng cao đến mười lăm mét. Chỗ trũng đó chạy dài khoảng một trăm mét, kết thúc là một mặt bằng đá có một cái thác nhỏ đổ xuống một cái máng tự nhiên, và chảy thành cái ao ngay dưới chân hai thằng bé. Phần tràn đầy ao lại chảy vào một khe đá nhỏ hẹp, đủ rộng để một cậu bé lọt qua, nhưng quá chập hẹp đối với một người lớn.

Hai thằng bé đi chân không, giày cầm trên tay, và nước lạnh ngắt. Nhưng hai thằng bé mãi mê quan sát thế giới nhỏ bé bí mật ở vịnh nước và hầu như không để ý đến nhiệt độ nước.

- Ô! - Ferdie reo lên - Tuyệt quá. Ta đi rủ cả bọn đến đây chơi hải tặc đi, há?

Willy khịt mũi:

- Hải tặc! Thôi đi! Câu cá vui hơn. Này, ném lưỡi câu đi.

Cậu bé xỏ một con trùn giầy giũa vào lưỡi câu, rồi quăng xuống ao. Mặt nước nhả đi, lưỡi câu chìm xuống. Cậu bé chờ ba mươi giây, rồi nóng lòng giật cần câu lên.

- Ô! - Willy reo lên - Trúng được gì rồi... Xui quá! Lưỡi câu bị mắc kẹt.

Cậu bé kéo mạnh hơn. Cần câu cong từ từ, như bị một trọng lượng chết kéo đi. Ferdie không hề chú ý đến chuyện này. Ferdie đang nhìn phía trên cao, nơi có một cái gì đó trắng trắng tòng teng ở tán lá xanh bạc của cây liễu.

- Cái đó là cái gì vậy? - Ferdie hoảng hốt hỏi - Willy, cậu có nghĩ đó là con ma không?

Willy không thèm ngước mắt lên. Cậu đang hẩn hển kéo cần câu.

- Làm gì có chuyện đó! Chắc là tứ móc câu phải cành cây hay cái gì đó.

Một vật tối và đỏ xuất hiện lên mặt nước, gây nên một chỗ nước xoáy chậm. Rồi cái khối đó lật lại và một gương mặt tái mét hình trái xoan xuất hiện, xung quanh là một hào quang tóc vàng gợn sóng trong nước như còn sống.

- Ê! - Willy la lên - Người chết! Nhanh Ferdie, đi thôi!

Phía sau lưng, trong khi tiếng la hét của hai cậu bé vang đi xa xa, gương mặt tái xanh và mái tóc vàng như lưỡng lự một hồi, rồi lại chìm xuống nước sâu lặng để trở về chỗ cũ...

Olivier Baynes kể tiếp trong khi de Hirsch uống hết chai rượu.

- Cha mẹ của Willy đã gọi anh cảnh sát khu vực và anh ấy gọi tôi. Hai tiếng sau, khoảng nửa chục cảnh sát chúng tôi đến nhà ông Mark Hillyer. Cách tiện lợi duy nhất đi xuống cái vịnh đó mà không leo trèo là đi qua đất nhà Hillyer. Hillyer tỏ ra rất tử tế lịch sự và khi chúng tôi tiết lộ mục đích chuyên đi, ông chỉ tỏ ra quan tâm thôi.

- Nếu các anh tìm ra cô ấy, - Hillyer nói - xin các anh hãy nhìn kỹ trong túi áo bộ đồ trượt tuyết của cô ấy. Cô ấy cầm một ngàn đô-la khi ra khỏi nhà tôi và tôi rất muốn lấy lại.

Chúng tôi đến được vịnh qua một địa hình rất gồ ghề. Chúng tôi phải dùng dây thừng để xuống. Rồi chúng tôi ném móc. Hai mươi phút sau, chúng tôi lôi được xác lên mặt nước. Khi nhìn thấy, Danny Gresham, cũng đi theo chúng tôi, thốt lên.

- Đúng cô ấy! Nhưng làm sao cô ấy lại ở xa nhà thế? Chẳng lẽ cô ấy bay đi!

Xác cô ấy vẫn còn nguyên vẹn - nước ao gần như lạnh như đá. Trong túi áo cô ấy có một ngàn đôla. Chúng tôi lại ném mấy cái móc và lấy lên được mũ và một chiếc găng tay. Tôi để mọi người tiếp tục tìm kiếm và đi thám hiểm quanh vịnh. Ngoài vài chai

bia không và hộp đồ hộp sét rỉ, tôi hoàn toàn không tìm thấy thêm gì nữa.

Chúng tôi lục soát ao suốt cả ngày. Tôi vẫn cứ hy vọng sẽ tìm thấy một cầu tuột hay một cái gì đó đại loại như vậy. Hoài công. Chúng tôi tìm thấy xác chết cách nhà bốn trăm mét và không có manh mối gì về cách mà xác đến được nơi này.

Tôi cho mang xác về giải phẫu pháp y. Cô ấy chết vì lạnh cóng. Bao tử trống rỗng. Cô ấy đã chết bao nhiêu giờ sau khi ăn? Không thể nào biết được. Không thấy dấu thuốc độc trong các mô.

Olivier Baynes thách thức nhìn de Hirsch.

- Đấy - Baynes nói - bây giờ anh đã biết tất cả về vụ án cô gái tóc vàng tổng tiền. Chúng tôi xin nghe lời giải thích của anh. Nhớ đừng nói về sự phân rã tự phát, về không gian cong, về cầu thủy tinh hay về đĩa bay nhé!

Anh bạn người Hungary của tôi chấp các đầu ngón tay lại với nhau.

- Tôi không thể giải thích, - De Hirsch nói trong khi nét đắc thắng hiện trên mặt Baynes - nếu không nói đến cầu thủy tinh, đĩa bay và đặc biệt là tấm vải liệm.

Trung úy Baynes ra vẻ gớm ghiếc.

- Biết ngay mà. Anh cứ giải thích với chúng tôi bằng những chuyện tào lao như thế rồi thừa nhận rằng anh không biết chuyện gì đã xảy ra với người phụ nữ kia!

- Không thể được, - De Hirsch bắt bẻ với thái độ tử tế - bởi vì anh biết không, tôi biết điều gì đã xảy ra với cô ấy. Nghĩa là tôi sẽ biết khi anh chỉnh lại một điểm quên sót trong câu chuyện của anh!

- Điểm quên sót nào? - Baynes hỏi.

- Vật màu trắng mà Ferdie Pulver tưởng nhầm là ma. - De Hirsch nói.

- Chỉ là một tấm dra giường cũ bị mắc vào cành cây liễu. Tấm dra có mang dấu tiệt giặt của Hillyer. Theo Hillyer, có lẽ tấm dra bị gió cuốn đi mùa xuân trước, khi phơi trên sợi dây. Các chuyên gia đã xem xét gần như từng sợi vải một. Chỉ là một tấm dra trải giường cũ.

- Không phải tấm dra trải giường, - De Hirsch nhã nhặn chỉnh - mà tấm vải liệm. Chính xác điều mà tôi đang nói - cầu thủy tinh, đĩa bay, tấm vải liệm. Các anh không hiểu sao? Hillyer quá tự cao về trí thông minh hơn người của ông ấy, nên đã nói sự thật! Ông ấy đã cung cấp cho các anh mọi manh mối. Ít nhất là đã cung cấp cho cảnh sát Redman: các manh mối đều nằm trong lời khai của anh cảnh sát Redman. Hillyer đã giết chết Marianne Montrose, đã bắt cóc cô ấy bằng cái đĩa bay hoặc qua chiếc cầu thủy tinh để cô ấy vào sự vĩnh hằng!

Baynes cắn môi dưới. Baynes nhìn de Hirsch với vẻ mặt không hiểu và tôi cũng làm y như thế. Đó chính là tình huống mà de Hirsch khoái chí nhất - khi anh ta có thể làm cho người khác hoàn toàn không hiểu gì bằng những lời giải thích!

Baynes từ từ rút tay vào túi, lấy bóp tiền ra. Từ bóp tiền, Baynes rút ra một tờ hai mươi đô la.

- Tôi cá hai mươi đô la rằng anh sẽ kể cho chúng tôi nghe những chuyện tào lao y như Hillyer. - Baynes trịnh trọng nói.

Ánh mắt de Hirsch sáng lên. Nhưng rồi de Hirsch thở dài và lắc đầu.

- Không được, - De Hirsch nói - hai ta đều là khách của một người bạn rất thân. Tôi sẽ thật không phải nếu lấy tiền của anh vì một câu hỏi đơn giản như thế này.

Baynes nghiêng răng. Baynes rút thêm hai tờ bạc mới.

- Năm mươi đô-la rằng anh không biết gì hơn chúng tôi! - Baynes ngắt lời.

De Hirsch quay cặp mắt đen sang nhìn tôi. Tôi vội ước tính số tiền mà tôi sẽ lãnh về truyện ngắn trinh thám có thật mới viết,

rồi rút quyển ngân phiếu ra.

- Tôi xin cá một trăm đô-la rằng anh không thể cung cấp lời giải cho chúng tôi. - Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ấy và tuyên bố.

Tôi biết rằng anh bạn người Hungary của tôi không có một trăm đô-la, mà cũng không có năm chục đô-la, và thậm chí có khi đến năm đô-la cũng không có.

Bá tước de Hirsch đứng dậy.

- Với tư cách một nhà quý tộc, - De Hirsch nói - tôi không thể nói khác. Tuy nhiên tôi sẽ cần đến một cái kẹp phơi đồ...

Baynes khép lại cái miệng đang há ra. Còn miệng tôi, đang kín, thì lại há ra.

- Trong ngăn kéo bên trái, dưới bồn rửa chén, trong nhà bếp - Tôi nói - Chị Ruggle, chị giúp việc nhà, chắc là cất trong đó...

De Hirsch đứng dậy, nhẹ nhàng rời khỏi phòng khách, trong khi đi rút ra khỏi túi một cái khăn tay trắng tinh bằng vải. Và một cây viết máy.

Tôi nhìn Baynes. Baynes cũng nhìn lại tôi. Không ai nói tiếng nào. De Hirsch đã đi được năm phút. Tôi nghe tiếng mở ngăn kéo. Rồi tôi nghe tiếng động khẽ... Có thể là cánh cửa tủ lạnh mở ra. Chẳng bao lâu de Hirsch quay trở ra, ngồi xuống. De Hirsch lại mở một chai rượu mới mà tôi vừa mới mang ra, sau khi buồn bã nhìn chai rượu không.

- Sẽ mất vài phút - De Hirsch tử tế nói - Trong khi chờ, ta có thể nói chuyện. Các anh nghĩ sao về tình hình chính trị?

- Mặc kệ tình hình chính trị - Baynes cầu nhàu - Hay hơn là anh nói cho chúng tôi biết Hillyer đã giết cô gái kia như thế nào.

De Hirsch vỗ trán.

- Quên hỏi anh! - De Hirsch thốt lên - Hillyer có bị chứng mất ngủ không?

Baynes nhú mày.

- Có - Baynes trả lời - Báo cáo của bác sĩ ông ấy có ghi điều này... nhưng mà...

- Dĩ nhiên là tôi đã giả thiết điều này, - De Hirsch ngắt lời - nhưng dĩ nhiên là không nên giả thiết bao giờ. Xem nào, anh trung úy ơi, Hillyer đã giết cô ấy bằng cách cho thuốc ngủ vào nước uống. Khi cô ấy ngất rồi, Hillyer mang cô ấy chôn vào tuyết sâu ở vịnh Harrison. Ở đó cơ thể cô ấy đã kịp bài tiết chất thuốc ngủ. Cô ấy tỉnh lại khi đã bị còng lạnh. Suốt một hồi, cũng may là ngắn ngủi, cô ấy đã giãy giụa chống lại cái vỏ chắc như thép bọc quanh mình. Rồi giấc ngủ dịu dàng đưa cô ấy xuống cầu thang tối tăm dài thò dẫn đến cái chết.

- Rất văn vẻ - Baynes càu nhàu - Nhưng anh chưa nói được gì cho chúng tôi biết cả. Cô ấy không hề bị sợi dây gì trói buộc. Cô ấy không bị dấu vết nào. Có thể ông ấy đã dùng thuốc ngủ để mê cô ấy. Tôi cũng đã nghĩ đến. Rồi sao nữa?

Bá tước de Hirsch phải mất rất lâu mới chịu trả lời.

- Anh Bob này, - De Hirsch quay sang tôi nói - anh có nghĩ rằng từ này Mark Hillyer đã rút ra được như một dạng nhỏ của sự bất tử không? Rằng ông ấy cuối cùng đã đạt được sự danh tiếng mà ông ấy đã luôn hoài công tìm kiếm?

- Tất nhiên - Tôi nói - Đã có cuộc thảo luận sôi nổi: ông ấy có giết hay không giết cô ấy? Làm thế nào cô ấy đã đến được cái vịnh kia? Đây là một vụ bí ẩn khó chịu y như bí ẩn xung quanh cái chết của nàng Dorothy Arnold danh tiếng. Một trăm năm nữa, tên tuổi Hillyer vẫn sẽ xuất hiện trong các quyển sách, và các nhà trí thức thế kỷ này vẫn sẽ còn bàn luận về sự vô tội hay có tội của ông ấy. Như anh Baynes đã nói, Hillyer đang rất thịnh hành. Cuốn sách sắp đến của ông sẽ ra nhanh chóng và tất cả những quyển sách cũ đã được tái bản. Đúng là ông ấy danh tiếng, và ông ấy vẫn sẽ tiếng tăm khi mà vụ bí ẩn chưa giải được. Thật ra, mất càng nhiều thời gian để giải vụ bí ẩn, thì ông ấy sẽ càng có tiếng hơn. Y tên Jack Mổ Bụng.

- Đúng, - De Hirsch nói - và ngay khi tìm ra được lời giải của vụ này, thì từ tiếng tăm, ông sẽ trở thành bỉ ổi - một tay giết

người tâm thường. Một sai lầm kinh khủng đối với một kẻ mắc chứng hoang tưởng tự đại như ông ấy. Nhưng bây giờ, tôi nghĩ rằng ta đã có thể thảo luận về vụ bí ẩn cầu thủy tinh, đĩa bay và tấm vải liệm.... Có cùng một điểm chung với nhau: là tàn hình.

De Hirsch đứng dậy, bước xuống bếp. Tôi lại nghe tiếng tủ lạnh mở ra, đóng lại. De Hirsch quay trở ra, cầm một cái gì đó để cân bằng trên tay. Vật ấy được phủ một cái khăn để chúng tôi không thấy. De Hirsch đặt vật ấy xuống mặt bàn bóng láng.

- Bây giờ, - De Hirsch nói bằng một giọng đột nhiên rõ ràng và uy nghi - ta hãy quay trở lại hồi tháng hai vừa qua. Buổi chiều trời lạnh. Mark Hillyer đang tức giận đứng bên cửa sổ chờ kẻ tổng tiền tóc dài. Dưới mắt ông, bọn trẻ đang vui đùa trên tuyết. Và đột nhiên sáng kiến nảy ra trong đầu ông ấy, hoàn thiện như nữ thần Minerve chui ra từ đầu óc của thần Jupiter. Với sự may mắn tối thiểu, Hillyer có thể loại bỏ cô tổng tiền. Nếu thất bại: thì dù sao ông ấy vẫn bệnh nặng và tự bào chữa rằng ông ấy bị dồn đến bước đường cùng. Nếu ông thành công: thật là thích thú khi được thấy cả thế giới ngốc nghếch lằng xằng cố giải vụ bí ẩn mà chính tay ông đã tạo ra!

Hillyer bắt tay vào việc ngay. Ông ấy lấy một tấm dra trải giường cũ: tấm dra lớn nhất mà ông có, rồi trải thẳng trên những tấm đan sân hiên hướng bắc. Vài phút sau, cô Montrose đến. Hai người nói chuyện, ông mời cô một ly thức uống chứa một liều thuốc ngủ mạnh. Hai mươi phút sau, cô ấy ngủ say như chết.

Hillyer cho cô ấy trượt từ ghế xuống một tấm thảm nhỏ. Các anh thấy không, không có cố sức nhiều, không phải làm gì gây mệt tim.

Hillyer lôi tấm thảm ra sân hiên hướng bắc. Tại đó, ông ấy đẩy người phụ nữ trẻ đang ngủ sang tấm dra trải giường. Ông sắp xếp cho cô ấy nằm co ro ngay giữa...

Bằng động tác đầy kịch tính, de Hirsch rút tấm khăn phủ vật để trên bàn ra. Chúng tôi nhìn thấy cái khăn tay bằng vải. Có một cái gì đó đặt ở giữa khăn tay - một cái kẹp phơi đồ có vẽ hai con mắt nhỏ và cái miệng, như một người phụ nữ thu nhỏ và tỷ lệ khăn tay tượng trưng cho tấm dra trải giường.

Muốn nhìn thấy con búp bê-kẹp phơi đồ, tôi phải nhấc một góc khăn lên. Bởi vì mỗi góc khăn đều đã được gấp vào giữa, che phủ búp bê, giống như chiếc phong bì. Còn chính cái khăn tay thì cứng đờ.

Khi đó chúng tôi hiểu ra de Hirsch đã làm gì. De Hirsch đã phun nước lên khăn tay, rồi bỏ vào ngăn đá tủ lạnh. Giống như đồ giặt phơi trên dây vào một ngày mùa đông, chiếc khăn tay đã trở nên cứng như gỗ. Bên trong, bị nhốt vào nếp gấp khăn, là cái kẹp phơi đồ tượng trưng cho xác người phụ nữ. Tổng thể chỉ là một cái gói rất gọn chiếm vài centimet vuông. Nếu là một tấm dra giường thật, với người phụ nữ nằm co ro ở giữa, thì tất cả có cạnh rộng không quá một mét.

Baynes và tôi cuối cùng hiểu ra những gì Mark Hillyer đã làm. Ông ấy đã tưới nước một tấm dra giường to vào một ngày rất lạnh. Ông đã cho người phụ nữ nằm co ro tội nghiệp kia vào giữa, gấp bốn góc dra phủ lên cô ấy. Trời lạnh đã biến tấm dra thành một cái hộp cứng như gỗ. Trong vài phút, Marianne Montrose đang thiếp ngủ đã bị nhốt vào một tấm vải liệm băng giá, chắc như dây thép. Rồi ông cho trượt cái vật rộng và đẹp kia từ sân hiên đến lớp tuyết cứng. Do trọng lượng được phân bố trên một diện tích rộng, nên không để lại dấu vết gì. Trái lại, tấm dra trượt theo dốc, tăng tốc, lắc lư trên những chỗ gỗ ghè, để cuối cùng băng qua vực hẻm bên bờ vịnh và chìm sâu vào đồng tuyết tích lũy dưới tác động của gió thổi.

Để minh họa, de Hirsch búng cái khăn đóng đá, khiến nó trượt trên mặt bàn thẳng, rồi rơi vào sọt giấy, biến mất xuống đồng giấy nhàu.

- Đĩa bay - De Hirsch kêu - Trong lời khai, Danny Gresham có nêu rõ những cái chậu nhôm kiểu mới của bọn trẻ đang chơi trên tuyết. Đó là những cái đĩa bằng nhôm trẻ con dùng để ngồi lên và trượt dốc rất nhanh. Chúng trượt trên mặt tuyết, hầu như không chạm vào. Đó chính là những cái đĩa bay mà Hillyer đã thấy, và nhờ vậy nảy ra ý kia.

Cầu thủy tinh đã có sẵn - một lớp đá mỏng dính phủ trên tuyết từ nhà de Hirsch đến vịnh Harrison.

Cái đĩa bay làm bằng một tấm dra giường tươi nước rồi phơi ra ngoài trời lạnh, và trở thành ngôi mộ cho người phụ nữ trẻ; chỉ gần gấp bốn cạnh lại. Băng giá làm hết việc còn lại.

Cái đĩa bay tự chế ấy đã trượt xuống dốc, xoay trên chính mình. Nó cứ trượt và không dừng lại được. Nó băng qua vực hẻm, nhào xuống vịnh. Một vật trang trên tuyết trắng. Tất cả vô hình. Chỉ cần gió thổi bay vài cơn lốc tuyết, thế là không còn gì. Muốn tìm thấy, hầu như phải giẫm lên đó. Khả năng rất thấp.

Đấy! Chỉ cần một tấm dra giường cũ ướp kết hợp với hiệu quả tự nhiên của mùa đông để tạo ra vụ bí ẩn khó hiểu, khó lý giải nhất. Một người phụ nữ đã được vận chuyển đi bốn trăm mét bằng một cách thức như phép lạ. Một bệnh nhân đã thực hiện vụ sát nhân gần hoàn hảo.

- Tên khốn! - Baynes phẫn nộ - Dám tiết lộ ngay vào mặt tôi cách thức đã làm mà khiến tôi tưởng rằng hấn đang kể chuyện tào lao! Có lẽ người phụ nữ đó và tấm dra giường đã bị treo lơ lửng trên cây cho đến mùa xuân. Khi tuyết tan, xác rơi xuống và bị con suối cuốn đến ao mà không để lại dấu vết, manh mối gì - chỉ một tấm dra trải giường cũ! Ta sẽ không bao giờ có chứng cứ.

- Có thể, - De Hirsch nói - nhưng ta cứ để cho hấn biết rằng vụ bí ẩn của hấn không còn gì bí ẩn nữa và đến năm 2000, hấn sẽ trở thành đề tài nghiên cứu của các nhà hình sự học. Tôi sẽ viết cho hấn một bức thư.

De Hirsch bước về phòng làm việc của tôi và suốt nửa tiếng, chúng tôi nghe anh ấy đánh máy chữ. De Hirsch gửi qua bưu điện lá thư ngay chiều hôm đó. Sáng hôm sau, Mark Hillyer nhận thư. Tôi không biết nội dung bức thư, nhưng được Olivier Baynes mô tả cách ông ta nhận thư, theo lời tường thuật của bà giúp việc.

Khi nhân viên phát thư đến, thì bà Hoff đang làm vệ sinh trong phòng làm việc. Bà mang thư đến cho Hillyer đang ngồi ngoài sân hiên làm việc vì trời nóng quá. Hillyer vừa mới liếc qua bức thư thì mặt tái xanh ngay. Và càng đọc, má ông càng đỏ lên không bình thường. Ông vừa lật sang trang thứ nhì, thì ông xé nát thư ra ném vào gạt tàn thuốc. Hillyer bật que diêm bằng đôi tay run đến nỗi khó khăn lắm mới châm được lửa vào đồng giấy vụn.

Không nén nổi cơn giận, Hillyer lại chụp lấy cái gạt tàn, ném xuống đất. Suốt một hồi, Hillyer đứng nhìn chăm chăm vịnh Harrison, tay co giật, mở ra nắm lại.

Rồi ông bắt đầu không thở được, quay lại tìm chỗ vịn, nhưng ông ngã sụp xuống trước khi kịp đến cái ghế. Hai tay quíu lấy ngực và cổ, Hillyer hỗn hển:

- Thuốc... Thuốc!

Thuốc trợ tim của ông lại không có trong tủ thuốc, mà để trên tủ kê đầu giường.

Bà Hoff phải mất hai ba phút để tìm ra thuốc. Khi bà vội vàng quay trở về, thì Hillyer đã chết rồi.

Thú thật, kết cục này gây cho tôi ấn tượng rất khó chịu. Nhưng de Hirsch tiếp nhận tin này hết sức bình tĩnh.

- Utovegre! - De Hirsch nói.

Có nghĩa rằng cái chết ấy tương đương với lời thú tội!

NÉT VẼ BẰNG MÁU

Tác giả: John Murray

Chắc hẳn quý vị từng ngắm tranh của Louis Fedj. Trị giá tranh ông đã tăng vùn vọt sau cái chết giật gân của ông; chỉ một mình bức tự họa của ông thôi, vẽ rất thực, khỏe mạnh, râu rậm, cổ béo, được ước tính mười ngàn đô-la.

Nhưng Louis Fedj không phải là một nhân vật cường tráng, quan trọng như thế ngay từ đầu. Cách đây cũng không lâu lắm, ông là một chàng trai trẻ nhỏ bé đeo kính, tóc vàng khè, chỉ trưng bày tranh dọc theo hàng rào song sắt công viên Greenwich Village. Khi đó ông được một quả phụ giàu tình mẫu tử phát hiện, bà tổ chức cuộc triển lãm tranh đầu tiên cho ông tại một hành lang nghệ thuật trong khu phố. Cuộc triển lãm đó thành công, và từ đấy, Louis thay đổi hẳn. Cuộc đời của các đại danh họa dường như ảnh hưởng đến ông còn nhiều hơn kiệt tác của họ. Louis Fedj trở thành một phức hợp những họa sĩ mà ông yêu thích nhất: gợi cảm như Gauguin, phóng túng kiểu Rabelais, như Van Gogh, nồng nhiệt như Toulouse-Lautrec. Ông có được tiếng cười ô ô, bộ râu đỏ chói, sức ăn như Gargantua, niềm say mê whisky vô bờ bến, tính khí nóng như thuốc nổ và có tiếng là dâm dục.

Trong vòng bảy năm, tầm quan trọng và uy tín của Louis Fedj lớn dần lên. Tác phẩm của ông được trưng bày tại hai hành lang ở Paris và Luân Đôn. Một diễn viên điện ảnh nổi tiếng sưu tập tranh ông; rồi họa sĩ vinh dự có được một cuộc trưng bày toàn thể các tác phẩm kéo dài ba ngày trên các vách tường trắng của Viện bảo tàng Nghệ thuật hiện đại. Phong cách của ông “đông lại”; ông “tự thể hiện mình” bằng những kiểu bùng nổ xanh, đỏ và xanh lá mạ. Ông phun những ống màu sặc sỡ rồi dùng dao

tấn công sơn màu. Hiệu quả tạo ra thường bất ngờ; cả những người thường tự tin về quan điểm và sở thích của mình cũng không tin chắc mình ưa thích tranh của Louis Fedj.

Người ta thường thống nhất rằng một đại danh họa mới đang ra đời và có lẽ lời tiên đoán này đã thành hiện thực nếu như sự xui xẻo không xen vào. Nó xảy ra kín đáo, người ta không hay biết hoặc hầu như không hay biết, dưới dạng một thông cáo nhỏ xíu trên một tờ báo lớn nhất thành phố:

Ông Auguste Bougère, nhà phê bình nghệ thuật Pháp danh tiếng, đã gia nhập ban biên tập tờ Herald.

Tất cả những ai quen giới hội họa đều biết Auguste Bougère. Nghe nói ông từng là bạn thân và cố vấn của Picasso. Người ta nói ông từng chỉ đạo sự nghiệp của nhiều họa sĩ đương thời rất có tiếng. Nhỏ nhắn, hay huơ tay múa chân, mắt sáng rực, ông có tiếng trên cả hai châu lục về ánh nhìn phê bình sắc sảo và miệng lưỡi càng sắc bén hơn nữa. Khi ông khen, thì tuyệt vời; khi ông chê bai, thì thê thảm.

Vào một buổi chiều hè oi bức, Louis Fedj ngủ dậy với cơn nhức đầu vì uống rượu như thường lệ. Khoảng nửa chục bức tranh không quan trọng lắm của Louis đang trưng bày tại một hành lang tranh tư nhân trên đường số 57, và khi mở tờ báo buổi sáng ra ở trang thời luận nghệ thuật, Louis ngạc nhiên nhận thấy nhà phê bình du nhập của tờ Herald đã ghé qua đó ngày hôm trước. Louis còn ngạc nhiên hơn khi đọc những câu đầu tiên trong bài tường thuật của Auguste Bougère.

Từ ngữ thích hợp với những bức tranh do ông Louis Fedj ký tên có thể là “chấm phá như chất nổ”. Nhưng ta có thể tự hỏi ông Fedj đã lấy cảm hứng từ nguồn nào. Riêng tôi, tôi có cảm giác rằng những chất liệu nổ của ông Fedj chủ yếu gồm trứng rửa, chuối quá chín và thực phẩm khác không ngon lành gì. Kiểu ợ chua bằng màu của thực phẩm hư thối, méo mó vô hình,

vô hồn, vô cảm xúc, chỉ có thể là một cơn ác mộng nặng bụng chứ không thể là gì khác nổi...

Khi đọc những câu cay độc kia, lòng dạ Louis Fedj tràn đầy một cơn tức giận muốn giết người. Ông vội vã thay đồ, nuốt nhanh bữa ăn sáng, lao ra khỏi xưởng vẽ để đăm thẳng đến tòa soạn New York Herald. Có lẽ ban biên tập sẽ không bao giờ quên nổi cảnh tượng nhân vật râu ria hung dữ giậm chân sừng sộ trong phòng biên tập. Để tống khứ ông, một người thư ký nhút nhát đưa cho Louis Fedj địa chỉ nhà riêng của ông Bougère.

Fedj bắt gặp ông người Pháp đang mặc áo ngủ bằng lụa thêu, nhâm nhi tách cà phê buổi chiều. Auguste Bougère có vẻ không ngạc nhiên nhiều về sự đột nhập của Louis, và, với một nụ cười hé nở trên gương mặt sáng suốt, lắng nghe ông họa sĩ lớn tiếng chê bai trí thông minh, ngoại hình và cội rễ khả nghi của mình. Có một lúc, trong cơn giận, Louis tóm cổ áo sặc sỡ như thể định bóp cổ nhà phê bình tại chỗ. Ông Bougère thành công trong việc xua đuổi mọi ý tưởng bạo lực bằng cách nói chuyện bình tĩnh, bằng thứ tiếng Anh dở ẹc; rồi Louis Fedj càu nhàu quay lưng bỏ đi.

Louis Fedj nhanh chóng quên đi sự cố, vì say sưa làm việc. Nhưng còn ông Auguste Bougère, mặc dù có vẻ bình thản, thì không quên, và có lẽ không bao giờ quên.

Một tháng sau, nhà phê bình ra tay lần thứ nhì.

Mục thời luận của ông lần này không liên quan trực tiếp đến Louis Fedj; ông nói về triển lãm tranh của một họa sĩ Hungary di cư. Nhưng đoạn thứ ba viết:

... Tuy nhiên, trong khi đa số tranh vẽ của anh thể hiện cảm xúc mãnh liệt chân thật, thì có vài bức tranh gợi nhớ cho tôi kỹ thuật chấm phá mà Louis Fedj đã có công nâng đến mức độ hoàn hảo với phong cách đáng ngờ. Thật là đáng tiếc, bởi vì họa sĩ này xứng đáng với một số phận hay hơn. Có lẽ anh ta nên từ bỏ sắc màu thức ăn ôi thối và các kiểu hình thể như bồ hóng đặc

trưng giống cọ vẽ ông Fedj, để tập trung vào những phương diện nghệ thuật phong phú hơn...

Trước cú công kích dữ dội mới này, xuất phát từ ngòi bút nhúng axit của ông Bougère, Louis rống lên như con bò tót bị trúng thương. Lần này, những suy nghĩ sát nhân được ấp ủ trong lòng xém chuyển sang hành động. Louis Fedj tin chắc rằng một họa sĩ không thể để mình bị cản trở bởi những luật lệ chi phối phần còn lại của nhân loại và ông tin tưởng rằng thế giới sẽ không bị hề hấn gì nếu mất đi một nhà phê bình nhỏ bé tầm thường. Nhưng, nếu như những suy nghĩ giết người đang sôi sục trong đầu Louis Fedj khi chiều hôm đó ông chạy ào vào tòa nhà Auguste Bougère, thì những suy nghĩ ấy sẽ không thành hiện thực. Ông Bougère đi vắng; ông đang ở Chicago dự một cuộc triển lãm tranh để tường thuật lại cho tờ báo thuê ông. Louis đành nhét dưới cửa ông người Pháp một đoạn văn thảo bằng từ ngữ thô tục nhất.

Sáu tuần lễ sau, Fedj giới thiệu một cuộc triển lãm lớn tại một hành lang tranh có tiếng và lo lắng chờ đợi sự kiện này. Các giám đốc hành lang tranh, thường rất nhiệt tình đối với mọi cuộc triển lãm của Louis Fedj, cũng tỏ ra căng thẳng. Sau hai đợt công kích của ông Bougère, lượng tranh bán ra của họa sĩ đã giảm sút rõ.

Theo thường lệ, Louis không tham dự buổi khai mạc: suốt thời gian đó ông ngồi trong một quán rượu cạnh đó. Chỉ qua ngày hôm sau ông mới biết được số phận mình khi được tin rằng nhà phê bình nghệ thuật lừng danh của tờ Herald đã có lòng hảo tâm ghé thăm cuộc triển lãm và có ác ý tường thuật lại.

Có lẽ ông Louis Fedj đã đi một vòng các chợ và cửa hàng. Các thức ăn hư thối dùng làm nguồn cảm hứng cho tác phẩm của ông đã được đa dạng hóa lên đáng kinh ngạc. Trong tranh vẽ của ông, ta nhận ra sự đa dạng phong phú những thực phẩm

chưa từng gặp trong các tác phẩm trước đây. Trong số đó, ta để mắt đến một cái gì đó có thể là dưa cốm chín quá, những miếng thịt mỡ bị khô mốc, một quả dưa đắng, vài quả trứng và nhiều thực liệu khó nhận dạng khác. Rất tiếc phải nói rằng kết quả trông không hấp dẫn tí nào...

Nếu Auguste Bougère đã có ý chặt ngang sự nghiệp họa sĩ của Louis Fedj, thì ông không thể chọn lưỡi dao bén hơn. Hình ảnh thức ăn ôi thối bám chặt vào tác phẩm của Louis Fedj như một quả trứng thối ném vào một chính trị gia. Các nhà sưu tập từng treo tranh ông tại nhà mình bắt đầu than phiền về một mùi hơi khó chịu do tranh toát ra. Trong vòng hai tuần, lượng tranh mới bán ra sụt xuống bằng không. Bạn bè của Louis, khi ông thành đạt thì rất trung thành, tự nhiên lại tỏ ra bận bịu với những việc khác, với bạn bè khác. Một hợp đồng, ký với một người Texas, chủ nhân một giếng dầu lửa, đang muốn có được một bức tranh của Fedj trong phòng khách, đột ngột bị hủy ngang. Ba dự án triển lãm tranh tại ba viện bảo tàng khác nhau cũng bị bỏ ngang. Và các hành lang tranh từng thường xuyên trưng bày tranh của Fedj tự nhiên tỏ ra ngại ngùng phải gia hạn thỏa thuận.

Không đầy ba tháng sau, dường như đường công danh của Louis Fedj đã chấm dứt, im lặng và thảm thương.

Tiếp theo là giai đoạn trầm uất nặng. Suốt gần một năm, Fedj bỏ thời gian phung phí số tiền kiếm được trong thời kỳ danh tiếng khởi đầu. Louis Fedj làm việc này không khó khăn gì. Ông đột nhiên tìm lại được vài người bạn đã mất, họ rất vui giúp Louis trút sạch các chai whisky. Theo một kiểu, suốt sáu tháng đầu tiên, thậm chí Louis Fedj thích thú với sự sa sút của mình. Nhưng chẳng bao lâu ông cạn tiền.

Nếu Louis Fedj có tính khí yếu đuối, thì đòn đánh này có thể làm gục ngã ông. Nhưng phải thừa nhận rằng ông không thuộc loại người không có ý chí. Ông lẳng lặng, không tai tiếng, trở về

khu Greenwich Village, tìm chỗ ở khiêm tốn. Từ từ, thận trọng, ông cầm lại cọ vẽ và tranh. Ông sống giản dị, bằng tiền kiếm được nhờ vẽ những trang bìa tục tũ cho các tạp chí đăng tin giật gân. Ông không uống một giọt rượu nào nữa. Ông trở lại thành Louis Fedj như ngày xưa, như chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, tài năng, ý chí và tự tin vào vận mệnh mình.

Chế độ kỷ luật tự ý này kéo dài suốt gần tám tháng. Cuối thời kỳ này, Louis đã hoàn tất được khoảng bốn chục bức tranh. Từ đáy lòng mình, ông biết rằng đây là bức tranh đẹp nhất cả cuộc đời họa sĩ của mình. Và ông cảm thấy rằng mạng sống của chính mình tùy thuộc vào sự thành của những bức tranh này.

Rõ ràng vị giám đốc hành lang tranh rất lúng túng khi nhận lời tiếp Louis. Tai tiếng vẫn còn vấy bẩn vào tên của Louis Fedj khiến ông giám đốc lo lắng. Nhưng khi Louis cho ông xem tranh, thì ông phân vân. Rồi khi nhìn kỹ hơn, ông nhận ra rằng chữ ký là điểm chung độc nhất giữa những bức tranh này với những bức đã làm cho lưỡi rìu sáng bóng của Auguste Bougère chém xuống, sắc màu tươi tắn và đầy rung động; hình thể và nội dung cảm xúc rất vững chắc đầy đặn; vật và người dễ nhận ra; vũ công balê với cái cổ mềm dẻo, chú hề, nghệ sĩ nhào lộn, người hát rong, người Polynesie với làn da màu sôcôla, cảnh tượng đường phố, cầu, cây hoa lạ lùng. Rõ ràng có một khuynh hướng mới nơi Louis Fedj và đáng để có một cuộc triển lãm.

Rốt cuộc người ta cũng thống nhất được với nhau và chẳng bao lâu người ta bắt đầu nói về chuyện Fedj trở lại. Những người bạn cũ lại tái xuất hiện. Tên tuổi của Louis càng lúc càng thường xuyên hơn trên các mục thời luận nghệ thuật, nơi người ta đặt dấu hỏi về phong cách mới của ông. Chỉ có một nhà phê bình vẫn giữ im lặng một cách khó chịu: ông Auguste Bougère.

Khi đến ngày triển lãm, Louis Fedj, đã từ bỏ rất nhiều thói quen cũ, cũng không còn chê bai các bữa khai mạc và đi đến hành lang tranh. Ông căng thẳng đi bách bộ, nhìn khách lần

lướt bước vào, kính cẩn bắt tay các khách hàng lớn và, nói chung, cư xử như họa sĩ khiêm tốn nhất, ông rình rập khắp hành lang tranh, nghe được những bình luận khâm phục về các tranh vẽ mới và một ít lòng tự tin cũ trở về với ông. Lưng ông thẳng lại; dáng đi vững vàng hơn; thậm chí ông còn phá lên cười. Một tiếng sau khi khai mạc, ông đã trở lại với Louis Fedj ngày xưa.

Khi đó Auguste Bougère bước qua cửa.

Khi thấy ông người Pháp bước nhanh qua hành lang tranh, tay đút túi, đôi chân ngắn lạnh lợi, Louis cảm thấy mạch tim đập nhanh lên. Ông nhìn theo nhà phê bình tờ Herald đứng trước tranh, hai chân dạn ra, chĩa cái mũi khoằm ra trước trong khi cặp mắt sáng rực như đấm xuyên qua những lớp sơn trét trên vải tranh. Sự hiện diện của ông khiến đám khách tham quan cảm thấy khâm phục; họ tránh ra để cho phép ông thoải mái xem xét các tác phẩm của Louis Fedj.

Từ từ, như đang bị nhập đồng, Louis bước lại gần.

- Ông Bougère ơ?

- Vâng, sao hả?

Bằng động tác đột ngột, người đàn ông nhỏ bé xoay cái đầu to để nhìn Louis.

- Tôi... tôi muốn cảm ơn ông đã đến.

- À há?

Ông người Pháp có vẻ không hiểu. Rồi môi ông hở ra để lộ một nụ cười có răng nanh.

- À! Phải rồi, dĩ nhiên. Anh đã không trưng bày tranh, ờ ờ, một khoảng thời gian rồi phải không?

- Không trưng bày.

- Vậy những bức tranh này mới hả?

- Đúng.

- Hiểu rồi.

Ông đăm thẳng ra cửa, lôi Louis đi theo phía sau.

- Phong cách tôi có thay đổi đi một chút - Louis lưỡng lự nói - Tôi đã lấy nguồn cảm hứng nhiều từ trường phái ấn tượng chủ nghĩa. Việc sử dụng sắc màu tinh khiết...

- Sao hả? - Ông Bougère nói.

- Sắc màu. Như bức này chẳng hạn. Tôi đặt là Xe đạp...

- Dễ thương nhỉ! - Nhà phê bình nói.

- Thật à, ông nghĩ thế à?

- Thật chứ.

Nụ cười nở rộng hơn.

- Dễ thương theo kiểu hình vẽ trẻ con. Có thể gọi là...

Ông tuyệt vọng tìm từ ngữ thích hợp và cuối cùng nói bằng tiếng Pháp:

- Le charme de l'innocence...

Louis có vẻ lưỡng lự.

- Đúng là tôi có tìm kiếm một sự ngây thơ trong trắng nào đó...

- Nhưng ông đã thành công mà - Bougère nói với một nụ cười ngọt ngào - Những điều tôi nhìn thấy hết sức ngây thơ. Từ phong cách, cảm xúc, hình thể, ý nghĩa...

- Sao ạ?

- Kìa, ông Fedj ơi, ta hãy nói thẳng thắn với nhau đi. Mấy tranh vẽ này, là những trò đùa nhỏ của ông thôi. Đối với quyển sách tranh dành cho trẻ thơ, thì có thể được; đối với người am hiểu nghệ thuật... (ông lắc đầu) Ông và tôi đều hiểu rõ nhau mà, phải không?

- Trời ơi, ông đang nói gì vậy?

- Xin ông, - Ông Bougère nói với thái độ bị xúc phạm - không cần phải to tiếng đâu. Ta đang ở nơi công cộng mà.

- Ông không hề nhìn những bức tranh này và ông còn chưa xem xét...

- Có cần phải xem xét hình vẽ trên các trang hình châm biếm không?

Câu trả lời của Louis mắc nghẹn lại trong cổ họng ông. Ngực ông phồng to lên, mắt ông như muốn lồi ra khỏi đầu; mặt ông đỏ gay lên, từ chân tóc cho đến đường râu. Đúng lúc Louis Fedj định có một hành động bạo lực nào đó trước mặt mọi người thì ông Auguste Bougère đã quay gót và cương quyết bước ra cửa.

- Chờ đã! - Louis kêu lên - Ông đi đâu vậy?

- Sắp mười một giờ khuya rồi - Bougère tử tế trả lời - Tôi còn phải về nhà để chuẩn bị viết bài báo chứ. Ông thông cảm cho. Xin lỗi nhé.

- Nhưng ông thật bất công! Ông chưa xem gì cả!

- Chào ông Fedj.

Trọn một phút trôi qua trước khi Louis hoàn toàn nhận thức được ý nghĩa sự ra đi đột ngột của nhà phê bình. Khi hiểu ra, đôi chân Louis tự động lôi ông ra cửa. Khi ra đến ngoài, ông hoảng hốt nhìn tứ phía để tìm ông Pháp. Không thấy đâu hết.

Khi ấy Louis chuyển sang hành động mà không cần suy nghĩ một giây. Ông chạy đến góc đường, nhảy lên chiếc taxi, báo địa chỉ tòa nhà nơi ông Bougère ở, tại Central Park South. Ông cắn móng tay cho đến khi chiếc taxi dừng trước cổng vào.

Không thấy người gác cổng đâu và thang máy nhỏ chạy tự động. Louis bấm lên nút số mười hai.

Khi trả lời tiếng chuông, Auguste Bougère bắt đầu nói:

- Anh đến sớm quá...

Rồi Auguste Bougère chau mày:

- Ông Fedj à? Tôi tưởng ông là cậu bé chạy việc của tờ Herald .

- Tôi cần nói chuyện với ông - Louis nói - Tôi vào được không?

- Để khi khác đi. Tối nay tôi bận làm việc.

- Chỉ một lát thôi...

- Rất tiếc là không được.

Nhưng trong tình thế hiện tại, Louis không thể nào chấp nhận lời từ chối. Ông giữ cửa mở cho đến lúc thấy ánh mắt ông Bougère bắt đầu lo lắng. Nhưng nét mặt của ông người Pháp lại thư giãn ra, một nụ cười xuất hiện trên môi, rồi ông nhún vai.

- Thôi được - Ông nói - Nhưng chỉ một lát thôi, bởi vì tôi đang chờ thằng bé từ tòa soạn. Ông thông cảm nhé?

Louis bước vào căn hộ. Nhà đầy ắp đồ gỗ kèn càng, bàn ghế cổ xưa. Trên bàn viết chạm khắc cầu kỳ, cái máy đánh chữ bằng sắt xám trông lạc lõng. Một tờ giấy còn trắng đã nhét sẵn trong máy và Louis Fedj liếc nhìn, nhịp thở gấp hơn.

- Ông định viết gì vậy? - Louis quay lại hỏi - Ông phải nói cho tôi biết, Bougère à! Ông định viết gì về tranh của tôi!

Ông người Pháp dang hai bàn tay mở ra.

- Không biết nữa. Tôi đang chờ cảm hứng.

- Ông nói láo! Ông thừa biết ông sẽ viết gì. Những gì ông đã nói... Bài diễn thuyết của ông về sự ngây thơ...

- Cũng khá chú nhỉ? - Bougère nhe răng cười nói.

- Tôi không thể để ông viết nữa. Bougère, lần cuối cùng, ông đã hủy diệt tôi...

Ông người Pháp thốt ra tiếng cười khúc khích.

- Phải, ông thừa biết! - Louis tức giận la lên - Những gì ông đã viết... Chuyện thức ăn ôi thối! Phá hủy cuộc đời tôi!

- Tôi chỉ là một nhà phê bình khiêm nhường...

- Tôi cần phải biết! Ông định viết gì?

Ông Bougère nhún vai, bước qua trước mặt họa sĩ để đến với máy đánh chữ. Các ngón tay ông lướt nhẹ bàn phím, trong khi ông nghiêng đầu sang một bên nhìn khách.

- Tôi sẽ viết sự thật... người Mỹ các ông nói thế nào nhỉ? Nhưng tôi cho rằng ông là họa sĩ tồi. Họa sĩ rất tồi.

Ông mỉm cười, như thể mong đợi người kia sẽ thấy sự vô tư của ông là dễ thương. Số phận của ông được quyết định qua độ rộng của nụ cười ấy bởi vì có lẽ Louis Fedj đã hành động khác đi

nếu như lời nhận xét độc ác kia đi kèm với một cái chau mày. Nhưng nụ cười là lời sỉ vả tốt độ; nụ cười không cho phép Louis có thái độ nào khác ngoài thái độ đã chọn. Louis Fedj tóm cổ ông người Pháp. Bị tấn công, ông Bougère kêu lên một tiếng nhỏ nhưng vùng ra được. Ông chạy xuống cuối phòng, kêu lên một câu gì đó bằng tiếng Pháp, trong khi Louis rượt theo. Cuối cùng Louis dồn được ông Bougère vào góc. Hai bàn tay Louis tóm cái cổ gầy của nhà phê bình. Ông Bougère kêu ọc ọc nhưng tròng trắng nhìn lên trần nhà. Louis hất cái đầu to ra phía sau, cái đầu va vào tường nhà dán giấy hoa với tiếng kêu dễ chịu. Bougère rên khẽ, Louis lại hất đầu ông ra sau nữa. Bougère lại rên, vẻ mặt ngơ ngác ra và toan vùng vẫy yếu ớt. Cú va đầu vào tường lần thứ ba là kết liễu; nhà phê bình rên lên một tiếng kéo dài rồi mềm nhũn. Khi Louis thả ra, ông trượt theo tường nhà, ngã sụp xuống đất thành một đồng tội nghiệp.

Louis cúi xuống nhìn, với thái độ bình tĩnh lạ thường vào một thời điểm như thế. Louis cầm cổ tay gầy nhưng không thấy mạch đập. Louis đặt lòng bàn tay ngay miệng nhà phê bình nhưng cũng không thấy hơi thở nào.

Louis đứng dậy, nghĩ đến những gì sẽ làm tiếp theo. Đã gần mười một giờ rồi; cậu bé chạy văn thư của tờ Herald sắp đến lấy bài viết của ông Bougère, để đăng lên số báo đầu tiên sáng mai. Nếu thằng bé bắt gặp Louis ở đây...

Louis bước ra cửa, rồi quay lại, mắt nhìn chăm chăm tờ giấy trắng đã cài sẵn trên máy đánh chữ của ông Auguste Bougère.

Louis mỉm cười, mang ghế đến gần.

Suốt một hồi Louis nhìn trơ trơ vào tờ giấy trắng. Dù sao, Louis là họa sĩ mà; chứ đâu phải nhà văn.

Nhưng Louis vẫn bắt tay vào việc.

Tôi thật sự thích thú thông báo rằng, sau một năm vắng bóng, ông Louis Fedj đã trở về cuộc triển lãm nghệ thuật ấn tượng tươi đẹp nhất mà ta từng được thấy ở đất nước này từ

nhiều năm hay. Vì tôi đã từng gay gắt phê phán những tác phẩm trước của ông Fedj, tôi muốn là người đầu tiên thừa nhận sai lầm mình, vì tôi đã không biết nhận ra cảm xúc sâu sắc và kỹ thuật xuất sắc trong kỹ năng của ông Fedj. Cuộc triển lãm tối hôm qua chắc chắn đối với tôi đã là kinh nghiệm hấp dẫn nhất trong đời tôi, một kinh nghiệm mà có lẽ tôi đã rất vui nếu được chia sẻ với người bạn thân, ông Pablo Picasso...

Louis Fedj tiếp tục viết, ông say sưa làm việc đến nỗi quên mất kim đồng hồ chạy về mười hai giờ khuya nhanh như thế nào. Khi Louis viết đến kết luận, đã mười hai giờ kém ba phút.

Louis đứng dậy nhanh, chà máy ngón tay đen xì vào phím để xóa dấu vân tay. Không phải vì Louis nghĩ rằng cái chết của ông Bougère sẽ kéo theo một cuộc điều tra; chắc chắn người ta sẽ xem đó là một tai nạn nhỏ. Louis nhìn xuống người chết, ông Bougère có vẻ tự kiêu hơn bao giờ hết.

Sau đó, Louis ra cửa.

Louis đi thang máy đến tầng hai rồi đi xuống cầu thang đến tầng trệt. Nhưng sự thận trọng của Louis dư thừa; vẫn không thấy người gác cổng đâu. Louis ra đến góc đường, vẫy chiếc taxi đi về nhà.

Louis ngủ rất ngon, một giấc ngủ không mộng mị.

Louis thức dậy lúc chín giờ. Mặt trời sáng rực và trong lòng Louis có cảm giác như buổi sáng Giáng sinh. Louis mất một hồi để nhận ra cảm xúc dễ chịu này, rồi nhớ lại chuyện tối hôm qua và nghĩ ngay đến những gì có thể đọc trong số báo New York Herald đầu tiên sáng nay.

Louis vội vàng thay đồ, không thềm tắm rửa. Ông tự pha một tách cà phê, bỏ lên bếp. Rồi Louis mở cửa căn hộ ra kiốt mua báo, cách đó hai con đường.

Louis gặp hai người đang lên cầu thang và mỉm cười với họ. Thậm chí nụ cười vẫn còn trên môi khi Louis nhận ra chức vụ

hai người đó. Một người, nước da xám xịt, chân mày rậm, nói với Louis:

- Tôi là trung úy Burrows, ông Fedj à. Thuộc đội hình sự. Đây là trung úy Smiley. Chúng tôi mời ông đi theo chúng tôi.

- Được thôi - Louis trả lời và nhắm mắt lại một nửa - Tôi có thể biết lý do không?

- Chuyện về ông Bou... (ông cảnh sát nói không được tên Pháp) về nhà phê bình của tờ Herald . Dường như ông ấy chết tối nay.

- À! Thế sao?

Louis không hề giả vờ ngạc nhiên; Louis chỉ tỏ ra quan tâm thôi.

- Thì, tôi không hiểu tôi có thể giúp gì được các ông. Tôi chỉ gặp ông ấy một lát tại hành lang tranh và ông ấy hoàn toàn...

- Khoan đã - Người cảnh sát thứ nhì xen vào - Dường như ông chưa hiểu, ông Fedj à. Chúng tôi bắt giữ ông vì tội danh sát nhân và ông phải được nghe về quyền lợi của ông. Chúng tôi buộc phải báo với ông rằng kể từ nay tất cả những gì ông nói có thể được ghi lại thành văn và có thể được sử dụng...

- Ông nói gì vậy? - Louis gầm lên - Sát nhân gì?

- Tôi nghĩ ông nên chờ nghe hết câu chuyện Burrows nói.

Louis chờ nhưng chỉ một tiếng sau, trong văn phòng đồn cảnh sát, người ta mới báo tin cho Louis.

- Thằng bé tờ Herald đến nhà lúc khoảng mười hai giờ kém mười - Burrows nói - Cậu bé đến lấy bản tường thuật cho ấn bản buổi sáng. Chính cậu bé đã tìm thấy xác chết. Cậu bé gọi chúng tôi và chúng tôi đến căn hộ; người tòa soạn Herald đến ít lâu sau đó. Chính lúc ấy, họ đã để ý thấy bản tường thuật...

- Bản tường thuật à?

- Đúng. Dường như họ tìm thấy bản tường thuật đó trên máy đánh chữ của tay người Pháp, nhưng họ thấy nó rất lạ lùng. Ông hiểu không, tay Bougère ấy có thể rất giỏi về việc phê bình,

nhưng lại rất dở tiếng Anh. Tòa soạn báo có một người dịch thuật đang chờ bài viết của ông Bougère.

Louis há miệng nhìn trung úy cảnh sát.

- Người dịch à?

- Phải, Bougère viết mọi bài tường thuật bằng tiếng Pháp. Vậy mà bài chúng tôi tìm thấy... thì được viết bằng tiếng Anh, ông Fedj à.

- Và rõ ràng do một người rất hâm mộ ông.

Louis không rời mắt khỏi tờ báo nổi.

- Họ có đăng bài tường thuật đó không?

- Ông tự đọc đi.

Louis hấp tấp lật trang. Phía trên mục thời luận của ông Bougère có dòng chữ nghiêng viết:

Vĩ lý do ông Auguste Bougère qua đời đột ngột, Herald đã giao bài viết ngày hôm nay cho Frederick Mostyn, nhà phê bình nghệ thuật thuộc Associated News Service.

Rồi Louis đọc bài tường thuật:

Tối hôm qua, tại hành lang tranh Calhoun, Louis Fedj trưng bày một loạt tác phẩm mới chứng tỏ ông là một họa sĩ rất có tương lai...

MỜI VÀO NGHỀ

Tác giả: Glenn Canary

Jack Breed đóng cửa lại phía sau lưng rồi bước đến cái bàn viết bằng gỗ dài ngựa.

- Thưa ông McIntosh, ông cần nói chuyện với tôi phải không ạ? - Jack hỏi.

Harold McIntosh chỉ ngược mắt lên khi ký xong chồng thư. Khi ấy ông nói:

- Mời cậu ngồi xuống. Hút một điếu nhé?

- Dạ không. Cám ơn ông.

- Tự nhiên đi chú! Tôi không hề có ý sa thải cậu đâu.

Breed mỉm cười.

- Tôi biết. - Breed nói.

- Tôi có một lời đề nghị với cậu.

- Dạ?

Breed đang ngồi, thẳng lưng. Breed đã cài trước tất cả nút áo vét, nhờ biết phải có thái độ như thế nào.

- Tôi đã điều tra sơ về tình hình gia đình cậu. - McIntosh vừa nói vừa đưa tay lên để xoa dịu - Cậu đừng lo, tôi chỉ muốn kiểm tra xem cậu có đúng là người tôi cần hay không.

- Hy vọng ông hài lòng về tôi?

- Đúng, tôi rất hài lòng.

- Cuộc điều tra của ông có mang lại kết quả tốt đẹp không?

- Rất tốt.

Cuối cùng Breed bình tĩnh châm điếu thuốc, hút một ngụm.

- Ông đã tìm hiểu được gì?

- Cậu có những món nợ lên đến vài ngàn đô-la.

- Đúng.

- Thông thường, - McIntosh nói - công ty chúng tôi rất dè dặt những người mắc nợ.

- Tôi không hề cố tình mắc nợ.

McIntosh tựa lưng vào ghế rồi mỉm cười.

- Tôi biết. Cậu cứ tự nhiên đi... tôi biết cậu không phải loại người lôi thôi. Mẹ của cậu góa chồng và bị liệt. Cậu còn phải nuôi đứa em trai còn học trung học. Và cậu còn có một vị hôn thê mà cậu mong cưới ngay khi kiếm được đủ tiền.

- Ông mô tả tình thế khá chính xác.

- Cậu mắc nợ khoảng năm ngàn đô-la. Ở đây cậu kiếm được một trăm mười đô-la một tuần, và cậu không biết làm cách nào để thoát khỏi tình thế này.

McIntosh nói bằng một giọng xẵng và vô hồn, như thể đang đọc số thống kê cho thư ký ghi chép.

- Dạ đúng, Breed nói mà không kiềm được đôi tay run rẩy.

- Cậu cứ bình tĩnh đi - McIntosh nói tiếp - Tôi không mời cậu đến đây để bàn luận về khó khăn tài chính của cậu. Tôi chỉ muốn đánh thức sự quan tâm của cậu và làm cho cậu hiểu tại sao tôi chọn cậu cho vụ này.

- Tôi hiểu ạ.

- Tôi sẽ cho cậu - McIntosh thông báo và nói rõ từng từ mà không nhìn vào mắt chàng trai trẻ - cơ hội kiếm được mười lăm ngàn đô-la.

- Sao ạ? - Breed thốt lên.

- Chắc là cậu cần mười lăm ngàn đô-la chứ?

Breed phá lên cười.

- Tôi phải giết ai để có được số tiền đó?

- Vợ tôi.

- Cái gì?

- Phải giết vợ tôi.

Breed đứng phắt dậy khỏi ghế, nhưng rồi ngồi trở xuống.

- Thưa ông, tôi không hiểu trò đùa này.

- Không phải trò đùa.
- Không thể có chuyện này được, làm sao tôi có thể giết vợ ông!
- Tại sao không? Cậu không hề quen biết gì vợ tôi ma.
Breed nén tiếng cười căng thẳng.
- Tôi không nghĩ đó là lý do đủ để giết chết một người nào đó.
- Mười lăm ngàn đô-la là lý do rất tốt...
- Tôi không thể tin ông đang nói chuyện nghiêm túc!
- Tôi hết sức nghiêm túc. (McIntosh cúi qua bàn viết) Này, nếu điều này có thể trấn an lương tâm cậu, thì cậu đừng giết, để tôi lo việc này.
- Tại sao ông lại yêu cầu tôi việc này? Tại sao ông không tự làm lấy?
- Hiển nhiên quá mà. Khi một người vợ bị giết, người ta luôn nghi ngờ người chồng. Vậy người chồng phải có chứng cứ ngoại phạm thật vững vàng, và tôi có ý định tự tạo cho mình một chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo.
- Còn tôi, tôi sẽ không có à?
- Cậu không cần có. Ai lại nghĩ đến chuyện nghi cậu? Cậu có cơ gì để giết vợ tôi đâu?
- Breed dập tàn thuốc, rồi châm ngay một điếu thuốc mới.
- Sao ông lại nghĩ tôi có thể quan tâm đến lời đề nghị của ông? - Breed hỏi.
- Ai cũng quan tâm đến tiền và có một số người cần tiền hơn những người khác.
- Còn nếu tôi từ chối? Nếu tôi kể hết cho cảnh sát nghe?
- Cảnh sát có chịu tin cậu không?
- Có thể không, nhưng nếu sau này vợ ông bị ám sát, thì cảnh sát sẽ nhớ.
- Dĩ nhiên - McIntosh mỉm cười trả lời - Nhưng cậu làm thế để làm gì?
- Để tránh cho một người khỏi bị ám sát.

- Thôi đi! Tôi nói lại, cậu không hề quen biết gì vợ tôi. Vợ tôi không là gì đối với cậu cả. (McIntosh nói nhanh, như một nhà quản trị) Tốt hơn, cậu hãy nghĩ đến số tiền mười lăm ngàn đô-la thì hơn. Cậu sẽ thanh toán được nợ nần, trả tiền học cho thằng em trai và còn đủ để cưới vợ nữa.

Breed cúi mặt xuống nói:

- Ông muốn chuyện xảy ra như thế nào?

- Tùy cậu quyết định.

- Còn thời hạn? Ông muốn bao giờ thì phải làm xong?

- Chính cậu sẽ nói cho tôi biết. Cậu cứ chuẩn bị rồi khi đến lúc, cậu báo cho tôi biết. Tôi sẽ lo chúng cứ ngoại phạm.

- Đồng ý - Breed kết luận - Nhưng tôi muốn tiền phải trả trước.

- Cậu không tin tôi à?

- Không tin lắm, nhưng đó không phải là vấn đề. Lỡ tôi bị bắt thì sao? Trong trường hợp đó, tôi muốn gia đình được dùng số tiền đó.

- Được rồi, anh sẽ có tiền tối nay.

- Một chuyện cuối cùng. Tại sao ông muốn vợ ông phải chết?

- Không phải việc của cậu.

- Thưa ông McIntosh, ông thứ lỗi cho tôi, nhưng trong tình huống này, thì không còn chỗ cho sự lễ phép kính cẩn của nhân viên. Nếu phải giết người, thì tôi cần biết tại sao.

McIntosh lắc đầu.

- Thì cứ cho là tôi ghen. Động cơ tôi riêng tư, còn động cơ của cậu là tiền.

Breed đứng dậy.

- Tôi sẽ cho ông biết khi nào tôi sẵn sàng hành động.

- Phải nói, - McIntosh nói thêm khi Breed đã ra đến cửa - tôi không ngờ cậu sẽ bình tĩnh như thế.

- Phải - Breed trả lời - Phải, tôi rất bình tĩnh. Lạ quá phải không?

Breed định đi luôn, nhưng rồi quay lại.

- Nếu ông cho phép, chiều nay tôi sẽ không đến công ty.

Khi đã ra khỏi tòa nhà, Breed cố nghĩ đến những gì mình vừa mới làm, nhưng lại thấy giống như bài tập tu từ học không liên quan gì với thực tại. Jack Breed cảm thấy ngạc nhiên vì mình rất bình tĩnh, và càng ngạc nhiên hơn nữa khi nhận thấy mình có thể tiến hành một việc như thế mà không mà có cảm giác tội lỗi gì. Jack Breed chỉ có một cảm giác nhẹ bồng, và hẳn hiểu rằng nguyên nhân là do tiền. Thanh toán nợ là một sự giải thoát. Ngoài ra, McIntosh nói đúng, Jack Breed không hề quen biết gì người phụ nữ kia. Làm thế nào có thể khóc buồn cái chết của những kẻ lạ hoắc?

- Vũ khí!

Ý nghĩ này đặt vào Jack mạnh đến nỗi hẳn nói lớn tiếng. Làm cách nào để tìm một vũ khí? Ở New York, ta không thể tự nhiên đi mua một cây súng được. Jack biết mình không thể nào dùng dao được. Nhấn chìm? Chuyện bà McIntosh mời Jack đi bơi cùng là rất khó có thể xảy ra... mà ở thành phố, có chỗ nào khác để nhấn chìm người ta ngoài cái bồn tắm?

Khi đó Breed nhớ ra khẩu súng cũ của cha. Có lẽ súng vẫn còn trong căn hộ mẹ. Breed biết chắc rằng súng vẫn còn được cất kỹ bởi vì cha luôn rất cẩn thận. Mà khẩu súng cũng không đăng ký, nên sẽ không có cách để từ khẩu súng lần ra được Jack Breed.

Khi Jack về đến nhà, mẹ đang ngủ trưa. Bà đang trong phòng tắm nắng và cô y tá khá hài lòng vì chuyến thăm không báo trước này. Breed dặn cô y tá không phải quấy mẹ. Jack yêu cầu chỉ nói lại với mẹ rằng Jack đến xem qua đồ đạc của cha. Jack biết mẹ sẽ thích bởi vì mẹ thường lập đi lập lại rằng Jack và em trai có vẻ quên cha nhanh quá.

Khẩu súng nằm đúng chỗ mà Jack nhớ, được bôi dầu kỹ, trong ngăn tủ cuối cùng. Bên cạnh có một hộp đạn.

Jack chờ một chút vì không muốn cô y tá thức mắc sao hẳn ra đi nhanh quá.

- Anh Jack ơi, vị hôn thê của Jack nói khi hẳn điện thoại cho cô. Anh có chắc là anh khỏe không?

- Anh chỉ hơi nhức đầu một chút thôi, và anh lại cần ghé nhà để cất đồ. Anh nghĩ một giấc ngủ tốt sẽ hữu ích cho anh hơn là một đêm đi chơi phố. Anh yêu em.

- Em cũng yêu anh.

- Em này...

- Sao ạ?

- Không có gì, anh yêu em, vậy thôi.

- Anh có chắc là ổn cả không?

- Không có sao đâu - Jack nói - Thật mà.

Em trai của Jack đi thư viện rồi, nên Jack gần như ở nhà một mình. Jack lau chùi khẩu súng thật kỹ. Jack mất một tiếng rưỡi để làm việc này vì làm đi làm lại nhiều lần.

Đạn đã cũ nhiều năm và Jack tự hỏi không biết chúng còn tốt không.

Jack lắp đạn vào, đứng dậy ra gương tự soi. Jack cảm thấy mình thật vô duyên, với khẩu súng trong tay.

Jack cho súng vào túi rồi bước ra. Jack bước đi suốt khoảng một tiếng rồi cuối cùng dừng bên bờ sông, trong bóng một nhà tàu và nhìn mặt nước.

Jack rút súng ra khỏi túi, nhắm một ánh sáng phản chiếu dưới nước. Khi bóp cò, tiếng nổ mạnh đến nỗi Jack giật mình và xem thả súng ra. Jack hoảng hốt nhét súng vào túi, bỏ chạy. Sau khi đi được vài trăm mét, Jack hỗn hển dừng lại để nhìn lại phía sau lưng. Đường vắng vẻ. Thậm chí không thấy một ánh đèn.

Khi về đến nhà, Jack gặp cậu em trai trong bếp, đang ngồi uống cà phê.

- Anh đi đâu mất tích vậy? - Cậu em hỏi - Cô vị hôn thê bị bỏ rơi của anh có gọi điện thoại nhiều lần. Nghe chị ấy nói rằng

anh bệnh. Em biết tình trạng tài chính của anh, nên biết rõ anh không bỏ đi ăn nhậu. Chị ấy cũng biết rõ như thế, nhưng chị ấy thấy lạ và anh nên tìm một cái cớ cho hay hay để xin lỗi chị ấy.

- Câm mồm! - Jack kêu.

Cậu em trai nghiêm túc trở lại.

- Anh có chuyện gì vậy?

- Không có chuyện gì cả.

- Kìa, anh hai ơi. Em biết anh mà, anh hai à. Anh bị rắc rối à?

- Không.

- Vậy anh kể em nghe anh đi đâu đi.

- Chỉ đi dạo thôi.

Khẩu súng đè nặng trong túi Jack...

Sáng hôm sau, khi bước vào phòng làm việc của Harold McIntosh, Jack Breed ngồi xuống ghế ngay, không chờ mời. Mắt Jack thâm đen vì mệt mỏi, nhưng Jack vẫn bình tĩnh.

- Sao? - McIntosh hỏi.

- Tối nay.

- Nhanh thế à?

- Tôi không thích chuyện này. Tôi muốn làm cho xong cho rồi. Ông có thể sẵn sàng cho tối nay không?

- Tôi ngạc nhiên vì cậu chuẩn bị nhanh quá!

- Chẳng có gì mà chuẩn bị cả.

- Cậu sẽ làm thế nào?

- Ông hỏi làm gì? Ông thích nghe những chi tiết rùng rợn à?

Câu hỏi làm McIntosh lúng túng. Hắn cười căng thẳng.

- Không - McIntosh nói - Có lẽ anh đừng nói thì hay hơn. Không hiểu sao tôi không bao giờ tìm được điều thuốc khi đang cần, McIntosh vừa nói vừa lục túi áo.

Jack Breed đưa cho McIntosh gói thuốc rồi nói tiếp:

- Ông có tiền chưa?

- Có, có. (Động tác của McIntosh giật giật) Tôi đã sắp xếp rồi. Mười lăm ngàn đô-la tiền mặt. - McIntosh vừa nói vừa lấy một gói ra khỏi ngăn kéo tủ.

Breed cầm tiền.

- Ông sẽ có chứng cứ ngoại phạm cho tối nay chứ?

- Tôi sẽ lo chuyện này.

- Vợ ông sẽ có ở nhà chứ?

- Có.

- Một mình chứ?

McIntosh ngược mắt lên nhanh và như định nói một cái gì đó, nhưng chỉ gật đầu.

- Hai mươi hai giờ, được không? - Breed hỏi.

McIntosh lại gật đầu.

Breed đứng dậy, bước ra khỏi phòng không nói tiếng nào. McIntosh đứng dậy định níu Jack lại, nhưng rồi ngã sụp xuống ghế.

Mười giờ tối hôm đó, bà Irene McIntosh đang xem truyền hình trên phòng ngủ.

Bà vừa hút thuốc vừa nhâm nhi một ly soda whisky. Bà bỏ điếu thuốc và ly rượu xuống để ra cửa xem ai bấm chuông.

Trước khi chết, bà kịp có vẻ ngạc nhiên rằng có kẻ muốn giết bà.

Khi cảnh sát đến căn hộ nhỏ của Jack Breed, thì buổi party đã bắt đầu từ lâu. Lúc đó là hai giờ sáng và chàng trai trẻ ra mở cửa nhìn kỹ thẻ của cảnh sát rồi gọi:

- Jack ơi, cảnh sát đến kiểm tra kìa! Hàng xóm than phiền cái thùng loa của cậu đấy!

Jack Breed ra cửa. Một cô gái tóc vàng xinh đẹp đi theo.

- Tôi xin lỗi về cái thùng loa gây ồn ào - Jack nói - Tôi sẽ cho tắt ngay, mời các anh vào nhà uống một ly.

- Chúng tôi không đến gặp anh về vấn đề đó.

- Anh Jack ơi, em nghi anh là điệp viên quốc tế giả danh quá - Cô gái tóc vàng nói - Nghĩ lại, em sẽ không lấy anh làm chồng đâu!

- Chúng tôi có thể gặp anh riêng một chút được không? - Một người cảnh sát nói.

- Đây là chỗ riêng tư nhất trong nhà rồi - Jack Breed nói - Cô này là vị hôn thê của tôi. Tôi nghĩ cô ấy có quyền được nghe tất cả những gì mà cảnh sát muốn nói với tôi.

- Lúc mười giờ tối nay anh đang ở đâu? - Người cảnh sát nghiêm trang hỏi.

- Ở tại đây.

- Anh có thể chứng minh được không?

Jack Breed phá lên cười.

- Thì ở đây có hai chục người có thể làm chứng rằng tôi đã ở đây suốt từ tám giờ tối đến giờ.

- Đúng - Cô gái tóc vàng nói - Và em nghi anh ấy và em sẽ không rời nhau đến tận rạng sáng.

Nhóm cảnh sát nhìn nhau.

- Sao vậy? - Jack Breed hỏi - Các anh nghi tôi ở đâu lúc mười giờ tối nay?

- Anh có biết Harold McIntosh không?

- Dĩ nhiên là biết chứ!

- Chiều nay anh có đe dọa ông ấy không?

- Dĩ nhiên là không có! Sao vậy? Ông ấy bị đập đầu hay sao vậy?

- Ông ấy khẳng định anh đã đe dọa ông ấy. - Người cảnh sát nói lại.

- Vậy thì ông ấy nói láo.

- Vợ ông ấy đã bị giết tối nay. Lúc mười giờ.

-Ồ! - Jack kêu - Chuyện buồn quá.

- Sao vậy? Anh có quen với bà ấy à?

- Không, tôi chưa bao giờ gặp bà ấy, tôi chỉ lấy làm buồn.

- McIntosh khẳng định là đã đuổi việc anh chiều nay và bị anh đe dọa.

Jack phá lên cười:

- À! thì ra là chuyện đó! Tôi chỉ bảo ông ấy sẽ hối hận vì đuổi tôi, nhưng ý tôi là tôi sẽ sang làm việc cho công ty cạnh tranh và sẽ ra sức giành mọi hợp đồng của ông ấy.

- Anh ở nhà từ lúc hai mươi giờ đến giờ à?

Breed nhún vai.

- Thì các anh cứ thử hỏi đám bạn bè khách khứa của tôi!

- Thôi được - Người cảnh sát nói - Xin lỗi vì đã làm phiền anh. Nhưng chúng tôi phải kiểm chứng.

- Tôi cứ tưởng người chồng sẽ là người đầu tiên bị nghi ngờ chứ?

Nhóm cảnh sát lại nhìn nhau.

- Chúng tôi sẽ xem. - Một người cảnh sát nói.

Đã bốn giờ sáng khi Jack Breed trở về nhà sau khi đưa vợ hôn mê về nhà cô ấy. Cậu em trai đã nằm trên giường, nhưng không ngủ và đang chờ.

- Buổi tiệc thế nào? - Cậu em trai hỏi.

- Tốt lắm.

- Em rất tiếc vì không dự được.

- Cảnh sát ghé lúc hai giờ sáng.

- Em biết thế nào cảnh sát cũng đến mà.

- Em đã nghĩ đúng về McIntosh.

- Biết lắm mà!

- Em đã đoán đúng.

- Nhất định hẳn phải loại bỏ anh thôi. Anh là mối nguy hiểm. Hẳn không thể nào để anh bên hẳn. Nếu cảnh sát không có hướng điều tra nào, thì sẽ nghi hẳn ngay.

- Chắc chắn bây giờ cảnh sát sẽ nghi hẳn.

- Có lẽ thế.

- Anh không muốn để em dính đến chuyện này. - Jack Breed nói.

- Em biết.

- Anh định tự anh làm lấy.

Hai anh em nhìn nhau.

- Có khó lắm không? - Jack hỏi em trai.

- Không, xảy ra rất nhanh.

- Lẽ ra anh không nên kể cho em nghe vụ này.

- Vậy làm anh em làm gì?

- Súng đâu rồi?

- Vứt xuống sông. Để làm gì?

Jack Breed ngồi xuống giường nhìn em trai.

- Có lẽ ta nên tìm một khẩu súng khác.

- Để làm gì vậy?

- Anh bị mất việc rồi. Kiếm mười lăm ngàn đô-la này dễ quá.

KẸ SÁT NHÂN LÀM GÌ CÓ CẢNH

Tác giả: Arthur Porges

Tôi bắt đầu tin rằng trung úy Ader không còn vụ án phức tạp nào để giải quyết cả. Anh trung úy không quá rầy tôi đã sáu tháng nay. Thật ra là từ vụ “vòng tròn trên lớp bụi”.

Nhưng lẽ ra tôi phải biết; đó chỉ là một khoảng tạm lắng. Lãnh thổ thuộc quyền trung úy, đặc biệt là thành phố Arden, không thể yên lâu. Không phải là tôi thấy phiền gì; thật ra tôi rất thích chơi trò thám tử. Mà ai lại không thích trò này?

Tuy nhiên, những gì người ta đòi hỏi ở tôi khác hẳn; bởi vì thay vì nhờ tôi tìm ra một kẻ sát nhân, người ta lại mong tôi chứng minh một kẻ sát nhân là vô tội, có thể tạm nói như thế.

Tôi đã quen được Ader gọi điện thoại. Với tư cách là chuyên gia duy nhất khá rành về y học thí nghiệm, tôi là trưởng phòng bệnh lý học thuộc bệnh viện Pasteur của cả vùng, tôi làm việc cho nhiều thành phố và thị xã trong vùng. Quý vị thấy không, họ không tin các bác sĩ pháp y địa phương: phần lớn các bác sĩ này chỉ làm chính trị và không hành nghề từ lâu. Cho nên, khi họ cần một cuộc giải phẫu pháp y nghiêm túc, (ví dụ như một người đã chôn được hơn một tháng) thì họ nhờ đến bác sĩ Joel Hoffman. Bác sĩ Joel Hoffman là tôi.

Thứ ba tuần rồi, tôi đang vui sướng thực hiện một vết cắt trong một cơ bắp; trong đó có bộ sưu tập giòi nhỏ đẹp chưa từng thấy. Mặc dù nghe có vẻ lạ, nhưng tôi lại nghĩ rằng, tuy rất gớm ghiếc đối với kẻ phạm tặc, nhưng những sinh vật này không những cân đối hài hoà, mà không bao giờ giết nhau vì lòng

tham hay căm thù, và không bao giờ, không bao giờ chế tạo bom nguyên tử để phá hủy thế giới.

Vừa nói đến sát nhân, thì nó xuất hiện ngay. Trung úy Ader bước vào phòng thí nghiệm, lôi theo phía sau một cô gái. Tôi từng thấy trung úy nhiều lần rồi, nhưng chưa bao giờ với anh đi một người như thế; nên tôi nhìn cô gái trước, vì bản chất đàn ông mạnh hơn bản chất nhà bệnh lý học. Cô ấy nhỏ bé, tóc đen và hơi tròn trịa một chút. Kiểu mà cha tôi gọi là “bồ câu béo mập”. Cô ấy khóc nhiều; không cần phải học tám năm để nhận thấy điều này. Còn Ader, thì vừa tức giận vừa xấu hổ.

- Đây là cháu tôi, Dana - Trung úy nói - Chắc là anh thỉnh thoảng có nghe tôi nhắc đến.

Tôi mỉm cười. Cô ấy nhìn tôi bằng đôi mắt xám rồi nói:

- Chú là người duy nhất có thể giúp tụi cháu. Mọi việc có vẻ rất xấu. Anh Larry không thể làm chuyện ấy được.

- Ô! - Tôi nói - Xin cô hãy trở lui vài đoạn và bắt đầu kể từ đầu.

- Larry là chồng sắp cưới của cháu - Ader giải thích - Tôi đã bắt giữ Larry vì tội danh sát nhân cấp một.

Có lẽ tôi có vẻ ngạc nhiên bởi vì Ader hơi đỏ mặt rồi xằng giọng nói:

- Tôi buộc phải làm thế, nhưng cháu tôi tin Larry vô tội. Tại sao, thì tôi không biết. Tôi từng kể cho cháu nghe những gì anh đã làm, và bây giờ cháu tôi mong đợi anh làm một phép kỳ diệu theo đơn đặt hàng. Nói cách khác, Dana đã chọn anh để đập tan vụ án nhỏ của tôi.

- Tôi xin cảm ơn hai người, - Tôi nói mỉa - nhưng tôi chỉ ban phép lạ vào các ngày thứ tư và thứ sáu; mà hôm nay là ngày thứ ba, nhớ không?

- Thôi được, để ngày mai nhờ anh giải quyết giúp vụ này vậy - Trung úy nói rồi mỉm cười yếu ớt với cô cháu. (Đó là một nỗ lực dũng cảm để giúp cô gái lấy lại tinh thần và dĩ nhiên là thất bại)

- Hãy lưu ý, - Trung úy nói thêm - rằng không có cách bào chữa

nào; chúng cứ quá rõ ràng. Lát nữa anh sẽ hiểu ý tôi muốn nói gì. Nhưng Dana không tin, và thành thật mà nói, tôi cũng không thể tưởng tượng Larry đập đầu một ông già vì tiền. Larry khá nóng tính, nhưng nguội rất nhanh. Dù gì, tôi không tin Larry là người có thiên hướng bạo lực. Tuy nhiên...

Trung úy ngưng nói, và tôi hầu như đi guốc trong bụng anh ấy. Khi đã gặp được khá nhiều kẻ sát nhân, có một điều thấu suốt như nước cất: không có cách nào nhận biết nuốt kẻ sát nhân khi mà hãn ta chưa thực hiện tội ác.

- Tại sao cô tin chắc rằng không phải cậu ấy? - Tôi hỏi Dana.

Với vẻ mặt bướng bỉnh, Dana ngẩng cái cằm tròn nhỏ lên; tôi thích cô ấy vì điều này. Tôi rất ghét loại con gái thụ động, tóc vàng nhợt nhạt và mềm nhũn.

- Cháu biết anh ấy không thể nào giết ai được, nhất là một lão già đang nằm trên cát. Anh ấy có thể đánh nhau với một người con trai cùng tuổi, với điều kiện là cả hai đang đứng, vậy thôi. Bộ chú tưởng cháu có thể yêu một kẻ sát nhân, và sẵn sàng lấy anh ta làm chồng à?

Tôi nhìn Ader và có lẽ cả hai gương mặt chúng tôi đều trở ra cùng một lúc, bởi vì Dana thốt lên một tiếng bực mình.

- Ôi! Đàn ông thiệt! Chỉ thấy chúng có mà thôi. Cháu biết rõ anh Larry mà!

Trung úy đã có vợ, nên cũng biết phụ nữ. Tuy vậy cách lý luận thuần túy nữ tính kia vẫn khiến trung úy giật mình. Nhưng tôi đã dự đoán cách phản ứng của cô ấy. Nên tôi chỉ nhận xét:

- Nếu anh cho tôi biết sự việc, thì ta sẽ thảo luận để biết ai là thủ phạm.

- Đồng ý. - Ader có vẻ nhẹ nhõm nói.

Trung úy thích các sự việc rõ ràng chính xác hơn là lý thuyết hay cảm xúc. Tôi dễ dàng đoán rằng Dana cùng vợ của Ader, Grace, là người rất tốt bụng, đã năn nỉ người chú suốt mấy

tiếng. Không phải là trung úy thiếu sự thông cảm. Tôi biết nhiều người cảnh sát không chịu làm hỏng một vụ án để làm vui lòng vợ, con hoặc ông bà. Trung úy Ader làm việc này chỉ vì một cô cháu.

- Trước hết, - Ader nói - nạn nhân là đại tá McCabe, cựu sĩ quan tại ngũ, sáu mươi hai tuổi. Sáng hôm qua, rất sớm, đại tá xuống bãi biển nhà riêng đi dạo cùng con chó, như mọi khi. Sau khi lội bì bõm gần trên bờ một hồi, đại tá nằm trên một tấm chăn thiếp ngủ đi; trong khi đại tá ngủ, có kẻ đến gần dùng gậy đập vỡ đầu ông bằng quả táo rất nặng ở đầu gậy. Gần như chắc chắn kẻ sát nhân chính là Larry Channing, cháu của đại tá, một chàng trai hai mươi bốn tuổi cũng sống cùng nhà.

- Còn động cơ?

- Tiền. Đại tá McCabe có rất nhiều tiền. Larry là một trong những người được thừa kế một ít, nhưng khoảng năm mươi ngàn đô-la, thì ở tuổi như anh chàng này, đâu ai dám chê.

- Anh Larry muốn trở thành bác sĩ - Dana tức giận nói - Anh Larry muốn cứu mạng sống con người. Ngoài ra, anh Larry không hề cần tiền. Bác của anh Larry sẽ nuôi anh ấy đến khi học xong.

- Đúng - Trung úy Ader nói - Nhưng một anh chàng bác sĩ tương lai vẫn có thể bị số tiền lớn dễ kiếm quyến rũ chứ.

- Không chỉ có những người sắp trở thành bác sĩ là như thế, tôi nói với một tí thèm muốn khi nghĩ đến thuyền buồm mà tôi mơ sẽ sở hữu một ngày nào đó. Nhưng chính xác thì làm thế nào anh đi đến kết luận rằng Larry là kẻ sát nhân?

- Bởi vì anh chàng nóng tính ấy đã hành động như một thằng ngốc. Cậu ấy đã để lại đủ chứng cứ. Để tôi trình bày cho anh nghe chuyện xảy ra như thế nào.

Ader lấy ra khỏi cặp một sơ đồ có chỉ rõ tư thế cái xác trên bãi biển và dấu chân: dấu chân của đại tá và của kẻ sát nhân, cả hai hướng, đi đến xác chết.

- Trước khi đại tá đi dạo, - Ader nói - bãi cát trắng sạch. Thủy triều tôi hôm trước đã làm phẳng bãi cát. Chúng tôi tìm thấy dấu chân đại tá đi từ cầu thang xuống nước, rồi trở về chỗ đại tá nằm xuống tắm chân. Rồi có vết chân của Larry từ cầu thang đến chỗ đại tá McCabe rồi trở về. Không có dấu chân nào khác, ngoại trừ dấu chân chó khắp nơi, phía trên và phía dưới các dấu khác. Ta chỉ có thể xuống bãi biển từ ngôi nhà hoặc từ biển; không có cách nào khác đến đó từ bên hông, cả hai bên đều có vách đá thẳng đứng. Chính khả năng phòng vệ kẻ lạ hoàn thiện này đã làm cho ngôi nhà có được giá trị hai trăm ngàn đô-la. Bây giờ, xét tất cả những điều này, thì một người lý trí kết luận được gì? Những dấu vết cho thấy rõ ràng, người duy nhất đến thăm đại tá McCabe là Larry Channing.

- Chắc anh đã kiểm tra mọi dấu chân?

- Dĩ nhiên. Mặc dù không cần thiết phải làm thế. Larry thừa nhận đã đi gặp ông bác vào khoảng bảy giờ rưỡi khi cả gia đình còn đang ngủ. Thậm chí Larry còn cho chúng tôi biết hai bác cháu đã cãi lộn với nhau. Đây không phải là lần đầu tiên. Anh biết không, đại tá không muốn Larry cưới một cô gái nghèo như Dana.

Giọng nói Ader thoáng cay đắng. Trung úy Ader là người cảnh sát trung thực và luôn bị trễ hạn thanh toán các hóa đơn.

- Lão già nói rằng chỉ có kẻ điên mới cưới nhau vì một cái gì đó khác không phải tiền, rằng tình yêu chỉ là một ảo tưởng thời hiện đại, nhất là đối với thanh niên không biết suy nghĩ và phụ nữ thích đọc tiểu thuyết tình cảm. Yêu một cô gái có tiền cũng dễ như yêu một cô gái nghèo, đại tá cứ khẳng định như thế. Chính đại tá có được số tiền to lớn nhờ cưới một bà góa giàu có. Điều khủng khiếp khi biết điều này, là ta có thể giả thiết rằng chàng trai có một động cơ mạnh hơn động cơ tiền bạc. Đại tá có thể điên đến nỗi cắt tiền nuôi Larry vì Larry chọn Dana. Nếu vậy, thì Larry không thể học y khoa được nữa.

- Chuyện nghe không hay tí nào. Thế còn vũ khí?

- Do cái sọ của đại tá McCabe bị vỡ, chúng tôi đã tìm một vật trông giống như cái chùy. Gần xác chết, thì không có gì, nên chúng tôi đã nghĩ rằng Larry đã loại bỏ vũ khí. Nhưng điều đáng kinh ngạc là chúng tôi tìm thấy vũ khí trong nhà, dưới đáy tủ áo của chính Larry. Đó là cây gậy mà Larry rất hay xài, một cây gậy bằng gỗ mun với quả táo to nặng, gọt tròn thô sơ để cầm. Gậy được lau sơ sài. Vẫn còn dính máu và vài sợi tóc. Bây giờ anh hãy trả lời tôi, thực hiện một tội ác như thế có phải là ngu xuẩn không?

Khi nghe những lời này, Dana đứng phắt lên, mắt sáng rực.

- Lý do là bởi vì không hề có tội ác! Bộ chú không thấy rằng mọi thứ quá hiển nhiên, quá dễ dàng sao?

Ader nhăn mặt.

- Tôi cũng nghĩ đến chuyện này, và theo một nghĩa, thì tôi đồng tình - Ader nói - Trừ phi Larry mong chúng ta nghĩ rằng đây là một vụ dàn dựng, dù rất sơ sài lộ liễu. Như tôi đã nói, Larry nóng tính, nhưng không ngu. Và chỉ có kẻ ngu nhất mới để lại một dấu vết lộ liễu như thế phía sau. Y như đóng đinh vào chính quan tài mình. Tên này đã tự đóng ít nhất khoảng một chục cái đinh rồi.

Trong khi Ader nói chuyện, tôi đã nghiên cứu sơ đồ và bắt đầu than thở:

- Điều này rồi một ngày cũng phải xảy ra thôi. Lẽ ra tôi phải biết!

- Gì vậy? - Trung úy hỏi.

- Để tôi nói cho anh nghe. Nếu Larry vô tội, thì ta đang đối mặt trước một vụ cổ điển thuần túy, một vụ sát nhân trong phòng kín. Dấu chân trên bãi cát cho thấy rõ ràng rằng không ai khác đã đến gần nạn nhân. Anh có chắc chắn rằng nạn nhân đã bị giết bằng cây gậy đó không?

- Chưa chắc, nhưng tôi dám cá là như vậy. Giải phẫu pháp y chưa tiến hành và cây gậy chưa được chuyên gia bệnh lý học xem xét. Cho đến nay, chúng tôi chỉ mới kiểm tra dấu chân và dấu vân tay. Chỉ có của Larry và đại tá. Phần còn lại thuộc về anh. Nhưng cái sọ của người đàn ông đó đã bị đập vỡ, cho nên nếu cổ một cái gì đó khác giết chết ông ta, thì cũng vô ích và vô nghĩa. Thi thể đang nằm ở nhà xác và tôi sẽ cho mang đến đây. Anh có thể xem xét cây gậy khi nào anh muốn.

- Thế còn bác sĩ Kurzin? Lại qua mặt ông ta nữa à?

Kurzin là bác sĩ pháp y, một lão già bất tài đã bỏ lỡ cơ hội làm một tay chặt thịt giỏi trong một siêu thị.

- Phải làm thế nếu muốn đạt được một cái gì đó. Anh là chuyên gia được công nhận ở quận này, như thế tôi có quyền làm như vậy.

- Thôi được. - Tôi nói hơi miễn cưỡng.

Bởi vì, thành thật mà nói, dường như chàng trai là tội phạm. Dù sao, đa số bọn sát nhân không được tinh ý lắm; bọn chúng phạm rất nhiều sai lầm. Khi một người bị dồn đến bước đường cùng đến nỗi đi giết người, thì người đó khó mà bình tĩnh lên kế hoạch nổi.

- Tôi sẽ giải phẫu pháp y ngay khi xác chết về đến bệnh viện - Tôi nói tiếp - Sau đó, nếu anh chịu khó mang gậy đến, tôi sẽ xem xem máu và tóc có đúng là của nạn nhân hay không. Trong khi chờ, anh cứ làm như thường lệ, lập một danh sách những kẻ tình nghi thật dài. Anh hiểu ý tôi rồi: nhận dạng, phân tích tính tình, v.v... Anh giỏi việc này lắm mà.

- Có rất nhiều kẻ tình nghi có thể có - Ader bực mình trả lời - Trong nhà còn bốn người thừa kế khác và tôi không nghĩ họ được đại tá yêu mến nhiều. Ở trong quân đội cũng như ở nơi khác.

- Trong số kẻ tình nghi kia, có bao nhiêu người biết bay? Bởi vì, anh hãy tin tôi, phải có cánh hoặc có một cách di chuyển

trên không, thì mới giải thích được làm thế nào đại tá bị ám sát mà kẻ sát nhân không để lại dấu vết gì trên cát.

- Chính vì thế mà tôi không thể không nghĩ rằng Larry là thủ phạm. Tôi không muốn tin điều này, nhưng như anh nói, trong trường hợp ngược lại, cần phải nhảy dù hoặc cái gì đó đại loại như thế. Mà rất khó tưởng tượng nhảy dù theo hướng ngược lại, về phía trên. - Trung úy cay đắng nói.

- Anh Larry vô tội - Dana tin tưởng nói với tôi - Nếu chú nhớ rõ rằng anh Larry vô tội, thì chú sẽ tìm ra cách giải thích. Chú là niềm hy vọng duy nhất của tụi cháu, nên cháu xin chú, chú hãy cố gắng hết sức mình.

- Tôi phải báo trước cho hai người một điều - Tôi nói - Tôi không phải là luật sư; tôi không thể thiên hản về một hướng. Điều gì sẽ xảy ra, nếu sau khi tôi điều tra... (tôi định nói: "tôi đóng thêm một cái đinh khác vào quan tài của chàng trai kia", nhưng tôi kịp chuyển câu nói sang kiểu khác) các chứng cứ chống lại Larry trở nên hiển nhiên hơn nữa? Có lẽ nên giao vụ này cho Kurzin. Lão ta sẽ làm hỏng hết đến nỗi có khi bồi thẩm đoàn sẽ nghi ngờ và không dám buộc tội Larry.

- Chú sẽ không phá hủy cơ may của anh Larry đâu. Anh Larry vô tội và chính điều này cuối cùng sẽ được chứng minh. - Dana vẫn cương quyết nói.

Ader nhún vai.

- Anh nghe cháu gái tôi nói rồi. Tôi cũng nghĩ rằng Larry chẳng có gì để mất. Tình thế vụ án đã như thế này rồi, thì thẩm phán dỏ nhất cũng sẽ kiếm được hình phạt. Tôi sẽ cho chở xác đến ngay, trung úy vừa nói vừa dìu dàng dìu cô cháu ra cửa. Tôi sẽ trở lại sau với cây gậy, trừ phi bị bận đầu đó.

Trung úy triu mến vuốt vai cháu gái, rồi hai chú cháu bước ra.

Tôi nhím Dana ra đi, cảm ngáng cao. Tôi nghĩ bụng rằng nếu Larry đã đủ khôn để chọn một cô gái như thế này, thì chàng trai

đó khó có thể thực hiện một tội ác một cách vụng về như thế. Rồi tôi nghĩ rằng cách lý luận của tôi đang theo chiều hướng tệ hơn cô gái, và tôi đành trở về với mấy con giòi.

Thi thể đến một tiếng rưỡi sau và do công việc ở viện Pasteur rất bình lặng, tôi có thể bắt tay vào việc ngay. Như thường lệ, tôi bắt đầu từ cái đầu và phải thống nhất với Ader cho rằng cái sọ vỡ chính là nguyên nhân gây chết người. Ngoài ra, cũng đúng là ông ấy rất khỏe mạnh và có thể thọ đến một trăm tuổi. Tôi có thể làm thêm rất nhiều xét nghiệm mô, nhưng tôi thấy không cần thiết. Tôi chắc chắn tuyệt đối rằng nạn nhân bị chết do cú đập vào đầu. Tôi vừa mới hoàn tất những xét nghiệm sơ bộ ấy thì Ader mang cây gậy đến.

Ader tránh không nhìn tử thi mặc dù mọi thứ đã sắp xếp đầu vào đó xong. Một phút sau, công việc xong. Tôi phủ tử thi bằng tấm vải, rồi Ader bước đến gần.

- Sao? - Trung úy hỏi.

- Đúng là ông ấy bị giết do cú đập vào đầu. Ta hãy xem xét cây gậy.

Ader đưa cây gậy cho tôi. Phần tay cầm nặng có bao nylon bao phủ; cây gậy mun nhỏ dài khoảng ba mươi tám pouce. Gắn như chắc chắn tay cầm gậy hình quả trứng đã gây ra gãy xương sọ. Để biết chắc, chỉ còn việc xem xét gậy.

Thử nghiệm máu làm dễ và nhanh, chỉ cần so sánh nhóm máu. Đối với tóc, cũng không mất nhiều thời gian, tôi xem kính hiển vi. Tôi buồn bã lắc đầu khi thấy kết quả, Ader tái mặt. Trung úy đang trong tình thế rất khó xử. Một bên là vụ án lý tưởng, không phải đi truy tìm nhân chứng không chịu hợp tác hoặc đủ loại những chứng cứ khó tìm khác. Bên kia là cô cháu Dana, một người nhà mà trung úy quý mến, sắp phải thấy vị hôn phu bị đưa vào phòng hơi ngạt, hoặc nếu may mắn hơn thì đi ngồi tù ba chục năm hoặc nhiều hơn. Cách này hay cách khác

đều không làm trung úy vui. Dĩ nhiên là trừ phi ta tìm ra ứng cử viên lý tưởng cho an tử hình.

- Tôi rất tiếc, - Tôi nói - nhưng tôi không tìm thấy gì giúp được chúng ta. Đúng là McCabe đã bị giết bằng cây gậy này. Tôi sẵn sàng đánh cược uy tín chuyên môn của mình về điểm này, và đó sẽ là lời chứng dưới lời thề của tôi.

- Tôi không mong chờ gì hơn - Trung úy ử rữ nói - Tôi chỉ nuôi hy vọng vì Dana mà thôi. Dù gì, đây là bức tranh đầy đủ của cả gia đình còn lại trong nhà. Ngày mai anh cứ đọc và có thể anh nghĩ ra một cái gì đó. Anh đã từng giải quyết được nhiều vụ tuyệt vọng hơn nữa mà.

- Vụ này tuyệt vọng hơn hết - Tôi nói - Nói thật, ta không cần có kẻ tình nghi, mà điều ta cần biết hơn là tội ác đã thực hiện nhưng bằng cách nào. Một vụ sát nhân; kẻ sát nhân khá rõ rệt, tìm thêm những tên khác để làm gì?

- Tôi cũng không biết - Trung úy nói với vẻ mệt mỏi - Nhưng anh hãy bắt đầu với giả thiết rằng Larry vô tội và thử xem có ai khác có thể thực hiện tội ác hay không.

- Đơn giản thôi - Tôi đáp - Tôi chỉ cần một tháng và thêm năm mươi phần trăm trí thông minh. Nhưng tôi sẽ cố gắng, ông chủ à.

Ader ra đi. Trung úy có vẻ mệt mỏi. Có lẽ trung úy đã không ngủ từ lúc xảy ra vụ sát nhân.

Đã hơn mười một giờ, nhưng tôi không cảm thấy mệt và ngồi xuống để đọc báo cáo về gia đình. Ader rất giỏi viết các loại báo cáo này và tôi dễ dàng tưởng tượng từng thành viên trong nhà đại tá McCabe.

Có năm người thuộc gia đình người quá cố: Larry, cháu, một chàng trai hai mươi bốn tuổi; hai người con trai, Harry ba mươi hai tuổi và Wallace, ba mươi chín tuổi; em trai của đại tá, Wayne, năm mươi bảy tuổi; một người em họ, Gordon Wheeler,

hai mươi tám tuổi. Gia nhân có một cặp vợ chồng khá lớn tuổi lo vệ sinh và vườn tược. Một người phụ nữ đứng tuổi lo nấu ăn.

Về động cơ, thì tất cả đều có, ngoại trừ gia nhân, đã được bảo đảm tài chính. Đối với gia đình, đó là vấn đề tiền bạc. Gia tài của đại tá McCabe lên đến hơn một triệu đô-la, thừa hưởng từ người vợ, một bà góa không con của một nhà công nghiệp giàu có. Bức di chúc của đại tá được mọi người biết rõ. Hai người con trai thừa hưởng mỗi người hai trăm ngàn đô-la; người em trai một trăm năm mươi ngàn; Larry được năm mươi ngàn; còn người em họ được ba chục ngàn, tất cả đều không bị thuế. Tính thêm vài khoản nhỏ cho gia nhân, tất cả số tiền còn lại sau khi nộp thuế sẽ cho viện bảo tàng địa phương với điều kiện phải trưng bày thường xuyên bộ sưu tập vũ khí của đại tá McCabe. Bởi vì ông già tự hào mình là chuyên gia quân đội bậc nhất. Nhưng thay vì tái lập lại những trận đấu của cuộc nội chiến hoặc của chiến tranh 1914, thì đại tá lại thích chỉnh sửa những sai lầm của tướng tá các thế hệ trước. Tóm lại, đại tá McCabe muốn viết lại quyển sách của Oman,

Nghệ thuật chiến tranh thời Trung cổ.

Một gian trong nhà chứa bộ sưu tập vũ khí và áo giáp trung cổ. Gordon, người em họ, phụ trách gian này. Anh ấy theo dõi cập nhật quyển catalo, giữ mọi thứ sáng bóng và còn dùng được đến nỗi bất cứ lúc nào đại tá McCabe cũng có thể lên đường đi Thập Tự Chinh với trang bị hoàn hảo: bia gươm, lao, dao găm, v.v, chỉ thiếu mỗi con ngựa.

Ông đại tá quá cố là loại người có khi rất thô tục, nhưng thật ra không ác tâm. Dường như ông không quan tâm đến công việc của các thành viên gia đình, mà cũng không ai có lý do gì để căm thù ông. Khi đọc những hàng Ader viết và cố đoán những gì không được viết ra, tôi cảm thấy động cơ duy nhất chỉ có thể là tiền. Bởi vì có thể đại tá McCabe rất kỹ lưỡng về tiền, mặc dù mỗi người đều đã nhận được một khoản trợ cấp.

Nhưng hiện, động cơ không phải là vấn đề chính yếu. Công việc thật sự của tôi là giải quyết vấn đề mà tôi đã trình bày với Ader: nếu Larry không giết đại tá, thì vụ sát nhân đã được thực hiện như thế nào? Vấn đề “bởi ai” có thể tạm chờ, và tôi tin chắc, sẽ được tìm ra khi ta biết cách thức đã dùng để giết.

Tôi lấy sơ đồ và hình chụp ra. Có một cách làm rất thịnh hành ở Madison Avenue, là “bão táp trí óc”. Cứ để cho trí óc chạy hết tốc độ, thoải mái để cho các ý tưởng điên rồ nhất trội ra với hy vọng rằng trong mớ hỗn độn sẽ tìm ra được ý tuyệt vời. Tôi thử kỹ thuật này và chỉ rút ra được những ý tưởng phi lý. Ý nghĩ điên rồ nhất của tôi là kẻ sát nhân mang đôi giày có dấu chân giả giống của con chó. Điều rắc rối là dấu chân trên hình rất cạn. Con chó cân nặng khoảng ba chục ký, trọng lượng này lại được chia đều trên bốn chân. Chắc chắn một người đàn ông tám chục ký sẽ để lại dấu sâu hơn. Như quý vị thấy, tôi đã kiệt sức rồi.

Nhưng “lời giải” này không làm tôi hài lòng. Thế là tôi đi theo một hướng khác, và hướng này mang lại cho tôi ít hy vọng. Hay người ta đến từ biển? Theo ghi chép của Ader, tất cả thành viên gia đình đều chơi ván trượt và các môn thể thao dưới nước khác; sao không phải là lặn? Nếu kẻ sát nhân đi ra từ dưới biển, có hay không có thiết bị, giết đại tá rồi ra đi cũng bằng cách đó, thì hẳn có để lại dấu vết hay bị thủy triều xóa sạch? Đây là giải pháp khả dĩ.

Tôi định điện thoại ngay cho Ader, nhưng đã hơn mười hai giờ khuya và tôi nhớ ra rằng Ader rất mệt mỏi. Thứ tư vẫn còn sớm. Thế là tôi về nhà ngủ và nằm mơ thấy một chú chó bơi dưới nước và gây kinh hoàng cho người tắm biển.

Sáng hôm sau tôi gọi điện thoại cho trung úy và trình bày hai giả thiết. Như tôi đã biết trước, giả thiết một người bước đi giống con chó là phi lý. Dấu chân lấy mẫu bằng thạch cao - điều này làm tôi ngạc nhiên, nhưng đúng là Ader không bao giờ bỏ

qua việc nhỏ nào - cho thấy rõ ràng nó quá cạn, nên không thể do con người tạo ra.

Giả thiết thứ nhì, đến từ biển cả, có vẻ gây quan tâm cho trung úy. Vấn đề là tìm hiểu xem một kỳ công như thế có thực hiện nổi trên một bãi biển tư nhân hay không. Có một cách kiểm tra là hỏi thăm Sammy Ames, thời luận viên báo địa phương, chuyên gia về các trò chơi dưới nước. Ader gọi ngay và tôi nghe. Ames rất dứt khoát. Trừ phi muốn tự sát, vào mùa này không ai có thể bơi cách bờ năm dặm. Dòng nước-mạnh đến nỗi không chống lại nổi; kể cả nhà vô địch Olympic cũng không làm được.

Tìm ra hai giả thiết này đã khó; bây giờ lại phải tìm ra một giả thiết thứ ba hay hơn. Vậy bắt buộc tôi phải đến nhà nạn nhân và nhờ trung úy dẫn đến đó.

Nơi đó thật uy nghi: một ngôi nhà rộng lớn hai tầng, phía sau là cầu thang để đi xuống hai chục mét đá dẫn đến bãi riêng. Bãi biển này được viền vách đá từ ba phía phía thứ tư là biển.

Tôi sẽ không phí thời gian mô tả các thành viên gia đình, vì ngoại hình của họ không có liên quan gì đến vụ án. Tất cả những người đàn ông này đều khỏe mạnh, thuộc tip lực lưỡng, rất nam tính. Tất cả đều rất lấy làm tiếc cho Larry, và đều có vẻ chắc Larry là thủ phạm.

Bộ sưu tập vũ khí thờ Trung cổ cũng đáng để xem, nếu tình thế không bi thảm. Tường phòng phủ đầy rìu, dao, lao, cung... Có nhiều hình nộm mặc những bộ áo giáp được đánh bóng rất kỹ. Wheeler, là người phụ trách viện bảo tàng gia đình, rõ ràng rất tự hào về bộ sưu tập này, và nhờ tìm tòi nghiên cứu cho đại tá, anh ta đã trở nên lão luyện trong cách dùng tất cả số vũ khí này. Anh ta hăng hái biểu diễn cách dùng một số vũ khí, thao tác với sự tự tin của một chuyên gia.

Nhưng không có gì trong tất cả những chuyện này giúp làm rõ vụ bí ẩn, nếu có bí ẩn và nếu Larry không phải là kẻ sát nhân

thật.

Tôi khá nản lòng. Có thể John Dickson Carr biết tưởng tượng và giải quyết trên giấy các vụ bí ẩn trong phòng kín, nhưng đối với tôi như vậy là quá khó. Tôi đang sẵn sàng bỏ cuộc và chấp nhận Larry là thủ phạm.

Khi đó tôi nhớ lại những vụ gần đây, mà Ader và tôi đã cùng xử lý. Đối với những vụ này, việc xem xét lại các tang vật một lần nữa đã giúp chúng tôi thoát khỏi ngõ cụt. Tôi rất mến Dana. Mọi việc khác hẳn khi ta có lợi ích trong một cuộc điều tra.

Thế là tôi quay về phòng thí nghiệm. Việc đầu tiên tôi làm là đọc những gì đã ghi chép về cuộc giải phẫu pháp y. Không có gì thay đổi. Sọ của đại tá đã bị lủng sâu ngay phía trên tai phải. Tôi cố gắng tưởng tượng xem cú đập đã được nện như thế nào. Nếu kẻ sát nhân đứng bên phải, ngay phía sau ông già đang nằm trên cát, chân hướng ra biển, rồi quét từ phải sang trái giống như khi đánh golf, phần tròn của gậy hướng xuống dưới, hai tay cầm đầu bọc sắt, thì có thể lý giải được vết thương. Không có gì vô lý; không có gì trái ngược để suy nghĩ thêm.

Khá buồn rầu, tôi quay sang tang vật còn lại, chính cây gậy. Tôi thử cầm theo kiểu tôi vừa mới tưởng tượng và thử lập lại động tác trí mạng. Tia hy vọng đột nhiên loé lên trong tôi. Máu và tóc nằm không đúng chỗ! Nếu cây gậy được huơ giống như gậy đánh golf, bởi một người đang đứng, thì phần bên hông phải bị dính máu. Thật ra, điều này đúng cho dù người ta đã dùng cây gậy như thế nào đi nữa để đập vào đầu. Nhưng thay vì như thế, chỉ có đỉnh tay cầm bị dính máu và tóc. Sao lại có thể như thế được?

Tôi xúc động thử nghiệm lại. Cách thức duy nhất để đánh một người bằng đỉnh tay cầm sẽ là ném gậy như ném lao. Nhưng như vậy sẽ không tiện: giả thiết khó thực hiện nổi. Khi đó một viễn cảnh mới mở ra trước tôi, một viễn cảnh tạo cho suy nghĩ đến những thay đổi quan trọng trong cách diễn giải

công dụng của vật này. Cây gậy này không hề được dùng như cái chùy. Có lẽ nó đã được ném như cây lao, tay cầm hướng về phía trước. Nhưng bằng cách nào? Thật ra, chắc chắn không ai có thể ném vật này như một cây lao đủ mạnh và đủ chính xác để giết chết một người ở một khoảng xa bao nhiêu mét? Tôi lại kiểm tra sơ đồ. Xác nằm cách cầu thang gần mười hai mét, nơi mà có lẽ kẻ sát nhân đứng nếu muốn tránh để lại dấu chân trên cát. Một cú ném như thế chỉ bằng sức lực cơ bắp đã là hoang tưởng. Xương sọ rất dày và không dễ lún vỡ ra như thế.

Rồi khi nhìn phần thân gậy dài thon, tôi nảy ra một ý. Tôi lấy kính lúp, xem xét phần bọc sắt. Rõ ràng có hai rãnh, không sâu nhưng rất rõ, ngang trên bề mặt đầu gậy. Chỉ có thể có một cách giải thích: một sợi dây luôn trên đó sẽ không thể trượt ra móp đầu sắt. Điều này có nghĩa là có cung, bây giờ thì quá hiển nhiên. Có việc gì dễ bằng việc đặt phần thân gậy mun nhỏ vào khe một cây cung căng cứng, tay cầm gậy hướng ra trước, rồi từ cầu thang nhắm vào người đàn ông nằm trên bãi cát? Ném với cả sức mạnh của một lò xo sắt, cây gậy sẽ tạo một cú va khủng khiếp vào đầu nạn nhân.

Tôi cuống quýt đi bách bộ. Đó là giải pháp lý tưởng; và giải thích được tất cả. Chính vì vậy mà không có dấu vết nào khác. Kẻ sát nhân không cần phải rời khỏi cầu thang. Việc một cánh tay bình thường không làm được, thì cây cung có thể làm. Nhắm không khó hơn một cây súng, và mười hai mét là một khoảng cách ngắn. Tuy nhiên, cho dù thế, có lẽ kẻ sát nhân đã luyện tập một chút trước đó để cho chắc. Có thể hẳn đã không thật sự muốn đổ tội Larry, mà chỉ muốn xóa hướng điều tra.

Và vậy hẳn đã bắn cái mũi tên kỳ lạ kia, rồi để bên xác... Tôi chửi thề. Lại một giả thiết rất hay bị hỏng bét. Cây gậy đã không nằm lại bên xác chết. Làm thế nào kẻ sát nhân lấy lại được cây gậy mà không để lại dấu vết?

Tôi nghĩ đến một sợi dây, dây câu bằng nylon chẳng hạn, cột vào gậy. Nhưng một cái nhìn vào hình chụp phá tan giải pháp này. Không có dấu vết hẹp dài nào cho thấy gậy bị lôi trên cát.

Tuy nhiên tôi biết rằng nhất định phải có một cách giải thích; phần còn lại quá khớp. Tôi lại xem xét cây gậy, bắt đầu từ phần đầu bọc sắt. Ngay giữa thân cây láng bóng, tôi thấy vài vết khía. Vết khía không sâu, nhưng gỗ rất cứng. Tôi đo thử và ghi nhận khoảng cách giữa chúng. Không có dấu vết nào khác; rõ ràng Larry giữ vật quý giá này rất kỹ. Đúng là một thách thức, nhất là khi tôi cảm thấy mình đã rất gần đích.

Chính nhờ nhìn tấm hình chụp mà cuối cùng tôi nghĩ ra được lời giải. Đây là điều mà lẽ ra tôi phải phát hiện ngay. Nhưng mọi giả thiết đều phải được chứng minh. Thế là tôi gọi điện thoại cho Ader và yêu cầu gặp nhau tại bãi biển. Trên đường đi, Ader sẽ nhờ những người không bị tình nghi, như gia nhân chẳng hạn, dẫn chú chó Gustave-Adolphe ra. Tôi muốn một người mà con chó quen thân và sẽ tuân lệnh.

Trên bãi biển, tôi chỉ cho Ader xem những vết trên cây gậy và giải thích cho trung úy giả thiết về cung bắn.

- Những vết này là vết răng. - Tôi nói với trung úy.

Chú chó đốm chạy tung tăng, vui mừng được ra bãi biển để chạy nhẩy. Theo yêu cầu của chúng tôi, chị gia nhân, hơi ngạc nhiên nhưng rất thiện chí, đứng trên cầu thang rồi ném gậy xuống nước.

- Gustave, đi lấy! - Chị gia nhân kêu.

Con chó sủa vui vẻ lao ra, cắn gậy vào mồm, mang về cho chị gia nhân.

Tôi mỉm cười với trung úy.

- Điều này hoàn tất câu chuyện. Sau khi ông già bị giết, kẻ sát nhân vẫn còn đứng trên bậc thềm nơi chị gia nhân hiện đang đứng. Hẳn chỉ cần hô "Mang về!" thì con chó đã đi lấy vũ khí về

cho hắn. Một tên đồng lõa câm lặng. Sạch sẽ. Không một dấu chân trên cát.

- Con chó giúp ông đại tá nhiều quá - Ader cay đắng nói và trừng mắt nhìn con chó vụng về - Thay vì cắn kẻ sát nhân, thì nó giúp hắn thoát thân.

- Đừng trách con chó kia - Tôi nói - Anh không thể bắt những con vật kia hiểu được tội sát nhân. Giết người đòi hỏi một trí thông minh cao siêu hơn; chính trí thông minh đã phát minh ra giết chóc. Nhưng có lẽ Wheeler là kẻ ta cần tìm; như anh thấy hắn rất rành cách thao tác mọi vũ khí Trung cổ. Bây giờ nghĩ lại, hắn không hề biểu diễn cho ta xem, cũng như không hề nói đến bản cung. Điều rất ý nghĩa.

- Tôi tin tưởng mọi việc đã diễn ra như thế - Ader nói - Nhưng làm thế nào để chứng minh với bồi thẩm đoàn?

- Việc này sẽ không dễ. Ngoại trừ những cái rãnh để xỏ dây cung và vết răng trên cây gậy, ta không có bằng chứng nào trình bày với bồi thẩm đoàn. Tôi không thể chứng minh rằng cây gậy đã thật sự được bắn đi. Cả bây giờ, có khi ta cũng không giúp được gì cho Larry?

Câu trả lời đến ngay.

- Anh đừng nghĩ thế - Trung úy hăng hái nói - Tôi biết cách bẻ gãy Wheeler. Cách cổ xưa nhất thế giới. Tối nay hắn sẽ nhận được một cú điện thoại nặc danh. Sẽ có người mô tả cho hắn nghe những chi tiết chính yếu trong vụ sát nhân và khẳng định mình đã chứng kiến vụ này, rồi đòi được trả tiền để giữ im lặng. Do Wheeler là thủ phạm, tôi tin chắc điều này, hắn sẽ nhất định đòi gặp ông X đó, hoặc để nộp tiền, hoặc để thủ tiêu người ấy. Ta sẽ bắt quả tang hắn, có nhân chứng. Nhưng trước hết ta phải bảo đảm chắc chắn chị gia nhân không để lộ câu chuyện. Cũng may rằng Gustave Adolphe không nói chuyện được.

- Anh đừng nói thế. Nếu nói được, thì công việc của ta đã dễ dàng hơn rồi.

Như Ader đã hứa, cái bẫy thành công, và cũng dễ hiểu thôi. Kẻ sát nhân thường có nhiều mối lo sợ và sợ nhất là bị một nhân chứng nhìn thấy.

Dana nói rằng Larry và cô ấy sẽ đặt tên tôi cho đứa con trai đầu tiên. Tôi đã gợi ý nên đặt là Gustave-Adolphe. Mặc dù nó đã đồng lõa với vụ sát nhân, nhưng cuối cùng con chó đã làm chứng cho bên bào chữa, nhờ vậy khiến lời giải của ta hoàn hảo.

QUẢ PHỤ THÀNH EPHÈSÊ

Tác giả: Margaret Manners

Tôi cần hai điều để tái tạo lại tình tiết vụ án này: thêm một ít thông tin và thật nhiều thời gian rảnh rỗi. Hiện giờ, tôi có cả hai, và tôi có thể nhìn bà ấy từ bên ngoài (có lẽ nên nói “từ bên trong” thì đúng hơn). Bà ấy khá mơ mộng. Thậm chí tôi có thể tưởng tượng cảm xúc của bà Ella Gainer, buổi chiều hôm đó trong căn hộ yên tĩnh và sang trọng ở khách sạn Renaissance, trong khi chờ người đàn ông có thể sẽ đáp ứng mong ước của bà, người đàn ông sẽ mang trở về cho bà sự bình yên và hạnh phúc.

Mặc dù sự việc không xưa lắm, nhưng tôi có cảm giác mọi thứ đã xảy ra trong một thế giới khác. Nay được nhìn lùi lại trong thời gian, tôi có nhãn quan của một khán giả đang xem một diễn viên diễn xuất. Quan sát cách cư xử của chính mình một cách khách quan là việc đỡ khổ hơn, nếu nói về mình ở ngôi thứ ba. Và đó là việc tôi sẽ làm tại đây.

Thế là hẳn rất phong độ, nhưng lại không biết rất nhiều thứ mà bây giờ tôi được biết. Hẳn quá tự tin. Hẳn cứ tưởng hẳn đã rành mọi khía cạnh của Ella Gainer.

Còn Ella Gainer thì lại không nuôi ảo tưởng về chính mình; bà không phải loại phụ nữ mơ mộng hảo huyền - ít nhất cũng trong lĩnh vực chuyện tình cảm. Bà không cố tự tạo ra cho mình một cá tính vay mượn hay một vẻ bề ngoài khác. Không phải là bà thiếu tiền để làm việc này, nhưng bà không hề cảm thấy cần thiết hay thích thú nhờ nhà trang điểm “tạo” cho bà một cái đầu mới. Bà chi tiêu rất nhiều cho trang phục, nhưng sự trang nhã giản dị không thú hút những cái nhìn của đàn ông bằng đường nét khô gợt. Dáng vóc bà, mặc dù đẹp như tượng, không thuộc loại làm đàn ông mê tít lên. Và gương mặt bà, mặc dù rất dễ

nhìn với tí phần và tí son, cũng chỉ gây chú ý thoáng qua. Nhưng bà vẫn là một người phụ nữ thượng lưu, một quý bà theo đúng nghĩa. Bởi vì nét duy nhất làm bà nổi bật chính là sự tự tin trong cung cách đi đứng, sự thoải mái rất tự nhiên giúp bà được luôn kính trọng vồn vã bởi người phục vụ khách sạn bất cứ nơi nào bà đến. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, nhân viên khách sạn biết nhận ra sự cao cấp sang trọng và sự giàu sang thật sự. Lúc bà Gainer đến khách sạn Renaissance ở, người ở đó đã đánh giá được khách mới và có thái độ ân cần chu đáo với bà.

Vậy theo những gì hẳn đánh giá được, Ella không nuôi ảo tưởng nào. Bà bí mật tin vào huyền thoại khó tin kia, vào sự lừa dối toàn thể kia từng gạt được bao nhiêu là phụ nữ: bà ấy tin vào tình yêu. Nhưng đối với bà chỉ có Tình Yêu viết hoa mới là quan trọng, tình yêu được những thi sĩ như Browning ngợi ca. Bà chê những mối tình tầm thường, bà có thể tóm tắt những ước vọng của bà thành một câu Hãy yêu em bằng Tình Yêu Vĩ Đại trên hết. Một mối tình như thế là điều duy nhất trên thế giới mà bà khao khát, bởi vì chỉ có nó mới cứu vớt được bà!

Hẳn đã thu thập được khá nhiều thông tin về bà Gainer. Nhân viên khách sạn là những nguồn cấp thông tin có khả năng quan sát nhạy bén rất đáng khuyến khích. Mà hẳn cho rằng mình đã biết đủ về bà, và thậm chí suy nghĩ này đã đánh lừa hẳn. Bà ấy là một người phụ nữ, một người phụ nữ bình thường, một bà góa vừa giàu có vừa khát đời theo một nghĩa. Tất cả những điều này khiến Ella Gainer rất quyến rũ; bà ấy hội đủ các điều kiện cần thiết để trở thành mục tiêu của một người đàn ông như hẳn.

Vào buổi chiều ngày hôm đó, xét tầm quan trọng của mục đích cuối cùng (chính số phận của bà sẽ được quyết định), bà đặc biệt chú trọng ăn diện kỹ lưỡng hơn, nhưng không cầu kỳ giả tạo quá bởi vì bà không muốn tự lừa dối chính mình. Bà không muốn được yêu vì một cái cổ hủ táo bạo hay vì tính khêu

gợi của một bộ áo dài bó sát hông. Bà muốn được yêu vì chính mình. Và cái tài khoản ngân hàng không nhỏ của bà đã làm cho sự việc phức tạp lên. Phải, bà buộc phải lo âu sợ sệt. Làm sao một bà góa giàu có có thể tin chắc một người đàn ông được?

Bà cảm thấy căng thẳng, nhưng vẫn hy vọng rằng buổi tối trước đó đã đưa bà đến ngưỡng sự thực hiện của ước mong sâu sắc nhất của bà; rằng cuối cùng bà đã tìm ra người hằng mong chờ. Bà nuôi nấng ảo tưởng rằng hắn vẫn dành cho bà những tình cảm y như ngày hôm trước.

Hắn đến hẹn đúng giờ. Bà Gainer có vẻ bình tâm. Bình tâm đúng một người phụ nữ đang hoang tiếp người đàn ông đã hỏi cưới mình và đã thì thầm tỏ tình, hứa hẹn một cuộc sống mới với người mình yêu, bà nghĩ bụng.

Thoạt đầu bà thấy hắn tuyệt vời với vóc dáng cao, vẻ bề ngoài nam tính quyến rũ... Tuy nhiên không quyến rũ bằng hôm trước, mà khá nghiêm túc. Thế loại đàn ông uy nghi và chinh phục mà một người phụ nữ cô đơn có thể tìm chỗ dựa vững chắc.

Hắn ngồi xuống và nhận ly rượu bà mời. Bà tự rót cho mình một tí rượu sherry. Bà mỉm cười đứng đó trong bộ váy rất trang nhã, không đeo một thứ nữ trang nào. Mà bà cũng chưa hề đeo nữ trang và bây giờ cũng không cảm thấy cần thiết phải đeo. Cho nên trên người bà không có cái vòng đeo nào để bà táy máy các ngón tay.

Hắn thưởng thức ly rượu theo kiểu người sành điệu. Bà vẫn chờ đợi, cho rằng trong tình huống này người đàn ông phải đi bước đầu tiên. Bà không nên đặt lại vấn đề trước.

- Phòng này đẹp quá - Hắn nói - Ella, em sống tiện nghi thật.

- Ngày nay các khách sạn lớn không còn nhạt nhẽo vô tình nữa - Bà trả lời - Các nhà trang trí có rất nhiều sáng kiến và ra sức làm cho không khí khá dễ chịu.

Bà tẩy máy chiếc khăn tay, mỉm cười với khách, rồi nặn óc để tìm một đề tài đáng nói, vì tin rằng hấn sẽ không đi thẳng vào vấn đề ngay. Bà rất muốn nói với hấn những điều thú vị có thể vừa làm cho hấn biết bà thông minh vừa vén màn để lộ một góc trong tâm lòng bà. Bà không phải là một người phụ nữ tầm thường và bà không muốn hấn nghĩ bà là người như thế.

Bản tính trung thực vốn có của bà khiến bà hướng cuộc nói chuyện sang chủ đề khác trong khi chờ hấn.

- Anh sẽ không bao giờ đoán biết được những gì em đã nghĩ chiều nay - Bà nói - Em đã nhớ lại một câu chuyện trích từ tác phẩm của Pétrone...

Người đối thoại phải mất vài giây để nhớ ra nhà văn la-tinh và không giấu diếm sự ngạc nhiên. Rồi hấn trơ trên như một chân mày lên, nhớ lại rằng, sau những tâm sự tối hôm qua, hấn không nên ngạc nhiên vì điều gì nữa cả. Tuy nhiên Ella Gainer có vẻ không thuộc loại người thích thể loại văn học này, cho dù phong cách có tinh vi đến mấy.

- Satiricon hả? - Hấn nói, cố tỏ ra có học hơn là thật sự - Chúa ơi! em đã thật sự đọc cái đó à?

- Dĩ nhiên là không! - Bà trả lời, xấu hổ vì mình cũng như hấn, và tuyệt vọng muốn tìm ra cách giải thích có thể xua tan ấn tượng xấu này - Anh biết không - Bà nói tiếp - anh Jeff, người chồng quá cố của tôi...

Hấn tự hỏi không biết có nên cắt ngang những lời lẽ chán ngấy của bà để đi thẳng vào vấn đề hay không: nói chuyện nghiêm túc. Chồng bà chết để lại cho bà bao nhiêu là tiền bạc, đó là chuyện cũ. Hấn thấy bất ngờ rằng bà lại dám nói lại về người quá cố ngay bây giờ. Đúng là tối hôm qua, bà hơi ngà ngà say và có thể từ đó bà đã quên tất cả. Hấn tò mò cứ để bà tiếp tục cuộc nói chuyện ngu ngốc kia về một quyển sách mà theo ý hấn, một người phụ nữ đang hoàng không nên đọc.

-... Có một hôm anh Jeff đọc quyển sách đó và cười to đến nỗi em phải hỏi lý do. Thế là anh Jeff kể cho em nghe câu chuyện bà quả phụ thành Ephèse. Rất ngắn. Chỉ có vài đoạn.

- Có lẽ một trích đoạn phóng đấng à?

Hắn không nhớ nữa, nhưng tựa đề có vẻ hấp dẫn.

- Ô! Không! - Bà lúng túng nói - Không hề!

Trong khi hắn nhâm nhi ly rượu gin và nghĩ đến một tương lai rất tiện nghi dễ chịu, Ella kể cho hắn trích đoạn mà bà được chồng đọc cho nghe.

Hắn nghe nhưng không quan tâm lắm. Nếu câu chuyện không tục tĩu, thì chú ý nhiều làm gì? Còn nếu câu chuyện tục tĩu, thì Ella Gainer sẽ không biết kể đúng cách. Hắn giữ im lặng. Gần như liên tục.

Nữ nhân vật chính của của câu chuyện cổ xưa kia là một người vợ yêu chồng mà chồng vừa mới chết. Người vợ đau buồn đi theo xác chồng đến hầm chôn và ở lại đó để khóc chồng, héo hắt dần đi vì đau khổ và đói lả. Cô giúp việc trung thành tự nguyện đến đó với cô chủ để cùng chia sẻ số phận hẩm hiu. (Người giúp việc mà làm như thế, thì cũng hơi quá - Hắn nghĩ bụng - Người đầy tớ gái đó sẽ làm gì nếu như chính chồng cô ấy chết? Nhưng cũng đúng là vào thời ấy, gia nhân gồm chủ yếu nô lệ sống hoàn toàn phụ thuộc vào chủ. Đầy tớ y như những người bà con nghèo, nhận phần cực nhọc nhưng bị loại khỏi những cuộc vui.).

Mà chuyện xảy ra (thính giả rất thích đoạn này) là một chàng lính trẻ trung và đẹp trai được phái đến canh xác của các phạm nhân bị xử trong vùng. Thời đó, tội phạm bị đóng đinh vào thánh giá. Lính canh có nhiệm vụ không cho gia đình đến tháo gỡ xác để mang đi chôn đàng hoàng. (Lại một chuyện tào lao - Hắn nghĩ bụng - Khi còn sống, có thằng phạm nhân nào bận tâm đến số phận hậu tử của nó!)

Điều ly kỳ là rốt cuộc, người vợ góa trinh tiết khóc than chồng lại đi yêu anh chàng lính đẹp trai. Mà cô đầy tớ rất lấy làm vui vì chuyện này! (Dĩ nhiên! Dễ hiểu quá. Cô chủ sống, thì đầy tớ cũng được sống theo).

Nhưng một người lính canh không thể vừa yêu đương vừa canh gác tốt. Khi chàng lính trở về với các thánh giá, thì thiếu mất một thi thể. Sự việc này rất nghiêm trọng, bởi vì người lính canh để “mất” một xác chết phải đền tội bằng chính mạng sống mình.

Thế là chàng lính đi tìm quả phụ ở dưới hầm và tuyên bố rằng đời chàng sắp tiêu tan. Nói xong, chàng rút gươm ra: chàng sẽ không chờ bị nhục hình, chàng sẽ tự kết liễu ngay trước mắt quả phụ, bảo rằng nàng có thể cho xác chàng nằm cạnh chồng nàng để canh cả hai cùng một lúc.

Quả phụ kinh hoàng cứu mạng chàng lính bằng cách giao thi thể của người chồng để thế vào chỗ mất trên thánh giá, vì quả phụ đã yêu chàng lính y như từng yêu chồng quá cố. Thế là mọi sự kết thúc tốt đẹp (bài học rút ra từ câu chuyện này có lẽ là: thà còn một, hơn là từng có hai).

Vị khách không thể không tự hỏi tại sao Ella Gainer đã kể cho mình nghe câu chuyện này. Dường như chính bà cũng không biết, như thể bà đã quên mất lý do kể chuyện.

- Khá gớm ghiếc. - Hấn bình luận.

Hấn không ngờ Ella Gainer dám kể cho hấn nghe một câu chuyện như thế này sau những gì bà đã làm với chồng của bà. Mặc dù hầu như vô lương tâm, nhưng hấn, thì hấn cũng biết điều.

- Em thấy câu chuyện này khá hay - Bà buồn bã nói như thể hấn đã làm cho bà thất vọng - Nhưng phần lớn những câu chuyện hay đều có chỗ thiếu sót. Câu chuyện này cũng thế thôi.

- Á! Chỗ nào vậy?

- Bộ anh không thấy thật sao? Đập vào mắt ngay mà: ý nghĩ thay thế xác lẽ ra phải xuất phát từ chàng lính, chứ không phải từ quả phụ. Lẽ ra chàng phải tự cứu mạng mình vì nàng, vì biết rằng nàng không thể nào sống qua một mất mát to lớn mới về tình yêu.

- Em đã nói điều này với chồng sau khi được nghe đọc à?

- Đúng. Anh ấy ngạc nhiên và nói rằng phần lớn người ta nhìn thấy qua câu chuyện này sự minh họa thô thiển về việc phụ nữ không chung thủy. Rồi anh ấy tuyên bố với em rằng: “Anh muốn sau khi anh chết em phải hết sức dè dặt thận trọng, em yêu à, bởi vì người ta có thể lợi dụng tính tình của em”.

Có hồi im lặng lâu dài.

Rồi hẳn nói toạc ra:

- Anh cũng ngạc nhiên vậy. Em thật là can đảm mới dám nói với anh như thế. Lúc nào thì em mới nghĩ ra rằng có thể quả phụ thành Ephèse đã ám sát chồng?

- Cái gì? - Bà thốt lên - Em chưa hề nghĩ như thế. Như vậy... như vậy sẽ làm hỏng mất câu chuyện.

- Tôi cũng không biết nữa. Nghĩ lại, có thể em đã có nghĩ đến điều này. Hừm! Quả phụ thành Ephèse... Hay bây giờ ta thử xem xét một biến tấu của chủ đề thời cổ nay? Trong phiên bản thời nay, chính anh sẽ được cứu mạng nhờ xác ông chồng.

Tay bà vẫn táy máy chiếc khăn tay nhỏ.

- Em không hiểu ý anh. - Bà nói.

- Không hiểu à? Anh nghĩ rằng em hiểu chứ, hẳn nói với thái độ tự tin lạnh lùng đến tàn nhẫn. Em có nhớ những gì xảy ra giữa hai ta tối qua không?

- Em không còn hiểu anh nữa... - Bà tuyệt vọng trả lời - Tối hôm qua, anh đã ngỏ lời cầu hôn em và em đã chấp thuận lấy anh. Anh bảo anh yêu em mà.

Hắn mỉm cười.

- Sau đó em có nhớ chuyện gì xảy ra không?

Bà tránh ánh mắt hắn.

- Ta đã đi nhiều chỗ khác nhau - Bà nói - Tâm trạng hai ta rất vui vẻ. Ta có uống sâm banh. Thậm chí em e rằng em đã uống hơi nhiều quá. Một tí sâm banh là em chóng mặt rồi.

- Đây là câu nói trại hay nhất thế kỷ - Hắn trêu - Xin phép cho anh giúp em nhớ lại. Trong buổi tối trữ tình của hai ta, em đã tâm sự rất nhiều với anh. Em đã thú nhận rằng em đã giết chết chồng em. Trong khi anh Jeff thương yêu của em đang bệnh, em đã cho hắn ta uống một chất gây tử vong... và em chưa bao giờ bị nghi ngờ.

Bà liếm môi trước khi phản đối, như đang trả bài:

- Không đúng. Em không thể nào nói với anh như thế.

- Có thể em không nhớ, nhưng em đã làm thế. Xét tình huống này, rõ ràng anh không thể cưới em được.

Bà nhìn hắn với nỗi buồn bã vô bờ bến. Rồi bà đứng dậy, rất trịnh trọng nói:

- Thôi được. Tôi hiểu. Mọi tình tuyệt đẹp mà anh dành cho tôi chỉ tồn tại bằng lời nói mà thôi. Vậy mời anh ra về. Tôi không muốn bao giờ thấy mặt anh nữa.

- Bà thật bản lĩnh, Ella à - Hắn thừa nhận - Nhưng không cần thế. Tôi sẽ ra đi khi nào tôi thích, khi mọi việc đã giải quyết xong giữa hai ta. Nên bà cứ ngồi xuống lại đi. Có thể sẽ mất một khoảng thời gian để thống nhất vài việc nhỏ...

Hắn băng qua phòng tự rót cho mình một ly rượu mới.

-... Ella à, tôi đã sẵn sàng liều chịu ràng buộc với cô qua hôn nhân, - Hắn nói tiếp - mặc dù cô không hề thuộc tip của tôi. Tôi đã sẵn sàng hy sinh như thế để được hưởng tiền của cô...

Hắn quay trở lại ghế, ngồi thật thoải mái.

-... Cô hãy tin tôi và ngồi đi, - Hắn nói - bởi vì e rằng cô sẽ khổ nhọc khi nghe phần tiếp theo.

- Tôi cho anh một cơ may cuối cùng, bà nói mà vẫn không lớn tiếng. Anh hãy bước ra khỏi đây ngay và tôi sẽ quên đi tất cả.

- Cô đừng có ngốc thế! - Hấn bực bội đáp - Tôi không muốn cưới cô, mà cũng không muốn ra đi. Mà ở tình thế này, thì tôi cũng không cần phải lấy vợ nữa. Tôi có thể ăn bánh mà không cần ràng buộc suốt đời với người mời bánh, cô hiểu ý tôi chứ. Tình thế hiện nay hoàn toàn có lợi cho tôi và tránh được cho tôi các bất lợi. Thật may mắn rằng sấm banh tác động lên cô như thế. Ta chỉ còn mỗi việc xác định cách thức cô sẽ trả nợ đối với tôi. Và khi mà cô thanh toán cho tôi theo thỏa thuận, thì bí mật của cô sẽ được giữ kín.

- Như vậy là tổng tiền!

Sự phẫn nộ chính đáng của Ella khiến hấn buồn cười.

- Xét lại, thì tội này vẫn nhẹ hơn tội sát nhân.

- Anh không thể... Tôi không có....

- Cô hãy ngoan ngoan đi - Hấn khuyên - Nếu cô ngoan, tôi sẽ không buộc phải mách lại tâm sự của cô với cảnh sát. Tôi cho rằng một cuộc điều tra sẽ khai quật lên khá nhiều chuyện cùng với thi thể của Jeffrey Gainer.

Bà quay mặt đi khỏi hấn như để tránh một con vật bản thủ.

- Được rồi, ta hãy giải quyết cho xong việc này - Bà vừa nói vừa bước nhanh đến cái bàn viết gần cửa sổ - Tôi có một vật rất quý giá. Tôi sẽ cho anh xem.

Bà mở ngăn kéo ra, hấn chụp sợi dây lấp lánh mà bà ném về phía hấn. Tia tham lam sáng lên trong mắt gã đàn ông. Hấn đưa vòng đeo cổ lên ánh sáng, rồi để xuống chân, nhìn kim cương lấp lánh trên nền vải quần màu sậm.

- Chắc chắn cái này trị giá rất nhiều tiền - Cuối cùng hấn thừa nhận - Nhưng tôi không thích. Tôi không ngu đâu. Không! Không lấy séc, không lấy nữ trang: chỉ nhận tiền mặt thôi. Nếu tôi thử đi bán cái này, tôi sẽ bị hỏi. Giả sử người ta không hỏi gì, thì tôi cũng sẽ buộc bán đi chỉ một phần ba trị giá của nó. Ella, tôi không muốn cái này.

- Ngồi yên đó! Không được động đây!

Hắn ngược mắt lên và thấy bà không chỉ lấy có một vòng đeo cổ từ ngăn kéo. Hiện một nòng súng đang chĩa thẳng vào hắn.

Máu rút đi khỏi gương mặt kẻ tổng tiền, tim hắn như ngưng đập.

- Ê! Khoan đã... Cô không thể đối xử với tôi như thế. Chúa ơi! Cô không thể giết luôn cả tôi. Cô không thể... Người ta sẽ nghe thấy tiếng súng... Và cô sẽ không thể nào giải thích về sự hiện diện của một xác chết trong phòng cô...

- Tôi đang cố gắng không vi phạm luật pháp - Bà bình tĩnh tuyên bố - Và khi điều đó xảy ra, thì tôi cố bằng mọi cách trở về con đường chính. Ngồi yên đó!

Hắn buồn rầu nhìn thấy bà nhắc ống nghe điện thoại.

- A-lô... Tôi là bà Gainer đây. Xin nối máy cho tôi nói chuyện với ban giám đốc.

- Cô có biết mình đang làm gì không? Cô đừng quên rằng tôi có thể cho cô lên ngồi ghế điện.

- Anh tưởng thế à? - Bà nói - Anh nghĩ sai rồi.

Rồi bà nói vào ống nghe:

- Ông Malverton à? Tôi có việc khẩn mời ông đến phòng tôi ngay lập tức.

Bà gác máy mà không động đậy. Khẩu súng vẫn chĩa về đúng hướng... và được một bàn tay vững vàng cầm.

Gã đàn ông bị đe dọa tức điên lên; nhưng vẫn khiếp sợ. Hắn tự hỏi không biết Ella có hay biết về một chi tiết mà hắn không được biết hay không. Có thể sau suốt thời gian này, người ta sẽ không còn tìm thấy dấu vết chất độc trong hài cốt chồng bà. Tuy nhiên, cho dù có được thế... Chẳng lẽ bà không muốn tránh một vụ scandale? Xét gia tài bà, hắn đã nghĩ bà sẽ sẵn sàng trả giá đắt để được tiếp tục sống bình yên...

- Cô đừng có ngốc như thế nữa - Hắn nói - Tôi sẽ không moi hết sạch tiền của cô đâu. Cô hoàn toàn đủ khả năng trả cho tôi một khoản trợ cấp nhỏ mà không làm giảm đi thu nhập của cô

bao nhiêu, đúng không? Ta có thể xác định một giá. Tôi chỉ cần có...

Bà lắc đầu.

- Lúc này, tôi đã cho anh một cơ hội thoát thân. Bây giờ đã quá trễ rồi.

Bây giờ gã đàn ông ướm dẫm mồ hôi: hấn khiếp sợ. Chẳng lẽ bà sẽ giết hấn tại chỗ rồi bịa ra một câu chuyện nào đó kể với ông giám đốc khách sạn?... Hóa ra là thế! Mưu toan cướp của! Bà sẽ nói ông khách của bà toan giật vòng đeo cổ! Vì vậy mà...

Hấn thụt lùi, làm rơi món nữ trang óng ánh xuống thảm.

Hai cú gõ vào cửa.

- Mời ông Malverton vào. - Bà Gainer nói.

Nụ cười lịch thiệp chuyên nghiệp trên môi vị giám đốc khách sạn sững lại ngay khi ông đứng ở ngưỡng cửa thấy toàn bộ cảnh tượng.

- Nghĩa... nghĩa là thế nào vậy? - Ông áp úng.

Nhưng ông định thần lại ngay và có thái độ thích hợp với gia tài và địa vị của nữ thân chủ - mặc dù bà Gainer đáng kính đang cầm súng - và nói thêm:

- Có chuyện gì vậy, thưa bà? Tôi có thể giúp ích được gì cho bà đây?

Ông cẩn thận đóng cửa lại, rồi bước vào phòng, tránh tầm súng.

- Chuyện xảy ra rất khó chịu và tôi rất lấy làm tiếc - Bà nói - Nhưng tôi nghĩ rằng ông có thể giúp ích được tôi trong việc này. Thưa ông Malverton, ông có biết người đàn ông này không?

- Không, phải nói rằng tôi không quen biết. Nhưng ông ta thường xuyên đến khách sạn.

- Đúng vậy - Bà Gainer nói - Tôi đã làm quen với hấn tại một nơi như thế. Hấn tỏ ra ăn nói rất hào hoa và tôi đã phạm sai lầm lắng nghe hấn... Một người phụ nữ cô độc luôn phải thận trọng. Vậy mà kẻ này vừa mới lên phòng tôi để ngỏ một đề nghị rất lạ

lùng: hẳn muốn bán cho tôi chiếc vòng đeo cổ kia. Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi nghe hẳn đòi một giá quá thấp.

Ông Malverton cúi xuống lượm chiếc vòng đeo cổ rồi ngạc nhiên thốt lên một tiếng.

- Tôi sẽ gọi cảnh sát ngay, thưa bà Gainer. Tôi gần như tin chắc rằng đây là vòng đeo cổ vừa mới bị trộm của một bà khách ở đây, bà Clifton. Một vụ đã gây xôn xao trong khách sạn...

Cuối cùng gã đàn ông thoát khỏi nỗi sửng sốt.

- Mòn kịch gì đây? - Hẳn nói - Bà Gainer ơi, tôi chưa hề toan bán vòng đeo cổ này. Chính cô đã đưa nó cho tôi!

- Ô! Làm gì có chuyện đó - Bà Gainer đáp với giọng thương hại đượm chút kiêu ngạo - Vòng đeo cổ này không phải của tôi. Tất cả mọi người biết rằng tôi không bao giờ đeo nữ trang. Nếu thích, thì đúng là tôi vẫn tự mua được. Nhưng tôi chưa hề thích loại trang sức này. Ngoài ra, tại sao tôi lại tặng một món quà như thế cho một người đàn ông?

- Tôi nắm hết tình hình rồi, thưa bà Gainer. Tôi sẽ gọi cảnh sát. - Giám đốc khách sạn vừa nói vừa bước đến điện thoại.

- Khoan đã! - Gã đàn ông ngồi trên ghế thốt lên và quyết định chơi ách chủ bài - Ông hãy nghe này! Người phụ nữ kia đã sát hại chồng và tôi biết hết chuyện. Nên bà ấy đã toan mua chuộc sự im lặng của tôi bằng chiếc vòng đeo cổ kia. Ông cứ gọi cảnh sát. Tôi... tôi sẽ tố giác kẻ tội phạm chưa được trừng phạt kia!

- Ô! - Quả phụ kêu lên có vẻ bị sốc - Thế à! Tôi buộc phải đáp lại một lời vu khống như thế. Tôi thừa biết mình không phải tự vệ một lời buộc tội vô duyên như thế, nhưng ta sẽ tiết kiệm được thời gian... Ôi! Tôi thật đáng trách vì đã bắt chuyện một kẻ lạ!

Bà mở một ngăn kéo khác trong bàn viết, rút ra một xấp giấy có cột dây thung.

- Chờ một chút, phiền ông... Xem này, đúng đây rồi - Bà vừa nói vừa đưa cho ông giám đốc khách sạn một tờ giấy rút ra từ

xấp tài liệu - Đây là bức thư mà Chính phủ đã gửi tôi thời ấy để báo tin rằng chồng tôi, sĩ quan Jeffrey Gainer, đã bị chết trong cuộc chiến tại Pháp, trong cuộc đổ bộ ở Normandie.

Ông Malverton lúng túng có một cử chỉ ra hiệu rằng lời nói của bà Gainer là đủ rồi.

- Tôi xin ông đọc lớn tiếng, thưa ông Malverton, để thuyết phục tên vu không kia rằng hẳn sẽ mất thời gian của chính hẳn và của cảnh sát khi đưa ra một cáo buộc vô lý như thế.

Thế là ông giám đốc khách sạn đọc bức công văn: Chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin rằng... Rồi ông nhắc ống nghe điện thoại ngay.

Thế là xong. Cảnh sát dẫn độ tôi đi. Tôi bị xử và lãnh án vì tội trộm chiếc vòng đeo cổ kim cương.

Nhưng có một phần vụ án này vẫn không rõ đối với tôi. Và không giải được nó trọn vẹn khiến tôi như muốn điên lên. Tôi ngồi trong xà lim nặn óc để tìm hiểu cách tư duy của người phụ nữ kia. Dòng suy nghĩ của bà đã như thế nào sau khi tôi bị bắt giữ?

Thế rồi một ngày, tôi nhận được một bức thư nặc danh. Có lẽ bộ phận kiểm duyệt nhà tù đã sơ sót cho qua. Ngay khi đọc những từ đầu tiên, tôi đã nhận dạng được người gửi.

Tôi tin tưởng tuyệt đối vào Tình yêu toàn năng - Bức thư nói - Tôi tin rằng Tình Yêu có tính năng chữa lành. Tình Yêu có thể xóa sạch cái xấu và đôi khi chỉ có mình Tình Yêu là có khả năng chữa khỏi một con người khỏi cái tật trộm vặt. Nhưng ta phải đề phòng Tình Yêu khi nó chỉ là cái mặt nạ che giấu một sự tàn nhẫn có sức tàn phá tệ hại hơn cả tật tội phạm. Cả khi tình yêu vĩ đại không còn nữa, tính năng phụ hộ của nó vẫn còn mạnh. Tôi đã luôn áp dụng cách thử nghiệm mà Tình Yêu của tôi đã để lại cho tôi. Và những kinh nghiệm không hay đã cho tôi biết

rằng dưới danh tình yêu có thể che núp biết bao nhiêu là động cơ xấu xa.

Sau khi đọc, tôi không mất bao lâu để hiểu ra toàn bộ vụ việc. Từ đó, tôi đã hiểu làm thế nào chiếc vòng đeo cổ đã rơi vào tay Ella Gainer, chính chiếc vòng đeo cổ mà bà đã dùng để tóm tôi. Cuối cùng tôi đã nhìn thấu được bà để hiểu lý do hành động của bà.

Sau khi cảnh sát bắt tôi, có lẽ bà đã lại cảm thấy đau buồn và cô đơn bởi vì, một lần nữa, một người cầu hôn lại tỏ ra không xứng đáng. Đối với bà, lại phải bắt đầu lại tất cả; bắt đầu lại với niềm hy vọng dai dẳng rằng cuối cùng bà sẽ gặp được người đàn ông sẽ yêu bà đúng như bà muốn được yêu: một tình yêu ngang hàng với mối tình mà Jeffrey Gainer dành cho bà. Khi nhớ đến chồng, kỷ niệm của bà có đượm tình cảm biết ơn đối với người quá cố không? Trong thâm tâm, bà có còn cảm ơn “Tình Yêu của bà” phù hộ cho bà từ nơi tuổi vàng không?

Tôi không biết ông chồng đã nói chính xác những lời gì trước khi lên tàu đi đến cuộc chiến ở Pháp, nhưng tôi dễ dàng tưởng tượng ra:

Em yêu này, nếu anh bị giết ở chiến trường - rất có thể sẽ là số phận của anh - thì thế nào cũng sẽ có ngày em muốn tái giá. Nhưng em sẽ phải thử thách người đàn ông đó. Một người thật sự thương yêu em sẽ chấp nhận bất cứ điều gì và sẽ bảo vệ cho em. Em hãy nói với người đó rằng em đã ám hại anh. Nếu bất chấp việc này, người đó vẫn còn muốn cưới em, thì em sẽ biết chắc người đó thật sự yêu em.

Bây giờ tôi đã biết chắc rằng bà Gainer hơi khác những người phụ nữ khác một tí. Bất cứ người phụ nữ nào cũng cần tình yêu, nhưng Ella Gainer đặc biệt khao khát tình yêu vì nguyên nhân bệnh lý: bà bị mắc chứng xung động ăn cắp. Vì vậy mà trong thư có nhắc đến cái “tật tội phạm”. Tình yêu cảm thông của Jeffrey đã giúp bà khỏi cái tật nhục nhã kia. Nhưng khi góa

chồng, bà đã phải đấu tranh chống những xung động ăn cắp mới và bà hiểu rằng phương thuốc duy nhất là chung sống với một người yêu mình y như chồng từng yêu mình. Thế là bà cất công đi tìm người bạn đời lý tưởng.

Có lẽ ứng cử viên thì có rất nhiều. Phần lớn lịch sự rút lui sau khi nghe “lời xưng tội” của bà. Bà đã buồn rầu để họ ra đi. Điều không may là vào thời điểm tôi xuất hiện, Ella Gainer đã không cưỡng nổi việc ăn cắp vòng đeo cổ của bà Clifton. Có lẽ Ella Gainer đã rất nhẹ nhõm khi thấy tôi bị bắt và dẫn đến một nơi mà tôi sẽ không còn phương hại đến người phụ nữ nào khác nữa. Và có lẽ bà cũng đã mừng không kém khi được biết rằng món nữ trang - mà bà không thể và không muốn đeo - sẽ được hoàn lại cho chủ nhân.

Tuy nhiên có một điều tôi nhận thức mà bà không thấy. Có lẽ tôi sáng suốt được là nhờ tôi là đàn ông và không bị mù quáng bởi nỗi khát khao Tình Yêu Vĩ Đại như Ella. Jeffrey Gainer, người chồng thương yêu ân cần của bà, đã để lại cho vợ góa của ông một bài thử nghiệm có thể xua đuổi bất cứ một người đàn ông nào trên thế giới. Jeffrey Gainer đã muốn bảo đảm rằng Ella sẽ không bao giờ tái giá, rằng sẽ không một người đàn ông nào khác được tận hưởng vợ ông và gia tài ông. Có lẽ ông ta hết lòng yêu bà. Nhưng mối tình có vẻ rục rĩ ấy đã không ngăn cản ông hành động hơi giống con chó canh nhà....

Làm thế nào Ella đã không nghi ngờ ý đồ thâm kín của chồng, làm thế nào bà đã không đo lường được ảnh hưởng xấu của bài thử nghiệm tìm bằng chứng tình yêu từ phía người cầu hôn? Làm thế nào bà đã không thấy được rằng không một người đàn ông lý trí minh mẫn nào sẽ cưới quả phụ đã tự thú tội đầu độc chồng? Bà bị mê hoặc bởi sự tuân thủ ước muốn cuối cùng của người quá cố - bà thuộc loại phụ nữ như thế - và bởi lòng tin tuyệt đối rằng Jeff chỉ mong giúp bà sau khi chết. Rằng ông đã thật sự yêu vợ.

Vậy mà tôi bị nhốt ở đây... Tôi rất muốn phục thù bà. Có lúc, thậm chí tôi có nghĩ đến việc viết thư cho bà để vạch trần động cơ thật đã thôi thúc ông chồng để lại cho bà cái kiểu “trắc nghiệm chắc chắn một trăm phần trăm”. Nhưng tôi đã nghĩ lại. Bởi vì, giả sử tôi làm thế và bà chịu tin tôi, thì bà sẽ nghĩ mình có nghĩa vụ tinh thần phải xua đuổi một loạt người cầu hôn nữa bằng cách thử nghiệm họ. Và tôi tin chắc rằng trong điều kiện thuận lợi hơn như thế, thì bà sẽ tái giá rất nhanh.

Dù sao, bà sẽ quá sướng so với tôi. Bởi vì cách nhìn sự việc của tôi là như thế này. Tôi đang bị tù. Vậy sao không để bà cũng bị tù? Trong cái ngục vàng kim mà chìa khóa thì đã bị chồng bà mang sang thế giới bên kia. Vậy tôi sẽ làm sao cho, trái lại với quả phụ thành Ephèse, Ella Gainer sẽ không bao giờ tìm được người yêu.

CÂY TÂN BÌ

Tác giả: M.R. James

Tất cả những ai đã đi qua lại vùng Anh quốc đều biết những ngôi nhà đồng quê năm rải rác nơi này. Đó là những kiến trúc nhỏ có ảnh hưởng kiểu Ý nằm giữa những công viên rộng khoảng một trăm acre. Tôi đã luôn bị thu hút bởi những ngôi nhà như thế. Tôi thích rào song gỗ sồi, cây uy nghi ao với sậy mọc ven bờ và đường rừng xa xa. Tôi thích những hàng hiên có cột, được xây thêm, có lẽ để theo thời trang “Hy Lạp” thế kỷ XVIII, vào những ngôi nhà cổ bằng gạch đỏ thời Hoàng hậu Anne. Tôi ước gì mình có được một ngôi nhà như vậy và có đủ tiền bảo trì nhà và tiếp bạn bè ở nhà một cách khiêm tốn.

Nhưng tôi đang tán rộng ngoài đề khi nói chuyện này. Tôi muốn kể cho quý vị nghe chuỗi sự kiện lạ lùng diễn ra tại một trong những ngôi nhà mà tôi đã cố mô tả cho quý vị. Nhà đó là Castringham Hall ở Suffolk. Tôi nghĩ ngôi nhà này đã bị sửa đổi nhiều từ thời xảy ra câu chuyện của tôi, nhưng vẫn còn những bộ phận chính: hàng hiên kiểu Ý, ngôi nhà vuông trắng bên trong thay đổi ít hơn bên ngoài, công viên viên khu rừng và ao. Cái duy nhất khiến ngôi nhà này khác những nhà khác không còn nữa: xưa kia, bên phải, có một cây tân bì to lớn già nua mọc cao khoảng một chục mét, có cành cây gần như chạm vào nhà. Tôi đoán cây tân bì này đã có từ thời Castringham Hall không còn là pháo đài nữa, nhà được xây theo kiểu thời Elizabeth đệ nhất. Dù thế nào đi nữa, chắc chắn cây tân bì này đã đạt chiều cao tối đa vào năm 1690.

Vào năm đó, tại vùng chỗ ngôi nhà Castringham Hall đã diễn ra vụ xử phù thủy rất lớn. Theo tôi nghĩ, sẽ phải còn lâu lắm mới hiểu được nguyên nhân sâu sa - nếu giả sử có nguyên nhân

- về nỗi khiếp sợ mà phù thủy gây nên thời đó. Những người bị buộc về tội ác này có thật sự nghĩ mình có một quyền phép quý quyết không? Hay những người này có ý muốn, nếu như không có quyền năng, ém bùa? Hay lời thú tội được moi ra do bị những người săn phù thủy tra tấn dã man? Theo tôi, đây là những câu hỏi còn lâu mới được giải đáp. Và câu chuyện mà tôi sắp kể vẫn còn khiến tôi phân vân. Tôi không thể phủ nhận câu chuyện như một vụ tưởng tượng bịa đặt thuần túy. Quý vị độc giả sẽ phải tự mình phán xét.

Castringham cung cấp một nạn nhân cho hình phạt thiêu hủy. Nạn nhân này tên là bà Mothersole và hơi khác với những người phù thủy còn lại trong làng là bà khá giả và có địa vị uy tín trong vùng quê này. Nhiều chủ nông trang cố gắng nhiều để cứu bà bằng cách làm chứng thuận lợi cho bà và lo lắng nhiều về bản án của bồi thẩm đoàn.

Chỉ có một lời chứng nguy hại cho bà: lời chứng của Sir Matthew Fell, chủ nhân Castringham Hall. Ông đã tuyên thệ nói thật rồi tuyên bố rằng “từ cửa sổ nhà, rất nhiều lần, khi trăng đang tròn, ông đã nhìn thấy bà đang nhổ cành cây tần bì non gần nhà”. Bà leo cây, chỉ mặc áo ngủ, và dùng con dao lưỡi cong cắt cành cây, vừa làm vừa nói chuyện với chính bà. Một lần ông đã cố tóm bà, nhưng ông vô tình gây ra tiếng động. Rồi khi xuống đến vườn, ông chỉ thấy mỗi một chú thỏ rừng bỏ chạy nhanh về hướng làng.

Đêm thứ ba, ông đã thử rượt để bắt kịp bà. Ông đã chạy đến nhà bà Mothersole và phải động cửa đến mười lăm phút. Cuối cùng bà ra mở, rõ ràng rất tức giận như vừa mới bị lôi ra khỏi giường. Và ông đã không giải thích được tại sao ông đến nhà bà.

Chủ yếu vì lời chứng này, mặc dù có những lời chứng khác của vài dân làng nhưng không gây ấn tượng bằng, mà bà Mothersole bị xử là có tội và bị tử hình. Một tuần sau vụ xử án,

bà Mothersole bị treo cổ ở St. Edmond Bury cùng với năm sáu người phụ nữ tội nghiệp khác.

Sir Matthew Fell, khi đó là phụ tá cảnh sát trưởng, chứng kiến vụ xử tử. Đó là một buổi sáng lạnh lẽo trời mưa tháng ba. Chiếc xe ngựa kéo leo lên ngọn đồi phủ đầy cỏ ướt, về hướng Northgate, nơi giá treo cổ được dựng. Những nữ tử tội khác, chờ dẫn vì số phận hẩm hiu, không phản ứng gì. Nhưng, dù sống hay chết, bà Mothersole có cá tính khác hẳn. “Cơn tức giận thâm độc” của bà, như một người kể lại, gây ấn tượng mạnh đến người xem - và cả đao phủ - đến nỗi mọi người đồng tình tuyên bố rằng bà thật sự là hiện thân của quỷ. Nhưng bà không hề chống cự những người đại diện pháp luật. Tuy nhiên tất cả những ai nhìn bà đều bị bà nhìn lại một cách quỷ quyết và thâm độc đến nỗi - có một người khẳng định với tôi như thế một thời gian sau - mọi người bị “hình ảnh kinh khủng ấy ám ảnh suốt sáu tháng sau đó”.

Theo báo cáo về vụ tử hình, những lời duy nhất mà bà nói dường như vô nghĩa và như thế này: “Castringham Hall sẽ có khách.” Bà thì thầm những lời này nhiều lần.

Sir Matthew Fell bị ấn tượng mạnh bởi thái độ của người phụ nữ này. Ông nói chuyện với linh mục làng, khi trở về nhà cùng linh mục sau vụ treo cổ. Thật ra, ông không vui vẻ gì khi ra làm chứng. Ông không phải kẻ cuồng loạn trong cuộc truy lùng phù thủy, nhưng khi ấy ông tuyên bố, và ông lặp lại nhiều lần sau đó, rằng không thể nào tưởng tượng khác đi những sự kiện mà ông đã tận mắt nhìn thấy. Ông đã rất ghét toàn bộ vụ án này bởi vì ông là người thích sống hòa đồng và quan hệ tốt với đồng loại. Nhưng đối với ông, đó là một nghĩa vụ cần hoàn thành và ông đã hoàn thành. Thái độ của ông không có nguyên nhân nào khác. Linh mục khen ngợi ông, như bất cứ một người lý trí nào khác.

Vài tuần sau, khi trăng tròn tháng năm sáng trên bầu trời, linh mục và Sir Matthew Fell lại gặp nhau ngoài công viên và cùng nhau trở về nhà. Lady Fell đang ở cùng mẹ bị bệnh nặng và Sir Matthew Fell chỉ có một mình ở nhà. Nên linh mục dễ dàng nhận lời ở lại dùng cơm tối.

Tối hôm đó, Sir Matthew Fell tiếp khách không tốt lắm. Cuộc nói chuyện chủ yếu về các vấn đề gia đình và làng, và rất may là Sir Matthew Fell chuẩn bị bằng văn bản một bản ghi nhớ nêu rõ ý muốn và ý định của ông về tài sản. Về sau văn bản này sẽ rất hữu ích.

Đến chín giờ rưỡi tối, khi ông Crome, linh mục, quyết định đi về, Sir Matthew Fell và ông đi theo lối đi rải sỏi ở, sau nhà. Sự cố duy nhất mà ông Crome ghi nhớ như thế này: khi cây tần bì nằm trong tầm nhìn của hai người, như tôi đã nói trước cây tần bì mọc sát bên cửa sổ nhà, thì Sir Matthew Fell dừng lại nói:

- Cái gì chạy lên chạy xuống dọc theo thân cây tần bì vậy? Chẳng lẽ con sóc? Giờ này, sóc về tổ hết rồi mà.

Linh mục nhìn và thấy một sinh thể động đậy nhưng không biết được màu thật của nó dưới ánh trăng. Hình bóng mà linh mục thoáng thấy trong chốc lát, và ông sẵn sàng thề đúng vậy mặc dù nghe rất điên khùng, nó có hơn bốn chân, cho dù đó là con sóc hay con gì khác.

Nhưng hai người đàn ông không quan tâm đến hình ảnh đó nữa và chia tay nhau.

Ngày hôm sau, đến sáu giờ, bảy giờ, và cả tám giờ, Sir Matthew Fell Clary chưa xuống nhà như thường lệ. Do đó, các gia nhân leo lên lầu gỗ cửa phòng ông. Tôi khỏi phải mô tả gia nhân lo lắng như thế nào khi lắng nghe rồi lại tiếp tục gõ cửa nữa. Không thấy trả lời, đám gia nhân mở cửa và thấy ông chủ chết, mặt đen thui. Điều này, thì quý vị đã đoán được rồi. Người ta không phát hiện dấu vết bạo lực nào trên người ông lúc ấy, nhưng cửa sổ lại mở.

Có người đi tìm linh mục; rồi theo chỉ đạo của linh mục, người này đến chỗ cảnh sát. Ông Crome đích thân đến nhà và được cho vào phòng nơi người chết đang nằm. Linh mục đã để lại vài ghi chép, được tìm thấy trong giấy tờ của ông, cho thấy ông kính trọng Sir Matthew Fell như thế nào và rất đau buồn khi ông này chết. Để làm sáng tỏ một chút cách thức diễn ra sự việc và tín ngưỡng chung thời đó, tôi xin viết lại trích đoạn hồi ký của linh mục:

“Không có dấu vết gì chứng tỏ có người đột nhập vào phòng: nhưng cửa sổ để mở theo thói quen của anh bạn tội nghiệp vào mùa này. Bên cạnh anh, như mọi đêm, có cái ca bạc rót đầy bia, nhưng đêm hôm đó anh ấy không uống hết. Bác sĩ ở Bury, một ông Hodgkins nào đó, có xem xét nước uống này và không thể biết có trộn chất độc nào hay không, như sau này bác sĩ đã tuyên bố với cảnh sát. Bởi vì, xét thi thể bị đen và sưng, nên việc hàng xóm bàn tán về chất độc là điều bình thường... Thi thể nằm lộn xộn trên giường. Các chi co quắp nhiều đến nỗi có lẽ anh bạn, con chiên kính mến của tôi đã qua đời trong cơn đau đớn quằn quại. Và sau đây, thêm một điều không giải thích được và đối với tôi là một bằng chứng rõ rệt về ý đồ đen tối của những kẻ thực hiện vụ ám sát man rợ kia: những người phụ nữ phụ trách việc làm vệ sinh cho xác chết, là thành viên đáng kính của hội khóc mướn, hoang mang đến tìm tôi. Những người phụ nữ này nói rằng - khi nhìn họ là lời họ được xác nhận ngay - khi vừa chạm tay không vào ngực xác chết, thì họ cảm thấy đau nhói tay, rồi lòng bàn tay sưng lên đến tận cánh tay một cách khó tin. Cái đau kéo dài suốt nhiều tuần, điều được xác nhận về sau, và những người này buộc phải bỏ nghề. Nhưng họ không mang dấu vết nào trên da.

Sau khi nghe chuyện này, tôi cho gọi bác sĩ trong nhà và chúng tôi thử chẩn đoán bằng cách xem xét da trên ngực người chết bằng kính hiển vi pha lê; chúng tôi không tìm thấy gì đáng

lưu ý với công cụ mà chúng tôi có ngoài vài cái lỗ nhỏ xíu như vết kim chích và chúng tôi kết luận rằng chất độc đã được đưa vào bằng cách đó.

Đó là những điều nói được về các triệu chứng tìm thấy trên xác chết. Những gì tôi nói thêm chỉ rút ra từ kinh nghiệm riêng và để người sau đánh giá xem những gì tôi viết có đáng tin hay không. Trên bàn kê đầu giường có một quyển Kinh thánh nhỏ, mà anh bạn hay đọc một chương buổi tối trước khi ngủ và buổi sáng trước khi dậy. Tôi cầm quyển Kinh thánh lên và nhớ lại rằng trong những lúc rối tâm, chúng tôi dễ dàng có khuynh hướng chụp bắt bất cứ tia sáng nào sẽ soi sáng cho ta. Tôi quyết định thử hỏi sự ngẫu nhiên. Một trong các ví dụ chủ yếu về sự mê tín dị đoan này được kể lại như do đức vua Charles của ta và Lord Falkland dùng đến. Tôi phải thừa nhận rằng việc thử này không giúp ích gì được tôi. Tuy nhiên nếu trong tương lai về sau, người ta nghiên cứu về nguyên nhân và nguồn gốc của các sự kiện khủng khiếp này, thì có lẽ tôi nên ghi lại kết quả phòng trường hợp một trí thông minh nhạy bén hơn tôi phát hiện được điều gì đó về cái Ác.

Tôi thử ba lần, mở quyển sách Thánh ra và đặt đại ngón tay vào một vài đoạn. Lúc đầu tôi trúng phải câu ngụ ngôn này trong Phúc âm của thánh Luc: ‘Hãy đốn giết nó’, sau đó là những câu này trong quyển của Isaie: ‘Sẽ không bao giờ có người ở’. Và lời cuối cùng rút ra từ quyển của Job: ‘Con của nó cũng sẽ được nuôi bằng máu’.”

Đó là tất cả những gì tôi cần nói về giấy tờ ghi chép của ông Crome để lại. Sir Matthew Fell được liệt và chôn cất. Chủ nhật hôm sau, diếu văn cho Sir Matthew Fell của ông Crome đọc được in lại dưới tựa đề: “Anh quốc lâm nguy trước những trò hiểm độc quỷ quyết của kẻ phản Chúa”. Đó chính là quan điểm của linh mục, và cũng là quan điểm của tất cả những người trong

vùng: người ta tin rằng Sir Matthew Fell đã là nạn nhân của những kẻ âm mưu chống Giáo hoàng.

Con trai ông, Sir Matthew, người thứ hai mang tên này, kế nghiệp ông. Và màn một tấn bi kịch Castringham Hall kết thúc như thế. Phải nói rằng, mặc dù việc này không có gì đáng ngạc nhiên, rằng ngài huân tước mới không ở trong phòng nơi cha đã qua đời. Căn phòng chỉ thỉnh thoảng mới có khách ở. Huân tước mất vào năm 1735 và tôi không thấy gì đánh dấu đặc biệt cuộc đời ông, ngoại trừ gia súc hay chết vô cớ, tỷ lệ chết cứ tăng dần theo thời gian.

Những ai quan tâm đến chi tiết này sẽ thấy một bảng thống kê trong lá thư gửi Tạp Chí Chủ Lôu Đài năm 1772, trong đó có tường thuật lại những sự việc lấy trong hồi ký của huân tước. Ông ngăn chặn sự chết chóc này bằng một cách rất đơn giản: tất cả gia súc được nhốt vào chuồng vào ban đêm. Thật vậy, ông đã để ý rằng gia súc được nhốt không bao giờ bị tấn công vào đêm. Sau biện pháp này, chỉ còn thú rừng và chim chóc là biến mất mà không có nguyên nhân rõ rệt. Nhưng do không có bản tường thuật chính xác về những sự kiện này, tôi không muốn nói nhiều về cái mà các chủ nông trang ở Suffolk gọi là “căn bệnh Castringham”.

Như đã nói, Sir Matthew, người thứ nhì mang tên này, mất năm 1735 và con trai ông, Sir Richard, kế nghiệp ông. Chính vào thời này bằng ghế lớn của dòng họ Fell được xây ở phần bắc nhà thờ làng. Mộ bà Mothersole nằm chính chỗ đó, vị trí được biết rõ nhờ có ghi chú trên bản đồ nhà thờ và nghĩa địa do ông Crome thiết lập.

Cả làng khá kích động lên khi biết rằng bà phù thủy, mà một số người vẫn còn nhớ, sẽ bị khai quật. Và dân làng càng ngạc nhiên và lo lắng thêm khi phát hiện rằng, mặc dù cái hòm còn tốt, nhưng hòm không chứa dấu vết thi hài, xương, hay cát bụi gì. Thật ra, đây là một hiện tượng rất kỳ lạ, vì thời bà bị chôn

người ta không nghĩ đến chuyện thi hài sống lại và có thể nghĩ ra một lý do hợp lý giải thích vụ trộm một xác chết trừ phi người ta muốn dùng trong phòng phẫu tích.

Sự cố này đánh thứ hai trong một thời gian tất cả những chuyện có liên quan đến các vụ xử và những kỳ tích của phù thủy đang bị quên lãng từ bốn chục năm nay. Khi Sir Richard ra lệnh thiêu cháy cái hòm, nhiều người nghĩ rằng ông hành động một cách bạo dạn, nhưng ông vẫn cương quyết làm.

Chắc chắn rằng Sir Richard là người có đầu óc canh tân khá nguy hiểm. Trước khi ông kế nghiệp cha, Castringham Hall là một lâu đài xây bằng gạch đỏ rất đẹp, nhưng Sir Richard đã đi du ngoạn sang Ý và bị lây nhiễm phong cách Ý. Ngoài ra, do có nhiều tiền hơn những người tiền nhiệm, ông quyết định sửa ngôi nhà Anh thành một lâu đài Ý. Thế là thạch cao và đá hoa giả che mất gạch đỏ; vài pho tượng La Mã bằng đá hoa khá tầm thường được bố trí ở cửa nhà và ngoài vườn; một bản sao chép ngôi đền Sybille ở Tivoli được xây ngay bờ ao. Nên Castringham Hall có dáng vẻ hoàn toàn mới mẻ nhưng, tôi buộc phải nói, không dễ chịu bằng. Nhưng có rất nhiều người khen và bắt chước làm theo những năm sau đó.

Vào một buổi sáng (năm đó là năm 1754), Sir Richard thức dậy sau một đêm ngủ không ngon. Bên ngoài gió đã thổi rất mạnh, còn lò sưởi thì liên tục nhả khói. Tuy nhiên trời lạnh đến nỗi buộc phải đốt lửa. Ngoài ra gió làm rung kính cửa sổ đến nỗi không một người nào có thể yên nghỉ được. Rồi còn viễn tưởng nhiều vị khách quý sẽ đến trong ngày. Khách mong được tham dự một cuộc săn hấp dẫn, nhưng do thú rừng cứ tiếp tục biến mất, Sir Richard sợ bị ảnh hưởng uy tín. Nhưng điều quấy rối ông nhiều nhất là đêm không ngủ vừa trải qua. Chắc chắn Sir Richard sẽ không bao giờ ngủ trong phòng này nữa.

Đó chính là đề tài suy gẫm của ông trong khi ăn sáng. Sau đó Otwell, Sir Richard tiến hành xem xét một cách hệ thống tất cả

mọi phòng ốc để xem phòng nào thích hợp với ông nhất. Ông phải mất rất lâu mới tìm ra được một phòng. Một phòng nằm hướng đông; phòng kia thì hướng bắc; phòng thứ ba thì bị đám gia nhân buộc phải đi ngang qua liên tục, còn phòng thứ tư thì Sir Richard không thích gõ giường. Không được, nhất định ông cần một phòng nhìn hướng tây, để không bị mặt trời đánh thức quá sớm và ngoài ra, phòng phải tách biệt khỏi sinh hoạt trong nhà. Bà giúp việc không biết nghĩ ra phòng nào nữa.

- Kìa, Sir Richard ơi, - Bà nói - ông thừa biết rằng cả nhà chỉ có một phòng như thế mà thôi.

- Phòng nào vậy? - Sir Richard hỏi.

- Phòng của Sir Matthew - phòng hướng tây.

- Vậy thì cứ dọn đồ tôi sang đó, tôi sẽ ngủ đó đêm nay - Sir Richard trả lời - Làm thế nào để đến phòng đó? À, dĩ nhiên là đi ngả này.

Rồi Sir Richard vội đi đến phòng đó.

- Ôi! Sir Richard ơi, nhưng không ai ngủ đó đã bốn mươi năm nay. Không khí trong đó chưa được cho thay mới từ khi Sir Matthew mất.

Bà giúp việc vừa nói vừa chạy theo sau Sir Richard.

- Kìa, chị Chiddock, chị cứ mở cửa ra đi chứ. Tôi muốn xem phòng.

Thế là cửa phòng được mở ra và toàn là mùi hôi mốc và hầm hơi thoát ra. Sir Richard bước đến cửa sổ, bực bội mở các cửa lá sách ra. Phần nhà này là phần ít bị sửa đổi nhất: phần nhà được xây khi cây tần bì được trồng và nằm khuất nên không ai bỏ công ra sửa chữa.

- Chị cứ để cửa sổ mở cả ngày, chị Chiddock à, rồi chiều nay chị hãy cho dọn đồ dùng đêm của tôi sang. Chị sắp xếp cho giám mục vùng Kilmore ở phòng cũ của tôi.

- Sir Richard ơi, xin phép anh, - Một giọng nói lạ xen vào - anh có thể cho tôi được nói chuyện với anh một hồi không?

Sir Richard quay lại thấy một người đàn ông mặc đồ đen đứng ở ngưỡng cửa nghiêng mình chào:

- Xin anh thứ lỗi cho việc tôi đột nhập vào nhà như thế. Sir Richard à, có thể anh không nhớ tôi lắm? Tôi tên là William Crome. Ông nội tôi là linh mục thời ông nội của anh.

- Họ Crome từng là và sẽ luôn là một giấy thông hành để vào Castringham Hall - Sir Richard nói - Tôi rất vui lòng được nối lại một tình bạn đã bắt đầu cách đây hai thế hệ. Tôi có thể giúp anh được gì? Bởi vì, xét trang phục anh, tôi đoán anh hơi vội?

- Sự thật đúng là như vậy. Tôi đang đi ngựa từ Norwich đến Bury St. Edmunds nhanh nhất theo khả năng và tôi chỉ ghé qua đây để lại cho anh vài giấy tờ mà chúng tôi vừa mới tìm thấy trong số giấy tờ ông nội để lại. Chúng tôi nghĩ có thể anh sẽ tìm thấy một điều gì đó thú vị về dòng họ anh.

- Anh Crome, anh tử tế quá. Mời anh theo tôi vào phòng khách uống ly rượu và cùng nhau xem số giấy tờ đó. Còn chị, chị Chiddock, như tôi đã nói, chị cứ lo làm thông hơi căn phòng này... Phải, ông nội tôi đã chết trong phòng này... Phải, có thể cây kia làm cho phòng ẩm hơn... Thôi, tôi không muốn nghe chị nói nữa. Xin chị, chị đừng gây thêm rắc rối. Tôi đã chỉ thị xong rồi đó... nào. Anh theo tôi nhé?

Hai người đi vào phòng khách. Cái gói mà ông Crome mang theo chứa nhiều giấy tờ, trong đó có những ghi chép của ông linh mục già khi Sir Matthew Fell qua đời. Và lần đầu tiên, Sir Richard đọc được những “ngẫu nhiên kinh thánh” mà quý vị đã đọc trên đây. Sir Richard rất lấy làm buồn cười về sự mê tín dị đoan này.

- Vậy, - Sir Richard nói - Kinh thánh của ông nội tôi đã cho một lời khuyên khá khôn ngoan: “Hãy đốn giết nó”. Nếu nói về cây tần bì, thì chắc chắn tôi sẽ làm theo lời này. Cây tần bì ấy là một ổ chướng khí và mầm bệnh!

Phòng khách có chứa một số sách của gia đình, không nhiều lắm và để đó chờ bộ sách của Sir Richard gửi về từ Ý và xây thêm một chỗ thích hợp để cất sách.

Sir Richard ngược mắt lên nhìn tủ sách.

- Không hiểu, - Sir Richard nói - quyển Kinh thánh cũ còn đây không? Dường như tôi nhìn thấy.

Sir Richard băng qua phòng, lấy một quyển sách Kinh thánh dày mang dòng chữ này trên trang đầu tiên: “Anne Aldous, mẹ đỡ đầu, tặng con Matthew Fell, ngày 2 tháng chín 1659”.

- Anh Crome, hay ta thử lại xem sao... Nào mở sách ra và thấy gì?: “Sáng mai người sẽ tìm ta nhưng sẽ không thấy ta”. A ha, câu này có thể là một lời tiên tri khá thú vị đối với ông nội anh nhỉ? Còn tôi, tôi đã tham khảo thầy bói đủ rồi! Họ kể toàn chuyện tào lao không hà! Anh Crome à, tôi rất cảm ơn anh đã trao cho tôi cái gói này. E rằng anh đang nóng lòng muốn lên đường. Để tôi rót thêm cho anh một ly nữa.

Sau khi tiếp đón thân mật (Sir Richard rất thích người đàn ông trẻ kia và cung cách của anh), hai người đàn ông chia tay nhau.

Khách đến vào buổi chiều: giám mục vùng Kilmore, lady Mary Hervey, Sir William Kentfield.v.v. Ăn tối lúc năm giờ, rượu vang, chơi bài, ăn nhẹ. Rồi ai nấy về phòng mình.

Sáng hôm sau, Sir Richard cảm thấy không đủ khỏe để lấy súng đi săn cùng mọi người. Ông ở lại nói chuyện cùng giám mục vùng Kilmore. Khác hẳn với các giám mục Ái Nhĩ Lan thời mình, vị giáo sĩ có chức này từng qua trụ sở giám mục và ở lại đó khá lâu. Sáng hôm đó, trong khi hai người đi dạo trên sân hiên và thảo luận về những sửa đổi và cải thiện cho ngôi nhà, giám mục chỉ qua cửa sổ phòng hướng tây rồi nói:

- Sir Richard à, anh sẽ không bao giờ thuyết phục nổi các con chiên Ái Nhĩ Lan của tôi ngủ trong phòng này đâu.

- Tại sao vậy, thưa giám mục? Thật ra đây là phòng của chính con.

- Thì người nông dân Ái Nhĩ Lan tin rằng ngủ gần cây tần bì là xui xẻo. Vậy mà anh có một cây rất to mọc cách cửa sổ có hai mét. Có thể, - Giám mục mỉm cười nói - anh đã bị ảnh hưởng rồi, vì trông anh như nghỉ đêm không tốt như bạn bè mong.

- Đúng là cái này, hay một cái gì đó khác, đã làm tôi không ngủ được cho đến bốn giờ sáng, thưa giám mục. Nhưng ngày mai tôi sẽ cho đốn bỏ cây. Như vậy sẽ không nghe nói đến nó nữa.

- Tôi rất tán thành quyết định của anh. Chắc chắn rằng hít thở một không khí đã bị ô nhiễm qua tán cây rậm rạp như thế là không lành mạnh đâu.

- Tôi nghĩ giám mục nói đúng. Nhưng tối hôm qua, cửa sổ phòng không mở. Có lẽ là do tiếng động không dứt... kính cửa sổ... cành cây cứ đập vào kính... vì vậy mà tôi đã không ngủ được.

- Chuyện thật khó tin, Sir Richard à. Anh hãy nhìn từ đây. Cả những cành cây gần nhất cũng không chạm được kính cửa sổ, trừ phi trời dông bão. Mà đêm hôm qua thì không có bão.

- Giám mục nói đúng. Vậy tôi không hiểu cái gì đã cạ vào kính cửa sổ như thế... và để lại vết bụi trên bờ cửa sổ?

Cuối cùng hai người thống nhất với nhau: có lẽ chuột đã leo lên đó theo cây thường xuân bám trên tường nhà. Đó là ý kiến của giám mục và Sir Richard cũng đồng tình.

Thế là cả ngày trôi qua bình yên. Đến đêm, khách chúc Sir Richard ngủ yên giấc rồi tản đi về phòng mình.

Hiện ta đang ở trong phòng Sir Richard, đèn tắt, Sir Richard nằm trên giường. Căn phòng nằm phía trên nhà bếp, đêm ấm áp, và cửa sổ phòng để mở.

Giường chiếu sáng rất ít, nhưng có sự nhộn nhịp bất thường; dường như Sir Richard đang lắc đầu từ trái sang phải cố gây thật

ít tiếng động. Và ta có thể tưởng tượng, vì bóng tối rất dễ lầm, rằng có rất nhiều cái đầu, tròn và đen đen, lắc lư từ trước ra sau, và gần như rơi trúng ngực Sir Richard. Áo giáp kinh tởm à? Chỉ thế thôi? Đó! Có một cái gì đó rơi xuống giường, như một con mèo nhỏ, nó chui qua cửa sổ như tia chớp; rồi một con khác, rồi bốn con... Sau đó, mọi sự bình yên trở lại.

“Sáng mai người sẽ tìm ta nhưng sẽ không thấy ta”.

Cũng y như Sir Matthew: Sir Richard chết đen trên giường!

Khách và gia nhân tái mặt im lặng tập hợp dưới cửa sổ khi biết tin. Bọn đầu độc người Ý, chướng khí: đó là những lời giải thích được nêu ra thử. Rồi giám mục vùng Kilmore nhìn cây tần bì. Một con mèo rừng đang núp trong những cành cây thấp, quan sát một cái hốc trong thân cây. Nó chăm chú theo dõi một cái gì đó trong hốc.

Con mèo đột nhiên đứng thẳng lên, thò cổ ra phía trên hốc. Rồi cành cây chỗ con mèo gãy sụp xuống. Mọi người giật mình khi nghe tiếng động.

Ai cũng biết rằng con mèo có thể khóc; nhưng hy vọng rằng ít ai trong ta đã nghe thấy một tiếng hét như tiếng đã thốt ra từ thân cây tần bì lớn. Có hai ba tiếng kêu (các nhân chứng không chắc chắn về số lượng) rồi sau đó chỉ nghe tiếng vật lộn. Lady Mary Hervey bị xỉu ngay, một nữ gia nhân bịt tai lại rồi chạy cho đến ngất xỉu ở sân hiên.

Giám mục vùng Kilmore và Sir William Kentfield ở lại, nhưng kinh hoàng vì tiếng khóc của con mèo. Sir William nuốt nước miếng một hai lần trước khi nói được:

- Trong cây này có một cái gì đó mà ta không biết. Tôi nghĩ phải tiến hành lục soát ngay.

Và mọi người đồng ý. Một cái thang được mang đến và một người làm vườn leo lên. Người này nhìn xuống đáy hốc và chỉ thấy được một cái gì đó động đậy. Người ta đi tìm đèn và cho hạ đèn xuống đáy bằng dây.

Người làm vườn lại leo lên một lần nữa, cầm đèn, thả đèn từ từ xuống. Trong khi người làm vườn cúi xuống nhìn, ánh đèn vàng chiếu sáng gương mặt anh và, đúng lúc đó, những người đứng xem nhìn thấy nét mặt kinh hoàng của anh. Người làm vườn hét lên bằng một giọng không giống người và té xuống thang. Cũng may là có hai người đỡ kịp, còn đèn thì rơi vào bên trong cây tần bì.

Người làm vườn gần như bị ngất xỉu và phải một hồi lâu anh mới nói chuyện được.

Khi đó sự chú ý của mọi người lại chuyển sang một cái khác. Đèn đã làm cháy đồng lá khô dưới đáy hốc cây và trong vài phút, một đám khói dày đặc bay lên, và chẳng bao lâu có ngọn lửa bắn ra. Cả cây tần bì bốc cháy.

Những người xem đứng thành vòng tròn cách đám cháy một khoảng. Sir William và giám mục cho người đi lấy mọi vũ khí và công cụ tìm được bởi vì rõ ràng có một sinh thể nào đó đã dùng cây làm hang và nó sẽ buộc phải chạy ra.

Và chuyện xảy ra đúng như thế. Trước tiên, trên cành cây chẻ, mọi người thấy một cục lửa tròn bắn ra, gần bằng đầu người. Nó như teo lại, rồi rơi xuống đất. Rồi năm sáu lần, một khối tròn y như thế bắn lên không khí, rơi trở xuống chỗ nơi một hồi sau lại nằm yên. Giám mục bước lại gần và nhìn thấy... những gì còn lại của một con nhện to tương cháy thành than! Và khi lửa giảm lại, những hình thể ghê tởm như thế chui ra khỏi thân cây. Và người ta thấy chúng phủ lông xám xám.

Cây tần bì cháy cả ngày cho đến hết. Người ta tiếp tục canh chừng và thỉnh thoảng giết những con vật kinh tởm chui ra. Rồi suốt một hồi lâu không có gì xuất hiện. Khi đó mọi người bước lại gần xem xét rễ cây.

- Họ tìm thấy, - Giám mục vùng Kilmore nói - phía dưới cây tần bì một cái hốc có hai ba con vật như thế bị chết ngạt do khói. Và điều kỳ lạ hơn nữa là dưới đáy hang, chạm tường nhà,

có bộ xương người mà lớp da vẫn còn dính vào xương. Trên sọ còn vài sợi tóc đen. Những người xem xét tuyên bố rằng có lẽ đó là xác của một người phụ nữ đã chết cách đó năm chục năm.

